10347734

10347734

C. 75.

Rhodes

4° Catech. 46

10347734

Ex Lib. S. Congregat. Prop. Fid.

CATHECHISMVS

Pro ijs, qui volunt ſuſcipere

BAPTISMVM

In Octo dies diuiſus.

Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, mà dỗ đạo thánh đức Chúa blời

Ope Sacræ Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus

Ab Alexandro de Rhodes è Societate IESV,
eiuſdemque Sacræ Congregationis
Miſsionario Apoſtolico.

ROMÆ, Typis Sacræ Congregationis de Propaganda Fide
Superiorum permiſſu.

Bayerische
Staatsbibliothek
München

Goſſwinus Nickel Societatis IESV
Vicarius Generalis

CVm Cathechiſmum Latinum, & Tunchinenſem à P. Alexandro de Rhodes noſtræ Societatis Sacerdote conſcriptum, aliquot noſtri Theologi recognouerint, & in lucem edi poſſe probauerint, facultatem facimus vt typis mandetur ſi ita videbitur ijs, ad quos ſpectat; cuius rei gratia has litteras manu noſtra ſubſcriptas, ſigilloq; noſtro munitas, damus Romæ 8. Iulij 1651.

Goſſwinus Nickel.

Imprimatur.
F. Vincentius Cepolla Mag. & Socius R. P.
Magiſtri Sacri Palatij Apoſtolici.

CATHECHISMVS in octo dies diuiſus.

Phép giảng tám ngày

Dies Primus.

Ngày thứ nhứt.

SVppliciter petamus ab optimo Cœli Domino vt adiuuet nos, ad hoc vt intelligamus probè legem Domini [b] *intelligendum autem ad hoc eſt neminem eſſe in hoc ſęculo qui diù viuat,* [c] *vix enim pertingitur ad ſeptuageſimum aut octogeſimum ætatis annum* [d] *quęrendus eſt igitur à nobis modus vt poſſimus diù viuere,* [e] *hoc eſt, vitam ſempiternam adipiſci* [f] *hoc enim verè prudentis eſt* [g] *cæteræ omnes huius mundi artes quamuis diuitijs acquirendis ſint aptæ,* [h] *minimè tamen eripere nos poterunt ab ignobilitate & miſeria, quin tandem in eam inci.*

[a] Ta cầu cù đức Chúa blòi giúpſức cho ta biết tó tường đạo Chúa là nhường nào [b] vì đậy ta phải hay ở thế nầy chẳng có ai ſóũ lâu; [c] vì chưng kể đến bảy tám mươi tuổi chẳng cò nhèo. [d] vì đậy ta nên tìm đàng nào cho ta đươc ſòũ lâu, [e] là kièm hàng ſòũ đậy: [f] thật là việ người cuên tử. [g] khác phép thế gian nầy, dù mà làm cho người đươc phú qúi: [h] ſaũ le chẳng làm. đươc cho ta ngày ſau

incidamus i *quare minimè debemus legẽ Dei addiſcere vt in hoc ſęculo ditemur:* k *prouẽtus enim Diuinæ legis proprie pertinet ad futurum ſæculum.* l *homines huius ſæculi benè norunt quæ ſpectant ad preſentem vitam bona & mala:* m *rationem autẽ tranſeundi feliciter per mortem ad futurum ſæculum minimè norunt.* n *Ad hoc autem intelligendum ſcire debemus hominum genus componi è duobus,* o *corpore ſcilicet atque anima.* p *corpus à Patre & Matre habet, conſtans ex oſſibus, ſanguine, & carne, quæ ſunt corruptibilia.* q *anima tamen eſt ſpiritualis, incorruptibilis, & immortalis* r *a patre & matre originem minimè trahens, ſed à ſuperiori principio.* ſ *Anima eſt vt domina,* t *corpus verò tanquaã ſeruus aut famulus,* u *qui animæ inſeruire debet tanquã Domino;* x *turpe namq; eſt famulã dominari,* y *& dominam ancillari,* z *neque*

Ngày thứ nhít

khỏi lam tiểu nhin, khốn
i nạn. i Vì bậy ta chẳng
phải haọc đạo cho ta
đươc phú quí ở thế
k nấy. k vì chưng ích
đạo thánh đức Chúa
l bỏi về đòi ſau. l người
thế sự đòi nấy lành dữ
m thì hay: m mlẽ qua
đòi nấy cho khi chết
đươc bui bé đòi ſau
n thì chẳng hay. n cho
đươc biét đàng ẽy,
thước thi phải hay, lỏài
o người ta có hai sự: o
một là xác, hai là linh
p hồn: p xác bỏi cha mẹ
mà ra, có xương, có
nấu, có thịt hay nát
q hay mòn. q ſaũ le linh
hồn là tính thieng chẳng
hay mòn chẳng hay nát,
r chẳng hay chết; r chẳng
phải bỏi cha mẹ mà ra,
thật bỏi bề tlên mà có.
ſ ſ linh hồn như chúa
t nhà, t xác như tôi tá,
u hay là đẩi tớ, u vó thi
phải phục linh hồn như
x chúa, x vì chưng đẩi tớ
cữ tôi tá làm chúa nhà,
y y hay là chúa nhà làm
z tôi ta, thì lộn lạo z cữ

eſt

eſt conforme rationi.
chẳng phải mlẽ.

[a] *Itaque perpẽdamus cogitandumne priuspro famulo an pro Domino?* [b] *procul dubio negotiandum prius pro Domino,* [c] *poſtea cogitandum de famuli rebus, vt rationi congruus ordo ſit.* [d] *arare terram, mercaturam exercere & ſimilia ſunt negotia quæ perinent ad corpus.* [e] *ſunt arantes terram qui multam granorum copiam in horrea congregant,* [f] *& cùm ab hoc ſæculo migrant nihil ſecum deferre poſſunt è congregatis granis* [g] *ſunt qui frequentantes aulam regis magiſtratus gradum acceperunt,* [h] *at cum anima egredietur à corpore, omnia illis relinquenda ſunt, nihil omninò ſecum deferre poterunt.* [i] *eſt proloquium quando nati ſumus, nec terentium quidem in hunc mundum intulimus,* [k] *cùm moriemur ne obolum quidem deferre poterimus.* [l]

[a] Saõ ta xét ta lo tlước cho đẩy tớ, hay là cho chúa nhà? [b] thật là ta làm tlước cho chúa nhà, [c] sau lo cho đẩy tớ, [d] thì mới phải. [d] cày ruộng, buôn bán, những việc thể ấy là việc về [e] xác. [e] có kẻ đi cày đi cấy, mà được lúa nhều [f] tlaõ kho, [f] đến khi qua đời nẩy một nhám lúa đam đi cũ chẳng [g] được. [g] cò kẻ đi hầu hạ chầu chực đua Chúa, mà được làm quan; [h] [h] đến khi linh hồn ra khỏi xác, những sự ấy thì phải bỏ, đam về chẳng được đi gì sốt. [i] [i] có mlời ràng; khi sinh ra chẳng có đam một [k] đoũ mà lại: [k] khi chết cũ chẳng có cầm một [l] đoũ mà đi. [l] vì chưng người ta ở thế nẩy [m] chẳng ai khỏi sự ấy, [m] thì phải hặọc đạo thánh [n] về đời sau, [n] cho ngày

Cùmq; hoc nullus mortalium vitare poſſit, [m] *ſacrã legem addiſcere debemus pro futuro ſæculo,* [n] *ad hoc vt in illo poſſi-*

poſſimus in æternum viue-
re. ° *Ad hoc autem in-* °
telligendum eſt prouerbium
apud vos commune cùm-
dicitis, P *hanc præſentem* P
vitam eſſe tanquam ho-
ſpitium peregrinantium-,
mortem verò eſſe reditum
ad patriam ſeu habitatio-
nem propriam. q *Scien-* q
dum tamen eſt in futuro
ſæculo duplicem eſſe habi-
tationem, r *vnam opti-* r
mam, alteram peſſimam,
f *ſuperiorem ſcilicet & in-* f
feriorem, t *Paradiſum &* t
infernum. u *nam ſuper* u
cælos eſt paradiſi domus,
x *ad quam qui peruenit ,* x
y *perfectam ſine fine bea-* y
titudinem adipiſcitur, z z
hanc qui deſiderat priùs
inquirere debet, quiſnam
a *ſit cæli, quod nos coope-* a
rit, ſupremus conditor; b b
quis terræ, quæ nos ſuſti-
net, auctor; c *quis rerum* c
omnium, quibus ſuſtenta-
mus, creator. d *interroga* d
vt ſcias & colas, hæc eſt
via meriti. c *Quiſquis in* c
hoc regno vult magiſtratum adipiſci f *frequentare debet* f
aulam Regis, g *vel ſaltem debet ſolita tributa-* g
pœna

ſau chúng tôi đượ̣c ſoũ
° lâu vô cữ ° cho biết ſự
ấy tợ́ tưởnh, thì phải
dợ́ mlợ̀i đất An nam-
P nầy nọ́i lien P ſoữ thì
gượ̉i, chết thì về: (nói
chữ ſinh là kí dã, tữ
q là qui dả) q ſaõ le thì
phải hay đợ̀i ſau có hai
r quê: r một là quê lành,
f hai là quê dữ, f quê
t tlên quê dưới, t thien
u đàng, địa ngục. u vì
chưng tlên blợ̀i thì có
x thien đàng: x ai đến-
y đượ̣c tlên ấy, y thì
chịu hàng hàng đui đế
z đậy z mà ai muốn ſự
ấy tlước hết thì phải
a tìm, ai a ſinh ra blợ̀i
b che ta: b ai ſinh ra đất
c chở̉ ta: c ai ſinh ra
muốn vật mà nuôi ta:
d d hỏi cho biết mà thờ̀
đấy, ấy là đang phúc.
c c ai nầy ở̉ nưở́c An
nam nầy, mà muốn cho
f đượ̣c làm quan, f thì
phải đi háu hạ châu
g chự́c đua Chúa, g hay

perſoluere, ne mulctetur
pœna. [h] *quicunque famu-* [h]
latur rebelli, [i] *vel latro-* [i]
cinijs intentus ſeipſum
tanquam magiſtratum
conſtituit, [k] *incidet in* [k]
pœnam à Rege expoſcen-
dam.
[l] *Quicunque eſt intra re-* [l]
gnum debet inquirere quiſ-
nam ſit Rex, vt illum
veneretur. [m] *Quantò* [m]
magis qui ſunt in hoc mun-
do tenentur inquirere, [n] [n]
quiſnam ſit verus cæli &
terræ rerumque omnium
creator & Dominus, vt il-
lum colant.
[o] *Rerum enim omnium* [o]
Conditorem neceſſario de-
bemus inquirere vt illum
colamus, [p] *ſic enim pote-* [p]
rimus ad beatitudinem
cæleſtem peruenire [q] *quod* [q]
ſi quis inquirere negligat,
vt colat verum Dominum,
[r] *atque interim colat &* [r]
veneretur diabolum, [ſ] *per-* [ſ]
inde ſe habet atque ſi quis
in hoc regno rebellis ali-
cuius ſigna ſequatur. [t] *Qui* [t]
cœli Domini reueretur vt
decet, [u] *perueniet ad cæli regiam cum Domino cœli;* [x] *at qui* [u x]

là chịu việc tiền năm
qúi thứ ê, thì mới khỏi
h vạ. [h] ai làm tôi nguỵ
i giạc; [i] hay là tlom cướp,
k xưng mềnh là quan, [k]
thì có vạ cũ đua Chúa.
l [l] Những kẻ ở tlaõ nước,
thì phải hỏi cho biết, ai
làm đua Chúa, mà kính
m đấy. [m] huấng lọ người
ở thế nấy thì phải tìm
n cho biết được, [n] ai làm
Chúa thật, đã sinh nên
bloòi, đất, muôn vật, mà
thờ đấy.
• [o] Vì chưng ta phải hỏi
cho biết, ai sinh ra mọi
p sự, mà thờ đấy, cho
nên [p] đấy thì ta mới
được lên tlên thien
đàng, đui đế vô cùng.
q [q] Ví báng chẳng hỏi cho
biết thật Chúa là ai mà
r thờ đấy, [r] lại đi thờ
ſ ma khấn quỉ, [ſ] thì cũ
như người ở tlaõ nước
nấy, mà đi làm tôi nguỵ.
t [t] ai thờ đức Chúa bloòi
u cho nên, [u] thi được
lên tlên thien đàng cũ
x đức Chúa bloòi: [x] ai thờ

dæmo-

dæmonẽ colit cum dæmone erit; & vbi eſt dæmon? y proculdubio in inferno eſt dæmon tanquam in propria domo;z & infernus vbi eſt? in centro terræ ſcilicet in carcere quem condidit a cæli Dominus ad puniendum reos. b vulgus vocat, am phu, *ſatis aptè, quia tenebrarum locus eſt, c ne exiſtimet quiſpiam in inferno nundinas eſſe d aut cãpos ad ſeminandũ, vt in hoc ſæculo. e In carceribus huius mundi, in quibus à Regibus plectuntur rei, f quid inuenies niſi catenas, compedes, virgas, & his ſimilia; g qui ibi detinentur, nunquid poſſunt facere quod libuerit? h Quantòminus qui ſunt in carcere inferni detẽti, i ſulphureum enim ibi patiuntur ignem in æternum, k miſerijs ſempiternis addicti, abſque vlla euadendi ſpe. l Ergo debemus applicare animũ ad legẽ, m quia lex eſt via ad veram patriã ducens: n via deſcendẽdi facilis eſt, o ede bibe,*

Ngày thứ nhít
ma quỉ, thì đến ở cũ
ma quỉ: ſaõ le ma quỉ
ở đau? y thật là mà quỉ
ở tlaõ địa ngŏục là nhà
nó. z địa ngŏục ở đau?
thật ở tlaõ đất nầy, là
tù rạc a dức Chúa blời
hŏá ra mà phạt kẻ dữ.
b thế gian gọi là âm phủ
thì phải, vì chưng là nơi
tối tam mù mịt. c chớ
ngờ dưới âm phủ có
buân bán, d có ruộng
nương cày cấy, như
thế gian nầy đâu. e tlaõ
tù rạc nước nầy đua,
Chúa bắt kẻ có tội, f tlaõ
ếy có thấy những đòi
tói, cồm, tlang, roi đánh,
g nao có ai đào cầm
tlaõ ếy muốn làm ſao
thì được làm đậy ru?
h huống lọ là kẻ ở tlaõ
địa ngŏục, i đậy thì
chịu những lửa ſinh lửa
diem, đời đời kiếp kiếp,
k mà kŏn nan vô cũ,
khói chẳng được nữa.
l vì đậy thì ta phải hãọc
đạo, m vì đạo là đàng
về quê thật. n đàng
xuống thì dễ, o ăn, uống,
chơi boi, làm những

lude,

lude, totum corpori te im-
pende. P *via aſcendendi*
difficilis, q *oportet enim*
bonitatem & veritatem
amplecti, r *animæque*
præcipuam curam impen-
dere: f *Quare lex vera*
neceſſariò rationi debet eſ-
ſe conformis: t *ſi rationem*
ducem in noſtris operibus
ſequuti fuerimus meritum
conſequemur: u *ſi verò à*
ratione deflexerimus in
peccatum iucidimus. x *ſcri-*
ptum eſt apud Annamitas
prouerbium: y *firmis funi-*
bus ligantur bubalorum
cornua, z *at firmis ratio-*
nibus hominum corda tra-
buntur. a *quod ſi apud An-*
namitas datur lex rationi
congrua, b *non eſt opus vt*
illam alibi è terris ſcilicet
remotiſſimis maximo la-
bore quærant: c *duæ autem*
cõmuniter apud Annami-
tas cultus ſeu legis partes re-
periuntur, d *prima eſt quæ*
cœlum vt rerum princi-
colit: e *ſecunda idolo pri-*
mas confert, f *agamus nunc*
de cœlo, poſtea ſuo loco de
idolo agemus. g *Eſt cõmune apud Sinenſes proloquiũ:*

P việc xác. P đàng lèn thì
q khó, q phải ở hiền lành
r ngay thật. r lo việc linh
f hồn trước hết. f vì đây
đạo thật là đạo lí, là đạo
t phải mlẽ. t phải mlẽ ta
u làm thì có phúc, u chẳng
phải mlẽ ta làm thì có
x phạm tội. x có chữ tlaõ
ſãch An nam ràng (kien
thàng khả kế ngo-u giác
lí ngư nang phúc nhin
y tâm) y dêy bền khá buọc
z đươc ſùng tlâu, z mlẽ
thật khá phục đươc
a làõ ngươ-i ta. a bíbàng
nước An nam có đạo
b nào phải mlẽ, b đi tìm
về bo-i nước khác xa
c làm chi mà khó làõ. c
tlaõ nước An nam
thường lê thì có hai
d phàn đạo: d một là lêy
blo-i làm cội rễ mọi sự
e mà thờ đấy: e hai là lêy
f bụt làm tlước. f bay
giờ ta xét sự blo-i, khi
khác thì ta sẽ xét sự
bụt.
g g Tlaõ đại minh có mlo-i
rang (thien phú đia tái)

h cælũ operit, terra ſuſtinet: i ergo cælum eſt domus, terra verò ipſius domus pauimentum: k omnis autem domus neceſſariò debet habere factorem, aut dominum l ergo & cæli neceſſariò datur Dominus & conditor. m eſt etiam aliud Sinenſium dictum: n olim factum eſt cælum & creata eſt terra. o & ſunt qui adorant cælum, vouent cælo, p iudiciumq; cælo tribuunt, vitam quoq; & mortem eſſe in poteſtate cæli? q cur igitur in libris Confuſij, ſupremi Sinenſium doctoris habetur r mulierem, quam ŏa dicunt, lapidem capiti ſuo impoſuiſſe, ac cælum reſarciſſe: s ergo multò magis neceſſe eſt vt detur cæli conditor. t certè palatium quodlibet aut domus debet habere architectum qui illam perficiat. u quilibet homo, qui naſcitur de nouo patrem & matrẽ neceſſariò habet, x quantò magis cælum & terra primum debent habere conditorem & dominum. y Quod ſi

h blòi chê đất chổ: i bậy thì blòi là nhà, đất là nền: k hễ là nhà nào thì có kẻ làm nên mà mới nên, cũ có chúa nhà mà chớ; l vì bậy thì có blới, cũ cò thật Chúa blòi, làm nên blòi mà chớ. m lại có đại minh ràng (tử tạo thien lọp địa) n xưa dựng blòi dựng đất. o mà, ſao có kẻ thờ blòi, khấn blòi; p nói blòi phán xét, mà ràng, ſoũ chết ở blòi. q vì ſao tlaố ſạch oũ khoũ, nước ngô gọi là thánh, ràng (nữ ŏa phụ thạch bổ thien) r đần bà gọi là ŏa đội đá bá blòi. s huống lọ thì thật có ai ſinh nên blòi. t đền đài cửa nhà ắt có thợ kheó làm cho nên. u người nào mới đẻ ra, thì thật cò cha mẹ ſinh đẻ mà chớ. x huống lọ blòi đất thì thật có chúa tlước làm cho nên ſau thì mới nên, mới có. y bí bàng

Ngày thứ nhít

ſi non datur ſupremus mundi huius creator, [z] *quis tandem cœlum & terram totamque hanc mundi viſibilis machinam regit ac gubernat,* [a] *vt poſſimus in illa manere & viuere?* [b] *procul dubio datur cœli & terræ omnium-que rerum creator & Dominus.*

[c] *Sunt qui dicunt, niſi cœlum venerati fuerimus,* [d] *cœlum verò nos fulmine ſuo tetigerit, quomodo euademus?* [c] *At falluntur cœlum enim neminem fulmine percutere poteſt,* [f] *ſed ſolus Cœli Dominus,* [g] *dici etiam ſolet, tormentum-bellicum demolitur arcem:* [h] *verè tamen tormentum bellicum ex ſe nihil omninò demoliri poteſt,* [i] *etiãſi quis cubet ad bellici tormentios per totam vitam, nihil omninò patietur,* [k] *niſi fuerit, qui puluerem tormentarium cum globo ferreo in tormentum bellicum immittat,* [l] *ignemque adhibeat.* [m] *Origo cur homines cœlo reuerentiam atque adorationem adhibuerint hinc videtur cœpiſſe,* [n] *quod in litera Si-*

chẳng có ai đầu hết mà [z] hõá ra blòi đất nầy, [z] thì ai giữ gìn blòi đất [a] cũ thế giái nầy [a] chó ta [b] ở được mà lóũ? [b] vì bậy thạt thì có Chúa làm ra blòi đất muân vật mà chớ.

[c] [c] Có kẻ thì nói ràng, bí bàng ta chẳng thờ blòi, [d] [d] mà blòi lẽy sấm sét đánh ta hàu làm sao cho [e] khỏi? [c] ấy là lo quéi, nào blòi có đành được [f] ai đâu? [f] có một đức Chúa blòi đánh được [g] mà chớ. [g] cũ có kẻ nói ràng sứ bán phá thành, [h] [h] sãõ le sứ tự nhien, chẳng có phá được đi [i] gì: [i] dẫu mà ai nằm ở khẩu sứ thì một đòi, cũ chẳng có phải nao: [k] [k] có người tla đạn, tla [l] thuóc bào, [l] mà lẽy lửa bắn thì mới chết mà [m] chớ. [m] người ta lạy blòi, kinh blòi bới đay [n] mà ra quéi quá bậi. [n] vì

nenſi decepti fuerint, character enim qui cœlum ſignificat, ° *reſoluitur in duas literas,* P *primum ſcilicet, & magnum.* q *at quidnam tandem eſt iſtud primum magnum* r *niſi ſupremus cœli rerumq; omnium Creator & Dominus* ſ *& primus & magnus:* t *quem colere ac venerari debemus omnes,* u *ſicut recta ratio dictat,* x *non autem cœlum quod eſt inſenſata domus.*

y *Non deſunt alij qui obijciant;* z *cœlum inquiunt, cooperit nos, terra verò ſuſtentat, cur non igitur adoremus?* a *Quaſi verò ſi quis domum alicuius ingrediatur in qua omnia ad edendum parata reperit,* b *poſtquam ederit & biberit, ac requieuerit,* c *nunquid domui gratias agit, vel potius Domino domus,* d *quamuis eum non videat, qui hæc omnia illi parauit?* e *certè ſi quis domui ipſi gratias agat non domus Domino procul dubio inſipiens eſt.* f *ſic igitur de cælo & terra dicendum eſt,* g *ſi quis enim adorat*

Ngày thứ nhít

chưng tlaõ chữ ngô có ° chữ thien là blòi, ° giải P thì có hai chữ, P một là chữ nhít, hai là q chữ đại nghĩa là một cả. q ſaõ le ai là một r cả, r ắt là đức Chúa blòi ſinh ra blòi đất ſ muân vật, ſ thật là một t cả: t cả và loài nguòi ta u thì phải thò kính đấy, u x ấy là phải mlẽ. x blòi là nhà chẳng biết đi gì, thò thì chẳng phải mlẽ đâu.

y Cũ có ké nói ràng z (thien phú địa tái) z blòi che ta, đết chỗ ta: mà a ſao ta chẳng lay. a vì bàng có (bào nhà ai, mà coi tháy đã dẽon mọi b ſự ăn tlaõ éy, b an üấng c nghĩ ngoi đõạn: c có giã nhà, hay là giã chúa nhà? d dù mà chẳng tháy chúa nhà dẽon mọi vật e éi cho, e ví bàng có ai giã nhà, má chẳng giã Chúa nhà, thạt là dại mà f chó. f ſự blòi đết thì g cũ (bệy, g nếu có ai lạy

f g

cælum

cœlum, rationis non videtur capax, [h] *neque nouit rationem cœlorum.* [i] *sed mitiùs interpretandus videtur hic loquendi modus;* [k] *cùm enim aliqui dicunt: adoramus cœlum,* [l] *compendiosè loqui videntur: sicuti cum quis dicit domus magna præcipit hoc vel illud:* [n] *magna illa domus nihil aliud significat, nisi præpotentem Dominum illius magnæ domus,* [o] *nempe Regem aut Prineipem, qui hoc aut illud præcipit.* [p] *Quod si quis audiens nomen magnæ domus, inuocet ipsammet domum spreto eius Domino atque dicat.* [q] *Ego reuerentiam exhibeo quatuor partibus huius domus, vt magistratus gradum adipiscar,* [r] *poterit ne illum sic adipisci?* [s] *Aliud est domus, aliud verò illius Dominus.* [t] *Sic aliud est cœlum, aliud verò cœli Dominus:* [u] *sicuti enim domus est quid inanime sine intellectu,* [x] *sic & cœlum est quid materiale & merè corporeum ratione atque intelligentia carens.* [y] *Ergo nullo modo conuenit*

blời thì chẳng biết mlẽ,
[h] cũ chẳng thoũ thiên-
[i] van: [i] laõ le thì phải
giảng cách mlời nói
[k] nầy cho phải mlẽ: [k] khi
có kẻ nói ràng, lạy blời,
[l] thì nói tắt bêy: [m] như
[m] thể khi nói ràng, nhà cả
[n] khién sự nọ sự kia: [n] nhà
cả là chúa nhà cả éy, có
[o] phép khién mà chớ: [o]
như thể bua Chúa, quan
cuyèn, khién sự nọ sự
[p] kia. [p] nếu có ai nghe
tháy tên nhà cả kêu nhà
ếy, mà chảng din chúa
[q] nhà, nói ràng: [q] tôi lạy
bốn phương nhà nầy,
cho tôi được làm quan,
[r] [r] được làm bẹy chức
[s] éy rứ? [s] Nhà thì khác,
[t] chúa nhà thì khác: [t] blời
thì khác, Chúa blời thì
[u] khác. [u] như thể nhà là
[x] vật chảng biết đều gì, [x]
blời cũ bẹy những xác
khoũ, chảng biết đi gì,
chảng thoũ mlẽ gì sốt.
[y] [y] Vì bẹy chảng nên thờ
blời, chảng khá lạy blời,

conuenit cœlo reuerentiam aut adorationem exhibere, ſed Domino cœli.
P *z Quare in communi loquendi modo cum vulgus dicit: Adoro cœlum: deeſt illi loquendi modo vna littera quæ Dominum ſignificat, addenda igitur eſt,*
a *& deinceps dicendum: Adoro ſupremum cœli Dominum.*
b *Quod ſi cœlum adorare non conuenit quantò minus licebit adorare terram,*
c *quam pedibus calcamus, omnia immunda in illius faciem conijcimus,* d *imò & illam aratro proſcindimus, puteoſque & foueas in illa ad libitum aperimus, abſque eo quod vnquam illa conqueratur,* e *quia ſciticet eſt inſenſibile quid, & inanimatum.*
f *Ergo terram minimè adorare debemus,* g *ſed ſolum verum cœli & terræ conditorem & Dominum.* h *Superesſet dicendum an idola cultum & adorationem mereantur nec ne?* i *at cum idola ſint cœlo longè poſteriora,* k *tempe Thicca idolo-*

Ngày thứ nhứt

lạy đức Chúa blời, thờ đức Chúa blời thì mới
P phải. z nhin vì sự ếy khi
thế gian nói ràng, lạy
blời, thì thiếu một chữ
Chúa, vì bêy thì phải
a thêm đơm chữ ếy: a mà
từ nầy về sau nói làm
bêy. tôi lạy đức Chúa
blời, là Chúa cả tlên
hết mọi sự.
b b Người ta chẳng nên
lạy blời, huống lọ là lạy
c đết thì chẳng khá: c vì
chưng đết ở dưới chên
ta, mọi sự đơ dáy ta
d bó tlên mặt đết: d lại ta
lếy cày sát mở đết mạc
ta, lếy mai đào đết làm
giếng làm lỗ mạc ta, mà
đết chẳng có kêu làm
e sao: e vì chưng đết chẳng
f sou chẳng biết đều gì. f
Vì bệy ta chẳng nên
g lạy đết. g ta nên lấy một
Chúa blời đết là Chúa
thật hỏá ra blời đết mà
h chớ. h hãy còn mlời nói,
ta nên lạy bụt chăng?
i i sao le blời thì tlước,
k bụt thì sau, k vì chưng

lorum

lorum Sinenſium caput ,
[l] poſt tria circiter annorum l
millia ab orbe condito : [m] m
priùs agendum de rerum
omnium primo conditore
ac fonte Deo : [n] *tum de ipſa* n
totius mundi creatione [o] o
ac temporum ſucceſſu ad
tempora vſque Thicca : [p] p
poſtea videndum an illum
debeamus colere necne [q] *ſi* q
enim fuerit rationi conſo-
num faciendum erit , ſin
minus , minimè . [r] *hic ſo-* r
lum notandum tres gradus
ſuperiorum ſeu Patrum
venerationem à nobis &
reuerentiam exigere iuxtà
ſuum gradum : [ſ] *infimum* ſ
gradum obtinent Pater &
Mater carnis noſtræ : [t] *me-* t
dium vero Rex guberna-
cula regni temens : [u] *ſupre-* u
mum denique Dominus cæ-
li & terræ vt rerum om-
niũ ſupremus ac verus Do-
minus . [x] *ab his tribus gra-* x
dibus ſuo modo vita noſtra
dependet . [y] *à patre nam-* y
que & matre caro noſtra
originem trahit per genera-
tionem, à qua ſolum corpus
noſtrum habet eſſe , [z] *non* z

Thíc ca làm cội rễ bụt
l Ngô, [l] mà ſinh ra đã có
blời tlước ba nghìn
m nam do . [m] vì bệy ta
giảng tlước ſự đức
Chúa blời, là cội rễ đầu
n mọi ſự: [n] ſau thì ta giảng
ſự blời đết muôn vật
o bởi đâu mà có , [o] cũ ſự
người ta ở thế này cho
p đến Thíc ca ſinh ra ; [p]
đoạn thì phải xét, nên
q thờ Thíc ca chang? [q] có
phải mlẽ thì phải làm,
r chẳng phải thì chớ. [r] bay
giờ ta phải hay có ba
đứng bề tlên, gọi là ba
cha , ta phải thờ , ở
đứng nào , cho nên
ſ đứng ấy. [ſ] đứng dưới
là cha mẹ ſinh thân xác
t cho ta: [t] đứng giữa là
u đua Chúa trị nước: [u]
đứng tlên là đức Chúa
blời đết, làm Chúa thật
x tlên hết mọi ſự : [x] có ba
đứng nầy ta mới được
y ſóũ, được ở . [y] vì chưng
ta có cha mẹ thì mới
được thân xác thịt nầy
z ſinh ra mà chớ : [z] ſaŏ le
linh hồn ta chẳng phải
bởi cha mẹ mà ra đâu.

autem

autem anima noſtra . [a a]
matri debemus quod per nouem aut decem menſes nos in vtero geſtauerit, [b] *& ſummo labore pepererit, tribus verò annis lacte nutriuerit, aliaque edulia in os infuderit,* [c] *interdum etiam è proprio ore cibum abſtraxerit mater vt filio daret,* [d] *amarum quandoque ſumens edulium, vt ſuaue relinqueret filio,* [e] *fortè etiam aliquando in loco cubans humido vt ſiccum relinquat infanti :* [f] *Pater verò poſtquam genuit filium, cogitat qua ratione illum educet,* [g] *atque ideò interdum diù noctuque vigilat,* [h] *hoc aut illud officium exercet, hùc illùcque diſcurrit,* [i] *ſcilicet vt neceſſaria filijs alimenta conquirat .* [k] *certe veneration nem parentibus debent filij vt rationi valde conſonam*
[l] *Quod ſi quis reuerentiam parentibus vel obedientiã denegauerit* [m] *procul dubio magni criminis reus erit.*
[n] *Rex etiam totius regni, ſubditorũque vocatur Pater,* [o] *ſine quo regnum pa-*

Ngày thứ nhít

[a a] ta chịu ơn mẹ vì có chịu thai, mà ta ở tlaõ làõ mẹ chín thàng mười [b] ngày, [b] chịu khôn khó mà để ta, đẳ̆n ba nam [c] bú mờm: [c] có khi thì mẹ cắt của miệng mình [d] mà cho con ăn: [d] cũ có khi mẹ ăn miếng đáng, mà miếng ngon để dành [e] cho con ăn: [e] lại có khi mẹ nàm chốn ướt, mà chốn ráo để cho con [f] nàm. [f] Cha để con đẳ̆n thì lo việc nuoi nếng, [g] [g] vì bẹy có khi thì cha [h] thức sớm chẳng ngũ, [h] mà làm nghề nọ nghề kia, chạy xuôi chạy [i] ngược, [i] kiếm của mà [k] nuoi con. [k] thật con thaổ kính cha mẹ thì thậm phải, [l] ví bàng có ai chẳng thaõ kính, chẳng khứng thưng phép cha [m] mẹ, [m] thạt thí có tội traõ.
[n n] Bua Chúa cũ gọi là cha cả và nước, cũ căc dên: [o o] chẳng có bua Chúa, thì nước ố an lành

cificè

cificè permanere non poteſt; [p] *ideò enim Rex regnum obtinet, vt ſubditos faciat tranquilla pace frui,* [q] *quod facit, tum cuſtodiẽdo regnum,* [r] *ne inimici ab extra irrumpentes pacem perturbent vaſtando regnum:* [ſ] *tum etiam curando intra regnum* [t] *vt ſubditi præcipui pacem inter ſe cuſtodiant,* [u] *inferiores verò amicitiam inuicem & communicationem ſectentur.* [x] *Si non eſſet qui regnum moderaretur vel vno die,* [y] *multa procul dubio orirentur incommoda, quæ ſtatim ſubditorum pacem perturbarent:* [z] *maiores in regno Regem iuuant in adminiſtratione regni:* [a] *inferiores ſubditi tributa ſoluunt ad eumdem finem.* [b] *Quare omnes in regno Regem venerari tenentur:* [c] *quod ſi quis intra regnum rebelli alicui adhæreret procul dubio magna pœna dignus eſſet.* [d] *Supereſt ſupremus rerum omnium Pater ac Dominus,* [e] *cœli videlicet ac terræ, totiuſque vni-*

[p] chẳng được: [p] vì chưng ḍua Chúa trị nước cho dên ò được an lành.
[q] [q] vì ḍệy ḍua Chúa thì [r] giữ nước, [r] và cho kẻo giạc bề ngŏài phá nước [ſ] làm khốn dên [ſ] ſau thì [t] ſửa tlaŏ nứoc, [t] làm cho đại thần hŏà thŏận [u] cữ nhau [u] và tiểu dên yeu đang thoữ việc cữ [x] nhau nữa. [x] Ví bàng chẳng có ḍua Chúa ſửa [y] nước một ngày, [y] thạt là có ra nhữ̃ng ſự laó daó, hỗn hào tlaŏ dên [z] mà chó. [z] đại thậ̃n tlaŏ nước côên tử thì giúp ḍua Chúa trị nhạm ſửa [a] nước. [a] tiểu nhin thì ra tiền năm tiền qúi giúp [b] việc ḍua Chúa nữa. [b] Vì ḍệy hễ là kẻ ở tlaŏ nước thì phải kính dái [c] ḍua Chúa. [c] ví bàng có ai tlaŏ nước mà theo ngụy thì chiụ phạt đã [d] đáng. [d] hãy còn cha cả là Chúa cả tlên hết moi [e] ſự: [c] đã hŏá nên và giữ gìn blò-i đ'êt muân vật

uersi creator: [f] *quis on-*
quam rationis compos du-
bitauerit ſupremum illi à
nobis deberi cultum? [g] *Cùm*
enim ab initio nondum
eſſet cœlum & terra aut
quidquam aliud creatum,
[h] *ipſeque ſibi ſolus ſufficeret*
[i] *celum tamen & terram ex*
nihilo creauerit, [k] *& uni-*
uerſa quæ cœli ambitu con-
tinentur, produxerit; [l] *in*
cælo ſolem, lunam, & ſtel-
las fecit vt lumen videre
poſſimus, [m] *nam ſine luce*
qua ratione viuere potera-
mus? [n] *In inferioribus ve-*
rò produxit animantia,
flores fructus arbores atque
herbas ad paſcendum nos:
[o] *produxit etiam ligna,*
aquam ignem, aërem, uni-
uerſaque elementa in uſum
ſcilicet noſtrum: [p] *quod ſi*
verbi cauſa deeſſet nobis
pluuia vel ſol qua ratione
viuere poſſemus? [q] *Cœlum*
igitur & terra atque om-
nia quæ ſunt in mundo, ab
uno Deo Optimo Maximo
habent originem. [r] *pro om-*
nibus igitur ſupremo Patri
ac bonorum omnium largi-

Ngày thứ nhít

[f] cũ hết mọi ſự. [f] naò có
ai hồ nghi mà chẳng chịu
thờ phượng đấy tlên
hết mọi ſự, mà chẳng
[g] dại ru? [g] khốó xưa khi
chưa có blời, chưa có
[h] đất, chưa có đi gì. [h] mà
đã có một đức Chúa
blời thinh nhàn (bụi (bé
(bệy chẳng có thiếu gì
[i] ſột. [i] mới ſinh ra blời ſinh
[k] ra đất, [k] lại hóá ra mọi
[l] ſự ở tlaõ blời nầy nữa. [l]
tlên blời thì hóá ra mặt
blời mặt blang, cũ ngoi
[m] ſao cho ta đượ́c ſáng. [m] ví
bàng chẳng có ſáng, ta
[u] ở làm ſao đượ́c? [n] duới
hạ giái nầy thì ſinh ra
muâng chim cầm thú, hóa
quả, cây cối, rau có cho
[o] ta đượ́c ăn. [o] cũ có làm
nên gỗ, nước, lửả gió
cũ các kì ſự cho ta dũ
[p] [p] ví bàng thien hạ chẳng
có mưa chẳng có náng ta
[q] ſoũ làm chi đượ́c? [q] thạt
blời đất cũ moi ſự ở tlaõ
thé giái nầy bởi một đức
Chùa blời roũ rãi vô cũ
[r] mà có. [r] vì (bệy ta cám
ơn đức Chúa blời là
cha cả chúng tôi, và thờ

tori

tori Deo gratias agere ac ſupremũ debemus exhibere cultum. [f] *quamuis aliqui literarum ac librorum non ita periti dicant,* [t] *nihil in libris ſinenſium inueniri niſi cultum cæli, omninò falluntur:* [u] *nam expreſſè in multis locis tum confuſiusm aliorum præcipitur cultu Regis ſuperni,* [x] *qui procul dubio poteſt intelligi rerum omnium ſopremns Rex ac Dominus ſupremus ues Reges ac Dominos:* [y] *& quamvis in Sinenſium libris nihil de ſupremo cæli conditore haberetur, nihil intereſſet:* [z] *ſignatum enim eſt in cordibus noſtris lumen hoc, vt intelligere debeamus* [a] *dari verè hunc ſupremum Patrem rerum omnium conditorem, vt illæ poſſint eſſe.* [b] *Atque ideò in principio anni Tunchinẽſis Rex egreditur maxima pompa,* [c] *comitantibus totius regni proceribus, & multa militum frequentia, vt Regi ſuperno litet in campo vaſtiſſimo:* [d] *poſtquam verò Rex Tunchi-*

Ngày thứ nhít 21

phương đẩy tlên hét, mọi ſự thì thậm phải.

[f] Dù mà có kẻ chẳng hay chữ đại minh mấy, [t] mà nóy ràng, [t] tlaõ sắch đại minh hay một khien thờ blờ-i, thì chẳng thoũ kinh sắch [u] vì chưng tlaõ kinh ſách oũ khóũ, và tlaõ ſách khác khien thờ [x] thượng đé, [x] ắt thạt thượng đế là một đực Chúa blờ-i, làm ꝺua Chúa cả tlên hết mọi, ſự, cũ tlên hết mọi ꝺua Chúa. [y] lại ví bàng tlaõ sắch ngo chẳng có nói đến ſự đúc Chúa blờ-i là cha cả ſinh ra mọi ſự, cũ chẳng có phải nao. [z] vì chưng đã có mlẽ ſáng tlaõ làõ chúng tôi [a] thì phải ſuy mlẽ này, [a] thạt có cha cả là Chúa cả hóá ra mọi ſự, thì [b] mới nên mọi ſự. [b] Nhin vì ſự éy thì đầu nam ꝺua Chúa An nam làm phép cả, [c] có đại thần cả và nước và cõên cõắc đêù cũ thien hạ đi cũ, ra giao ma tế thượng đế đến khi ꝺua Chúa đã

nenſis

nensis ſupremum cæli Dominum ſeu Regem ſupernum adorauit, [e] *tum primores & optimates regni*, [f] *totuſque populus ipſi Regi publicè reuerentiam exhibent*; [g] *tum poſtea vnuſquiſque domum reuerſus Patrem & Matrem maioreſque veneratur*; [h] *in quo apparet qua ratione natura ſcilicet ipſa duce tres diuerſorum Patrum gradus Tunchinenſes venerentur quamuis non ita clarè norint*, [i] *ſupremum ſcilicet Patrem verè ſupernum Regem* [k] *cui Rex ipſe in preſentia totius populi ac procerum Sacrificium offert*, [l] *loco ſcilicet omnium ſubditorum, qui comitantes Regem ſuum in illo Sacrificio*, [m] *ſimul etiã cum illo ſupremum Regem rerum omnium & conditorem, quem ignorant, taciti venerãtur, qui eſt ſupremus omnium pater*, [n] *quo peracto Sacrificio duces omnes & optimates cum vniuerſo populo ſuum regẽ venerãtur per ſolitã totius corporis proſtrationem*, [o] *illum procul dubio*

Ngây thứ nhít

[e] té thượng đế đỏạn, [e] thì đại thần cử kế cả

[f] tlaõ nước, [f] cử cả! và thien hạ thì mới lạy đua Chúa tlước mạt dên.

[g] [g] thoi đỏạn ai nấi thì vè nhà mà lạy cha mẹ cử kế bề tlên mình oử bà

[h] oử vải. [h] tlaõ việc nấy ta xét đước người An nam lấy mlễ mình mà thờ ba đứng cha, dù mà chưa biét tỏ tưàng.

[i] [i] thứ nhít là thượng phụ, thạt là thượng đế.

[k] [k] mà đua Chúa An nam tế thượng đế tlước mạt thien hạ cử đại thần.

[l] [l] thay vì các dên ở châu đua Chúa khi làm việc

[m] [m] mà các dên ở đấy, dù mà chảng biét, mà đứng lạng, cử thờ thượng đế, là cha cả tlên hết mọi sự, theo đua

[n] Chúa đấy. [n] làm việc té thượng đế đỏạn thì kể cả tlaõ nước đài thần cử các dên thì kính đua Chúa mà lạy xuống như

[o] thói An nam. [o] éy là thạt

vt

vt ſecundum totius regni patrem colunt. P *Denique cum vnuſquiſque domum reuerſus Patrem & Matrem maioreſque veneratur,* q *tertium gradum atque infimum paternitatis natura ipſa rationeque duce profitetur.*

r *Iuxtà tres hos Patrum natura duce cognitorii gradus ſunt etiam tria præmiorum ac ſupliciorum genera:* ſ *ſi enim quis genuerit probum præceptiſque Patris obedientem filium: præmio illum Pater* t *afficit, bona ſua illi largiendo:* u *ſi verò filium genuerit duræ ceruicis patriſque dictis minimè obſequentem,* x *illum punit & flagellat,* y *tandemque inoorrigibilem domo pellit, bonisque paternis priuat;* z *ſed ſicuti non poteſt obſequenti filio dignitates publicas magiſtratumue conferre pater aut mater:* a a *ſic neque inobedientem poteſt plectere capite,* b *quod ſi faceret criminis eſſet reus.* c *At verò Rex ſubditos ſuos obſequentes non ſolùm*

kính lạy trũ phụ cả và
P nước, là đua Chúa P ſau
hết khi ai nẽy về nhà mà
lạy cha mẹ oũ bà oũ vải;
q q bởi vì có mlẽ ở tlaõ làõ
mình đẽại kính phụ thứ
ba, là chức dươi đệy.
r rNhư có ba đứng cha, tù
nhien hay biết cũ có ba
ſ đứng thưởng phạt, ſ vì
chưng cha nào ſinh đẻ
con lành có đưng mlơi
t cha, t thì cha thưởng cho
u của cải mình: u ví bàng
cha ſinh đẻ con kứng cỡ
x chẳng nghe mlời cha, x thì
cha phạt, lẽy roi mà đánh
y y ví bàng con chẳng chừa
lâu thì cha cũ xưa đi, má
z chẳng cho của mẽnh. z
ſaõ le dù mà cha mẹ naò
có con hiền lành đưng
phép, cho con mình làm
quan thì chẳng đươc.
a a mà cha mẹ nào có con
dú mà chẳng nghe mlời
thì cũ đánh chẽt chẳng
b đươc: b có đánh chẽt
c thì có vạ. c ſaõ le đua
Chúa có dẽn đưng phép
chẳng nhưng là thưởng

præmijs

præmijs poteſt afficere pecuniis illis largiendo, atq; alia bona, quæ poſſunt conferre parentes, [d] *vt domos aut agros, & multo plura:* [e] *ſed etiam poteſt conferre aignitatcs & magiſtratus iuxta cuiuſque meritum:* [f] *ſic etiam rebelles legibuſque regni aduerſos* [g] *punire poteſt* [h] *non ſolum priuatione bonorum ſed etiam pœna capitis.*

[i] *ſupremus verò Pater, ac verum omnium factor & Dominus eſt ſupremus iudex,* [k] *nam legi Dei obſequentes non ſolum poteſt temporalibus præmijs præſentis vitæ afficere,* [l] *ſed etiam æternis in futuro ſæculo:* [m] *ſic è contra qui cultum Deo debitum negant,* [n] *illum diabolo exhibentes aut alijs creaturis,* [o] *poteſt Deus plectere in hac vita, ſum bonorum amiſſione temporalium,* [p] *aut etiam iactura ſanitatis, & ipſa etiam corporali vita priuare;* [q] *ſed præterea ſupplicijs æternis in infernum detrudere puniendos.*

Ngày thứ nhít

mà cho tiền bạc của cải
[d] như cha mẹ, [d] và kửa nhà
ruộng nương hơn cha
[e] mẹ nữa. [e] mà lại cho làm
quan cuyèn bàng coú
[f] dên thì cũ đươc. [f] ví bàng
ai làm nguỵ chàng đưng
[g] lè lỗẹt tlaõ nước [g] đua
[h] Chúa thì phạt đươc [h]
chẳng lọ là cất của, mà
lại chém giét.
[i] [i] ắt thạt thượng phụ
là cha cả, chúa cả tlên
hết mọi sự, có thưởng
[k] có phạt trạõ: [k] vì chưng
ai giữ đạo Chúa cả, thì
Chúa thưởng đươc no
[l] mọi sự đòi nầy, [l] mà
lại đòi sau thưởng hàng
[m] đui đẻ đệy. [m] ví bàng
có ai chẳng khứng thờ
[n] Chúa Cha, [n] mà lại thờ
[o] ma quỉ cũ các vật: [o] đức
Chúa blòi thì phạt đươc
và cất hết của thế nầy,
[p] [p] cũ làm đau náng cho
[q] đến chết thì cũ đươc: [q]
mà lại phạt đươc vò cũ
bỏ xuống tlaõ đia ngoục
chiụ khổn nạn đòi đòi.

[r] *Quod*

[r] *Quod ſi prius ignoraſtis* [r]
verũ cœli & terræ factorẽ
& Dominum, nec illum
hactenus vt decet colui-
ſtis, [f] *ecce iam vobis no-* [f]
ua lux exoritur, cùm lex
Domini publicatur: [t] *qui* [t]
vobis illam annuntiant
ſunt veluti præcones à Deo
ipſo miſſi [u] *vt pœnas æter-* [u]
nas euadatis, [x] *præmia-* [x]
que ſempiterna conſequa-
mini. [y] *Neque verò dica-* [y]
tis hanc eſſe Luſitanorum
legem; [z] *lex enim Sancta* [z]
Dei eſt lux, ipſo ſole
maior & antiquior: [a] *ſi-* [a]
cuti verò ſol regnum ali-
quod illuminans facit in
illo regno diem, [b] *quam-* [b]
uis alia regna quibus non-
dum ſol ortus eſt adhuc
noctis caligine premantur,
[c] *tamen ſol non propterea* [c]
dicitur eſſe illius regni cui
prius ortus eſt, [d] *quia ſol* [d]
eſt vniuerſalis totius mun-
di [e] *& regno etiam quem* [e]
illuminat longè anterior: [f] [f]
ſic etiam ſancta lex Dei,
[g] *quamuis aliquibus regnis* [g]

[r] [r] Ai nẽy xưa nay mà
chưa biết thạt Chúa
blòi đẽt, cũ chưa có thò
[f] cho nên; [f] nay có mới
sáng ra, khi có rao lệnh
[t] đức Chúa blòi: [t] ai giảng
đạo cho thì như sai vien
rao lệnh đức Chúa blòi
[u] sai cho, [u] mà làm cho đư-
ợc khỏi phạt khốn nạn
[x] vô cũ, [x] lại cho đượ chiu
thướng chui thế vô cũ
[y] thệy. [y] chớ có nói, đạo
[z] nẫy là đạo pha lang: [z]
vì chưng đạo thành đức
Chúa blòi là sáng, và
thước, vá mlớn hơn
[a] mặt blòi: [a] nói thí dụ,
mạt blòi soi đẽn nước
nào, thì làm ngày sáng
[b] nước éy; [b] dù mà nước
khác chưa thấy mặt blòi
maọc lên, hãy cón chiụ
[c] tối đêm, [c] sao le chảng
có ai gọi mặt blòi là mặt
blòi nước éy, dù mà đã
chiụ sáng mặt blòi soi
[d] nó thước. [d] Vì chưng mặt
blòi là chung cả và thế
[e] giái, [e] mà đã có thước
hơn nước éy soi cho:
[f] [f] đạo thánh đức Chúa
blói thì cũ thệy: [g] dù mà có nước nào đã chiụ [g]

prius

priùs innotuerit, [h] *non tamen debet dici lex illorum regnorum,* [i] *ſed lex ſancta Dei ſupremi Domini rerum omnium,* [k] *quæ longè nobilior & prior eſt omnibus mundi regnis.* [l] *Cùm autem iam huic regno Tunchinenſi hæc Diuina lux exoria ſit,* [m] *ne claudatis animarum veſtrarum & cordium ſpirituales oculos,* [n] *ſed rationi conſonam legem toto corde amplectimini,* [o] *& ſuperioris vitæ cæcitatem deteſtantes & errorum tenebras quibus immerſi hactenus fuiſtis.* [p] *à ſupremo rerũ Conditore ac Domino, lucem hanc vobis nouam, quamuis in ſe antiquiſſimam, cum gratiarum actione recipite,* [q] *& vt Dominus Deus vos vlterius illuminet, illum ſupplices veneremini, & rogate.*

[h] đạo tlước, [h] cũ chẳng nên gọi là đạo nước no nước kia [i] thạt tên là đạo thánh đức Chúa blơi, là chúa tlên hết [k] mọi sự, [k] thạt là đạo thánh, và tlước, và trạo hơn no mọi nước thien [l] hạ. [l] ấy là đạo thánh đức Chúa blời đã sang soi đến nước An nam [m] nầy, [m] chớ có ai đáo con mật thieng lieng ở tlaõ linh hồn, và tlaõ làõ [n] ta: [n] mà lại chiu lấy đạo chính phải mẽ, hết làõ [o] hết sức: [o] lại ghét mà bỏ đi những tối tăm mù mịt tội lỗi đã pham xua [p] nay, [p] mà cám ơn đức Chúa cả cho bây giờ đạo sáng, dù mà đã có tlước khi chưa có blời, và chiu [q] lấy hết làõ [q] mà lại cho đươc sáng làõ nữa, thì phải lại đức Chúa blời, mà cầu đấy cho nên.

a DEo laus, heri iam explicuimus non eſſe adorandum cælum, quia cælum eſt domus inſenſibilis, b non eſſe adorandam terram quia eſt ſcabellum inanimatum: c rationi verò conſonum eſſe, vt adoremus cæli & terræ Creatorem & Dominum, d venerari etiam debemus patrem & matrem à quibus ſcilicet geniti ſumus; • Regi etiam ac magiſtratibus regnum gubernantibus honorem & reuerentiã procul dubio debent ſubditi: f at Patrem & matrem, atque etiam Regem quia corporeis oculis cernimus, benè nouimus. g At verum cæli & terræ cõditorem quamuis corporeis oculis cernere non poſſumus, h noſſe tamen debemus, vt illi debitum exhibeamus cultum: i explicandum itaque nunc eſt quiſnam ſit verus hic cæli & terræ Dominus, k in quo etiam loco maneat, l atque vnde habeat originem: m incipiendo igitur ab hoc vltimo,

a Lạy ơn đức Chúa blờ-i, hôm qua đã giảng, chẳng nên lạy blờ-i, vi blờ-i là nha khoa chẳng biết đi gì. b chẳng khà lạy đết, vì đết là nên, chẳng có hồn nao. c ſaõ le thờ phuọng đức Chúa blờ-i đết là Chúa cả ſinh ra blờ-i đết, thì tham phải. d thảo kính cha mẹ thi cũ phải, vì đã ſinh đẽ ta. e kính đua Chúa quan cuyèn trị nước thì phải: f mà cha mẹ cũ đua Chúa con mắt xem thấy thì đã biết g Saõ thạt Chúa làm nên blờ-i đết, dù con mắt thit xem chẳng h đượ-c, i ſaõ le cũ phải biết, mà thờ cho nên. i bây giờ phải giảng thạt k đức Chúa blờ-i là ai, l đức Chúa blờ-i ở đâu, l blờ-i đâu mà có đức m Chúa blờ-i. m ſự ſau nầy cho ta giảng thu-ớ-c, ta

dicimus [n] *verum cæli Dominum à nullo alio factũ eſſe,* [o] *quia ipſe eſt rerum omnium creatarum prima cauſa efficiens :* [p] *quod ſi aliam cauſam efficientem haberet, iam non eſſet prima radix omnium rerum:* [q] *exemplum ſit eximia quædam arbor & procera* [r] *ramos, expanſos ac virides habens fructibus ſuauibus onuſtos,* [ſ] *ſi enim quæramus vnde illi rami viridantes ortum habeant? reſpondebimus à radice procedere* [t] *ſic etiam dicemus de fructibus & folijs virentibus.* [u] *quod ſi quis quærat an radix aliam etiam radicem habeat vnde oriatur?* [x] *reſpondebimus radicem eſſe à qua omnia in arbore ortum habeant* [y] *radicem verò non habere aliam radicem à qua oriatur ipſa radix,* [z] *alioquin verè non eſſet prima illius pulchræ arboris radix.* [a] *ſic etiam cùm verus cæli Dominus ſit prima creatarum rerum omnium radix & cauſa* [b] *à qua ſcilicet cælum & terra, & res omnes*

[n] nói ràng : [n] thạt Chúa blời đết chẳng phải boi ai làm mà có, [o] vì chưng đức Chúa blời là cội rễ đầu, làm mọi sự. [p] ví bàng có ai làm đức Chúa blời thạt đức Chúa blời Chẳng phải cọi rễ đầu làm mọi sự. [q] nói thí dụ, [r] có cây naò tốt mlon, [r] mà có nghành roũ xanh, blái ngon ngót đã đầy. [ſ] [ſ] ví bàng ta hỏi ngành xanh nầy bởi đâu ? ta thưa ràng bởi cội rễ mà có, [t] sự blái cũ lá lại thưa như bệy. [u] vì bàng lại hỏi có cội rễ khác mà ra chang ? [x] ta thưa ràng, các kì sự ở noi cây, thì bởi cội rễ mà ra : [y] saõ le cội rễ chẳng có cội rễ khác mà ra, [z] ví bàng cội rễ nầy có cội rễ khác thì cộy rễ nầy chẳng phải cội rễ đầu cây tốt éy đâu. [a] sự đức Chúa blời cũ bệy, thạt đức Chúa blời là cội rễ đầu làm hết mội sự, [b] vì chưng blời đết, cũ mọi

creatæ

creatæ tanquam à prima radice & cauſa ortum habent, [c] *non poſſumus quærere aliam cauſam aut radicem, à qua verus cæli Dominus ortum habuerit* [d] *nam alioquin ipſe non eſſet prima cauſa.* [e] *Quod ſi aliam cauſam priorem quæras,* [f] *rurſum de illa priore cauſa quærendum erit, an etiam vlteriorem cauſam habeat,* [g] *& ſic in infinitum, quod omninò rationi repugnat :* [h] *debemus igitur ſiſtere in prima illa rerum omnium creatarum radice & cauſa,* [i] *quæ eſt verus cæli & terræ Creator & Dominus.*

[k] *Sunt qui quærant vtrũ cæli Dominus de quo agimus ſit homo quidam quẽ,* Muc moi, *vocant,* [l] *at dùm verus cæli terræque opifex ac Dominus ex ſe non ſit homo,* [m] *&* muc moi *ille, vt conſtat etiam ex libris falſæ ſectę, ſit ex hominum genere* [n] *non poteſt vllo modo eſſe cæli conditor & Dominus,* [o] *Atque idem dicendum de quodam alio, quem* nguc hoang *vocant,* [p] *qui ex ipſis*

ſự bởi đức Chúa blời, [c] làm cội rễ đầu mà ra. [c] chẳng có tìm được cội rễ khác làm ra đức Chúa [d] blời đâu. [d] nếu có thì đức Chúa blời chẳng phải [e] cội rễ đầu mọi ſự. [e] ví bằng tìm cội rễ khác thuở́c, [f] lại hỏi, cội rễ khác thuở́c ấy có cội rễ khác [g] thuở́c nữa chang? [g] làm ḍệy thì hỏi chẳng cứ, mà chẳng phải mlễ đâu, [h] [h] vì ḍệy ta phải kiếm mà giữ một cội rễ đầu [i] làm nên mọi ſự, [i] thạt là thien địa vạn hõu chi chên Chúa, mà làm nên blời đết mọi ſự.

[k] [k] Có kẻ thì hỏi ràng, đức Chúa blời phải mục [l] mũy chang? [l] ſaõ le đức Chúa blời chẳng phải lỏải [m] người ta, [m] thạt mục mũi tlaõ sặch đạo vạy, [n] là lỏài người ta [n] mục mũi ấy chẳng nên chức [o] đức Chúa blời đâu. [o] ſự ngục hoàng nọ, cũ nói [p] như ḍệy, [p] vì chưng

ipſis

ipſis falſæ ſectæ libris Lautij cuiuſdam nepos fuit, q *eiuſque patris matriſque in illis fit mentio,* r *quare non poteſt eſſe verus cæli terræque Dominus;* s *ſi enim totam hominum ſpeciem iungas cum Regibus ac priucipibus vniuerſis,* t *ne vnam quidem firmamenti ſtellam digito attingere poſſunt, quantò minus producere,* u *quid dico ſtellam nouam facere in cælo?* x *ne vnam quidẽ formicam viuam de nouo producere,* y *ergo homo ex ſe non poteſt eſſe verus cæli Dominus & Creator omnium.* z *præterquamquod tota hominum ſpecies non minus indiget Creatore quàm ipſum cælum:* a *ergo homo non poteſt eſſe prima cauſa rerum;* b *ſed neceſſariò, vt ſit, debet ſupponere prius primam cauſã à qua ſuum eſſe habeat,* c *vt poſtea ab illa eſſe recipiat.* d *Præterea ſi homines illi quos fingunt, cælum & ter-*

Ngày thứ hai

tlaõ sãch đạo vạy nói ràng, ngục hŏàng là con cháu Laõ tử, lại tlaõ sãc éy kẻ cha mẹ ngục hŏàng: vì ḉêy ngục hŏàng chẳng phải thạt chúa blòi đết. vì chưng dầu mà hộp lại cả và lŏài ngưới ta, cữ ḉua Chúa quan cuyèn làm một, lẽy ngón tay đá đến một cái ſao tlên blòi chẳng được, hŏáng lọ là hŏá ra làm ſao cho được: nói đến ſự hŏá ra ngôi ſao làm chi? một cái kién cho ſoữ làm cữ chẳng nên: vì ḉẹy lŏài người ta chẳng nên mà làm thạt Chúa blòi đết, đã làm nên mọi ſự. lại cả và lŏài người ta cữ phải chịu ơn ai làm nên cho, cữ như blòi ḉệy: vì ḉệy lŏải người ta chẳng phải cội rễ đầu làm mọi ſự, vì chưng tlước có cội rễ làm nên lŏài người ta, ſau thì lŏài người ta bới đẽy chịu mình có ḉệy, lại ví ḉàng nhữ̃ng người giả thì nên lạy, nên thờ,

ẽy có làm nên blòi đết,

ram creaßent, eſſent adorandi & colendi, [e] *at nuſquam in libris Sinarum reperies præcipi vt iſti colantur,* [f] *neque vſquam hactenus in toto hoc regno ipſis erecta ſunt tẽpla.* [g] *ſed ſolùm idolis Thicca & ſimilibus,* [h] *quos tamen ortum habuiſſe longè poſt ipſum cælum & terram, conſtat ex ipſorum libris.* [i] *An verò idolis cultus ſit adhibendus poſtea agendũ, cùm de creatione cæli & terræ priùs egerimus,* [k] *ſi enim fuerit rationi conſonum agendum erit, ſin minus, minimè.* [l] *Atque idem dicendum de quodam alio homine quem*, ban co, *vocant ab eo enim fingunt cælũ & terrã habuiſſe originem,* [m] *ſed eodem modo confutantur atque* Muc Mụi, & ngục hoang, *de quibus paulò ante actu eſt.* [n] *Alij benè intelligentes cælum & terram ab vniuerſa hominum ſpecie originem minimè traxiſſe,* [o] *ſed fingunt quandã ſubſtantiã corporalẽ minimè intelligentẽ, & vita carentẽ quam*, thai cuc, *vocãt,* [p] *à qua duas alias ſubſtantias proceſſiſſe dicunt quas,*

[e] [e] ſaõ le tlaõ sặc đại minh chẳng có khién thờ giốũ [f] ềy ; [f] cũ cả và nước An nam xưa nay chưa thấy chuà miếu naò thờ nó, [g] [g] có những chùa thờ Thích ca cũ bụt khác : [h] [h] dù mà tlaõ kinh bụt ſuy ſư blời đết thì nên tlước, mà bụt thì về ſau. [i] [i] có nên thờ bụt hay là chang, ta nói ſự tạo thien lọp địa đã, mới nói ſự [k] bụt [k] ví bàng phải mlễ thì thờ, chẳng phải mlễ [l] thì chớ. [l] ſự bàn cổ mà khién ſinh ra blời đết [m] thì dối bệy, [m] cũ bặt như ſư mục mũi, cũ ngục hỏàn đã bặt khi nãi. [n] [n] Có kẻ đã biết tỏ tùâng, blời đết chẳng phải bởi [o] lỏài người ta mà ra, [o] lại bay đạt tính nào có những xác khoũ, chẳng ſoũ, chẳng thieng, gọi là [p] thái kực : [p] mà lại khién có hai tính khác gọi là âm, dương, bói tính tlước

am,

am, duram, *vocant*, q *intelligentes ſub his nominibus cælum & terram*. r *Quomodo autem rationi conſonum eſt, vt quod vita & intelligentia caret, f adeò perfectũ opus, quale eſt cælum cum omnibus ſuis motibus ordinatiſſimis perficere poſſit? t ac ſi quis diceret eximium aliquod palatium omnibus ſuis partibus conſtans, u cum ſuis aulis atque habitationibus, x ac penè innumeris, picturis perfectiſſimis variegatum y ab aliquo vento caſu excitato z fuiſſe conditum, ſuiſq; numeris omninò completum; a nunquid non haberetur pro mendacio? b cùm nimirum tale palatium c requirat architectum aliquem eximium, qui prius tale palatium in mente concipiat d ideamque illius apud ſe priùs formet, e ac poſtea opus aggrediatur, ſummoq; ſtudio perficiat. f Quantò igitur magis cælum & terra opificem requirit intelligentia infinita, prædictum g qui rerum omnium quæ in cælo*

q ếy mà ra: q mà lếy âm dương là blời dết ệy. r làm ſao cho phải mlẽ, mà lếy xàc khoú chẳng ſoũ, chẳng biết đí gì. f lại ſinh ra đươc việc nhịt, là blời cử các kì ſự vân đi vân lại ở noi t blời làm ſao? t cử bàng ai bày đặt, có lâu đài u nào khéu, u mà có phàõ, có no mọi noi ở phải x lám, x cử có những ảnh vẽ tốt lành kể chẳng xiét: y y mà lại khién có gió z naò tình cờ thổi ra, z làm đươc cho nên những cuả nhít ey cho a blọn hết; a mà chẳng lếy b là dói blả ru? b vì chưng các lầu khéu làm ệy c c bởi có thọ nào khéu tlaõ có bày mọi việc ey d d mà làm hình tượng khéu tlươc tlaõ mình, e e ſau mới làm việc ey bề ngoài hết ſức thì mới nên. f huấng ịọ là blời đết thì phải chịu phép thờ nào hay biết vô cử, g g mà tlươc tlaõ làõ có

cælo

cælo & terra ſunt prius apud ſe ideam habeat perfectiſſimam, [h] *& potentiam quoque infinitam ad opus tantum perficiendum* [i] *Ergo* thai cúc, *illud inanime* [k] *atque intellectu carens,* [l] *non poteſt vllo modo eſſe cæli & terræ conditor.* [m] *Recte quidem in hoc ſenſerũt Sinæ, quod minimè colendum putauerunt inanime illud, atque intellectu carens* thai cuc, [n] *at prorſus irrationabiliter huiuſmodi inanime, cæli & terræ Cõditorem conſtituerunt.* [o] *Quis igitur erit ſupremus ille cæli & terræ, ac rerum omnium ſupremus conditor atque opifex?* [p] *cùm olim hoc à quodam philoſopho quæſiſſet Rex,* [q] *philoſophum ferunt petiiſſe vnum diem, vt prius cogitaret quid reſpondendum,* [r] *quo die elapſo, duos alios dies ad melius cogitandum petijt,* [ſ] *& his etiam præteritis iterum accerſitus, rurſum quatuor dierum ſpatium expoſcebat:* [t] *cui*

hình tượng khéu ra mọi sự ở tlaõ blời đất: [h] mà lại có phép vô cùng thì mới được làm việc mlớn làm bệy cho nên. [i] Vì bệy thái kục nó là tính khí chẳng sóũ, [k] chẳng biết đều gì sốt, [l] làm nên blời đất thì chẳng được đâu. [m] dù mà đại minh, khi chẳng có lệy thái cục làm nên thờ, thì lệy mlẽ phải, vì thái cự́c là khi chẳng sóũ chẳng biết đí gì: [n] saõ le có lệy thái cự́c ệy chẳng sóũ, chàng biết đí gì, mà nói làm ra blời đất thì chẳng phải mlẽ đâu. [o] Mà bây giờ cội rễ đâu, và thợ khéo làm nên blời đất cũ muân sự lá [p] ai? [p] truyền đời xưa ràng, có bua Chúa nước khác hỏi cõên tử nao sự ệy: [q] cuên tử thì xin một ngày, lo đã mà thưa: [r] khỏi một ngày, cõên tử ệy, lại xin hai ngày nữa mà lo cho nên: [ſ] qua hai ngày ệy, bua Chúa lại đòi, cõên tử thì lại xin bốn ngày: [t] ắt bua

Rex tu verò illudis nobis, inquit, ac tergiuerſaris, terminum ea ratione iterum atque iterum prorogando, nec ad interrogata reſpondendo? u *at philoſophus:* u *abſit, inquit, vt ego Regi audeam illudere,* x *ſed potius quia reſpondere ad hoc* x *ita arduum mihi videtur,* y *vt quantò magis cogito, tantò amplius mihi cogitandum ſupereſſe intelligam* z *atque ideò prolixiorem etiam terminum exigo;* a *ac ſi mare immenſum intuens, quò longius quis à litore diſcedit, tantò magis immenſitatem maris intuetur,* b *hæc philoſophus ille* c *nondum Chriſtianus at nos Dei auxilio freti, aliquid de ipſo dicemus, qui eſt verus cæli & terræ, atque rerum creatarum opifex, ac ſupremus Dominus.* d *Primò dari Deum ſupponimus tanquam lumine ipſo naturæ certum* e *nam ſine ipſo creatore ac Domino, qui ſit omnium prima cauſa & fontalis origo,* f *nihil omninò eſſe poſſet in rerum natura.* g *Supponimus ſecundò*

Ngày thứ hai

Chúa ràng, mầy giễu ta, mà chẳng khứng thua, ru, ſao xin đi xin lại làm bệy, chẳng thưa đều ta hỏi? u khi ấy cốên tử ràng, nào tôi dễám giễu x đua Chúa đâu. x ſaõ le vì tôi lấy làm khó thưa y đấy làm đấy, y mà càng lo ſự ấy, thì càng thấy hay còn mà lo hơn nữa: z vì đệy tôy càng xin đều ngày mà lo hơn, a nữa: a như thế khi thấy biển cả, càng khói bải thì càng thấy biển rạõ rải b nữa. b cốên tử ấy chưa có đạo, mà thưa đệy: c ſaõ le chúng toi cậy đức Chúa blời giúp ſức cho, mà mới dễam nói ſự Chúa cả là đức thợ cả làm nên blời đất, cử mọi ſự bệy.

d đầu hết thì phải hay, tlaõ làõ người ta có mlẽ ràng, thạt có Chúa blời: c ví bàng chẳng có ai lám cân nguền mọi ſự, f thì cả và thế giải nầy g cử chẳng có gì lốt. g ſau

eſſe

eſſe tria rerum omnium creatarum genera, [h] *nam quædam ſunt merè materialia & corporalia quæ nihil ſpirituale admixtum habent,* [i] *& hæc ſunt corruptibilia quę ſicuti habent principium, ſic & habitura ſunt finem,* [k] *& hæc ſunt cælum, terra* [l] *ac elementa omnia, & mixta ex illis,* [l] *vt arbores, plantæ, animalia omnia, ſiue in terra, ſiue in aëre ſiue in aqua,* [m] *cum omnibus alijs rebus inſenſibilibus & inanimatis,* [n] *& hoc eſt rerum creatarum genus infimum, quod ſicut habuit principium, ſic & habiturum eſt finem:* [o] *alterum genus eſt naturæ cuiuſdam ſpritualis creatæ, quæ ſicuti nihil de materia, vel corpore habet admixtum,* [p] *ſic eſt ex natura ſua ſublime atque intelligens, & minimè corruptioni obnoxium;* [q] *ſed quamuis habuerit principium in ſuo eſſe, nunquam tamen habiturum eſt finë, ſed in æuum ſine fine durationem habebit,* [r] *tales ſunt nouem cæleſtium ſpi-*

nữa thì phảy hay, tlaõ ſự đức Chúa blòi ſinh ra, thì có ba đứng: [h] vì chưng có đứng đưới những xác, có bóc, mà chẳng có linh thieng gì tlaõ mình bói, [i] mà nhưng ſự ấy, và có ngày đầu, và có ngày hết, [k] như blòi cũ đất, nước, gió, lửa, và mọi vật, bởi bốn ſự ấy mà ra, [l] như thể cây cối, muâng chim cũ chúng ſinh, hay là ở tlên đất, hay là tlên gió rống, hay là tlaõ nước, [m] cũ các kì ự chẳng hay cãóc biết, cũ chẳng ſóũ, [n] ấy là thế giái là lõài dưới, có ngày ſinh, cũ có ngày hết, [o] lại có lõài tlên, là tính thiêng liêng, chẳng có bóc, chẳng có xác, [p] là tính cao ſáng, chẳng có phải hư mòn khi nào: [q] dù mà có khi ſinh, ſaõ lechẳng có khi naò hết: mà hàng có bậy vô cũ. [r] lõài ấy là chín đứng thien thàng, có nhêu

rituum chori, qui ſunt penè innumerabiles [f] *ciuitatis cæleſtis ciues, quos creaturis corporalibus præfecit Deus,* [t] *vt præſto ſint volũtati Dei in omnibus exequendæ,* [u] *intellectu enim præſtantiſſimo ſunt præditi, & voluntate libera,* [x] *vt Deo Domino perfectè ſubijcientes ſe, beatitudinẽ æternã adipiſci poſſent* [y] *ſed de puris his ſpiritibus abſque vlla corporis contagione perfectis* [z] *iterum erit agendum.* [a] *Tertium denique rerum genus eſt, ex corpore & ſpiritu compoſitum,* [b] *ideſt homo, qui quoad corpus eſt corruptibilis & mortalis,* [c] *quoad ſpiritum verò, qui eſt anima rationalis, eſt incorruptibilis & immortalis,* [d] *habens quidem principium, ſed non habens finem.* [e] *hæc ſunt tria rerum à Deo creatarum genera, è quibus tanquam gradibus* [f] *ad ipſarum Creatorem, ac ſupremum Dominum debemus aſcendere,* [g] *illiuſque attributa infinitæ prorſus perfectionis in creaturis tanquam in ſpeculo perſcrutari.*

Ngày thứ hai

[f] chẳng hay bề xiết, [f] những cõên ở tlên thiên đàng, đức Chúa blời phú cho, mà trị mọi lõài có [t] xác [t] bệy thì theo í đức [u] Chúa blời mà chớ, [u] có trí hay biết ſáng láng, [x] cũ có chúa í, [x] mà bưng phép đức Chúa blời, cho [y] được chui bề vô cũ. [y] ſaõ le ſự thiên thần ẽy chẳng có hình tượng [z] nào, mà trạõ làm bệy, [z] đến ſau thì lại phải giáng. [a] [a] Lõài thứ ba là đứng và có xác, và có linh thiêng [b] làm một, [b] ẽy là người ta có xác, thì hay nát hay [c] chết: [c] có linh thiêng là linh hồn, chẳng hay nát, [d] chẳng hay chết [d] thạt có đầu ſinh, mà chẳng có [e] chết. [e] ẽy là bà lõài, đức Chúa blời làm ra, cho ta [f] dũ như bức thang, [f] mà lên cho đến đức Chúa blời ſinh ra mọi lõài ẽy, [g] [g] lại ſuy mlẽ tlaõ lõài ẽy, như tlaõ gương, cho đến biết ſự đức Chúa blời những ſự vô cũ bệy.

[h] *Quam-*

h *Quamuis enim ſupremus* h
ille cæli Dominus i *in his* i
tribus gradibus minimè in-
cludatur, k *ſed ſit omni-* k
bus illis infinitè perfectior:
l *ex primo tamen illo, ſeu* l
infimo gradu in quo res me-
re corporeæ omnes includũ-
tur m *vt cælum, terra, ac* m
cætera omnia corruptibi-
lia, n *optimè colligimus* n
dari illarum Creatorem
omnipotentem o *qui per po-* o
tentiam quam habet infi-
nitam, p *ex nihilo adeò* p
præclaram mundi machi-
nam perfecerit ipſe ſolus,
abſque vllius adiutorio. q q
huius potentiæ infinitæ ſi
Regum omnium huius mũ-
di r *tam præteritorum*, r
quàm præſentium, ac futu-
rorum potentia compare-
tur, impotentia potius di-
ceuda eſt. s *Quis enim vn-* s
quam Rex huius mundi
quamuis potentiſſimus t *po-* t
tuit vel domunculam ex
nihilo fabricare? u *quin* u
potius ad quodlibet quam-
uis exiguum ædificium in-
cipiẽdum, priùs debet para-
re illa, quæ ſunt neceſſaria

h h Vì chưng dầu mà đức
i Chúa blời cao trạo i chẳng
k phải về ba lỏài ấy, k mà
khỏi moi sự ba lỏài ấy
l vô cữ: l sao le bói lỏài
thứ nhít là lỏài những
m xác, m như thể blời đất,
n cữ các kì sự hay nát, n
ta suy mlẽ đươc, làm
bấy. thạt có ai làm nên
o mọi sự ấy, o mà có phép
tác vô cữ, thì mới lấy
p đươc khoữ, p mà hỏa
ra thế giái nầy mlớn
thế ấy một mềnh, chẳng
q có dữ ai giúg cho. q ví
bàng ta lấy một phép
nầy vô cữ, mà ta ví cữ
phép các đua Chúa thế
r gian nầy: r dù mà lấy
hết đua Chúa, từ xưa
cho đến hết thế, mọi
phép ấy, ví cữ phép dức
Chúa blời, thạt là ra
khoữ, chẳng phải phép
đâu. s vì chứng nào có
đua Chúa nào, dù mà cả
t mlớn, t mà lấy khoữ
làm đươc nhà gì, dù mà
u nhỏ chít ru? u mà lại
cho đươc làm nên nhà
gì, đầu hết thì phải sám
sửa mọi vật, mà làm nhà

at tale ædificium, [x] *quæ niſi præſupponantur, nihil vnquam facere poterit.* [y] *At verò ſupremus cæli terræque Dominus* [z] *ex nulla omninò præexiſtente materia, omnia hæc viſibilia condidit, quia nihil omninò eſſe potuit, quin ab illo tanquam à prima Cauſa totum ſuum eſſe habuerit.* [a] *oportet ergo vt prima hæc cauſa infinitam in ſe perfectionem habeat, atque infinitam eſſentiam,* [b] *cui ſcilicet conueniat potentia infinita* [c] *vtpote quæ ex nihilo omnia condidit* [d] *Atque hæc potentia infinita ex eo etiam patet, quod in creatione totius mundi nullius adiutorio eguerit:* [e] *At alij potentiſſimi quilibet, vt aliquod magnum palatium aggrediantur,* [f] *non ſolum egent præexiſtente materia* [g] *ſed etiam multorum opèrariorum adiutorio* [h] *ſine quibus opus ſuum minimè poſſunt in lucem edere:* [i] *vt peritiſſimus quiuis architectus, qui eximium ali-*

Ngày thứ hai

[x] ếy, [x] nếu chẳng có ſám ſửa, thì chẳng có làm [y] đươc đi gì đầu. [y] ſaõ le đức Chúa blòi đết là phép nhít, mà chẳng có dử đí gì cho đươc làm [z] nên mọi ſư ta xem, [z] vì chưng tlaõ mọi lỏài chẳng có đí gì, mà chẳng bởi đưc Chúa blòi, là côi rễ đau, ſự nào làm [a] ra thì mới có. [a] (bệy thì cội rễ đầu mọi ſự, thạt là tính thiêng liêng [b] vô cử, [b] thì mới có phép tác vô cử, bàng tính mình [c] (bệy, [c] mà có phép lếy [d] khoú làm ra mọi ſự. [d] lại ſuy phép đức Chúa blòi là phép vô cử, vì chưng chẳng có dử ai [e] mà làm ra mọi ſự: [e] ſaõ le ai nếy, dù mà có phép cả ở thế này, có dẽon [f] làm các lâu gì mlớn [f] chẳng những là ſám ſửa vật mà làm, [g] lại có kẻ [g] giúp việc, thì mới làm [h] đươc, [h] ví bàng chẳng có ai giúp cho, làm ra việc ếy mlớn chẳng [i] đươc: [i] như thế thợ nào khéo lo tỏan làm

quod

quod palatium cogitat extruere, [k] *quamuis præclaram illius ideam apud ſe ſolus formet, nunquam tamen illud extruere, aut ædificare poterit, niſi adiuuetur à multis operarijs, qui conceptum opus promoueant ad extra.* [m] *At ſolus Deus, ſicuti opus ſuum perfectiſſimè apud ſe concepit;* [n] *ſic ſolus ipſe, abſq; alterius conſortio, totum opus ſuum, totamque mundi machinam condidit, abſque vllo cuiuſcunque adiutorio,* [o] *quod infinitam prorſus potentiam arguit.* [p] *Præterea quilibet quantumuis expeditus architectus,* [q] *ſi præclarum aliquod opus meditatur,* [r] *illud ad perfectionem non niſi longo temporis ſpatio poteſt perducere.* [ſ] *At cæli Dominus, ſupremus huius viſibilis mundi machinæ Architectus, vnico efficaciſſimæ voluntatis ſuæ actu, per ſolum imperium omnia ad perfectionem perduxit,* [t] *dixit enim & facta ſunt omnia, ipſe mandauit & creata ſunt,* [u] *quod procul dubio infinitam arguit in ipſo potentiam*

[k] ra lâu đài mlớn, [k] dù mà đã có hình tượng khéo lâu đài ấy tlaổ lào một mình [l] ſaõ le nếu chẳng có ai giúp việc ấy, mà làm rà bề ngoài, thì làm chẳng được lậu đài ấy đâu. [m] Saõ le một đức Chúa blời có toàn làm việc gì, và có ảnh tượng rứt khéo tlaõ lào mính, [n] lại có phép một mình ra mọi ſự, mà chẳng có dữ ai giúp cho, khi hóá ra cả và thế giái nầy. [o] thạt là bởi đức chúa blời có phép vô cữ mà chớ. [p] mà lại có thợ naó khéo, nhít mạc lào, [q] ví bàng có toàn làm việc gì mlớn thì [r] chẳng lâu ngày, làm chẳng được cho đoạn hết. [ſ] ſaõ le đức Chúa blời la đức thợ cả, làm nên thế giái nầy ta xem, nhưng có í khién một lần, mà hóá nên mọi ſự. [t] vì chưng Chúa blời có nói, mà đã nên, có khíen, mà đã có hết, [u] thạt vì

tentiam & efficacitatem.
x *Denique quilibet architectus poſtquam opus ſuum ad perfectionem perduxit,* y *nihil amplius in illud influit,* z *ſed opus illius permanet, quamuis ipſe architectus poſt abſolutum opus deficiat, & moriatur.*
a *At ſupremus rerum omnium Conditor Deus,* b *ita res creat, vt non minùs ab ipſo pendeant in conſeruari, quandiu durant in ſuo eſſe,* c *quàm penderent in prima ſui creatione;* d *Itaque ſicuti niſi ad primum illam creationem concurreret Deus nunquam haberent eſſe,* e *ſic niſi continuò influeret ad conſeruationem ſtatim ad ſuum nihilum reuerterentur;* f *non minus, imò maltò magis quam pendeat lumen à ſole, non ſolum in prima luminis productione,* g *ſed etiam in perpetua conſeruatione & influxu.* h *Neq; ſolùm ad conſeruationem omnium rerum perpetuò influit Deus,* i *ſed etiam*

đức Chúa blời có phép tác vô cùng, mà hoá nên được làm bậy một chục mà chớ. x sau thì có thợ nao đã làm việc mình đoạn y chảnh còn z có giữ việc ấy đâu, mà dầu thợ làm việc đoạn có chết chẳng còn, a việc thì còn bậy. a sáo le đức Chúa blời, là đức thợ cả, làm nên mọi sự. b b hoá ra làm bậy, có làm nên đi gì đoạn, hãy còn bao lâu, đức Chúa blời c thì còn giữ bấy lâu, c cứ bàng khi đức Chúa blời d làm ra sự ấy đầu hết d ví bậy khi đầu hết, ví bàng đức Chúa blời chảnh có hoá cho, thì nên đi gì e chẳng được: e cứ khi đâu gì hãy còn có, mà đức Chúa blời chẳng giữ cho, thì sự ấy lại về khoũ bậy, mà chẳng còn f có gì sốt: f như thể có sáng bởi mặt blời mà ra, thật là mặt blời có làm sáng, và đầu hết khi ra sáng ấy, g và lại giữ lien khi hãy còn có sang ấy. h h Mà đức Chúa blời chẳng lọ là giữ lien mọi sự, khi hãy còn; i lại giúp i

ad ſingulas omnium omninò rerum actiones, & operationes, ſiue immanentes ſiue tranſeuntes, ita neceſſariò concurrit, [k] *vt ne folium quidem ab arbore decidere poſſit ſine diuino concurſu:* [l] *nam ſicuti potentia Dei infinita omniũ omninò potentiarum creatarum eſt cauſa,* [m] *ita cum omnibus omninò potentijs, cùm ad actum reducuntur, ſic concurrit, vt nulla omninò, ne minimum quidem actum exercere poſſit, niſi ſimul concurrente, & agente ſuprema illa cauſa.* [n] *Atque ita ſupremus hic Dominus rerum omnium Conditor, & Conſeruator Deus,* [o] *cum ſole illuminante illuminat;* [p] *cum igne calefaciente calefacit,* [q] *cum aëre refrigerante refrigerat;* [r] *cum aqua fœcundante terram fœcundat,* [ſ] *cum terra producente aliquid ſimul producit,* [t] *& ſic cum alijs rebus omnibus ita continuò operatur,* [u] *vt ne manum quidem, aut pedem, vel ocu-*

ſức mỗi một ſự khi làm việc gì việc gì, và tlaõ mình, và bề ngõài, [k] mà đức Chúa blòi chẳng giúp cho, dù mà một lá cây chẳng có rụng xuống được một mình, khi đức Chúa blòi chẳng làm ɓối, mà rụng xuống.

[l] vì chưng như phép vô cũ đức Chúa blòi, là cọi rễ đầu mỏi phép, ở tlaõ các kì ſự, đức Chúa blòi ſinh: [m] cũ khi phép naò làm đí gì đí gì, ví bàng chẳng có phép đức Chúa blòi làm ɓối, thì phép ấy làm chẳng được đí gì ſốt. [n] vì ɓệy Chúa cả nầy có làm nên, vá giữ mọi ſự, [o] khi mạt blòi làm ſáng, thì đức Chúa blòi làm cũ: [p] khi lửa làm náõ, thì cũ làm náõ ɓối: [q] khi gió rổũ làm mát, thì làm mát ɓối: [r] khi nước làm cho đất hõá ra, thì cũ làm hõá ra ɓối: [ſ] khi đất ſinh nên của gì, thì cũ ſinh nên ɓối: [t] vì có giúp mọi ſự mà làm mọi việc lien ɓối: [u] ví bàng đức

lum mouere poſſimus, ſine perpetuò illius primæ Cauſæ concurſu; [x] *idque tanta facilitate Deus operatur atque quiete,* [y] *ac ſi nihil omninò ageret;* [z] *idemque eſſet ſi mille alij milliones mundorum eſſent extra cauſas:* [a] *tantaque ſapientia & perfectione ſingula operatur,* [b] *ac ſi vnam tantùm actionem exerceret;* [c] *cùm propè infinitas actiones ſingulis penè momentis operetur.* [d] *Ex quo etiam elucet infinita eius potentia & ſapientia,* [e] *quæ tot, tam varijs & continuis actionibus ad non fatigatur extra nec perturbatur,* [f] *ſed præſtò eſt omnibus rebus ſingulis momentis.* [g] *Atque ex hac infinita primæ cauſæ potentia ſapientiaque infinita, colligitur* [h] *neceſſariò infinita eius Diuinitas & eſſentia infinita* [i] *quæſit quaſi radix (noſtro modo intelligendi) attributorum infinitorum*

Chúa blời chẳng có lien giúp cử: ta đọ tay, đọ chên, đọ con mạt chẳng [x] được sốt: [x] mà đức Chúa blời lấy mọi việc [y] ấy làm dễ, mà chẳng đọ gì tlaõ mệnh, [y] như bằng chẳng có làm việc [z] gì sốt: [z] ví bằng có nghìn ức thế giái khác làm ra, [a] thì cử ấy: [a] mà lại làm khôn, và bọn mỗi một [b] việc ấy, [b] bằng làm một. [c] việc mà thôi: [c] saõ lẽ đức Chúa blời một chọc thì làm việc nọ, việc kia, chẳng hay bề xiet, [d] [d] ấy thì ta hay tó tường, đức Chúa blời thạt có phép, và hay biét vô [e] cử, [e] vì có làm được nhều việc lien, mà chẳng [f] nhạoc, chẳng lộn, [f] dù đã sẵn giúp mọi sự, mà làm mọi việc lien, chẳng [g] khi nào đừng. [g] Ta lại suy mlẽ làm ấy, đức Chúa blời có phép vô cử, lại có hay biét vô cử, [h] [h] thì bởi tính đức Chúa blời thạt là tính thiêng liêng vô cử mà chớ: [i] vì tính đức Chúa blời là [i] cẩn ngõến (ta nói làm ấy) mọi sự vô cử, ở

qua

quæ ſunt in ipſo. [k] *quomodo enim eſſentia finita poſſet habere potentiam & ſapientiam infinitam?*

[l] *Vlterius ex ipſa eſſentia infinita colligitur quoque duratio infinita ſeu æternitas,* [m] *principio ſcilicet atque fine carens:* [n] *infinita enim eſſentia durationẽ quoque requirit proportionatam hoc eſt omninò infinitam,* [o] *tum ex parte ante, quia principio caret, tum ex parte poſt, quia nunquã habitura eſt finem* [p] *Quare antequam cælum, aut terra eſſent, aut aliaquælibet creatura,* [q] *iam ab æterno, hoc eſt infinitis ante ſæculis iam erat Deus, prima illa cauſarũ Cauſa,* [r] *nullius extra ſe omninò egens, ſed in ſeipſa beatiſſima, infinitam ſe ſola continens felicitatem omnem,* [ſ] *quam habuit antequam hic mundus eſſet,* [t] *& haberet perfectiſſimam etiãſi nulla creatura futùra fuiſſet.* [u] *Attamen quia eius bonitas non minus infinita*

[k] tlaõ đức Chúa blời: [k] ví bàng thính đức Chúa blời là tính có cữ, lại có phép, và hay biet vô cữ làm ſao đươc?

[l] Mà đức Chúa blời thạt có thính vô cữ, ta lại ſuy mlẽ, thạt có hàng chệy, [m] mà chẳng có tlước, [n] cữ chẳng có ſau: [o] vì tính vô cữ thạt là phải có hàng ſóũ vô cữ, bàng tính vô cữ chệy: [p] vì chưng tính đức Chúa blời, và bề tlước chẳng có cữ; và bề ſau chẳng hết chẳng hay cữ. [p] Vì chệy khi chưa có blời, chưa có đết, chưa có đí gì sốt, [q] tlước vô cữ đời đời hàng có đức Chúa blời, [r] là cội rễ đầu mọi ſự, [r] chẳng dữ đí gì bề ngoài, mà tlaõ mềnh rựt chui chệ, vì tlaõ mềnh bui có [ſ] mọi ſự chui vô cữ, [ſ] khi chưa có thế giái nầy, cữ [t] đã chui chệ, [t] mà dầu chẳng có ai nữa, một đức Chúa blời cữ blọn chui chệ, thinh nhàn vô [u] cữ chệy. [u] ſaõ le vì làõ lành đức Chúa blời cữ

quam eius essentia, & sempiterna Diuinitas . x *bonum autem est diffusiuum sui:* y *ideò Deus non solum voluit creare mundum hunc visibilem & corporalem* z *qui per suam existentiam finitam & operationes finitas penè innumeras, existentiam infinitam & operationem primæ Causæ participaret,* a *esset-que tanquam vestigium primam Causam repræsentans .* b *sed præterea voluit Diuina Bonitas se communicare creaturis rationabilibus,* c *quæ non solùm existentiam haberent, sed etiam Beatitudinis Diuinę participes fierent.*

d *Quare perfectam Angelicam naturam creauit,* e *à corporea mole omninò secretam, vtpote omninò spiritualem,* f *& capacem amicitiæ Dei per gratiam, & visionis ipsius Dei per gloriam* g *vt sic illam suæ beatitudinis participẽ faceret*

là vô cũ, bằng tính sóũ vô cũ đức Chúa blòi bệy x sự lành nào, hay thoũ sự mệnh cũ kẻ khác: y vì bệy đức Chúa blòi cháng nhũng đã tŏan hŏá nên thé giái nẫy ta z xem, có mệnh bóc, mà có tính mệnh, có phép làm sự nọ sự kia nhều kể chẳng xiét, thạt là bổi tính vô cũ, và phép vô cũ đức Chúa blòi bệy; a mà mọi sự ệy là như dầu chến, làm cho ta suy hình đức Chúa blòi bệi b Mà lại lảo lành đức Chúa blòi thoũ mệnh ra lŏài có tính ngŏan c biét mlẽ, cho lŏài ệy chẳng lọ là thạt có, mà lạy thoũ hàng bui bệ cũ đũc Chúa blòi bệy. d Vì bệy đức Chúa blòi hŏa ra lŏai thien e thần, gọi là (*Angeli*) chẳng có mệnh bóc gì, mà nhũng thiêng liêng, f lại chiụ đươc nghĩa cũ đức Chúa blòi, gọi là (*gratia*) cũ chiụ đươc (*gloria*) là thấy mạt đức Chúa blòi; g cho đươc thoũ

facere

faceret. [h] *in hac Diuina Bonitas clariùs elucet,* [i] *quam in creatione mundi viſibilis, & creaturarum omnium merè corporaliũ,* [k] *quę non ſunt capaces amicitiæ Dei, neque beatitudinis.* [l] *Quamuis enim Diuina Maieſtas ſibi ipſa ſufficeret,* [m] *nec vllius creaturæ conſortio indigeret ad perfectam ſuam beatitudinem;* [n] *quia tamen bonũ eſt diffuſiuum ſui,* [o] *voluit Deus creaturam merè ſpiritualem & intellectualem creare,* [p] *cum qua amicitiam iniret per gratiam,* [q] *atque illi ſuam etiam beatitudinem communicaret per gloriam.*

[r] *Denique tertium etiam rerum genus addidit, ex corpore ſcilicet & ſpiritu conſtans,* [s] *nempe humanum genus, in quo creaturarum omnium quaſi compendium effecit:* [t] *homo enĩ habet eſſe ſeu exiſtentiam cum rebus inanimatis,*

[h] bui bế cũ đức Chúa blời. [h] bởi lõài nầy, lão lành đức Chúa blời [i] càng ra tỏ tường, [i] hơn khi đức Chúa blời hóá ra thế giái nầy ta xem, cũ muôn vật nhũng có [k] mềnh bóc; [k] vì chưng bay nhều sự ấy chẳng két đươc nghĩa cũ đức Chúa blời, lại chẳng có chịu đươc bui bế cũ. [l] [l] Vì chưng dù mà đức Chúa blời một mềnh [m] đã blọn, [m] mà chẳng dữ đí gì bề ngõài, cho đươc [n] blọn bui bế: [n] são lẽ buôn sự lành hay thoũ [o] cũ kẻ khác, [o] đức Chúa blời đã tõan hóá ra lõài thiêng liêng thoũ minh [p] sáng láng, [p] mà cho lõài ấy chịu, *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, [q] [q] lại cho lõài ấy chịu bui bế cũ, là, *gloria*.

[r] [r] Sau nữa thì đức Chúa blời sinh ra rót hết lõài thứ ba, có xác và [s] có linh thiêng, [s] là lõài người ta, thật là tóm [t] lại mọi lõài: [t] vì chưng lõài người ta thì có mềnh

u *vitam vegetatiuam cum plantis & arboribus, ſenſitiuam cum animalibus,* x *& rationalem etiam cum Angelis,* y *per quam capax etiam eſt amicitiæ Dei per gratiam,* z *& beatitudinis æternæ per gloriam, ſicut ipſi Angeli.* a *Hominibus autem dat Diuina Bonitas infinita huius vitæ ſpatium,* b *ad promerendam beatitudinem æternam;* c *eo ſcilicet pacto, vt ſi Diuinam voluntatem huius vitæ præſentis tempore fuerint executi,* d *æternam infuturo acquirant beatitudinem:* e *ſi verò rebelles fuerint Dei præceptis & voluntati,* f *niſi reſipuerint vitæ præſentis tempore,* g *in futuro ſæculo æternis ſint cruciatibus torquendi;* h *in quo tum Diuina bonitas, tũ iuſtitia elucet.* i *Bonitas quidem & pietas infinita, quod humanum genus ad tantam dignitatem euexerit, vt Diuinæ fieret natu-*

u như các vật chẳng ſóũ:
u u lại có ſóũ, như cây cỏi,
cũ có hay, như muông
x chim cầm thú: x mà
lại có ſinh ngõan thiêng
liêng, như thiên thàng,
y y cũ chịu đươc, *gratia*,
là nghĩa cũ đức Chúa
z blời, z lại chịu đươc
gloria, là bui bé vô cũ,
như bàng thiên thần bêy.
a a Mà đức Chúa blời lão
lành vô cũ, thì cho lõài
người ta ſóũ ở thế nầy,
b b mà kiếm coũ cho đươc
c chịu bui bé vô cũ: c mà
có giao làm bêy: ví
bàng ai, khi côn ſóũ ở
thế nầy, có bưng i đức
d Chúa blời, d thì đời ſau
e đươc bui bé vô cũ. e
ví bàng cãi phép đức
Chúa blời, chẳng giữ
f mlời răn, f mà chẳng
chừa khi còn ſóũ ở thế
g nầy; g đời ſau thì phải
chịu hình khôn nạn đời
h đời bêy. h mà thế ấy
và láo lành, và thưởng
phạt đức Chúa blời thì
i ra tỏ: i lão lành vô cũ

thì ra tỏ, vì chưng đức Chúa blời cho lõài người ta lên chịu chức tlão lõài đức Chúa blời bêy,

ræ consors, [k] *si tamen* k
Diuinis voluerit obedire
mandatis, vt hoc assequa-
tur [l] *Iustitia verò etiam* l
infinita Dei demonstratur
in eo, [m] *quod obtemperan-* m
tibus sibi præmium largia-
tur æternum, [n] *beatitu-* n
dinem scilicet æternam in
cœlo, [o] *bonorum omnium ac* o
ipsiusmet Dei possessione
cumulatam. [p] *at rebelli-* p
bus supplicia etiam infligat
æterna. [q] *Quare non mi-* q
randum, quod in hac vita
breui amicis suis interdum
Deus præsentia & peritura
bona deneget, [r] *quæ ma-* r
lis & peruersis hominibus,
atque adeò inimicis suis,
plena interdũ largitur ma-
nu: [s] *quin etiam sæpe* s
amicos suos in hoc sæculo
pœnis, & calamitatibus
affligit, [t] *& contra ini-* t
micos suos gaudere in hoc
sæculo sinit, [u] *vt patet olim* u
in Lazaro Sancto paupere,
& diuite quondam Epulo-
ne: [x] *ille namque in hac* x
vita paupertate ac morbis

k mà có dưng phép đức
Chúa blời, giữ mlời
răn, thì đươc chức ấy,
l mà lại thưởng phạt vô
cũ đức Chúa blời cũ tỏ
m ra; [m] vì kẻ dưng phép,
đức Chúa blời thì thư-
n ưởng vô cũ, [n] khi cho
phúc dui bé đời đời ở
o trên blời, [o] lại cho chịu
mọi sự lành, cũ thấy mạt
p đức Chúa blời dậy: [p]
mà kẻ làm nguỵ, chẳng
dưng phép đức Chúa
blời, thì bát tội vô cũ.
q [q] Vì dậy ta chớ có hãy,
khi thấy đực Chúa blời
thử lào kẻ lành, mà có
khi chẳng cho của thế
r gian nầy hay qua, [r] mà
lại có khi thì của thế gian
nầy phát rạo raĩ ra cho
kẻ dữ, là nguỵ cũ đức
s Chúa blời: [s] cũ có khi
ở thế nầy, đức Chúa
blời cho kẻ lành chịu
t dều sự khốn khó, [t] lại
có khi thì cho kẻ dữ
những sự lành, ở thế gi-
u an nầy dậy. [u] như đời
xua làm cũ oũ thánh La-
zaro khôn khó, và cũ
đứa giầu dữ: [x] vì chưng oũ thánh Lazaro còn ở thế x

affli-

afflictus , [y] nunc gaudijs potitur , innumeris iam à mille ſexcentis & amplius annis , & in æternum potiturus eſt in cælo : [z] hic verò ad breue huius vitæ præſentis tempus bona temporalia recipiens , [a] iam pœnis cruciatur æternis , igneque æterno torquetur in inferno , iam à mille ſexcentis & amplius annis , [b] & in æternum torquendus eſt abſq; vlla vnquam euadendi ſpe , nec etiam moriendi .

[c] Quamuis etiam interdum Diuina iuſtitia malos in hac vita puniat , vt alij reſipiſcant , [d] & ne impij Dei prouidentiam in rebus humanis negent : [e] ſic etiam interdum bonis in hac vita bona temporalia tribuit , [f] vt ſpe ſaltem illorum bonorum fragiliores ad ſe trahat , [g] & ad ſpiritualia & æterna tandem erigat . Ex his etiam colligitur vita venturi ſæculi : [i] cùm enim

Ngày thứ hai

nay chiu khó khán đau đớn [y] bây giờ đã hơn, một nghìn ſáu tlàm nàm chiu chui chẻ, kẻ chẳng xiết, lại đời đời vô cứ một chiu chui chẻ chệy: [z] mà đứa dữ ấy, đã chiu chui một gey ở thế gian nầy, [a] ſaõ le bây giờ chiu những khốn nạn đời đời, cứ chiu lửa địa ngoục, đã hơn một nghìn ſáu tlam nam : [b] lại chiu chệy đời đời, cứ chẳng có tloũ đươc đàng nào mà khỏi, lại chẳng chết cho.

[c] Saõ cứ có khi thưởng phạt đức Chúa blời bát kẻ dữ, còn ở thế gian nầy, cho kẻ khác chừa; [d] lại cho kẻ dữ chớ ngờ đức Chúa blời chẳng trị ſự người ta: [e] cứ có khi thì đức Chúa blời chia ſự vật thế gian nầy cho kẻ lành, [f] mà làm chệy cho kẻ yếu đạo đến cứ, vì nó tloũ cuả thế nầy. [g] chệy thì ſẻ ſẻ rủ nó yêu của linh hồn hàng có chệy. Cứ lấy mlẽ nầy mà ſuy ſự đời ſau: [i] vì chưng có đều người lành ở thế

plerique

plerique iuſti in hac vita affligantur paupertate & miſerijs ; [k] *& è contra impij proſperitatibus & diuitijs in hoc ſæculo potiantur,* [l] *& ſæpiſſimè ad vltimam vſque ſenectam.* [m] *hinc neceſſariò ſequitur ſupereſſe futurum ſæculum,* [n] *in quo ſcilicet ſupremus rerum Dominus, vtpotè rectiſſimus & æquiſſimus;* [o] *bonis præmia pro meritis largiatur æterna;* [p] *& malis pro demeritis ſupplicia etiam infligat æterna,* [q] *& hoc eſt quod communiter in ore omnium fertur, è veſtris libris & antiqua traditione depromptum:* [r] *ſcilicet hanc vitam ſolùm eſſe in tranſitu, per mortem verò reuerſionem fieri ad patriam permanentem.* [t] *bonis enim & fidelibus ſeruis Dei,* [t] *mors nihil eſt aliud, quàm tranſitus ab hac miſeriarum valle, ad Patriam cæleſtem,* [u] *in qua æternis cumulentur bonis à ſupremo rerũ Conditore Deo,* [x] *æternùmque cum illo viuant beatiſſimi.* [y] *ma-*

nẩy khó khan, khổn nạn,
[k] mà chịu đẹ̀y; [k] lại có kẻ
dữ, ở đờ̀i nẩy đẹ̀ui đẹ̀,
[l] giầu có phú qúi, [l] má có
nhêu lần cữ đến già cả
[m] làm đẹ̀y. [m] bởi đấy ta
ſuy mlẽ, thạt hay còn có
[n] đờ̀i ſau, [n] mà đờ̀i ấy
đức Chúa blờ̀i; là Chúa
cả mọi ſự, thạt là chi linh
[o] chi coũ, [o] mà thưởng kẻ
lành, chịu phúc đẹ̀ui đẹ̀
đờ̀i đờ̀i, bàng coũ mẽnh;
[p] [p] lại phạt kẻ dữ, chịu
bàng tội mẽnh, mà khổn
[q] nạn đờ̀i đờ̀i đẹ̀y. [q] ấy
là đều miệng thien hạ
quen nói, bởi ſách An
nam, và truyền đờ̀i xưa
[r] ráng: [r] (ſinh kí dã, tử
qui dã) ſóũ là gưởi, chết
[t] là về: [t] vì chưng kẻ lành,
mà thờ phượng đức
[t] Chúa blờ̀i cho nên: [t] khi
ſinh thì, ấy là khởi nơi
thổũ khổn nạn, mà về
[u] quê tlên blờ̀i, [u] nơi đức
Chúa blờ̀i, là Chúa rứt
cả tlên hết mọi ſự, thứ-
[x] ang vô cữ, [x] mà cho hàng
lóũ, cữ đẹ̀ui đẹ̀ thinh nhàn
[y] đờ̀i đờ̀i đẹ̀i: [y] mà kẻ dữ,
khi chết cữ là qua cho

lis verò mors eſt etiã tranſ-
tus ad æternos cruciatus,
z *quibus à iuſtiſſimo Iudi-* z
ce Deo per mortem æter-
nam puniantur in Inferno.
a *Nam ſicuti Deus eſt ſum-* a
mè bonus & pius erga bo-
nos; b *ſic etiam eſt ſummè* b
iuſtus erga impios.
c *Hæc igitur attributa* c
ſupremi rerum Conditoris
ac Domini cæli & terræ,
ac rerum omnium, d *ha-* d
bemus non ſolum per reue-
lationem, in eius libro ab
ipſo factam, e *ſed etiam* e
per rationem naturalem,
cordi noſtro impreſſam &
ſignatam ab ipſo Deo. f f
Quod ſcilicet ſit Infinitus
in eſſentia, Aeternus in du-
ratione, Immenſus in præ-
ſentia, g *Sapientiſſimus in* g
conſiliÿs, h *Omnipotentiſſi-* h
mus in operatione, i *Op-* i
timus & Liberaliſſimus in
ſui communicatione, k *&* k
Aequiſſimus in iudiciÿs in-
effabilibus & incomprehẽ-
ſibilibus. l *Infinitæ igitur* l
eius Maieſtati & Eſſentię

Ngày thứ hai

z mà chịu tọi đời đời: z vì chưng đức Chúa blời coũ bàng vô cũ, phán xét bắt tội nó tlaõ địa ngọc, chết vô cũ. a Vì chưng đức Chúa blời bàng thưởng kẻ lành, thì b rứt nhin, rứt lành, b mà phạt kẻ dữ, thì chi linh, chi coũ đệy.

c c Ếy đệy mà bây nhêu ſự nầy ở tlaõ đức Chúa blời, là Chúa cả làm nên d blời đất, cũ mọi ſự, d thì ta đã hay, vì có mlới tlaõ kinh đức Chúa blời, e c mà lại có mlẽ thạt tlaõ làõ ta, đức Chúa blời in đẻào cho ta hay bâynhêu ſự nầy ở tlaõ đức Chúa f blời, f là tính thiêng liêng vô cũ, mà hàng có đệy, lại mọi nơi mọi có đức g Chúa blời, g cũ lá rứt khôn biết mọi việc tỏan: h h mà việc làm thì có i phép tác vô cũ, i nơi thoũ mênh ra, thạt là laõ lành, và roũ rãi vô cũ, k k nơi phấn xét, thì rứt coũ bàng, và ſâu nhiệm, l ta ſuy chẳng đến. l mà

ta phải hay, vì đức Chúa blời là tính thiêng liêng

m *ſupre-*

m *ſupremam debemus ado-*
ratione̅m & cultum, præ-
ſertim in anima noſtra ſpi-
rituali, quæ ab ipſa ſola eſſe̅-
tiam participat, n *& in*
ſpiritu præcipuè vult ado-
rari & coli, cum ſit infi-
nitus ſpiritus, o *tanquam*
primum principium, & vl-
timus finis noſter, ac rerũ
omnium: p *atque ex hac*
adoratione & cultu interno,
q *debet procedere adoratio*
externa corporis, r *vt ſit*
illi ſupremæ Maiſtati gra-
ta.
s *Infinitæ illius immenſi-*
tati & præſentiæ ſuprema
debetur reuerentia, t *vt ſci-*
licet vbique præſentem re-
cordemùr, reuereamur, &
timeamus videntem, u *nec*
in eius venerabilis Maieſ-
tatis præſentia audeamus,
quod in præſentia ſupremi
cuiuſdam Principis, vel etiã
coram vniuerſo mundo non
auderemus.
x *ex Aeterna eius vita &*
duratione infinita, abſque
principio & fine, y *colligere*

m vô cữ, m thì ta phải lạy
mà thờ, tlước tlaõ linh
hồn ta, là thính thiêng,
bởi một đức Chúa blời
n mà có n vì tính thiêng
liêng vô cữ, thì khiến
lêy tính thiêng tlước, mà
o lạy và thờ đ'êy, o vì là
cội rễ đầu hết mọi sự
lành chứng tôi, và các
p kì sự. p ☞êy vì có lạy
và thờ tlaõ làõ tlước,
q q sau thì mới lêy xác mà
r lạy bề ngõài, r thạt làm
☞êy đức Chúa blời mới
yêu.
s s Mà vì đức Chúa blời
mọi nơi mọi có, thì ta
phải kính ở no mọi nơi;
t t vì ☞êy ta phải đó lien,
mọi chốn mọi có đức
u Chúa blời thấy ta: u mà
đ'êu gì tlước mạt ☞ua
chúa cả thế nầy, hay là
tlước mạt cả và thien
hạ, ta chẳng đ'ám làm,
thì tlước mạt rứt traõ
đức Chúa blời ta chớ
đ'ám.
x x Lại vì đức Chúa blời
là sóũ lâu vô cữ, mà
chẳng có tlước, cữ chẳng
có sau, thì hàng sóũ ☞êy, y ta phải suy mlẽ làm y

debemus, vt ſicuti hanc vitam ab illo fonte totius vitę haurimus, z *ſic à nullo alio vitæ huius prorogationem ſperemus, quam ab illo qui eſt fons vitæ.* a *ſtultitiæ namque eſt non ferendæ, à mortuis parentibus, qui ſibi ipſis vitam prorogare non potuerunt, vitam petere aut ſperare.* b *neque ſolum vitam hanc & ſanitatem corporalem à ſupremo vitæ omnis fonte Deo ſperare debemus,* c *ſed præcipuè vitam animæ noſtræ, quæ conſiſtit in eiuſdem gratia & amicitia,* d *quam ſi uſque ad finem vitæ huius caducæ habuerimus,* e *æternæ etiam vitæ & beatitudinis perennis, cum ipſo Deo in gloria paradiſi, participes futuri ſumus.*

f *Sapientiam quoque infinitam ſupremi rerum Conditoris venerabimur,* g *credentes nihil omninò eſſe poſſe occultum oculis Maieſtatis eius,* h *ne cogitationes quidem & affectiones cor-*

Ngày thứ hai

bềy, ta ſóũ, thạt là bởi đức Chúa blời, là cội rễ đầu mọi ſự ſóũ: z vì bệy khi ta muốn cho ſóũ lâu, thì ta cậy một đức Chúa blời mà chớ. a ai muốn cho ſóũ lâu, mà cầu cũ cha mẹ, oũ bà oũ vãi đã chết, chữa mình cho ſóũ lâu chẳng đươc, thì thạt là dại chóuc. b vì bệy ta phải cậy một đức Chúa blời, là cân ngỡền đầu mọi ſự ſóũ, chẳng những là cho ta ſóũ và khỏé xác nầy: c mà lại đầu hết ta phải cậy đức Chúa blời cho linh hồn ta ſóũ, là giữ nghĩa cũ đức Chúa blời, gói là (*gratia*) d ví bàng ta giữ nghĩa nầy cũ đức Chúa blời, cho đến chết, e thì đức Chúa cho ta ſóũ lâu vô cũ, bui bé vô cũ tlên blời, cũ đức Chúa blời bệy.

f Cho ta kính đươc hay biết vô cũ đức Chúa blời, là cội rễ đầu mọi ſự, g thì ta phải tin chẳng có đi gì cỡết mạt đức Chúa blời h dù lào ta có lo, có đoũ làm ſao, k

dis

dis noſtri, [i] *ſed omnia* [i]
omninò illi eſſe manifeſta,
[k] *præſeutia, præterita &* [k]
futura, [l] *nihilque prorſus* [l]
illum latere poſſe, [m] *vnde* [m]
nec falli poteſt, nec fallere
[n] *quia infallibilis veritas* [n]
eſt.
[o] *Illam itaq. ſummã ſapien-* [o]
tiã venerabimur. [p] *ſi cre-* [p]
diderimus verbis eius, [q] *&* [q]
intellectum omnem noſtrũ
ſubiecerimus infinitæ ip-
ſius ſapientiæ & cognitioni
[r] *infinitum etiam Diuinæ* [r]
Maieſtatis oculum, cui nu-
da & aperta ſunt omnia,
venerabimur, [s] *ſi mentis* [s]
noſtræ oculos ad ipſum ve-
nerabundi quam ſæpiſſimè
direxerimus, [t] *conſideran-* [t]
tes nobis ita inuigilantem,
[u] *atque operibus noſtris,* [u]
tam internis, quam exter-
nis ita intentum, [x] *ac ſi* [x]
nihil aliud in vniuerſo mũ-
do videndum illi ſupereſ-
ſet; [y] *hæc enim ſæpè re-* [y]
petita & fermè continua
conſideratio, [z] *magnam in* [z]
nobis Diuinæ Maieſtatis

[i] [i] thì đức Chúa blời đã
[k] biết tỏ tường hết, [k] dầu
mà đí gì đã qua, hay là
chưa có, thì cũ đã hay,
[l] [l] mà chẳng có đí gì giấu
được đức Chúa blời.
[m] [m] Vì bởy chẳng có ai
nói dối được đức Chúa
blời, mà lại đức Chúa
[n] blời chẳng có nói dối
được ai, vì chũng đức
Chúa blời là thạt nhít.
[o] [o] Vì bởy cho ta kính hay
biết vô cũ đức Chúa
[p] blời, [p] thì ta phải tin mọi
mlời đức Chúa blời tru-
[q] yền cho, [q] mà nhũng trí
ta bổ dưới hay biết vô
[r] cũ đức Chúa blời. [r] lại
cho ta kính dái hay biết
vô cũ đức Chúa blời,
xem tỏ tường hết mọi
[s] sự, [s] thì ta phải kính dớ
lien mạt đức Chúa blời;
[t] [t] mà ta ngám đức Chúa
blời coi thấi ta lien, [u] và
[u] mọi việc ta, và tlaõ làõ,
và bề ngõài tỏ tường.
[x] [x] cũ bàng có ta, mà chẳng
còn có đí gì tlaõ thé giái
[y] nầy nữa mà xem: [y] vì
chưng ta dớ làm bởy
nhẽu lần, giần như thể bàng liên lỉen, [z] thạt là [z]

rer

reuerentiam, ſanctumque timorem ingenerabit, [a] *ne fortè in aliquo tantæ Maieſtatis oculum offendamus.* [b] *Infinita etiam ſupremi rerum Conditoris Omnipotentia, in qua ſcilicet, & per quã viuimus, mouemur & ſumus,* [c] *ſi à nobis benè perſpecta fuerit, ac probè intellexerimus,* [d] *nos ne pedem quidem mouere poſſe, ſine ipſius adiutorio.* [e] *ex vna parte magnam nobis deſpicientiam noſtri & humilitatem pariet,* [f] *cum clarè videamus, nos ex nobis nihil omninò poſſe,* [g] *atque in nihilum redigendos, niſi continuus Diuinæ Potentiæ influxus nos conſeruaret,* [h] *etiam in eſſe naturali, quod ab ipſa ſine vllis noſtris meritis habemus.* [i] *Hoc multò magis in eſſe gratiæ & ſuper naturali verum eſt,* [k] *ad quod per infinitam eius miſericordiam aſſumimur, vt Diuinæ conſortes Naturæ ſimus per gratiam;* [l] *quia nec ipſam gratiam ſanctificantẽ animas noſtras, ſi-*

Ngày thứ hai

làm cho ta kính dái đức Chúa blời lám, [a] má giữ ta, kẻo phạm sự gì mất [b] lão đức Chúa blời. [b] lại khi ta ngám phép tác vô cũ đức Chúa cho ta sóũ, [c] và đoũ, và ổ, [c] thạt thì [d] nếu hay tổ tường, [d] đức Chúa blời chẳng có giúp sức, thì bức một chin- [e] ra cũ chẳng đượ-c, [e] một bên thì ta ra lão kiem- nhường, mà lấy ta là kẻ [f] hèn lám, [f] vì chưng thì ta biét tổ tường, bởi một mềnh ta, làm đi gì đi gì [g] chẳng đượ-c sốt, [g] mà lại ví bàng đức Chúa- blời chẳng phù họ ta- [h] lien, ta lại về khoũ: [h] dầu là bổn tính mình, đức Chúa blời hư khoũ cho ta, mà ta chẳng có coũ gì: đức Chúa blời chẳng giữ, thì cũ ra khoũ dệy. [i] [i] hỏấng chi là tính, *gratia*, là lỏài trạo gần đức [k] Chúa blời, [k] bói lão tư bi đức Chúa blời thư- ấng vô cũ, mà đam ta- lên lỏài tính đức Chúa [l] blời, gọi là, *gratia*. [l] vì chưng nếu đức Chúa-

ne

ne peculiari eius adiutorio habere poſſumus, [m] *nec in illa perſeuerare, niſi continuis eius gratiæ auxilijs adiuuemur.* [o] *ex alia verò parte ſi Omnipotentiam ſupremi Numinis paratam ad nos iuuandos benè perſpexerimus,* [p] *non ad opera ſolum naturæ, ſed etiã gratiæ,* [q] *magna in nobis orietur confidentia & ſpes,* [r] *quod ſcilicet nihil non poſſimus in eo Omnipotenti Deo, qui nos confortat.* [ſ] *Sed infinita ſupremi Numinis bonitas* [t] *& Caritas, qua dilexit nos, etiã ante mundi cõſtitutionem,* [u] *& in tempore præſtituto ſe nobis communicauit, creando nos ad imaginem & ſimilitudinem ſuam, quã dedit animubus noſtris:* [x] *parata etiam illam imaginem inſtaurare atque perficere,* [y] *per gratiam & amicitiam ſuam,* [z] *ſi probè illam perpendamus, apta eſt excitare in cordibus*

blòi chẳng cho ta ſức rieng, mà ta chịu lẽy phép *gratia* (làm cho linh hồn ta nên thánh) chẳng đươc · [m] lại giữ *gratia*, lá nghĩa cũ đức Chúa blòi, cho đến blọn đòi, [n] mà đức Chúa blòi chẳng phù họ ta lien, thì chẳng đươc đâu. [o] lại bẽn khác, thì ta nhớ đức Chúa blòi phép tác vô cũ, mà dọn lien giúp ta, [p] chẳng nhữ̃ng là việc mọn vẽ thế nẩy, cũ giúp ta việc trạõ, *gratia*, [q] vẽ đòi ſau, ta ra lào cao, tloũ cậy phếp vô cũ đức [r] Chúa blòi, mà ta cay cả ſức vô cũ làm đẽy, chẳng có ſự gì ta chẳng đươc. [ſ] Saõ le ſự đức Chúa [t] blòi lào lành vô cũ, ái mộ ta làm ſao, cũ khi [u] chưa có thế giái, mà khi đã tŏan ſinh ra ta, cũ thoũ cho ta làm ảnh tượng đức Chúa blòi [x] ở tlaõ linh hồn ta: lại dẽon ſửa lại ảnh nẩy, mà làm cho khéo hơn nữa [y] phủ cho, *gratia*, la nghĩa cũ đức Chúa blòi, [z] nếu ta ſuy lại cho nên, thạt thì làm cho

noſtris ingentem flammam amoris ſui. [a] *Cur enim ſummoperè non diligamus infinitam Bonitatem,* [b] *quæ nos adeò immeritos, & viles homunciones tanta charitate prior dilexit?* [c] *Et quoniam verus amor non in præclaris verbis, ſed in operibus eximijs poſitus eſt,* [d] *& vt ipſamet ſuperma Bonitas ſuis nobis eloquijs ſignificare dignata eſt,* [e] *in mandatorum ipſius perfecta cuſtodia conſiſtit vera eius dilectio;* [f] *vt tantæ Bonitati aliquãtulum grati reſpondeamus,* [g] *curabimus præcepta ipſius integrè cuſtodire,* [h] *cum gratia eiuſdem ſupremi Numinis,* [i] *ſine qua nihil poſſumus.* [k] *Denique rectiſſima ſupremi rerum Cõditoris, & incorrupti Iudicis æquitas,* [l] *qua vnicuique retribuit iuxtà ſuũ meritum, aut demeritum:* [m] *bonis quidem beatitudinem ſempiternam in cælo* [n] *malis verò æternos cru-*

Ngày thứ hai

mến lại, mà cám ơn đức Chúa blời lám. [a] Mà sao ta chẳng ái mộ lại làõ lành vô cữ đức Chúa blời, [b] khi tlước đã yêu ta chẳng có coữ gì, mà là ké hèn, và mộ ta tlước lám thế ếy? [c] saõ le vì laõ yêu thạt, chẳng phải là khéo mlời nói, thạt là việc trạõ mình làm, [d] mà như có mlời đức Chúa blời nhít làõ lành, [e] thạt kính mến đức Chúa blời, là giữ mlời đức Chúa blời răn cho blọn; [f] ví bệy cho ta cám ơn làõ lành vô cữ đức Chúa blời, [g] thì ta phải dọuc làõ giữ mlời đức Chúa blời răn cho blọn, [h] mà đức Chúa blời cho sức ếy thì mới đươc, [i] chẳng có sức đức Chúa blời cho, thì ta chẳng đươc đí gì sốt. [k] Sau nữa khi có đức Chúa blời coữ bàng vô cữ, phán xét chẳng tây ai, [l] mà thứâng phạt ai nếy, bàng có coữ, hay là có tọi: [m] kẻ lành thì thưởâng cho bui bẻ vô cữ tlên blời, [n] kẻ dữ

ciatus in inferno ; ° *hæc urget nos vt, Iudicem ſupremũ, dum exorabilis eſt, deprecemur,* ᵖ *ſuperioris vt vitæ innnmera nobis errata condonet,* ᵠ *dolentes maximè, quod tantam offenderimus Maieſtatem, eiuſque iram meruerimus;* ʳ *cum propoſito vitam deinceps corrigendi, iuxtà normam Diuinæ Voluntatis, & præceptorum eius:* ˢ *in eius ſcilicet infinita Miſericordia confiſi, quod veniam ſupplicibus & pœnitentibus ſit datura.*

ᵗ *Atque hæc cognitio de Deo, à lumine ipſo naturæ accepta, iam ſufficiat.*

thì phạt, mà bắt chịu hình đời đời tlaõ địa ngoục ;° sự làm bệy thì ép ta cầu cứ đức Chúa blời, khi chưa có phán xét ta, mà còn cho cầu cứ ᵖ ta xin tha tội, ta đã phạm ngày tlước, kể chẳng xiết: ᵠ ta lo buồn vì đa lỗi nghĩa cứ đức Chúa blời trạõ làm bệy: ʳ mà ta dẽoục làõ, từ nẩy về sau chừa, là theo í đức Chúa blời, và giữ mlời răn. ˢ mà ta khiem nhường cầu tha, và ăn năn tội, thì cậy đức Chúa blời nhin lành vô cứ, tha tội tha vạ cho chúng tội.

ᵗ Mà biết bay nhêu sự đức Chúa blới, bởi làõ ta suy mlẽ làm bệy, bây giờ thì bừa.

Dies tertius.

[a] *SVpra breuitèr explicatum eſt, quod iam ab æterno, antequã eſſet cælum aut terra aut quidquã aliud, [b] iam erat ſubſtantia ſpiritualis eſſentiæ infinitæ, æternæ, immenſæ, [c] ſapientiam quoque habens infinitam omnipotentiam infiniam, bonitatem infinitam, [d] æquitatem denique & iuſtitiã infinitã. [e] Atque hæc ſubſtantia infinita, quæ vocatur Deus, verusq; cæli Dominus [f]: quamuis nullo indigens; ſibique ſola ſufficentiſſima eſſet, ad perfectã ſuam beatitudinẽ, omni ex parte completam; [g] pro ſua libera voluntate ac infinita, [h] voluit creaturas ex nihilo, in quo ab æterno iacuerant, per ſuam Omnipotentiam extrahere, [i] illiſque exiſtentiam in tempore præſtituto tribuere, [k] creando ſcilicet cœlum & terram, omniaque in illis contenta: [l] quæ quamuis potuiſſet vnico momento ſi-*

Ngày thứ ba.

[a] [a] NGày thưở-c đã giảng, khi chưa có blờ-i, chưa có đất, chưa có đí gì sốt thưở-c vô cũ, [b] đã có tính thiêng liêng, là tính khí vô cũ, hàng có vô cũ, phủ mọi nơ-i vo cũ, [c] mà hay biết mọi sự vô cũ, phép tác vô cũ, lào lành vô cũ, [d] lại là coũ bàng vô cũ. [e] Mà tính thiêng liêng vô cũ nầy, gọi là Chúa *Deus*, thạt là đứ-c Chúa blờ-i. [f] dầu chẳng có dữ gì bê ngoài, mà bui có bọn bui bé một mềnh no mọi đàng; [g] sa-o le vì có chúa í mềnh, lại có lào lành vô cũ, [h] thì có tỏan dữ phép mềnh vô cũ, mà bở-i khoũ hóá ra mọi sự có, dầu xưa đờ-i đờ-i một khoũ bệy: [i] đến ngầy tỏan làm, thì cho mọi sự có, [k] má làm nên blờ-i đết, cũ mọi sự ở tlaõ thế giái nầy bệy: [l] mà dù đứ-c Chúa blờ-i có muấn hóá ra một chốc

mul-

mul omnia [m] *per vnicum* [m]
ſuæ voluntatis efficaciſſimę
actum producere, [n] *& alia* [n]
innumera etiam perfectio-
ra, [o] *quæ in nihili teneb-* [o]
ris liberè reliquit: [p] *ea* [p]
tamen quæ creauit, voluit
ſex dierum ſpatio facere;
[q] *tum vt oſtenderet ſe li-* [q]
berè agere quod ageret; [r] [r]
tum etiam vt rerum, quas
ſingulis diebus producebat,
inſufficientiam demonſtra-
ret.
[s] *Prima igitur die creauit* [s]
Deus cælum empireum, [t] [t]
ſcilicet ad electorum ſuo-
rum beatiſſimam, atque
perpetuam habitationem;
[u] *& terram, indigeſtam* [u]
aquiſque circumquaq; coo-
pertam, [x] *cumq; omnia te-* [x]
nebris circunfuſa eſſent,
ſicuti creauit Deus lucem
corporalem, per quam cor-
poralia fierent viſibilia: [y] [y]
ſic etiam lucem ſpiritualem
creauit, ſubſtantiam ſcili-
cet merè ſpiritualem & in-
tellectualem, quæ non ſolũ
creaturas omnes, naturaſq;

Ngày thứ ba 59

mọi ſự thì cũ được,
[m] [m] mà khiến một mlời,
chẳng những ra đều hết
[n] ſự thế giái nầy, [n] mà lại
hóá ra được muôn vàn
thế giái khác vô cũ, tốt
[o] hơn thế giái nầy, [o] dầu
đã tŏan dể các thế giái
[p] khác khoũ bệy: [p] ſaõ le
mọi ſự đã tŏan làm ra,
mà có; thì tŏan làm ra
[q] tlaõ ſáu ngày; [q] và cho
ta hay đức Chúa blời
có chúa í tứ, mà làm ra
[r] bay nhêu ſự nầy; [r] và lại
tỏ ra làm mỗi một ngày
ſự nọ ſự kia thì ra thiếu,
mà một mềnh chẳng đủ.
[s] [s] Vì bệy thì ngầy thứ
nhít đức Chúa blời hóá
[t] ra blời tlên, [t] để làm
đền bụi bể cho các
thánh, đã chọn ở đếy
[u] đời đời; [u] lại ſinh
ra đết còn hỗn độn, có
[x] nước chung quanh: [x] khi
ếy còn tối tam hết, mà
đức Chúa blời ſinh ra,
và ſáng có xác, cho ta
thấy được ſự có hình,
[y] có xác: [y] lại ſinh ra ſáng
thiêng, là tính những
thiêng liêng ſáng biết: mà tính thiêng liêng ếy

& proprietates eorum, clarè ac perfectè perſpiceret: z *ſed etiam fieret capax à Deo per gratiam, ad videndum ipſum Deum,* a *(quãuis naturaliter à creatura, etiam qualibet rationali & intellectuali, inuiſibilem)* b *ſi tamen perfectè Creatori ſuo ſubiecta, æternam illam beatitudinèm mereretur.* c *Creauit igitur ſupremus rerum Artifex & Dominus nouem, Angelorum Choros, qui ſinguli ſunt numeroſiſſimi:* d *quod vel inde colligi poteſt, quod ex ſolo infimo Angelorum Choro ſupremus rerũ Dominus ſingulis hominibus ſingulos deputauerit Angelos,* e *qui per totum vitæ huius curriculũ, ab hora natiuitatis vſq; ad horã mortis, illos cuſtodiant:* f *vnde colligitur in illo ſolo infimo Choro tot ſaltem eſſe cunctos Angelos cuſtodes, quot ſunt homines qui ſũt ſuperſtites in toto mundo.* g *dicũt autem Sancti aliqui viri,*

chẳng những là biết mọi tính đức Chúa blời sinh ra, và biết tỏ mọi phép bấy nhêu tính ấy: z mà lại bởi đức Chúa blời chiụ được sức, là *gratia*, cho thấy mạt đức Chúa blời: (a dù mà các lỗài thiêng liêng, bởi mềnh chẳng có sức nào, mà thấy được mạt đức Chúa blời:) b sảo le chiụ lụy đức Chúa blời cho blọn thì thín thiêng liêng ấy được coũ chiụ bui bể làm bệy, đời đời. c Vì bệy đức Chúa blời là Thợ cả Chúa cả sinh ra chín đứng thien thần, mà mỗi một đứng có d nhều thien thần lám, d sự ấy thì tỏ ra, vì chưng dầu mọt đứng thien thần dưới đủ mỗi một người có mỗi một thien thần, đức Chúa blời c cho thien thần ấy giữ gìn ta còn sóũ ở thế nầy, từ ngày sinh để cho đến ngầy chết thì f giữ bệy: f vì bệy thien thần một đứng dưới, ít là, có bao nhều người còn sóũ ở cả và thien hạ, thì có bay nhêu đức thành thien thần ấy giữ đấy. g lại có người thánh

eò plures esse Angelos in superioribus Choris, quò nobiliores sunt. h *Vnde fit vt numerus militum summi Regis ac Domini* i *sit omninò innumerabilis respectu nostri.* k *Sapintia autem illorum est tanta,* l *vt rerum omnium naturaliũ cognitionem habuerint à primo instanti quo creati sunt,* m *quamuis quoad mysteria supenaturalia & Diuina* n *nouum semper lumen à Deo acquirant;* o *ita vt tres Chori superiores à supremo Rege, cui semper assistunt, lumen illud immendiatè accipiant,* p *& hi rursus tres Choros medios illuminent,* q *qui tres Chori medij lumen à supremis tribus Chorisacceptũ, rursum communicẽt tribus Choris infimis;* r *vt scilicet sic gradus omnes à supremo Rege vel immediatè,* s *vel mediantibus gradibus superioribus illuminati,* t *voluntatem supremi Domini impigrè exequantur.* u *Potentia verò & efficacia in illis tanta est,*

ràng, thien thần càng đứng tlên thì càng nhêu.
h vì ḍệy cŏên đức Chúa blời, là ḍua Chúa cả
i tlên hết mọi ḍua, i vô hồi vô số, ta kể chẳng
k được. k mà hay biết thien thần thì đến chùng
l ấy, l khi đầu hết đức Chúa blời sinh ra, đã biết mọi tính thế giái
m nầy. m saõ le sự bề tlên
n khỏi tính thế giái nầy, n đức Chúa blời cho một
o khi một sáng nữa; o mà ba đứng tlên, ở lien chầu chức đức Chúa blời, thì chịu sáng bởi một đức
p Chúa blời, p lại ba đứng tlên ấy thì sáng ra cho
q ba đứng giữa, q mà lại ba đứng giữa sáng chịu bởi ba đứng tlên, lại thoú ra cũ ba đứng dư-
r ới; r ḍệy thì các đứng chịu sáng bởi đức Chúa blời, hay là bởi mọt
s đức Chúa blời cho, s hay là bởi đứng tlên truyền
t cho, t mà ḍệy biết í đức Chúa cả làm sao, thì ḍưng tức thì làm ḍệy.
u u Mà phép tác thien thần

ex

[x] *vt vel vnus Angelus ſatis ſit ad mouendum vniuerſum cælum, omneſque firmamenti fixas ſtellas,* [y] *quarum ſingulæ vniuerſo terrarum orbe longè maiores ſunt;* [z] *cumque ab initio mundi vſque nunc per tot annorum myriades* [a] *abſq; vlla intermiſſione id muneris exequantur, nunquam tamen defatigantur,* [b] *neque defatigabuntur vſque ab finem mundi.* [c] *Quid referam cætera? vnus Angelus, ex mandato Dei,* [d] *percuſſit vniuerſum Aſſyriorum exercitum;* [e] *ita vt vna nocte interfecerit centum & octoginta quinq; millia hominum,* [f] *facillimè atque abſque vlla defatigatione:*

[g] *Supremus itaque Angelorum, ac rerum omnium Dominus* [h] *nouem Choros, ſeu nouem exercitus militum ſuorum ſic diuiſit;* [i] *vt tres ſupremi Chori ſic aſſiſterent ſupremo Regi in ſua cæleſti Regia,*

[x] thì mlớn chưng nấy, [x] vì một thien thần có ſức blở đọũ hết cả và blòi, và các ngôi ſao [y] tlén, [y] mà mỗi một ngôi ſao ấy thì mlòn gia giét, hơn cả và hòn đ'ết nữa, [z] mà từ đ'ầu hết thế giái nấy, cho đ'ến bay giờ, mấy [a] nghìn nàm, [a] làm việc ấy lien, chẳng có khi nào đừng, mà chưa có nhaọc sốt, [b] dù mà làm lien, cho đ'ến hết thế, cữ chẳng [c] có nhaọc nữa. [c] ſự khác ta kể làm chi? có thien thần đ'ức Chúa blòi khién, một mềnh [d] đanh phá hết cả và giạc thắng [d] Aſſirio: [e] mà một đêm thì đánh chết một vàn tám muân nam nghìn cỡên giạc ấy, [f] dễ lám, mà chẳng có nhaọc sốt.

[g] Vì bệy đ'ức Chúa blòi, là Chúa cả tlên các thien thần, cữ tlên hết mọi [h] ſự, [h] thì ſửa việc chín đ'ứng, hay là chín chiếc mlớn cỡên mềnh làm bệy: [i] ba đ'ứng ở tlên thien đàng, mà châu chực đ'ức Chúa blới lien,

[k] *vt*

k *vt communiter non deſcẽderent ad inferiora hæc, niſi rariſſimè,* l *ad ſuprema quædam & grauiſſima tantum negotia exequenda,* m *ſed ſemper in Dei laudibus eſſent intenti :* n *tres alij Chori medij præeſſent omnium cælorum,* o *ſolis & lunæ ac planetarum, ſtellarumque fixarum motibus & influxui,* p *& elementorum cæterarumq; ſpecierum conſeruationi ad bonum vniuerſi.* q *Denique infimi tres Chori inferiorum etiam bono ſic præeſſent,* r *vt ſupremi quidem ſingula ſibi commiſſa cuſtodirent regna, eorumque bonum curarent :* ſ *mediis ſingulis ſingulorum Regum ac Principum ſupremorum commiſſa eſſet cura,* t *vt illos dirigerent ad regna rectè adminiſtranda;* u *poſtremis vero ſingulis ſingulorum hominum demandata eſſe cuſtodia :* x *ita tamen, vt omnes illi nobiliſſimi ſpiritus,* y *ſint etiam adminiſtratorij luminum & inſpirationum*

k k cũ chẳng có quen xuống hạ giái nầy, là hỏạ,
l l khi có việc gì rứt, vá kứ trạõ, thì mới xuống làm việc ềy mà thôi,
m m cho đươc ở lien khen ngươi đức Chúa blời:
n n ba đứng giữa thì giữ gìn mọi tầng blời,
o o mạt blời, mạt blang, cũ các ngôi sao tlên dươi blớ đọũ,
p p và giáng xuống, cũ coi các phần mlớn thế giái nầy, và các lõài kẻo hết, cho thế nầy lành.
q q Sau hết ba đứng dươi thì coi sóc hạ giái nầy cho
r r lành làm ềy; đứng nhít thì mỗi một thien thần có giữ mỗi một nươc, mà coi sóc cho
ſ ſ lành: đứng nhị thì mỗi một thien thần giữ gìn mỗi một quan mlớn đua
t t Chúa, mà dẽạy đềy trị
u u nươc cho nên: đứng dươi hết thì mỗi một đức thánh thien thần chịu viec giữ gìn mỗi
x x một ngươi. Saõ le các chín đứng kực sáng kực trạõ đức thánh thien thần ềy,
y y cũ giữ việc

Diuini Spiritus. [z] *propter eos qui à Deo hæreditatem capiunt ſalutis æternæ.*

[a] *Dicet aliquis, ſi tot nobiliſſimi ſapientiſſimi ac potentiſſimi Spiritus bono vniuerſi inuigilant:* [b] *cur tot mala, tam culpæ, quàm pœnæ miſeros mortales inuadunt?* [c] *Cur tot bella & lites inſurgunt, ſi tot Angeli pacis, quieti & paci hominum præficiuntur?*

[d] *Ad reſponſionem huius rei ſciendum eſt, omnem creaturam rationalem & intellectualem,* [e] *ſic à ſupremo rerum Conditore Deo fuiſſe conditam,* [f] *vt libertatem ſui arbitrij haberet, ad benè vel malè agẽdum,* [g] *quod etiam puris illis Spiritibus conceſſum eſt,* [h] *vt ſcilicet per libertatem arbitrij ſui & propriæ voluntatis ſupremo Regi, Dominoque ſubijcientes, beatitudinem æternam conſequerentur,* [i] *& ſic in gra-*

Ngày thứ ba

giuâng ſáng, và phép đức
[z] Chúa blời giúp ſức [z] cho kẻ lên chiu chui chẻ đời đời, bởi mlời đức Chúa blời blỗi cho.

[a] [a] Có kẻ nói làm chẳy, nếu có dều thien thần thiêng kực trạõ, và rứt ſáng láng, lại có cả phép làm chệy, mà coi ſóc thế
[b] giái nầy cho lành: [b] vì ſao có nhều tọi vạ, phạm lỗài người ta khổn nạn?
[c] [c] nếu có nhều thien thần có phép bàng an lành, mà cói ſóc cho lỗài người ta đượ̣c bàng an lành, vì ſao có nhều giạc đến, nhều ſự láo dáo làm chệy.
[d] [d] Cho ta thưa đều ấy, thì phải hay, hễ là lỗài có chúa í mềnh, và có ſáng
[e] biét, [e] thì đức Chúa blời là Chúa cả làm nên mọi lỗài, có hỗá ra lỗài
[f] ấy, [f] mà cho có í tứ, mạc làõ chọn làm ſự lành, hay
[g] là ſự dữ. [g] ſự chọn ấy, đức Chúa blời cứ đã
[h] cho các thien thần, [h] mà chệy có chọn chưng phép đức Chúa blời, là chua Chúa cả, mạc í mềnh, thì chịu đượ̣c phúc chui chẻ đời đời, [i] cứ đượ̣c
[i] *tia &*

tia & amicitia Dei confirmarentur in æternum : [k] *rebelles contra iuxtà peccatum ſuum æternis deputarentur ſupplicijs.* [l] *quamuis igitur omnes illi nobiliſſimi Spiritus, in primo ſuæ Creationis inſtanti,* [m] *ſupremi Conditoris ac Domini gratiam ſint conſequuti;* [n] *quia tamen poſtea ſupremus ille Angelus qui lucifer nominabatur, & à ſupremo Rege;* [o] *tanquam omnium Angelorum Princeps conſtitutus fuerat;* [p] *eximias ſuas dotes & perfectiones conſiderans,* [q] *ita euanuit in cogitationibus ſuis, vt contra ſuum ſupremum Regem & Conditorẽ ſuperbiret,* [r] *velletque ſedere, & eſſe ſimilis Altiſſimo;* [s] *imò ad hanc ipſam rebellionem cæteros Angelos ſibi quodammodo ſubditos, inſtigaret,* [t] *ita potenter, vt tertiam Angelorum partem in eandem à ſupremo Rege defectionem*

gratia, là nghĩa cũ đức Chúa blời, hàng bền bửng vô cũ đẹy: [k] mà thien thần nguy bàng tội mềnh, thì chiu hình đời đời đẹy. [l] Vì đẹy dù mà các thien thần ſáng traõ ẽy, khi đầu hết đức Chúa blời ſinh ra, [m] thì đươc *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, là Cha cả, và Chúa cả: [n] ſaõ le vì khi ſau thien thần cả, gọi là Lucifer bởi đức Chúa blời, là đua Chúa cả, [o] mà đã chiu chức làm cai tlến hết các thien thần, [p] xem mềnh có tài mlớn, có phép traõ, [q] thì ra làõ khoũ mà dễ ngươi, cho đến kieu ngạo cũ đức Chúa blời, là đua Chúa cả hỡá ra nó, [r] mà nó tỡan ngồi ở tỡạ bàng đức Chúa blời; [s] lại cây mềnh làm cai, thì giục làõ các hết thien thần khác, làm nguy cũ đức Chúa blời, mà có dỡ dành gia giết làm ſao; [t] cho đến, chia các thien thần làm ba phần, một thì cũ dễ ngươi, mà ra blỡ

induxerit. [u] *Quamuis aliæ duæ Angelorum partes in ſua fidelitate, atque amicitia erga ſuum ſupremum Regem permanſerint,* [x] *in Luciferi malã inductionem nullo modo conſentientes, imò fortiter repugnantes* [y] *Quare ſupremus omnium Dominus, cùm videret rebellem Luciferum,* [z] *cum ſuis ſequacibus ſic ſuperbientem, ac bellum in cælo mouentem,* [a] *ſtatim infernum condidit in centro terræ,* [b] *ignemque ibi produxit æternum,* [c] *cui vim dedit comburendi rebelles Spiritus.* [d] *tunc etiam conſtituit Deus fideliſſimum Michaelem cæleſtis militiæ Principem,* [e] *illique præcepit vt rebellẽ Luciferum, omnesque eius ſequaces è cælo pelleret,* [f] *atque ipſum Luciferum impiæ perduellionis caput,* [g] *cum præcipuis eiuſdem*

Ngày thứ ba

laõ nguỵ cũ đức Chúa blòi. [u] ſaõ le còn hai phần đức thánh thien thần, chẳng có làõ nào, giữ blọn nghĩa cũ đức Chúa blòi, là đua Chúa cả, [x] mà hai phần ẽy, Lucifer giục làõ làm ſao, thì chẳng có nghe ſót, lại che mlòi nó đứng đàng. [y] Vì đẽy đức Chúa blòi, là Chúa cả mọi ſự, thấy thàng nguỵ Lucifer, [z] cũ các thàng theo nó, ra làõ kiêu ngạo làm đẽy, mà [a] làm giạc tlên blòi, [a] tức thì làm địa ngọục tlaõ rồn đẽt, [b] lại hõá ra lữa bền đòi đới [c] mà cho lữa ẽy có ſức đốt bấy nhêu thien thần ẽy, là đứa nghịch cũ đức Chúa blòi: [d] cũ khi ẽy đức Chúa blòi cho đức thánh Michael, khi đã giữ blọn nghĩa cũ, làm cai cả tlên hết cõên thánh tlên blòi, [e] mà đức Chúa blòi phán khiến đức thánh Michael xua thàng nguỵ Lucifer, cũ các thàng ngịch theo nó, ra cho khỏi thiên đàng, [f] mà và thàng Lucifer làm cai những đứa dữ tợn nghịch ẽy, [g] và những đứa nhít theo

rebellionis

rebellionis comitibus, [h] *ſtatim in infernũ detruderet,* [i] *æterniſque cruciatibus manciparet:* [k] *tunc ſtatim Sanctus Michael, mandatum ſupremi Regis exequens, cum ſuis fideliſſimis comitibus* [l] *Angelis Sanctis arma in rebelles direxit, verbũ Dei, dicens, Quis ut Deus?* [m] *Quiſnam eſt Lucifer iſte, qui ſupremo Conditori ac Domino Noſtro æquiparari vult?* [n] *ſtatimque in diabolum mutatus Lucifer, dictuſque Sathan,* [o] *tanquam fulgur cum comitibus ſuæ perduellionis è cælo in tartarum ruit;* [p] *aliqui tamen à ſupremo Iudice Deo permiſſi in aëre hoc permanere, vſque ad finem mundi;* [q] *& hi ſunt diaboli tentatores, qui homines ad omnem impietatem impellunt;* [r] *ex his omnes falſæ ſectæ ortum habent, omnia mendacia, periuria,* [ſ] *inimicitiæ, rixæ, impudicitiæ, homicidia,*

thàng Lucifer, làm nguỵ
[h] cũ nó, [h] bỏ ſa xuống
dưới địa ngục cho
[i] cháõ, [i] mà bát ở tlaõ
lửa chịu hình đòi đòi.
[k] [k] bấy giờ tức thì đức
thánh Michael, cũ các
đức thánh thien thần,
[l] cũ một làõ làm bạn cũ,
cầm phép đức Chúa
cả, [l] lấy khí giái thiêng,
là mlời đức Chúa blời,
mà ràng, Ai bàng đức
[m] Chúa blời? [m] Naò thàng
Lucifer là ai, cho nó dễám
giành ở bàng đức Chúa
blời, là Chúa chúng tôi?
[n] [n] mà tức thì Lucifer mất
chức thien thần, đổi làm
[o] quỉ, gọi là Sathan, [o] lại
như sấm sét ſa xuống
địa ngục, cũ nhều đứa
nghịch làm bạn cũ nó
[p] nữa. [p] Saõ le cũ có nhều
đứa đức Chúa blời, có
í ſâu nhiệm, còn để ở
nơi gió rốũ nầy, cho đến
[q] hết thế, [q] mà nhữg quỉ
ấy là kẻ cám dỗ, giục
làõ người ta làm mọi
[r] ſự lỗy; [r] bởi chúng nó
ra mọi đạo vậi, mọi ſự gian, thề dối, [ſ] ŏan
gia, ghịch cũ nhau, tà dâm, giết bỏ người ta,

latrocinia [t] *denique omnia peccata certè ipſis impellentibus abhominibus ſic perpetrantur;* [u] *permittente ſcilicet ſupremo rerum Conditore,* [x] *qui pro ſuis ſecretiſſimis, ſed æquiſſimis iudicijs,* [y] *maluit ex malis bona facere,* [z] *quam nulla eſſe permittere.*

[a] *Itaque prima die, ſiue in principio temporis creauit Deus cælum & terram, paradiſum & infernum:* [b] *atque in paradiſo collocauit Sanctos Angelos omnes fideles,* [c] *illoſque beatitudinis æternæ compotes per gloriam effecit, & claram viſionem faciei ſuæ:* [d] *rebelles contra æternis cruciatibus addicens,* [e] *ſempiterna ignominia notauit.* [f] *ſic ſupremus ille Iudex Deus,* [g] *homines bonorum Angelorũ imitatores Deoque ſupremo Domino perfectè ſubiectos, præmijs etiã donabit æternis:* [h] *rebelles cõtra, dæmonumq; ſequaces*

Ngày thứ ba

[t] tlộm cướp, [t] cử mọi tội thạt bới chúng nó [u] dễ lào người ta phạm làm bậy; [u] vì chưng đức Chúa blời, đã làm [x] nên mọi lỏài, [x] thạt có í sâu nhiệm, mà chi linh [y] chi cou, [y] đã chọn để sự dữ, mà bởi đấy làm sự [z] lanh, [z] lấy làm hơn chẳng để ai làm sự dữ.

[a] [a] ấy bậy mà ngày thứ nhứt, hay là khi đầu hết, đức Chúa blời hỏa nên blời cử đất, và thiên [b] đàng cử địa ngọục, [b] mà cho các đức thánh thiên thần có giữ một lào cử, [c] ở tlên thiên đàng, [c] và chịu, *gloria*, là bui bể đời đời, cử hàng thấy mặt đức Chúa blời tố [d] tưởng: [d] lại các thàng ngụy bắt gia hình khốn [e] nạn đời đời, [e] mà hàng chịu xấu hổ bậy chẳng [f] cử. [f] Mà lại đức Chúa blời cả phán xét người [g] ta thì cử như bậy, [g] vì chưng ai bắt chước thiên thần lánh, mà blọn bưng phép đức Chúa blời là Chúa cả, thì cho chịu phúc đời đời; [h] mà kẻ nghịch bắt chước [h]

æternis

æternis cùm Sathana damnabit ſupplicijs.

i *Secunda die creauit Deus cælum hoc viſibile, quod dicitur firmamentum,* k *cùm prima die cælum ſuperius, ſcilicet Empyrerum creaſſet, quod oculis noſtris eſt inuiſibile,* l *vtpote beatorum Spiritum ſedes,* m *& ſupremi rerum Conditoris regia.* n *cælum tamen hoc viſibile dicitur in ſcriptura ſacra diuidere aquas ab aquis,* o *quia ſcilicet cùm totum hoc ſpatium, quod inter terræ globum, & cælum empyreum continetur,* p *impleſſet Deus aquis, quas magnum chaos dicere poſſumus,* q *firmamentum in medio illarum aquarum ita compoſuit,* r *vt magna ipſarum aquarum pars ſupra firmamentum remaneret,* ſ *vt aliqui putant: reliqua verò ſub ipſo firmamento, ita vt vniuerſum adhùc terræ globum cooperiret:* t *ex hac ipſa aqua inferiori, partibusque eius ſubtiliori-bus, poſſumus dicere facta*

theo quí, thì đức Chúa blời phạt nó cũ Sathan, chịu tội đời đời chẳng.

i i Ngày thứ hai đức Chúa blời làm ra blời nầy ta xem, gọi là, *firmamentum,* k khi ngày thứ nhít đã hóá nên, blời tlên, là thien đàng, con mắt ta xem chẳng l đến, l thạt là nhà các đức thành thien thần, m m cũ là kinh đô đức Chúa blời làm nên mọi n sự. n ſaõ le tlaõ kinh đức Chúa blời phán ràng; blời nầy ta xem có chia o nước ra tlên dưới, o vì chưng từ hòn đất cho đến blời tlên, cả và nơi p khoũ ấy, p đức Chúa blời đã đẩy những nước, tà gọi là hỗn độn q thì cũ nên: q blời ta xem thì làm ra giữa nước ấy, r r mà phần mlớn nước, ấy, có ké ràng, đức Chúa ſ blời đã đế tlên ấy, ſ cón phần nước thừa, đã đế dưới blời nầy, cho đến t che cả và hòn đất: t mà ta nói làm chẳng thì cũ nên, đức Chúa blời lấy

eſſe

esse à Deo [u] *aërem atque ignem, duo hæc quæ totam interçapedinem ab aqua (quæ adhuc supererat super vniuersam faciem terræ) vsque ad firmamentum occupant,* [x] *imò aliqui dicunt totum hoc venire nomine cæli:* [y] *vnde etiam in scriptura dicuntur volucres cæli, quæ in hoc aëre volitant.* [z] *Notandum autem est diem primam, secundam, & tertiam:* [a] *tres dies priores antequã sol formaretur, distinctas fuisse* [b] *per lucem, quã prima die fecerat Deus,* [c] *hæc per motũ circularem diuidebat diem & noctem.* [d] *Tertia itaque die cum aqua totum adhuc terræ globum cooperiret,* [e] *nec sic esset apta habitationi hominum:* [f] *supremus rerũ Conditor iussit vt aquæ congregarentur,* [g] *& relinquerent partem terræ siccã, & habitabilem hominibus,* [h] *atque ita facta sunt ma-*

[u] nước ẽy dưới, và phần
[u] nào mấõ thì làm ra, [u] và
gió rốũ nây, và lửa, hai
vật nẩy đã đẩy blòt noi
khoũ, tù nước (cồn khi
ẽy bao quanh cả và hòn
đẽt) cho tan blòi ta xem;
[x] [x] lại có ké thì ràng cả
[y] và noi ẽy cử gọi là blòi:
[y]) vì cbệy tlaõ kinh đức
Chúa blòi, cái chim bay
[z] tlên gió rốũ nẩy, cử gọi
[z] là chim blòi: [z] lại ta
phải hay sự ngày thứ
nhít, thứ hai, thứ ba,
[a] [a] là ba ngày tlước, khi
[b] chưa có mạt blòi, thì
[c] [b] chia ra, [b] bởi đã cò sáng,
đức Chúa blòi hõá ra
[c] ngày thứ nhít, [c] mà sáng
[d] ẽy blố chung quanh, thì
cho nên chia và đêm, và
[e] ngày.
[d] [d] cbệy ngày thứ ba khi
[f] nước hãy còn bao cả
và hòn đẽt chung quanh,
[g] [e] [e] mà thế ẽy đẽt thì chẳng
nên cho ngươi ta ở
[f] đượC, [f] đức Chúa blòi
[h] làm nên mọi sự, thì khiến
[g] nước họp lai, [g] mà để
phần đẽt ráo để dành cho ngươi ta đượC ở,
[h] [h] làm cbệy thì đã nên biển, là nước họp lại.

ria

ria congregationes ſcilicet aquarum. i *Tunc iuſſit ſupremus Dominus vt terra* k *produceret arbores & plantas, ceteraque virgulta & herbas, in vſum ſcilicet hominis,* l *& animalium poſtea producendorum alijs diebus,* m *ſtatimque terra, iubente Domino, abſque vllo ſemine, quod in ſe ſuſcepiſſet,* n *produxit arbores fructibus iam maturis onuſtas, atque alia virgulta & olera:* o *eademque die produxit Deus paradiſum voluptatis, tanquam hortum ſpecioſiſſimum,* p *in quo erat perpetuum ver, abſque vlla frigoris, aut caloris nimij moleſtia,* q *ita tamen vt quolibet anni tempore maturis fructibus abundarent arbores.*

r *Quarta poſtea die ſupremus Conditor ornauit firmamentum,* s *formando ſolem qui ſuo motu* t *diem conſtitueret, dieique præeſſet,* u *& lunã quę præeſſet nocti,* x *ſtellas etiam pulcherrimas produxit, quæ*

i Thoi đõạn đứ·c Chúa blờ·i, là Chúa cả thì khíen đ'ết k mạoc ra cây cỗi, cũ khác rau có, cho ngườ·i ta, l và muâng chim cầm thú, dẽọn ſinh ra, m ngày ſau dữ: m mạ đức Chúa blờ·i khiến làm ḉệy, tức thì đ'ết, đầu chẳng có giốũ naò gieo n tlaõ, n thì ſinh rà cây cỗi, đã có blái chín đã đ'ềy, o cũ khác rau có o mà cũ ngáy ềy đức Chúa, blờ·i làm ra noi ḉui ḉẻ, p như vườ·n tốt lành, p tlaõ ềy mát mẻ lien, như hàng mùa xõ'ên, chẳng có rét, cũ chẳng có sốt quá, mà làm khỗn gì ai, q q ſaõ le blót năm tlên, cây có blái chín.

r r Sau thì ngày thứ bốn đức Chúa cả làm nên mọi ſự, dẽọn blờ·i cho tốt, f mà ſinh ra mặt blờ·i cho blỗ· đọũ chung quanh, t làm ngày cho ſáng, như làm cai ban ngày, u u cũ ſinh ra mặt blang, như làm cai ban đ'êm: x x lại ſinh ra ngôi ſao tốt lành, chẳng những là

non

non ſolum firmamentum
ornarent, y ſed etiam in
hæc inferiora per ſuas qua-
litates influerent in bonum
vniuerſi.
z Quinta die iuſſit Deus vt
ex aquis orirentur, a variæ
auium ſpecies, quæ ſtatim
in aëra volarent, eſſent-
que vt aëris huius habi-
tatores: b tum etiam pi-
ſcium varia genera, quæ
in aquis viuerent, eſſent-
que habitatores aquarum:
c & ſic tam aues quam
piſces ſecundum ſpecies ſuas
multiplicarentur.
d Sexta porrò die ex ipſa
humo produxit ſupremus
rerum Conditor varias
quadrupedum, & reptilium
ſpecies, e quibus etiam
indidit vim producendi ſi-
bi ſimile, ſicque ſpecies ſuas
conſeruandi, vſque ad fi-
nem mundi,
f Eodem ipſo die ſtatuit
Deus facere hominem ad
imaginem & ſimilitudinẽ
ſuam, g tanquam totius
operis ſui compendium, at-
que vltimum vniuerſi decus, h formauitque de
terra corpus humanum perfectum triginta circiter

Ngày thứ ba

y làm cho blời tốt, y mà
lại giuấng ſức mềnh dư-
ới hạ giái nầy, cho lành
z cả và thế giái bệy.
z đến ngày thứ năm có
mlới đức Chúa blời
a phán khién nước ſinh
ra, a và các giống chim cho
b bay tlên bệy: b và nhữ-ng
giống cá, cho ſống tlaõ
nước, mà ở tlaõ nước
c lien bệy: c mà làm bệy
và cái chim, và con cá,
ſinh nối giống mềnh bệy.
d d Mà đến ngày thứ ſáu
đức Chúa blời, là đức
Thọ cả làm nên moi lõài,
thì lấy đết, mà ſinh ra
e lục ſúc, cỡ giống rắn, e lại
cho moi vật ấy có ſức
ſinh nối lõài mềnh, cho
đến hết thế bệy.
f f Lại cỡ một ngày ấy
đức Chúa blời tõan ſinh
ra lõài nguời, làm hình
tượng thiêng đức Chúa
g blới, g như thế gọp lại
moi việc đã làm, thạt
h nở mắt thế giái; h bệy
thì lấy đết mà làm thân

ætati

ætatis annos repræsentans,
i *& inſpirauit in faciem*
eius ſpiraculum vitæ, k
hoc eſt animam rationalẽ
ex nihilo creans ſimul, l
& infundens in illud cor-
pus iam perfectum: m *at-*
que ita factus eſt homo in
animam viuentem, n *at-*
que ad imaginem & ſimi-
litudinem Dei Conditoris
ſui; o *& tunc non ſolum*
dotatus eſt ſcientijs & vir-
tutibus naturalibus, p *in*
ipſo creationis ſuæ primo
inſtanti: q *ſed etiam ad*
gratiam & amicitiam
Creatoris ſui eleuatus eſt, r
doniſque multis ſuperna-
turalibus dotatus, s *ad fi-*
nem ſupernaturalem bea-
titudinis æternæ, ſimul cũ
Angelis beatis adipiſcen-
dum. t *accepit prætereà*
dominium homo ſuper om-
nia ſenſitiua, u *tam ter-*
reſtia, quam volatilia &
aquatilia, x *ita vt omnia*
ex quodam inſtinctu natu-
rali ab ipſo Creatore in-

Ngày thứ ba 73

xác người khéo léo hình
i ba mươi tuổi dồ, i và
thổi ra khí ſóũ đến mặt
k người, k là lẽy khoũ mà
l ſinh linh hồn thieng, l và
phú cho ở tlaõ xác ẽy
m đã làm ra bẹn: m mà làm
bẹy thì rà người có linh
n hồn cho ſóũ, n và là ảnh
tượng thiêng đức Chúa
o blờ̀i làm đẽy bẹy: o khi
ẽy có chịu ſáng biết và
nhin đức bổn ſức mềnh,
p p từ đầu hết khi đượ̣c
q linh hồn cho ſóũ: q mà
lại đức Chúa blờ̀i đam
người lên cho đượ̣c
chức *gratia*, là két nghĩa
r cữ đức Chúa cha, r cữ
cho phúc đức nhều tlên
s ſức mềnh, s cho đượ̣c
chịu phúc vô cữ bui bé
đờ̀i đờ̀i, cữ đức thành
t thien thần. t lại đức
Chúa blờ̀i cho người
làm Chúa tlên hết mu-
u âng chim cầm thú, u và
có ở dưới đết, và tlên
y gió rổủ, và con cả tlaõ
nước, x cho nên các
vật ẽy, bởi phẹp đức
Chúa blờ̀i cho, tự nhien thì phải chịu lụy người,

to ad

to ad nutum eius parerent,
y singuliſque nomen indidit, y
ipſorum naturæ proportionatum: z *omne enim quod*
vocauit Adam ipſum eſt
nomen eius. a *Vtque vitã*
hanc feliciorem duceret, b
introductus eſt à Deo in
paradiſum voluptatis; c
in quo præter alias arbo-
res pomiferas erat arbor
Vitæ, d *cuius fructus tantã*
habebat efficaciam, vt eſus
ſeneſcentem quemcunque,
ad iuuenilem reſtitueret
vigorem. e *Voluit tamen*
ſupremus Dominus eius in-
eo fidelitatem experiri,
f *quod arborem ſcientiæ*
boni & mali, in paradiſo
voluptatis g *eius poteſtati*
non tradidit, ſed vetuit ne
de illius fructu comederet, h
quamuis fecerit illi Deus
poteſtatem de omnibus alijs
fructibus, qui in paradiſo
erant, comedendi: i *imò*
minitatus eſt illi mortem
in quacunque die comediſ-

y y mà người đạt tên cho
mỗi một vật ấy phải
z tính nó: z vì chưng oũ
Adam có đạt tên cho
các vạt làm ſao, thì phải
a tên nó ấy. a Mà cho
oũ Adam khi còn ở thế
nầy được thanh nhàn
b hơn, b thì đức Chúa
Blời đam đến oũ Adam
ở tlaõ vườn đoi đé,
c c mà tlaõ ấy, chẳng kể
cây khác có blái, lại có
cây nào gọi là cây ſóũ
d lâu, d vì chưng ai ăn
blái cây ấy, dù mà đã
già yếu, thì cho ſức
e bàng tlé lại, e ſaõ le
đức Chúa Blời là Chúa
cả khiến thử làõ oũ A-
dam có đưng phép Chúa
f cả thể nào, f mà tlaõ
vườn đoi đé ấy có một
cây, gọi là cây làm cho
g biết lành biết dữ, g mà
cây ấy chẳng cho oũ
Adam, bèn cấm blài một
cây ấy, mà chẳng cho
h oũ Adam ăn, h dù mà đã
phu cho mọi blái khác
ở tlaõ vườn đoi đé dầu làõ ăn: i lại đe | i
ràng: có ăn blái ấy ngày nào thì chết ngày ấy:

ſſet ſequuturam: [k] *quæ mors præſertim intelligitur de ipſius animæ immortalis morte,* [l] *per amiſſionem ſcilicet gratiæ ac iuſtitiæ Originalis,* [m] *que amiſſio lapſum ſtatim ſequeretur, & poſtea etiam de corporis* [n] *interitu per ſeperationem ipſius animæ à corpore,* [o] *cum alijs malis innumeris,* [p] *vtramque mortem vel comitantibus,* [q] *vel præcedentibus, vel conſequẽtibus* [r] *Adam igitur audiens tale præceptũ Domini Creatoris ſui,* [ſ] *minitantis illi mortem tum corporis, tum animæ, cum innumeris alijs malis,* [t] *quæ in totam ipſius poſteritatem transfunderetur, cum amiſſione gratiæ ac Iuſtitiæ Originalis,* [u] *niſi ipſe ſupremo ſuo Domino obediret,* [x] *ſtatim ſubiecit ſe toto affectu Creatori ſuo, dicens,* [y] *ſe paulò ante crea-*

[k] [k] mà ſự chết ấy thì phải hay, nhứt về ſự linh hồn chẳng hay chết, mà phải
[l] chết, [l] là mất, *gratia*, mất nghĩa cũ đức Chúa
[m] blời, đã cho đầu hết, là [m] ſớũ thất linh hồn: mà
[n] phàm blái ấy bao giờ, thì mất ſớũ linh hồn bấy
[o] giờ. [n] mà đến ſau xác cũ phải chết, khi linh hồn
[p] ra khỏi xác, [o] lại cũ phải
[q] dều ſự khốn nạn kể [p] chẳng xiết, [p] hay là ở
[r] cũ hai ſự chết ấy, [q] hay là phải thướ́c, hay lá
[ſ] theo ſau. [r] Vì bệy khi
[t] oũ Adam nghe thấy có
[u] mời đức Chúa blời là
[x] Chúa cha ſinh ra mềnh
[y] có răn làm bệy; [ſ] mà
lại đe chết, và xác và
linh hồn, cũ tai và khác,
[t] vô hồi, vô ſố, [t] cũ phạm
hết đời mềnh ſau, phải
mất *gratia*, mất nghĩa
[u] cũ đức Chúa blời, [u] nếu
oũ Adam chẳng bưng
phếp đức Chúa cả, thì
phạm mọi ſự khốn nạn ấy; [x] chóuc ấy oũ Adam [x]
chịu phép đức Chúa cha hết lào, mà ràng, [y] tôi [y]
lạy đức Chúa blời, tôi xưa chẳng có, mà đức

tum ex nihilo, [z] *totum* [z]
ſuum eſſe habere à Domino, totque ac tantis bonis ditatum, [a] *nihil omninò* [a]
velle, niſi quod placeret ſupremo Benefactori ſuo, [b] *ideòque paratum ſe eſſe* [b]
ad obediendum in omnibus, [c] *cùmque tot recepiſſet à* [c]
ſupremo Domino, ac benefactore ſuo, [d] *quid tandem* [d]
hoc eſſet vt abſtineret ab eſu fructus vnius illius arboris,.
[e] *Tunc Adam nondum* [e]
habebat ſociam, immiſit itaque Deus ſoporem in [f]
Adam, [f] *ipſoque dormiente detraxit vnam de coſtis eius, & repleuit carnem* [g]
pro ea, [g] *atque coſtam illam ædificauit in mulierem, eiuſdem fermè ætatis* [h]
ac ipſe Adam, [h] *animam quoque rationalem illi infudit,* [i] *excitatus verò à* [i]
ſomno Adam, vt ſociam vidit ait [k] *hoc nunc os, de* [k]
oſſibus meis, & caro de carne

Ngày thứ ba

Chúa blời khi nãy lấy
[z] khoũ mà hóá ra tôi, [z] tôi
có đi gì bởi đức Chúa
cha cho tôi, tlaõ mệnh,
và bề ngoài dều sự lành
[a] cũ cho tôi hết: [a] tôi
chẳng yêu gì, tôi hay
một ước thế nào cho
tôi đẹp làõ đức Chúa
[b] cha, [b] vì bậy có mlời
nào đức Chúa blời thì
[c] tôi bưng hết, [c] mà lại
tôi đã chịu ơn đức Chúa
[d] cha nhều làm bậy, [d] mà
tôi kiêng blái một cây
ấy là bay nhêu hột cho
tôi chẳng giữ bậy.
[e] [e] Khi ấy oũ Adam chưa
có ban, mà đức Chúa
blời làm cho oũ Adam
[f] ngủ đi; [f] đến khi đang
ngủ, thi đức Chúa blời
lấy một xương sườn cụt
oũ Adam ra, mà để bẽ-
[g] aò thịt thay nó, [g] lại
làm xương ấy nên xác
đẩn bà, hình cũ một tuổi
[h] dồ bàng oũ Adam, [h] mà
lại hóá nên linh hồn đam
[i] bẽaò tlaõ xác ấy, [i] thóát

chóuc oũ Adam thức, mà thấy bạn thì ràng,
[k] xương nầy bây giờ là xương tao, và thịt nầy [k]

ne mea: [l] *propter hoc relinquet homo patrem ſuum & matrem ſuam,* [m] *& adhærebit vxori ſuæ, & erunt duo in carne vna,* [n] *quod totum ſpiritu prophetico dixit.* [o] *Notandum autem cum Doctoribus Sacris* [p] *non ex oſſe capitis Adam factam à Deo fuiſſe mulierem,* [q] *quia caput mulieris eſt vir, teneturque ipſa viro ſubeſſe.* [r] *quamuis enim monere poſſit modeſtè virum, ſi erraverit,* [ſ] *non tamen poteſt excandeſcere in virum,* [t] *quia eſt ſubdita & non caput viri:* [u] *attamen neque ex pede mulier formata eſt à Deo,* [x] *ſed ex coſta, quia vir non debet vxorem habere vt ancillam,* [y] *ſed amare vt ſociam:* [z] *præterea Deus non duas aut tres Adamo vxores dedit, ſed vnam tantum,* [a] *quia debebant eſſe duo in carne*

[l] là thịt tao: [l] nhơn vì sự ấy người thì để cha [m] mẹnh, và mẹ mẹnh [m] mà lấy bợ mẹnh lấm một cử, bấy thì hai người [n] ra cử một thịt. [n] Oứ Adam có chịu phép nói sấm truyền mà nói bấy [o] nhêu đều. [o] Mà ta phải xét mlới oứ thánh cổên [p] tử naò nhủ bấy; [p] khi đức Chúa blời làm ra đẩn bà, chẳng có lấy xuâng đầu oứ Adam mà [q] làm, [q] vì chưng đẩn oứ là đầu đẩn bà, mà đẩn bà thì phải chịu lụy chàõ [r] vì dầu mà đẩn bà bảo sẽ sẽ chàõ, khi chàõ lỗi, [ſ] thì cử được, [ſ] ſaõ le máng mở chàõ thì chẳng [t] được, [t] vì chưng phải chịu lụy, mà chẳng phải [u] đầu chàõ đâu. [u] Saõ le đức Chúa blời cử chẳng có lấy xuâng chên mà [x] làm đẩn bà ra, [x] bèn lấy xuâng ſuờn cụt mà làm: vì chưng chàõ chẳng khá lấy bợ làm như tôi tá, [y] mà nên yêu như bạn bấy. [z] Lại đức Chúa blời chẳng có làm cho oứ Adam hai ba bợ, bèn cho một bợ mấy, [a] vì chưng hai

vt prophetauit Adam & non plures : [b] *& Annamitæ hoc etiam dicunt, virum & vxorem tradere sibi inuicem ossa & carnẽ.* [c] *sicuti enim vir habet ius in corpus vxoris,* [d] *vt viuente ipso non possit adhærere alteri viro :* [e] *sic etiã vxor habet ius in corpus viri,* [f] *vt ipsa superstite non possit vir aliam vxorem ducere,* [g] *in hoc enim pares sunt vir & vxor ex Diuino præcepto,* [h] *quod sic ab initio mundi fuit in Adamo & Eua executioni mandatum,* [i] *ac postea seruatum, saltem in prima tota mundi ætate vsque, ad diluuium, ab ijs qui legem Dei seruabant,* [k] *vt postea videbimus in Noe,* [l] *& filijs eius, ante & post diluuium.*

[m] *Sex itaque diebus supremus totius mũdi Artifex totum suum perfecit opus,*

người thì nên một thịt, như mlời sấm truyền oũ Adam nói ra, mà chẳng phải nhều: [b] lại người Annam cũ nói ḅệy hai ḅọ chaõ gưới xuâng [c] gưới thịt nhau: [c] vì chưng như chaõ có [d] phép tlên mênh ḅọ, [d] cho nên khi chaõ còn sóũ, ḅọ lẽy chaõ khác [e] chẳng đươc; [e] ḅọ thì cũ có phép tlên mênh [f] chaõ như ḅệy, [f] vì chưng khi ḅọ còn sóũ chaõ lẽy ḅọ khác cũ chẳng [g] đươc: [g] vì có phép đức Chúa blời răn, làm ḅọ chaõ bàng nhau tlaõ việc [h] ấy, [h] mà tù đầu hết thế oũ Adam cũ bà Eua có [i] giù làm ḅệy: [i] đến sau hẽ là kẻ có giữ đạo thánh đức Chúa blời, ít là cho đến lụt cả, là đõán tlước thế giái, cũ [k] có theo như ḅệy, [k] như sẽ giảng sau, khi nói đến sự oũ Noe, [l] cũ sự con cái oũ ấy, và tlước lụt cả, và sau.

[m] Bệy thì đức Chúa blời, là đức thợ cả mọi

n *diciturque requieuiſſe die ſeptimo ab vniuerſo opere quod patrarat*; o *quia die ſeptimo nullum opus nouum, aut vllam creaturã nouam condidit*, p *benedixitque diei ſeptimo, & ſanctificauit illum.* q *ſic etiã Adam & eius vxor diem illum ita cultui ſupremi Numinis conſecrarunt,* r *ad gratias ſcilicet pro innumeris beneficijs acceptis agẽdas,* s *vt ab ipſo mundi exordio vſque nunc, veri Numinis cultores ſic ad amuſſim obſeruauerint* t *vt ſaltem ſeptimum quemque diem ſacrum reputauerint,* u *cultuique ſupremi rerum Conditoris addixerint,* x *& poſt ſex dies in quibus opera faciunt ſeruilia, ad corpus ſcilicet alendum ac veſtiendum pertinentia,* y *vt ſunt agriculturæ, mercaturæ, fabrilium aliorumque eius generis operum,* z *die vno ab huiuſmodi operibus abſtineant,*

ſự, tlaõ ſáu ngày làm ra mọi lõài, n mà nói ràng, ngày thứ bảy mọi việc rồi, thì có nghỉ: o vì chưng ngày thứ bảy chẳng có làm việc gì mới, chẳng có hõá ra vật nào mới, p mà nói lành tlên ngày thứ bảy, và làm ngày ấy thánh: q mà oũ Adam cũ bạn thì bắt chước như vậy, vì chưng có giữ ngày thứ bảy để thờ phượng đức Chúa cả, r cám ơn nhều kẻ chẳng xiết, mà truyền giữ vậy, s cho nên từ đầu hết thế đến nay, hễ là kẻ có thờ thật đức Chúa bloi đời nào, lien có giữ làm vậy, chẳng sai một chút: t vì chưng hễ là bảy ngày thì lấy một làm lễ lạy, u mà để thờ phượng đức Chúa cả làm nên mọi sự, x mà khi sáu ngày đã làm việc mọn kiếm ăn kiếm mạc cho xác, y như thể việc cạy cấy, buận bán, làm thợ làm thầy, cả khác việc giõũ ấy, z thì một ngày đừng

a vt

[a] *vt cultui ſupremi Numinis impenſius vacent* [b] *& gratias agant pro tot beneficijs,* [c] *quæ ſingulis momentis, à ſupremo rerum Conditore accipiunt,* [d] *& quamuis laudes impendant Deo Optimo Maximo & gratias pro viribus agant,* [e] *ſemper ſunt longè impares acceptis beneficijs.* [f] *Erant igitur in illo delitiarum paradiſo tunc primi parentes noſtri* [g] *in magna quiete ac pace tum animi, tum corporis:* [h] *omniaque animalia, tam terreſtia quam volatilia atque etiam aquatilia,* [i] *ita erant illis ſubdita, vt ad nutum omnia obedirent homini;* [k] *vt ſi Adam è ſyluis aduocaſſet leonem, ſtatim promptus aderat leo,* [l] *dominium eius à ſupremo rerum Domino datum inſtinctu quodam naturali ſentiens:* [m] *ſi è profundo mari quemcunque*

làm mọi viec mọn ếy,
[a] để mà thờ phượng đức Chúa blời hết lòng,
[b] mà làm ệy thì cám ơn nhều vô hồi vô số,
[c] chịu lien liền bởi đức Chúa cả làm nên mọi sự;
[d] mà dầu khen người đức Chúa blời rứt lành rứt cả, và cám ơn hết
[e] sức đ̂ey, [c] lien thì còn xa lám, mà chẳng bàng ơn chịu mình ệy.
[f] ếy ệy mà tổ tứ ta khi ếy ở tlaõ vườ̀ng ệui
[g] ệ ếy [g] bàng an lám và
[h] xác, và linh hồn; [h] và các muâng chim cầm thú, hay là tlên đ̂ất, hay là tlên gió rống, cứ là con
[i] cá tlaõ nước, [i] có chịu lụy hết, mà ệung phép
[k] người: [k] như thể ví bàng oũ Adam có gọi muâng sự tử ở tlên rừng, tức thì muâng sư tử có
[l] chạy đ̂ến, [l] tự nhiên ệung phép người, bởi đức Chúa blời cho làm
[m] chúa nó: [m] lại nếu oũ Adam có gọi con cá nào ở tlaõ biển cả, boũ chóuc thì

piſcem

piſcem accerſiſſet, ſi atim adnatans adueniebat: n *ſi auem quamcunque è ſublimi aëre adeſſe iuſſiſſet,* o *ſtatim obſequens aduolabat,* p *Neque vllus erat ibi æſtus, aut frigus quod moleſtiam vllam afferret,* q *ſed perpetuo vere, aëriſque mira* r *temperie fruebantur primi parentes.* r *Quod autem præcipuum eſt, quia caro ita ſpiritui erat ſubdita, vt nullam eius rebellionem ſpiritus experiretur,* s *omneſque ſenſus, tàm interni, quàm externi, rationis imperio erant ita ſubditi, vt nullo modo contradicerent ei.* t *totumque hoc quod poſſidebant primi Parentes ſimul cum Iuſtitia Originali,* u *erant in filios ac nepotes transfuſuri, abſque vllo mortis metu,* x *& cùm vellent tempore ſuo, vel ipſi, vel eorum filij,* y *beatitudine cæleſti perfui,* y *Deus illos in cælum*

n lọi đến, n hay là có cái chim nào bay cao tlên gió rổũ, mà khién lại, o o thỏát chóuc thì ɓưng p phép, mà bay lại. p ɓệy tlaõ vươn ếy chẳng có ſốt gì, cử chẳng có rết, q mà nên khó làm ſao, q bèn tlaõ ếy như có mùa xỏ-ên lien, cho tổ tứ ta ổ-mát mẻ, ɓui an lành lien ɓệy. r Mà lại có ſự traõ hơn nữa, vì chưng khi ếy thần xàc thịt thì có chịu lụy linh hồn, mà chẳng có cãi phép ếy, s s và các phép thịt tlaõ ngỏài thì ɓưng phép mlẽ phải, mà chẳng hay cãy t ſốt. t lại mọi ſự tổ tứ ta có chịu ổ mềnh ɓói *gratia*, là nghĩa cử đức Chúa blời, đã chịu khi u đầu hết chịu ſóữ, u thị cử truyèn hết cho con cho chàu, mà chẳng có x dái chết, x cử đến khi ổ thế nầy đã no, mà hay là tổ nẻ, hay là con cái, muốn lên thien đàng, chịu ɓui ɓé đời đời, y thì đức Chúa blời rước lên, và xác và linh y

assumpsisset in corpore simul & anima, [z] *sine vllo mortis tributo.*

[a] *Inuidit scilicet peruersus cacodœmon tantæ hominũ felicitati,* [b] *tumque ex odio quod in ipsum Deum exercere non poterat,* [c] *in ipsam Dei gratam imaginem iram suam conuertit,* [d] *ac omnem conatum exeruit, vt illam contereret,* [e] *maximè cùm sciret sedes in cælo beatas ab ipso, ac socijs eius amissas,* [f] *Deo disponente ab hominibus occupandas.* [g] *Itane verò, aiebat superbus;* [h] *patiar ego vt homo è puluere ortus sedem supremæ felicitatis, quam ego amisi, adipiscatur,* [i] *ego verò qui purus sum spiritus in inferno extremis afflictus miserijs sedeam?* [k] *faciã certè vt & ipse quoq; vt per inobediẽtiam in factorem suum, ruat mecum in perpetuum interitum.* [m] *videbat certè malignus dæmon virum*

Ngày thứ ba

[z] hồn, [z] mà khi ấy chẳng có phải chết đâu.

[a] [a] Sao le khi tổ tũ ta ở đui đé an lành làm, đệy, mà qui dữ thì ghen ghét, [b] vì khích nghịc đức Chúa blời, mà làm chi đấy chẳng được, [c] thì tỏan phá ảnh tượng đức Chúa blời yêu, [d] mà dũ hết sức dữ tọn mềnh làm hại loài người, [e] nhít là vì chưng đã hay tỏa đui đé tlên blời, và mềnh, và bạn mềnh đã bỏ mất, [f] đức Chúa blời để dành cho người ta ở. [g] mà qui thấy đệy mà kieu nghao, thì nói ràng; [h] sự làm sao cho tao chiụ được, cho có người bởi đất mà ra, lại ngồi ở được tỏa kực trạo, kực đui, tao đã mất đi, [i] mà tao là tính những thiêng liênh, ngồi ở tlao địa ngục, mà chiụ những sự rứt khổn khó ru? [k] thạt tao làm cho nó ngịch cũ Chúa blời đối, [l] mà đệi nó ngã noi chết đời đời cũ tao. [m] đệy thì mà [m] *cau-*

cautiorem esse, [n] *nec facilè suggestiones malignas admissurum;* [o] *maluit ergo debiliorem mulieris sexum aggredi,* [p] *vt per mulierem victam, virum etiam ipsum à statu felici in miseriam deturbaret,* [q] *captabat igitur cacodæmon ansam opportunam, vt mulierem solam reperiret,* [r] *à viro suo seiunctam, vt illam facilius deciperet.* [s] *Tunc Adam iam declarauerat Euæ Diuinum Præceptum,* [t] *de non comedendo fructu arboris scientiæ boni & mali sub pœna mortis.* [u] *postea cùm sola Eua per hortum voluptatis vagaretur,* [x] *& adueniens curiosius fructum arboris vetiti contemplaretur,* [y] *laudaretque vt pulchrum, visu, aspectuque delectabile,* [z] *attingere tamen minimè auderet,* [a] *aditum nihilominus ad tentationem diabolo dedit,* [b] *is igitur qui in serpentem ingressus,*

quĩ dữ xém thấy chẳng
[n] khôn ngoan hơn, [n] mà
chẳng nghĩ chịu mlời
[o] nó cám dỗ, [o] vì bởi
nó chọn dễ dành đấn
[p] bà yếu sức hơn, [p] mà
được bợ ngã, thì giục
bợi cho được chão, bó
mất sự bui bé, mà ngã
tlão sự khốn nạn bệy:
[q] nhin vì sự ấy mà quĩ
dữ thì dẽọm khi naò
kịp cho gạp đấn bà ở
[r] một mềnh, [r] mà khói
mạt chão, cho nghĩ dối
[s] đấn bà được. [s] khi ấy
oũ Adam thì đã nói tó
tường cũ bà Eua nhữ-ng
mlời đức Chúa blời răn,
[t] [t] chớ có ăn phải blái
cây biết lành biết dữ,
[u] mà phải chết, [u] đến sau
có ngày bà Eua ở một
mềnh, mà đi choi ở
[x] tlão vườ-ng bui bé, [x]
đến nơi có cây cấm ấy
[y] thì coi lại lám, [y] mà khen
ràng, thấy thì tốt lành,
[z] vá bui xem, [z] são le tay
đá đến thì chẳng dễám;
[a] [a] mà bệy thì mở đàng
cho mà quĩ cám dễ được: [b] vì chưng ma- | [b]

illam

illaminterrogare cepit; [c] *cur de fructu illo pulchro non comederet?* [d] *cui mulier ineptè respondit dicens vetitum sibi à Deo esse, ne fortè, inquit, moriamur,* [e] [f] *tanquam dubitans, an verè esset moritura si comederet,* [g] *quæ dubitatio ianuam tentatori aperuit ad mentiendum, & seducendum:* [h] *statim enim contra Diuinum verbum diabolus affirmauit, nequaquam moriemini, inquit,* [i] *scit enim Deus quod in quocunque die comederitis ex eo,* [k] *aperientur oculi vestri & eritis sicut Dij, scientes bonum & malum:* [l] *impudenter scilicet supremo Numini notam inuidiæ imponens,* [m] *ac si nollet homines habere scientiam boni & mali* [n] *atque ideò fructum illius arboris vetuisset,* [o] *ne fierent sicut Dij, sciẽtes bonum & malum* [p] *Atque ita mulier dæmonis*

Ngày thứ ba

quĩ thầy bệy thì nhệp bẽaò tlaõ con rắn, mà hỏi ràng: [c] blái nầy tốt lành, sao bà chẳng ăn? [d] mà bà ấy thưa mlòi [e] dại ràng: [c] đức Chúa blòi có cấm, mà ăn phải [f] dái chết chang, [f] như thế bàng hồ nghi, ăn [g] phải có chết chẳng: [g] mà mlòi hồ nghi làm bệy thì mố cuả cho ma quĩ dối, mà cám dẽõ được: [h] vì ma quĩ tức thì cãi mlòi đức Chúa blòi, mà dối ràng: nào có chết [i] đâu; [i] vì chưng Chúa blòi đã hay, ngày nào bay [k] ăn phải blái nầy, [k] thì mố con mắt bay ra, được chức bàng Chúa blòi, mà biết sự lành sự [l] dữ: [l] bệy thì ma quĩ dẽám bố làõ ghen ghét cho đức Chúa blòi là [m] đức Chúa cả: [m] như thế bàng đức Chúa blòi chẳng cho người ta biết [n] sự lành sự dữ, [n] mà vì sự ấy cấm blái cây ấy, [o] [o] cho kẻo người ta được chức bàng đức Chúa blòi, biết lành dữ ru. [p] Mà [p]

Dei

vt aſtuti ſerpentis vocem audiens, q *præceptumque* q
Dei abÿciens, extendit manum ad fructum vetitum & decepta comedit, multipliciter errans, r *primum quod à viro ſe ſubducens, ſola in paradiſo illo vagaretur.* f *ſi enim cum viro fuiſſet, nequaquam diabolus fuiſſet auſus illam aggredi:* t *huius exemplo diſcant mulieres non vagari ſolæ ſine fideli comite, ne decipiantur;* u *deinde quod contẽplaretur fructum arboris vetiti,* x *ac etiam intra ſe laudaret, tanquam pulchrum oculis, aſpectuque delectabile:* y *vnde etiam forte, præbuit anſam diabolo illam tentandi;* z *vt diſcamus omnes non aſpicere, nec laudare, quod non licet concupiſcere.* a *tertiò errauit in eo quod cum dæmone intra ſerpentem latente ſermonem miſcuit,* b *ſtatim namque ac ſerpentis*

làm bệy đàn bà nghe
mlòi ma quĩ dữ, ơ tlaõ
q con răn quĩ quái, q mà
bố mlòi đức Chúa blòi,
vì tay mềnh cắt lấy blái
cấm, nghe mlòi dỗi mà
ăn, bệy thì lỗy nhều sự.
r r tluớc thì có lỗy, ví dề
chàõ, mà một mềnh đi
choi dữ dài tlaõ vườn
f bui bé: f ví bàng ở cữ
chàõ, ma quĩ thì chẳng
dễám đến cám deỗ bà
t ấy: t hễ là đấn bà thì
phải xem gương nầy
mà hạoc, chớ có đi dữ
dài một mềnh, khi chẳng
có bạn ngay, mà phải kẻ
u gian. u Sau thì bà Eua
có lỗy, vì có xem lâu
x blái cấm, x mà tlaõ làõ
cữ khen ràng, xem thấy
y tốt lành báy: y âu là mà
qui thấy bệy, thì lấy làm
z kịp mà cám deỗ, z cho
hết ta được hay, hễ là
vật gì ta chẳng nên ước,
ta chớ coi lại, chớ khen.
a a thứ bà thì cữ lỗy, vì
nói khó cữ ma quĩ, ấn
b mềnh tlaõ con rán: b vì

chưng khi nghe thấy tiếng con răn, mlễ thì

vocem

vocem audiuit, debuèrat aufugere, [c] *virum quærere, atque illi venenatas illas ſerpentis ſuggeſtiones referre,* [d] *nec vllum ſerpenti reſponſum dare, ne deciperetur,* [c] *ſed quia temerè reſpondit facilè decepta eſt,* [f] *hoc docet mulieres cum incognitis non facilè miſcere ſermonem,* [g] *maximè cùm ſunt ſolæ, ne decipiantur.* [h] *Denique maximè peccauit mulier eo, quod præceptum & comminationem certam mortis, quam Deus affirmanter prædixerat,* [i] *in dubium reuocauit Eua cum dixit, ne fortè moriamur:* [k] *ex quo dubio ſumpſit anſam diabolus mentiendi,* [l] *& abſolutè negandi futuram talem mortis pœnam, dicens: nequaquam moriemini;* [m] *vt diſcamus omnes, nullo modo titubare, neq; in dubiũ reuocare verba Dei, ne grauiter peccemus;* [n] *quia Deus vt potè quinouit omnia etiã, ante-*

[c] phải tlốn tức thì, [c] đi tìm chàõ, mà nói ra cử những mlòi đọc dữ ếy, con rắn dễỏ dềành giục

[d] làõ làm ſao, [d] mà chớ blả mlòi gì nó, kẻo mạc

[c] mlòi đới: [c] ſaõ le vì đã thưa những mlòi láo

[f] dáo, thì cháõ phải ſa cám deỏ, [f] ſự nầy dễay đần bà, chớ có dể nói khó cử kẻ chảng biết là ai,

[g] nhít là khi ở một mềnh cho kẻo phải gian tà.

[h] ſau hết đần bà có tội lám, vì mlòi thật đức Chúa blòi răn, mà chảng

[i] giữ thì đe chết that, [i] Eua lếy làm hồ nghi ềệy

[k] ràng, phảy ăn có chết chang: [k] mà mlòi hồ nghi làm ềệy, thì có mở đàng cho ma quỉ dối blả

[l] [l] mà chối ềệy ràng: chảng có phải chết đâu;

[m] [m] ềệy cho ta hết thay thải haọc ſự mlòi đức Chúa blòi, chớ có dái dối ſốt, chớ có lếy làm

[n] hồ nghi, mà lỗy lám: [n] vì chưng đức Chúa blòi

quam

quam fiant : ° *non potest* • *falli nec potest Deus falle-*
re aliquem P *vt pote su-* P
prema & infinita Veritas
& Bonitas. q *sed potius* q
omnia tela inimici ignea
extinguere debemus, r *assu-* r
mentes spirituale scutũ fidei,
ac ei resistere fortes in
fide. f *Taceo inordinatum* f
sciendi appetitũ, quem ha-
buit mulier, t *fidem quo-* t
que præstans diabolo dicen-
ti. *Eritis sicut Dij*. u *qui* u
appetitus sciendi, illam
potius ad præuaricationem
induxisse videtur, quam
appetitus cibi & gustus,
x *non enim deerant in* x
Paradiso alij fructus lon-
gè pretiosiores, z *præcipuè* y
arbor vitæ, quæ erat in
medio Paradisi, y *& de qua* z
sicuti & de alijs omnibus
habebant facultatem pri-
mi parentes sumendi ad
libitum, a *præterquam* a
de vna illa scientiæ boni
& mali arbore, à Deo ve-
tita.

đã biết hết mọi sự, dù mà chưa có sự ấy, vì bởi ấy chẳng có ai dối được đức Chúa blời:
° ° mà lại đức Chúa blời chẳng có dối được ai,
P P vì chưng là nhứt thật thà vô cữ, lão lành vô
q cữ bởi: q sao ta phải lấy mlời đức Chúa blời ta
r tin, r lấy như thoản thieng, mà tát hết tên lửa, ma quỉ bỏ cho ta, bởi ta lấy mlời tin, mà ố
f răn mạt cữ nó. f Chẳng kể sự đần bà ước cho
t biết láo dáo bởi, t mà tin mlời quỉ khi ràng, được chức bàng Chúa blời,
u u âu là sự muấn láo dáo ấy cho biết, có giục lão Eua phạm tội, hơn sự
x thèm ăn: x vì chưng tlao vườn bui bé chẳng có thiếu gì blái khác tốt
y hơn xa lám: y nhứt là có cây sóũ lâu, ở giữa vư-
z ờn bui bé, z mà đức Chúa blời cho tổ tữ ta ăn, và blái ấy sóũ lâu,
và blái khác đầu lão, a có một blái ấy biết lành | a biết dữ, đức Chúa blời cấm mà thôi.

b *Neque*

b *Neque contenta fuit mulier edere de fructu prohibito,* c *sed etiam virum ad idem peccatum induxit:* d *cum enim diabolus Adamum solus immediatè aggredi non fuisset ausus,* e *quem tamen præcipuè supplantare intendebat,* f *vt scilicet in illo tamquam in capite totam humani generis massam corrumperet,* g *ideò mulierem induxit vt viro fructum vetitum offerret.* h *Adam igitur videns sociam suam, quam vnicè amabat, iam fructu vetiti esu corruptam,* i *non illam, vt debuerat, reprehendit,* k *sed potius eius exemplum secutus, etiam ipse comedit fructũ à muliere oblatum;* l *non quod Adam fuerit deceptus,* m *optimè namque nouerat, se in præceptum, si ederet, impingere,* n *& gratiam, & amicitiã Dei cum Iustitia originali amittere,* o *tam pro se quàm pro toto humano genere,* p *hicque per peccatum*

b b Mà đẫn bà ăn blái cấm c chẳng lẽy làm bùa, c lại giục làõ chàõ cũ phạm d tội ấy: d vì chưng khi ma quỉ đến cám dỗ oũ Adam, một mình chẳng e dễám, e mà nhít là có í muẫn làm cho oũ Adam f ngã, f bẽy thì làm hư đầu, cho cả và lõài ngư- g ói ta nát bõi: g nhin vì sự ấy thì giục đẫn bà lẽy blái cấm, mà dưng cho h chàõ. h ấy bẽy mà oũ Adam thấy bạn mình yêu hết làõ, đã ăn phải blái i cấm, mà hư, i chẳng lọ là chẳng có máng, mà mlẽ k thì đã máng; k lại bắt chước bạn, mà ăn phải blái ấy, đẫn bà dưng l cho: l saõ oũ Adam chẳng có phải mlòi nhứ nhẳm m đâu: m vì chưng oũ Adam đã biét tỏ tường, n ăn thì phạm răn, n mà bỏ mất *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blòi, lại bỏ o mất nhin đức đầu o cho mềnh, lại bỏ mất cho cả và lõài ngưòi ta nữa, p p mà bẽy phạm tội thì

mortem

mortem incurreret, tàm corporis, quàm animæ, q *cum alijs innumeris malis quæ ſubiturus erat, tum ipſe, tum vniuerſa eius proſapia:* r *nimius tamen amor quo ſociam proſequebatur, illum ad tot tantaque mala ſcientem ac volentem induxit,* s *& fortè ne ſociam contriſtaret, non dubitauit præceptum Diuinum infringere,* t *atque edere de fructu à Deo vetito.* u *Statim poſt peccatum cæperunt erubeſcere primi Parentes,* x *quòd nudi eſſent, & folia ficuum conſuerunt ad tegendum ſe,* y *Cùmque audiſſent vocem Dei deambulantis in paradiſo* z *timuerunt, & abſconderunt ſe in medio paradiſi:* a *(ſibilem enim aliquam figuram videtur aſſumpſiſſe Dominus Deus vt illos argueret:)* b *ſed quomodo latere poſſent, aut effugere Diuinum oculum, omnia clariſſimè intuentem.* c *Vocat igitur Dominus Deus*

phải chết và xác và linh
q hồn, q cũ phải những sự
khốn nạn mềñnh, vô hồi
vô số, cũ cả và họ mềñnh
r nữa phải bệy: r ſaõ le
bởi yêu bạn đã quá, dầu
đã hay có phạm những
sự tai vạ làm bệy, cũ
s chọn chịu bệy, s mà kẻ u
mất lào bạn, âu chẳng nè
phạm răn đức Chúa
t blời, t mà ăn phải blái
đức Chúa blời cấm bệy.
u u Phạm tọi đoàn thì tỏ
tú ta tức thì hổ ngươi,
x x vì mềñnh ở tlần tluầng,
mà lấy lá cây vả, mầy
x lại che mềñnh. y khi ấy
thấy tiếng đức Chúa
blời đi lại tlaõ vườn
z bui bé, z thì ſợ hãi, mà
ẩn mềñnh giữa vườn bui
a bé bệy: a (âu là đức
Chúa blời có lấy hình
tượng nào, cho tổ tú ta
thấy đượ c, mà bệy
b trách tổ tú ta:) b ſaõ le
nào có ăn mềñnh đượ c,
hay là tlánh cón mắt đức
Chúa blời, đã thấy hết
c mọi sự rứt tổ tượng. c
bệy thì đức Chúa blời

Adam, & dicit, Vbi es?
[d] *proprio territus peccato*
respondet Adam. [e] *Vocem*
tuam audiui in paradi-
so & timui, [f] *eò quod nu-*
dus essem, & abscondi me.
[g] *Rursus Dominus ad illum:*
Quis enim indicauit tibi
quod nudus esses? [h] *certè*
quod ex ligno, quod præce-
peram tibi ne comederes,
comedisti. [i] *nam priùs cùm*
adhùc esset cum innocentia
originali primi parentes, [k]
quamuis nudi essent, non
erubescebant, [l] *at post pec-*
catum, rebellionem carnis
sentientes, [m] *iam de nudi-*
tate erubescebant; [n] *cùm-*
que Dominus Adæ suum
obijceret peccatum, [o] *vt*
illud Adam ingenuè fatere-
tur, sicque facilius veniam
consequi posset: [p] *maluit*
ipse reijcere peccatum suũ
in mulierem, & indirectè
in ipsum etiam Deum, di-
cens: [q] *Mulier, quam dedi-*
sti mihi sociam, dedit mi-

gọi oũ Adam ràng: mầy
[d] ở đâu? [d] oũ Adam thì
sợ, vì có tội, mà thưa
[e] ràng: [e] tôi lạy đức Chúa
blời, tôi đã nghe tiếng
đức Chúa blời, tlaõ vư-
èn bui bể, mà tôi sợ
[f] hãy, [f] vì tôi tlền tluầng,
[g] thi tôi ẩn mềnh. [g] đức
Chúa blời lại phán ràng:
ai bão mầy, cho mầy hay,
[h] mầy ở tlền tluầng? [h] thạt
bởi mầy ăn phải blái
[i] tao đã cấm mà chớ: [i] vì
chưng khi tổ tũ ta hay
còn lành, giữ bọn nghĩa
đầu hết đức Chúa blời
[k] cho, [k] dầu tlền tluầng,
cũ chẳng có hổ ngươi:
[l] [l] saõ le phạm tội đoạn,
vì mềnh xác có ngịch,
[m] [m] cũ linh hồn, mà tlền
[n] tluầng, thì hổ ngươi: [n]
khi ấy đức Chúa blời
bỏ tọi oũ Adam tlước
[o] mạt oũ ấy, [o] cho oũ ấy
xưng ngay tội mềnh, mà
nghi chịu đượ tha bệy,
[p] [p] saõ le oũ Adam có chọn
bó tội mềnh tlên đần
bà, mà bệy cũ nhữ bó tlền đức Chúa blời, ràng:
tội lạy đức Chúa blời, [q] đần bà đức Chúa blời [q]

hi de ligno & comedi ; [r] *Sic locutus eſt Adam, quaſi vero non deberet potius præcepto Dei adhærere, ac mulieris ſuaſiones reïcere ;* [f] *præſertim cùm ipſe non fuerit ſeductus ,* [t] *ſed ſciens ac volens fructum mortis acceperit .* [u] *Cùmque poſtea Dominus Deus etiam mulierem interrogaſſet, Quare hoc feciſti ?* [x] *illa reſpondit , Serpens decepit me , & comedi* [y] *tanquam culpam à ſe in ſerpentem reïciens :* [z] *cum tamen Deus vellet, vt ſuã culpam agnoſceret ,* [a] *quod & ipſa fructum vetitum comediſſet, & viro comedendum dediſſet .* [b] *Quia tamen benigniſſimus Dominus iam ex tunc humano generi , miſerè ſic lapſo, remedium parabat ;* [c] *priùs in ſerpentem inuehitur ; ſeu potius in diabolum , ſub illa ſerpentis figura latentem :* [d] *Inimicitias ,*

cho tôi làm bạn cữ, thì cho tôi blái, mà tôi đã ăn. [r] Oũ Adam thì nói bệy ; như thế bưng mlòi đức Chúa blòi răn, mà bỏ mlòi đấn bà dẽỏ dành, chẳng hơn ru ; [f] nhít vì oũ Adam chẳng có phạm vì ai dối mềnh đâu, [t] saõ thì biét , và doục làõ ăn blái chết bệy. [u] Sau thì đức Chúa blòi cữ hỏi đấn bà, phán ràng : sao mấy làm thế ếy gái kia ? [x] mà đấn bà thưa ràng : tôi lạy đức Chúa blòi , con răn đã dối tôi , mà tôi đã ăn : [y] như bàng giải mềnh, mà bỏ hết vạ cho con răn bệy : [z] khi đức Chúa blòi muấn cho đấn bà xưng mềnh có lỗy , [a] và khi mềnh lếy blái cấm mà ăn , và khi dưng cho chàõ ăn cữ . [b] Saõ le vì đức Chúa blòi rứt nhin, mà từ ếy đã dẽọn chửa lõài người ta , đã ngã mà khốn nạn làm bệy ; [c] thước thì máng con răn , hay là thạt máng phạt qui, đã lếy hình con răn , ấn mềnh , [d] thì

inquit, ponam inter te &
mulierem, [c] *& inter se-*
men tuum, & semen illius,
& ipsa conteret caput tuũ
&c. [f] *quibus verbis rui-*
nam diabolo prædicit per
Saluatorem mundi, qui de
muliere nasciturus erat. [g]
postea tamen vtrique pa-
renti varias ærumnas præ-
dicit, quas & ipsi passuri
erãt, & tota eorũ prosapia,
[h] *ac demum mortem, quam*
omnes propter Adæ pecca-
tũ erant subituri; [i] *ac prop-*
terea de paradiso voluptа-
tis illos eiecit [k] *sine spe*
ad illum redeundi, [l] *ne*
fortè de fructu arboris vi-
tæ comederent, per quem
vitarent corporis mortem;
[m] *Atque hinc nascimur om-*
nes peccati originalis ma-
culà infecti; [n] *atque ideò*
etiam paruuli qui vsu ra-
tionis adhuc carent, [o] *ta-*
men peccatum originale
contraxerunt, antequam

Ngày thứ ba

đức Chúa blời phán
ràng: ngày sau tao làm
cho mầy cũ đần bà ngịch
[c] nhau, [c] và giống ra bọi
mầy, cũ giống ra bọi đần
bà, cho hai giống ngịch
nhau, mà đần bà ngày
sau đập già giệt đầu mầy.
[f] [f] Mlời nầy đức Chúa
blời phán, là sấm truyện
sự ma quỉ ngã, vì có
đức Chúa blời kọu thề,
bọi đần bà mà sinh đẻ
[g] ra đời: [g] sau thì mới phán
dều sự khốn nạn, tổ tũ
ta, cũ cả và họ phải chịu,
[h] [h] sau nữa thì cũ phải chết
hết, vì bọi tội oũ Adam:
[i] [i] nhin vì sự ấy đức Chúa
blời xua tổ tũ ta ra
[k] khỏi vườn chui đẻ, [k] mà
chẳng còn có tlouũ được
[l] blố lại tlaõ ấy nữa, [l] cho
kẻo ăn được blái cây
sóũ lâu, mà làm chệy khỏi
[m] chết xác. [m] bọi đấy cho
nên ta hết thay thải, khi
mới đẻ ra, đã phải lấy
blộ tội tổ tũ ta truyện
cho ta. [n] vì chệy dầu tlẻ naò mọn mới đẻ, mà [n]
chưa có chúa í mênh, [o] sao le khi chưa có đẻ [o]
nascerẽ-

n aſcerentur, p ideò remedio etiam ipſi indigent, ad illud peccatum abſtergendum, q ne in æternum priuentur gloria cæleſti, ſi fortè ante vſum rationis moriantur, r tanquam verè inimici Dei. ſ quòd ſi mors alicui illorum contingat, poſt Baptiſmum ritè ſuſceptum, t æterna beatitudine in ſocietate beatorum Angelorum potientur. u qua re maximè id curandum, etiam filijs Ethnicorum, ante vſum rationis decedentibus; x quod prudenter faciendum, etiam inſcijs, aut inuitis parentibus, y cum infantes morti ſunt proximi, antequam extinguantur, opportunè baptiſmũ miniſtrando. z Atque hoc miſericordiæ opus pluris faciendum eſt, quam ſi innumeri theſauri pauperibus diſtribuerentur.

ra, phải tôi tổ nẽ truyền
p cho, p bởi đẽy cho nẽn
tlể nào dầu mọn thì phải
chịu phép, mà giải tội ẽy,
q cho kẻo phải mất đời
đời sự đui bể tlên
r blời, r nẽu tình cờ phải
chẽt, khi chưa có chúa
í mẽnh, vì đã phải mất
nghiả cũ đức Chúa blời:
s s nẽu tlể mọn naò phải
sinh thì, khi đã chịu phẽp
t rửa tội cho nên, t thì
đươc chịu đui bể đời
đời, làm bạn cũ đức
thánh thien thần đẽy.
u u Vì đẽy thì phải lo cho
nên, mà làm phép ẽy,
dầu cha mẹ chưa có đạo
mà con tlể khi rình chẽt
chưa có chúa í mẽnh:
x x mà phải lo việc ẽy cho
khéo, dù mà cha mẹ con
tlể ẽy chẳng hay, hay là
y chẳng khứng, y mà con
tlể đã ring chẽt, thì phải
làm phép rửa tội cho kíp,
z khi chưa có tắt hơi. z
Mà phúc thưởng xốt nầy, thì phải lẽy làm trạo hơn thí cho
kẻ khó của trạõ vô hồy vô số đẽy.

[a] *Adam poſt peccatũ è paradiſo eiectus, quamuis pœnitentiam agere cœperit,* [b] *ſtatim tamẽ perſentire etiã cœpit quanta mala ſibi, ac progenie ſuæ per illud peccatum intuliſſet:* [c] *quamuis enim peccati ſui veniam quoad culpam, à Miſeicordia Dei accepiſſet;* [d] *in ſudore tamen vultus ſui veſcebatur pane ſuo,* [e] *& Eua dolores partus in pœnam accepit:* [f] *quodque peius fuit, rebellionem in primo, quem peperit, filio vidit talem,* [g] *vt neque proprio fratri Abel pepercerit, nam ex inuidia illum necauit:* [k] *cùm enim Abel piè Deum coleret, eiuſque ſacrificia Deo eſſent accepta:* [i] *contra Cain impius & inuiſus Deo eſſet, id ægrè ferens, mortem intulit fratri,* [k] *atque ideò vagus fuit ſuper terram, filios etiam*

[a] Ngày thứ bốn.

[a] Oú Adam phạm tội đỗạn, mà khỏi vườn đui đé, dầu lien [b] có ăn năn tội, [b] ſaõ le cữ đã xem thấy tức thì những ſự khốn nạn, và mềnh, và họ mềnh phải, [c] vì mềnh phạm tội ấy: [c] vì chưng dù mà đức Chúa blời thương, mà tha tội oũ ấy, cho nên [d] khối vạ vô cữ, [d] ſaõ le cữ chịu mạt mềnh đỏ mồ [e] hôi, cho đượ c ăn, [e] mà bà Euà chịu phạt ſự khốn [f] khó khi đé con: [f] mà lại đã thấy càng khốn hơn nữa, vì đã thấy con đầu laõ mềnh đá nghịch [g] chưng ấy, [g] cho đến chẳng tha em mềnh, ten là oũ Abel, thàng ấy bởi ghen ghét, mà đánh chết [h] em: [h] vì chưng oũ Abel thờ phượng đức Chúa blời hết laõ, mà oũ Abel tế lễ, đức Chúa blời [i] lấy làm yêu: [i] ſaõ thàng Cain quỉ quái, chẳng đép lào đức Chúa blời, đệy thàng Cain thì ghen ghét, mà đánh chết em; [k] cho nên thàng Cain

[k] *genuit*

genuit ſibi ſimiles, [l] *impios ſcilicet ac Diuinæ maieſtati rebelles, qui ſolum terrena ſaperent;* [m] *hi polygamiam inuexerunt in mundum, & inſtrumenta muſica, & bellica.* [n] *Tertium filium genuit Adam, quem vocauit Seth,* [o] *illumque docuit piè Deum colere, cum ipſius progenie;* [p] *atque ideò filij Seth vocati ſunt filij Dei,* [q] *inter quos Henoch ita placuit Deo,* [r] *vt tulerit eum Deus, nec amplius apparuerit,* [ſ] *cùmque cæteri Patriarchæ iam diù mortem obierint,* [t] *vnus tamen Henoch, poſt quatuor mille, & amplius annos, eſt adhuc in viuis,* [u] *in loco ſecreto cuſtoditus à Deo,* [x] *poſtea tamen propè finem mundi eſt moriturus pro Sancta lege Dei.* [y] *& quamuis aliqui è Patriarchis ante diluuium*

đi dứ dài tlên đất, cứ ſinh ra con cây bát chước nó, [l] những thàng quỉ quái, mà ngịch cứ đức Chúa blời, một lo [m] ſự thế gian mà thôi: [m] blời những đứa ấy cho nên ra thói thế gian lấy dều bợ, mà đần hát, cứ kí giái, bởi chúng nó bay [n] đạt mà chớ. [n] Oũ Adam thì ſinh ra con thứ ba, [o] mà đạt tên là Séth, [o] cứ dặy oũ ấy, và đời oũ ấy, thờ phượng đức [p] Chúa blời cho nên: [p] vì lấy con cái oũ Séth, thì gọi là con cái đức Chúa [q] blời, [q] mà tlaõ họ ấy thì có oũ Henóch thì đẹp làõ [r] đức Chúa blời lám, [r] cho nên đức Chúa blời lấy oũ ấy, mà chảng thấy [ſ] oũ ấy nữa: [ſ] dầu các oũ tổ nề đời xưa đã ſinh [t] thì, [t] ſaõ le một oũ Henóch đã đượ hơn bốn nghìn tuổi, mà hãy còn ſóũ, [u] đức Chúa blời giữ oũ ấy ở nơi kín: [x] ſaõ le ngày ſau, khi rình hết thế, cứ phải chịu chết vì đạo thánh đức Chúa blời lấy: [y] mà dầu tlaõ tổ nề, khi chưa có đến lụt cả, có kẻ thì

nongentos

nongẽtos annos in hac vita superarint, [z] *vt Adam qui ad nongenteſimum & trigeſimum ætatis annum peruenit,* [a] *nullus tamen ad mille annos peruenit,* [b] *præter vnum Henoch, qui, vt diximus, adhuc eſt ſuperſtes, & quatuor annorum millia iam ſuperauit.* [c] *Mathuſala filius Henoch qui reliquos omnes Patriarchas ætate ſuperauit, peruenit ad nongentos & ſexaginta nouem annos,* [d] *atque adeò cum Adamo ſuperſtite vixit pluſquam ducentis annis;* [e] *à quo etiam totam de creatione huius Mundi ſeriem accipere immediatè potuit,* [f] *atque illam tradere, non ſolùm Noe nepoti ſuo,* [g] *ſed etiam tribus eius filijs ante diluuium,* [h] *vitam enim vſque ad diluuij tempus protraxit,* [i] *& mortuus eſt eo ipſo anno quo diluuiũ accidit.*

[k] *Cum enim filij Dei, ideſt ex progenie Seth, qui erant*

Ngày thứ bốn

đã khỏi chín tlam tuổi,

[z] [z] nhữ oũ Adam đã đến

[a] chín tlam ba mươi: [a] ſaõ

le chẳng có oũ bà naò

[b] đến nghìn, [b] có một oũ

Henoch hãy còn ſóũ đến

bây giờ, như đã nói khi

nãi, mà đã khỏi bốn nghin

[c] nam: [c] có một oũ Ma-

thuſala, là con oũ Henóch

đã khỏi tuổi các tổ nẽ,

mà đã ſóũ cho đến chín

tlam ſáu mươi chín nam,

[d] [d] cho nên còn ở cũ oũ

Adam khi còn ſóũ ở thế

nầy, hai tlam dư nam,

[e] [e] mà bẽy cũ chịu đươc

mlời oũ Adam, kể cho

oũ Mathuſala, ſự đức

Chúa blời hóá nên thế

[f] giái nầy làm ſaõ: [f] mà lại

oũ Mathuſala truyền

mọi ſự ẽy chẳng nhữ̃ng

cho oũ Noe, là cháu oũ

[g] Mathuſala, [g] mà lại tru-

yèn cho con cái oũ Noe,

[h] cho đến lụt cả, [h] vì chưng

oũ Mathuſala thì còn ſóũ

[i] cho đến lụt cả, [i] mà nam

ẽy có lụt cả, thì oũ Ma-

thuſala mới ſinh thì.

[k] [k] Khi ẽy kẻ thờ phượng

ſupremi

ſupremi Numinis cultores,
[1] *acceperint uxores ex fi-* [1]
liabus hominum, ideſt ex
progenie Cain, quæ erat
impiorum; [m] *ita corrumpi* [m]
cœperunt, in moribus, ut
unio excepto Noe cum fa-
milia ipſius, [n] *omnes eſſent* [n]
corrupti, ac talem ſupre-
mi Nominis iram incur-
rint, [o] *ut ſtatuerit Deus* [o]
per diluuium uniuerſale
delere omnes, [p] *præter* [p]
unum Noe, ipſiuſque fa-
miliam. [q] *præcepit ergo Deus* [q]
Noe ut fabricaret arcam
ſatis capacẽ adſaluandam
eius familiam, [r] *Noeſci-* [r]
licet & uxorem eius, tres
filios & tres uxores. filio-
rum ejus, [ſ] *& omnia ani-* [ſ]
malia, & uolatilia, & rep-
tantia ſuper terram, ad
ſaluandas eorum ſpecies,
[t] *de mundis quidem ani-* [t]
mantibus, & de uolati-
libus ſeptena & ſeptena, [u] [u]
de quibus ipſe Noe imme-
diatè poſtdiluuium poſſet
ſumere ad ſacrificandum

Ngày thứ bốn 97

đức Chúa blời, là dào
dói oũ Séth, gọi là con
cái đức Chúa blời, [1] thì
[1] lấy bợ những con cái
ngưới ta, là dào họ thàng
Cain, những kẻ gian dữ;
[m] [m] cho nên cả và lỏài ngư-
ời ta hư thân; có một
oũ Noe, và con cái oũ
[n] ấy còn lành, [n] hễ là kẻ
khác đã nát hết, mà làm
cho đức Chúa blời gẹn,
[o] [o] cho nên đức Chúa
blời làm lụt cả mà phá
[p] hết, [p] để một oũ Noe,
[q] và con cái oũ ấy. [q] bấy
giờ đức Chúa blời khi-
ến oũ Noe thì đáo tàu
như hình hòm, mà roũ
[r] rải, [r] để cho oũ Noe ở,
[ſ] và bợ oũ ấy, cử ba con
oũ ấy, lại ba bợ ba
[ſ] con oũ ấy: [ſ] và muâng
chim cầm thú, cử các
gióũ con rắn, để mà giữ
[t] lỏái nó, kẻo hết: [t] gióũ
naò muâng sạch, thì giữ
bảy con: mỗi một lỏài
[u] cái chim cử bảy con, [u] vì
chưng khỏi lụt cả đoạn,
thì oũ Noe phải lấy
những gióũ muâng sạch ấy, cử cái chim ấy mà

& gratias Deo agendas :
x *de immundis vero bina &* x
bina, maſculum & fœminã.
y *Dum igitur Noe fabrica-* y
ret arcam illam ſpatio cen-
tum circiter annorum, z z
alios monebat futurum, di-
luuium, vt à peccatis reſi-
piſcerent, a *at illi irride-* a
bant Noe tanquam fatuũ,
& ſuis interim peccatis &
luxui vacabant : b *cùm-* b
que vicino iam diluuio vni-
uerſali, mouente Deo, iam
animalia & reptilia omnia
& volatilia ingreſſa eſſent
in arcam, c *ipſe etiam* c
Noe cum ſuis ingreſſus eſt,
d *& clauſit à foris oſtium* d
Dominus, e *factaque eſt plu-* e
uia ſuper terram ſine in-
termiſſione quadraginta
diebus, & quadraginta
noctibus ; f *& non ſolum* f
cooperuit aqua omnem ſu-
perficiẽ terræ, g *ſed etiam* g
montes excelſi ita operti
ſunt, vt cacumina illo-
rum ſuperaret aqua quin-
decim cubitis; h *atque ita* h
mortua ſunt extra arcam
animantia, & volatilia,

Ngày thứ bốn
tế lễ cám ơn đức Chúa
x blời,x mà giống nào chẳng
sạch mỗi một thì đẻ hai
con, một đực một cái.
y y Sáo le khi oũ Noe đáo
tàu ấy một tlam nam dồ,
z z thì bảo kể khác, ràng
ngày sau có lụt đến, mà
a phải chừa sự lỗy : a sáo
le những đứa nó thì cu-
ời oũ Noe như thằng
naò dại, mà nhin thế
phạm tội choi bời chệy.
b b đến khi đã rình lụt cả,
đức Chúa blời giouc láo
các giống muôn chim, cũ
giống còn rắn, thì chẻào
c tàu, c mà oũ Noe và bà
d còn thì cũ chẻào : d chó-
uc ấy đức Chúa blời
thì đáo cửa lại bế ngõ-
e ài ; e bấy giờ thì mưa
đổ xuống tlên đết bốn
mươi ngày, và bốn
mươi đêm, chẳng có khi
f naò đừng ; f cho nên nư-
ớc che, chẳng lọ là cả
g và mạt đất, g lại che các
núi cao cho đến khói
đầu núi mười lam thũ-
h ớc tlên : h mà làm chệy
hễ là giống nào sống ngõ-

que

quæ habebant ſpiritum vitæ, [i] *uniuerſique homines;* [k] *excepto Noe & ijs qui cum ipſo erant in arca,* [l] *quæ tunc ferebatur ſuper aquas,* [m] *illæ autem obtinuerunt terram centum & quinquaginta diebus;* [n] *poſt quos cùm recordatus ſuiſſet Dominus Noe & omnium eorum, qui cum eo erant in Arca,* [o] *cœperunt minui paulatim aquæ ſuper terram,* [p] *cùmque cœpiſſet diluuium anno ſexcenteſimo vitæ Noe; menſe ſecundo, decima ſeptima die menſis,* [q] *poſtea menſe ſeptimo, vigeſima ſeptima die menſis, requieuit arca in montibus Armeniæ:* [r] *decimo verò menſe prima die menſis apparuerũt cacumina mõtium;* [ſ] *& aperiens Noe, feneſtram, quam data opera priùs fecerat in arca,* [t] *dimiſit coruum, qui non eſt reuerſus, donec ſiccabĩ lại, cho đến khi đất*

ài tàu là các muâng chim cầm thú có giác hồn thì
[i] chết hết, [i] cả và lỗài người ta cũ chết đối:
[k] [k] còn một oũ Noe, cũ bà con oũ ẽy, và mọi giống ở tlaõ tàu thì còn
[l] sóũ mà thôi: [l] khi ẽy tàu
[m] thì đi lại tlên nước, [m] mà nước thì che cả và đết một tlam nam mươi
[n] ngày; [n] sau thì đức Chúa blời đó oũ Noe, cũ các hết lỗài ở tlaõ tàu cũ oũ
[o] Noe, [o] mà làm cho nước hạ xuống ít ít đẽy:
[p] [p] đầu hết lụt cả phải khi oũ Noe nên sáu tlam tuẽi, mà ngày mười bay
[q] tháng hai; [q] đến hai mươi bảy tháng bảy, thì tàu mới phải cạn mà nghỉ tlên núi đết, gọi là
[r] Armenià; [r] mà đến mồũ một thánh mười, mới
[ſ] thấy được đầu núi: [ſ] khi ẽy oũ Noe thì mở ra cửa sổ, đã làm tlước tlên
[t] tàu đã sản, [t] và tha chim ác đi, mà nó chẳng có:

blở lại, cho đến khi đất đã khói nước, mà đã ráo

rentur aquæ ſuper terram:
u dimiſit quoque columbã u
poſt eum, x *quæ cum non* x
inueniſſet vbi requieſceret
pes eius, y *reuerſa eſt in-* y
arcam ; z *& expectatis* z
vltra ſeptem diebus, Noe
rurſum dimiſit columbam
ex arca ; a *& illa venit* a
ad eum ad veſperam, por-
tans ramum oliuæ virenti-
bus foliis in ore ſuo. b *in-* b
tellexit ergo Noe quod ceſ-
ſaſſent aquæ ſuper terram
c *Expectauitque nihilomi-* c
nus ſeptem alios dies, &
emiſit columbam, d *quæ* d
non eſt reuerſa vltra ad
eum: e *Igitur ſexcenteſimo* e
primo anno vitæ Noe, pri-
mo menſe, prima die menſis,
imminutæ ſunt aquæ ſuper
terrã, f *& aperiens Noe te-* f
ctum arcæ, aſpexit, vidit-
que quod exſiccata eſſet ſu-
perficies terræ, g *non tamen* g
eſt auſus egredi ex arca,
donec moneretur à Deo, h h
ſed expectauit in arca uſ-
que ad vigeſimum ſepti-

Ngày thứ bốn
u u oũ Noe cũ tha chim
x câu ra theo chim ác, x
mà chim câu tìm chẳng
thấy nơi nào nghỉ chên,
y y thì blở lại tlaõ tàu: z
z oũ Noe thì đợi bảy ngà y
nữa, mà lại tha chim
a câu ra tàu; a ſaõ le chim
câu, đến chiều tối thì
blở lại cũ oũ Noe, mà mỏ
nó thì càm gáp nghành
cây, gọi là Oliua, có lá
b tươi. b ḋệy thì oũ Noe
đã hay nước tlên đất
c thì đã thôi: c mà hãy
còn dợi bảy ngày nữa,
đỡạn thì lại tha chim
d câu ra lần nữa, d mà nó
chẳng có blở lại cũ oũ
e Noe nữa. e ḋệy ḋệy mà
đến ſáu tlam một tuổi
oũ Noe, là ngày mồũ một
tháng gyâng, nước thì
f đã khỏi đất, f mà oũ Noe
mở ra mái ḋểán lớp
tlên tàu, coi thấi mạt đất
g thì đã ráo: g ſao le khi
chưa có mlời đức Chúa
blời khién ra ngỡài tàu,
thì oũ Noe chưa dểám
h ra: h mà hãy còn đời
tlaõ tàu cho đến hại mươi bảy tháng hai, hầu

mum

mum diem menſis ſecundi, fermè duobus menſibus; i *tunc enim locutus eſt Deus ad Noe, & iuſſus eſt egredi ipſe & vxor eius, & alij qui cum ipſo erant, cum animantibus & volucribus ac reptilibus.* k *Egreſſus itaque Noe ædificauit altare Domino,* l *& obtulit holocauſta de pecoribus, & volucribus mundis,* m *gratumque habuit holocauſtum Dominus, odoratuſque eſt quaſi odorem ſuauitatis;* n *quin etiam pactum fecit cum omni carne, non amplius futurum ſic vniuerſale diluuium;* o *dicens cùm obduxero nubibus cœlum, apparebit arcus meus in nubibus & recodabor fœderis mei vobiſcum, & cum omni anima viuente quæ carnem vegetat,* p *& non erunt vltra aquæ diluuij ad delendam ſic vniuerſam carnem.*

q *Vixitque Noe à diluuium trecentis quinquaginta annis,* r *ita vt omnes*

i hai tháng: i ḋệy thì khi ấy có mlòi đức Chúa blòi cũ oũ Noe, phán: oũ ấy, và bọ oũ ấy, vả kể khác ở cũ oũ ấy, cũ muâng chim, và con rắn thì k ra ngŏài tàu hết. k Mà oũ Noe ra ngŏài tàu ròi, thì lọp noi thờ đức Chúa l blòi, l lấy gióũ ſạch tlaŏ muâng chim, mà tế lễ m đức Chúa blòi; m ſự tế lễ ấy đức Chúa blòi lấy làm yêu như ngửi của n thơm tho ḋệy; n mà lại đức Chúa blòi thì phán, giao cũ mọi gióũ thịt, chẳng cồn có làm lụt cả o làm ḋệy nữa: o mà phán ràng: khi tao làm mây che blòi, cũ xem thấy sở tao tlaŏ mây, mà tao sẽ nhớ đến mlòi tao giao cũ bay, và cũ các hồn ſóũ, làm cho thịt ſóũ ḋồi: p p mà chẳng còn có lụt cả nữa, cho đến phá mọi thịt làm ḋệy đâu.

q q Mà oũ Noe tù lụt cả thì còn ſóũ ba tlam nam r mươi tuổi, r ḋệy mọi tuổi oũ Noe ſóũ là chín

anni

anni vitæ Noe fuerint nongenti & quinquaginta. [f] [f]
& cum per tres filios Noe [c]
nempe Sem, Cham, & Iaphet, multiplicatum fuisset genus humanum adhuc viuente Noe, [t] *terraque* [t]
esset labij vnius, sermonumque eorumdem; [u] *instante verò Noe vt iuxtà* [u]
præceptum Domini diuiderentur in vniuersas terras filij ac nepotes, vt totam replerent terram. [x] *cùmque* [x]
venissent multi filij ac nepotes Noe ab Oriente, in terram Sennaar dictam, [y]
[y] *se inuicem adhortati sunt vt facerent ciuitatem & turrim cuius culmen pertingeret ad cælum,* [z] *vt ce-* [z]
lebrarent nomen suum, antequam diuiderentur in vniuersas terras; [a] *cùmque* [a]
huic operi essẽt intenti, confudit Deus linguã eorũ, [b] *ita* [b]
vt non intelligeret vnusquisque vocẽ proximi sui;
[c] *opus igitur sic inceptum* [c]
reliquerunt, [d] *huius tur-* [d]
ris inceptæ vestigia adhuc remanent in terra Babilo-

Ngày thứ bốn
[f] tlam nam mươi. [f] Mà ba
con oũ Noe là oũ Sem,
Cam, laphet thì sinh nõi
lõài người ta đã nhều,
khi oũ Noe hãy còn sóũ,
[t] [t] mà cả và thien hạ cử
một miệng, cử một ti-
[u] ếng nói: [u] khi ấy oũ Noe
bưng mlời đức Chúa
blời phán, mà giọuc và
con và cháu, thì lià nhau,
đi kháp thien hạ, cho
[x] đầy cả và đất. [x] khi ấy
và con và cháu oũ Noe
nhều, bởi phương đoú
mà đến đất, gọi là Sen-
[y] naar, [y] thì rủ nhau làm
thành và tháp cao, cho
[z] đầu nó tạn blời, [z] bệy
thì làm cho danh mềnh
nên trạo, khi chưa có
lià nhau, đi kháp thien hạ:
[a] [a] mà khi đang làm việc
ấy hết sực, thì đức Chúa
[b] blời lộn tiếng nó, [b] cho
nên ai nấy chẳng biết
[c] tiếng anh em; [c] vì bệy
thì nó bỏ việc mới làm
[d] thể ấy, [d] mà dẽầu tích
tháp làm đầu hết ấy, hãy
còn thấy ở đất tên là
Babilon, nghĩa là lộn-

nis

nis quæ confusionem significat. [c] *Igitur diuisi sunt filij Adam in vniuersas terras, dum adhuc viueret Noe,* [f] *qui primæuam linguam, hebræam scilicet, vt probabilius est, retinuit,* [g] *illamque simul cum verò Dei cultu reliquit filio suo Sem,* [h] *qui Sem etiam ante diluuium per centum fermè annos superstitem, habuit abauum suum Mathusalam,* [i] *à quo etiam tunc audire potuit quæ ille immediatè ab Adamo acceperat:* [k] *atque ipse Sem vixit vsque ad tempora Abrahami & Isaaci filij eius,* [l] *imò cum Abraham natus sit trecentis circiter annis post diluuium,* [m] *& Noe post diluuium vitam protraxerit ad trecentos & quinquaginta annos,* [n] *potuit Abraham tum à Sem, tum ab ipso Noemo, traditionem Diuinæ legis accipere,* [o] *illamque prosa. milia sua conseruauit,*

[c] lạo. [c] Bệy thì còn cái oũ Adam là nhau, mà đi kháp thien hạ, khi oũ [f] Noe hãy còn sóú: [f] mà oũ Noe thì giữ tiếng đầu hết, là tiếng hebrea, [g] như ngò thạt hơn; [g] lại tiếng ấy, và phép thạt thờ phượng đức Chúa blời, thì oũ Noe để truyền cho con, tên là [h] oũ Sem; [h] lại oũ Sem ấy khi chưa có lụt cả, thì cũ ở một tlam nam dồ cũ oũ có, là oũ Ma- [i] thusala, [i] mà khi ấy oũ Sem cũ haọc được những mlời oũ Mathusala nghe miệng oũ Adam [k] nói: [k] lại oũ Sem thì sóũ cho đến oũ Abraham, và oũ Isaac là con oũ ấy: [l] [l] mà lại oũ Abraham, khi sinh ra, lụt cả đã rồi [m] đã ba tlam nam dồ: [m] mà oũ Noe tứ lụt ấy thì còn sóũ ba tlam nam mươi [n] nam, [n] cho nên oũ Abraham cũ chịu được đạo thánh đức Chúa blời, và bởi oũ Sem, và bởi oũ Noe truyền cho, [o] oũ Abraham lại giữ để cho [o]

p *ac toto Regno Iudæorum, cuius ipſe Abraham fuit Pater, hæreditariam reliquit, ſimul cùm hebraica lingua.* q *Reliqua verò regna ſicuti linguã hebraicam amiſerunt in confuſione linguarum,* r *ſic etiam traditionem Diuinæ legis,* s *& ſic in falſas ſectas degenerarunt.*

t *Poſt confuſionem linguarum, incepit Sinarum regnum, à quo Annamitæ leges acceperunt.* u *Cùm autem Sinæ poſt liguarum confuſionem idioma, in quo erat vera lex, amiſiſſent,* x *nec libros haberent, in quibus vera lex continebatur,* y *in varias leges falſas ſunt diuiſi:* z *ſicuti qui veram viam amittunt, in varias diſtrahũtur vias, omnes tamen erroneas.* a *in tres verò præcipuè vias falſas fuere diuiſi Sinæ,* b *præter alias multas minus præcipuas æque falſas:* c *prima eſt literatorum quã*

p nhà mình, p và truyền đẽ cho nước Iudæa, vì oũ Abraham là tổ nẽ nước ẽy, và lại đẽ tiếng hebræa truyền cho q nước ẽy: q mà các nước khác, cũ mất tiếng hebræa khi lộn tiếng nói, r r và lại mất truyền đạo thánh đức Chúa blời; s s cho nên phải ſa đạo vạy.

t t Lộn lạo tiếng nói đoạn thì mới ra nước đại minh, mà Annam thi chịu đạo bởi nước ẽy: u u khì lộn lạo tiếng nói đoạn, mà đại minh phải mất tiếng nói tlaõ đạo thạt, x mà lại chẳng còn có kinh truyền đạo thạt, y y thì phải phân ra nhều z đạo vạy: z như thể kẻ lạc đàng thạt, thì lạc đi nhều đẵng, mà những a đàng vạy. a Saõ le đại minh bổn thì có phân ra ba đàng cả, những b vạy, b chẳng kể nhều đàng tiểu mọn khác, cũ c vạy bẽy. c đàng thứ nhít, là đàng về kẻ hay chữ, gọi là đạo Như:

Nhu *vocant*: [d] *ſecunda* [d]
veneficorum, quam dicunt
dao: [e] *tertia idololatra-* [e]
rum, quam vocant but,
[f] *incipiendo igitur ab hac* [f]
vltima quæ in India ori-
ginem habuit, [g] *ab ipſa* [g]
enim eius origine ſtatim
patebit eius falſitas.
[h] *Tribus itaque millibus* [h]
circiter annis à creatione
mundi, [i] *& à confuſione* [i]
linguarum paulò plus quã,
mille annis, [k] *fuit in* [k]
India quidem Rex nomi-
ne Timpham, [l] *qui filium* [l]
habuit ingenij acuti, ſed
valdè ſuperbum: [m] *is* [m]
prius quidem vxorem
duxit, vicini Regis filiam,
[n] *ex qua poſtquam prolem* [n]
ſuſcepit, vnicam filiam,
[o] *inuita vxore in Ere-* [o]
mum ſeceſſit ſolus, [p] *cùm* [p]
eſſet magicis datus artibus
[q] *tum vt ſui admiratio-* [q]
nem pareret, [r] *tum vt li-* [r]
beriùs cum dæmonibus a-
geret: [ſ] *duos autem præ* [ſ]
cæteris dæmones habuit ma-

[d] đàng thứ hai, là đàng
kẻ thờ quỉ, mà làm việc
[e] đối, gọi là đạo đạo: [e]
đàng thứ ba là đàng kẻ
thờ bụt, gọi là đạo bụt.
[f] [f] Sự đàng sau nầy bởi
nước India mà ra, thì
[g] ta nói thước: [g] ta suy
bởi đâu mà ra, thì một
chục ta biết, là đạo gi-
an.
[h] [h] ấy chệ y mà từ tạo thi-
en lọp địa qua ba năm hìn
[i] nam dồ, [i] mà từ lộn lạo
tiếng nói một nghìn
[k] dư năm, [k] bên thiên trúc
cắc thì có chúa, tên là
[l] Tinh phạn, [l] mà đẻ con,
dẽạ thì sáng, sảo kiêu
[m] ngạo lám: [m] đã lẽy con
chúa nào gần đẽy gả cho,
[n] [n] mà sinh đẻ được một
[o] con gái đẽạn, [o] thì khi-
én đi ở tlên rừng một
mềnh, dầu chợ cãi, mà
[p] chẳng cho, [p] vì mềnh đã
quen làm việc dối, như
[q] pháp môn phù thủy, [q] và
muân cho người ta hãi,
mà khen nó, [r] và bloú
làõ thoú doú nói khó
[ſ] cử ma quỉ: [ſ] mà tlaõ nhều quỉ dẽại nó, thì có

giſtros Alalam ſcilicet & Calalam, [r] *inter quos ipſe medius ſedebat,* [u] *illi docuerunt ipſum prius atheiſmum, dato ei nomine* Thicca. [x] *cùmque ipſe alios docere vellet impiam illam doctrinam,* [y] *ratione naturali adeò repugnantem, omnes ab illo recedebant;* [z] *Quod videns ipſe, cum dæmonibus ſuis magiſtris,* [a] *aliam cœpit docere viam fabuloſis narrationibus plenam,* [b] *vt ſic retinere poſſet diſcipulos,* [c] *quos etiam docuit fabuloſam animarum tranſmigrationem,* [d] *cultum ſimul idolorum docens plebem, & ſeipſum, tanquam idolorum omnium caput ſtatuens:* [e] *ac ſi ipſe eſſet cæli & terræ conditor & rector:* [f] *nomine verò cæli, & terræ vulgus decipiebat, ac corpus humanum ipſe intelligebat, cæteraque omnia idola, corporis humani, tam viri, quàm fœminæ membra, etiam pudenda, interpretabatur*

Ngày thứ bốn

hai quỉ, tên là Alala, và Calala, quên làm thày nó lien, [t] mà nó thì ngồi [u] giữa hai thày quỉ ấy, [u] mà dẽại nó đầu hết, chớ tin gì có Chúa blời, cứ đạt tên nó là Thicca. [x] đến khi Thicca ra dẽại kẻ khác sự đạo gian ấy, [y] vì thái mlẽ lám, thì người ta bỏ mà đi hết; [z] Nó, và quỉ làm thày [a] nó, thấy vậy, [a] thì lấy đàng khác, mà mới dẽại nhưng truyện dối blá [b] đã đầy, [b] vậy thì mà [c] cầm đỉ tới lại, [c] cứ có dẽạy nó sự lộn hồi, đổi [d] blá đỉ tới vậy: [d] lại khiến nó thờ bụt, mà lấy mình Thíc ca làm [e] cội rễ bụt vậy, [e] như thế lấy mình là kẻ làm nên blời đất, mà trị đây. [f] Sao le nó lấy tên blời đất vậy, mà dối blá thế gian, nó thì lấy là mình [g] người vậy: [g] mà lại các bụt thì cứ lấy là tứ chi cốt tiết, dầu đầu oũ, dầu đầu bà, cứ là vật âm mình, lấy làm bụt vậy:

h ÿs ſcilicet qui in impia doctrina erant prouectiores; i vetabat tamen ſeuerè ne id in vulgus propalaretur, k illos enim ſuis fabellis & magicis artibus l ita dementabat, vt idolorum cultum ſuaſerit, m promittens ſcilicet ſe quis idolorũ cultor fuiſſet, quãuis nunc ex infima plebe, n illum in animarum trãſmigratione, naſciturũ filium Regis, o ſuos tamen intimos diſcipulos in atheiſmi baratrum tandem perducebat, p omnia ſcilicet ex nihilo eſſe tanquã ex prima caſu, q & ad nihilum etiam, tanquam ad vltimum finem redire. r Vnde fit vt idolorum doctrina ſit duplex, ſ vna quidem, quam exteriorem vocant, quæ in impio idolorum cultu conſiſtit, t cum innumerabilibus fabulis, ac nemÿs, u quibus plebs ad idolorũ cultũ trahitur, & ad innumera peccata.

h mà mlòi êy thì nói cũ ké haọc đã lâu mà thôi, i ſaố le đều êy, chẳng cho nói ra cũ thế gian, k mà cũ nó những nói ſự truyện dối blá bày đạt đệy, và lêy phép l giả bối qui mà làm cho thế gian lến đại đệy, cho nên thế gian thờ bụt: m vì chưng thì nói húa ràng, ai thờ bụt, dẫu là ké hèn mọn ở đời nãy, n đến đời ſau khi lộện hồi thì đế ra đươc làm o con đua Chúa đệy: o ſaố le đều tớ nào yêu thì cầng dối nó, mà làm cho phạm chốn càng lâu, cho đến chẳng tin có p đức Chúa blời đệy: p lại khién khoũ làm cội q rễ đầu mọi ſự, q mà khi thì chết lại về khoũ, lêy khoũ làm bia mọi ſự đệy. r Vì đệy giáo bụt thì có ſ hai đàng: ſ một là gọi giáo ngoài, mà dẽay người ta thờ bụt, dối t đệy, t hay bày đạt những truyện giả, kẻ chẳng xiét, xiêu dối thế gian, u mà làõ về thờ bụt, cho

x *alteram verò interiorem* x
vocant, quæ longè peior eſt,
vt pote atheiſmus, y *frena* y
ſcilicet laxans ad omnia
petcata : z *vnde fit vt* z
qui interiori illo veneno
ſunt corrupti, prioribus lon-
gè ſint peiores . a *Vnde* a
Confuſius ſinarum ſummus
doctor, b *idolorum cultũ,* b
barbarorum doctrinam
vocat in ſuis libris .
c *Quod ſi quæras quomodo* c
barbarus hic idolorum
cultus apud Sinas ſit propa-
gatus? d *cùm apud Indos,* d
gentem ſcilicet reſpectu Si-
narum valdè ruſticam,
originem habuerit? e *Reſ-* d
pondetur Sinas procul du-
bio Indiarum gentibus eſſe
longè cultiores: f *tum in ÿs* f
quæ ad ſcientias & animã p
pertinent, tum in ÿs quæ
ad corpus ſpectant, g *Indi* g
enim primò ſunt in ſcien-
tÿs valdè rudes: h *deinde* h
in cultu corporis incedunt

Nhày thứ bốn
nên phạm tội, vô hồi vô
x số: x lại có giáo khác
gọi là đạo tlaõ càng dỗi
nữa ràng chẳng có Chúa
nào bỏá ra thế giái nầy,
y y mà làm ɔbệy thì mở
đàng cho người ta
phạm mọi tội dầu làõ,
z z cho nên ai phải đạo
bụt tlaõ đoục ếy, thì
quỉ quái hơn kẻ theo
a đạo ngõài ɔbệy. a Vì ɔbệy
oũ khốũ tử, là kẻ đại
minh lếy làm thầy nhứt,
b b tlaõ sắch thì gọi đạo
bụt những đạo rợ mọi
ɔbệy.
c c Ví bàng có hỏi sự thờ
bụt nầy là thói rợ mọi,
mà đại minh có chịu thói
d ếy làm sao? d mà thiẹn
f trúc cõắc, là đết cháng
có lẽ bàng đại minh, saõ
thói ếy ra bỏi nước
thiẹn trúc cõạc thế nào?
e e ta thưa ràng, thạt đại
minh có lẽ hơn thiẹn
f trúc cõác đã xa, f và lõên
phép haọc, cũ sự linh
hồn, và coi sự xác nữa. g Vì chưng có lõên phép g
haọc thì thiẹn trúc cõắc chẳng hay mấy: h lại coi h
phép về xác bỏn thói người nước ếy thì quen

plerumque

plerumque fermè nudi ; i *in refectione quoque quotidiana sunt ita rustici, vt discis aut scutellis minimè vtantur, sed tantum foliis ;* k *atque plena manu cibos etiam liquidos apprehendant .* l *Attamen cum iam pridem in suis libris Confusius monuisset,* m *Sanctum in terra Occidentis quærendum esse :* n *Cum id Rex Sinensis*, Han Min đế, *nomine legisset ,* o *ac diuinitus, vt ferunt, etiam monitus fuisset, vt veram legem è magno occidente peteret,* p *legatis destinauit ad hoc, vnum è primarijs sui regni proceribus ,* q *qui cum multis mensibus longo itineris tractu in Indiam peruenisset ,* r *quæ respectu Sinarum est quidem versus occidentem :* s *attamen vt ad Magnum Occidentem peruexiret mediam itineris partem nondum confecerat :* t *maiestijs au-*

đi tlần lien, hay là mạc quéi quá bệy: i sự thói ăn üâng thì vô lễ, vì chảng có dữ điả bát nào, k những dữ lá chôey: k mà cữ chảng hay dữ đủa, một chan com bối canh, mà đẩy tay ăn bọc bệy.

l l Sảo le vì có mlời đời xưa tlảo sẳch oũ khổũ, m bảo ràng: m bên tây thì có oũ thánh, mà phải đi tìm đ'ây: n lại có bua đại minh đời xưa, tên là Hán minh đ'ế, cói thấy đ'êu ếy tlảo sẳch oũ khổũ o o mà lại có kẻ ràng bua ếy đã chiu mlời đức Chúa blời phán ràng, đạo thạt thì phải kiếm bởi nước bên đại tây p dương: p chóuc ếy bua Hán minh thì chọn tlảo đại thần một người nhìt, đi tứ bên nước ếy. q r mà đ'ến khi đại thần ếy đã đi lâu tháng, và đàng xa thì mới đ'ến thien trúc cốắc, r bởi nước đại minh cữ là bên tây: s mà cho đ'ến bên đại tây dương, chưa đ'ược nửa phân đàng: t tảo le

tem

tem itineris, atque ærumnis iam fractus, noluit vlteriùs procedere, " *sed in ipsa India quæsiuit, an aliqua ibi lex esset, quam ad Sinarum Regem deferret;* x *cùmque impia illi* Thic- x *cæ secta data fuisset,* y y *ipse lætus accepit, & ad suum reuersus Regem* r *eam illi obtulit,* z *mentiens se illam à Magno Occidente deferre.* a *Rex legato fidens, eam absque alio examine, an is verum diceret, suscepit,* b *atque statim idola venerari cæpit, templaque illis erexit:* c *populus indoctus Regem sequẽs, impium idolorum cultum etiam suscepit:* d *literati tamen & docti talem cultum cõmuniter contempsere,* e *quamuis aliqui etiã ex istis, Regi scilicet adulantes, exteriùs idola colere cæperunt,* f *etsi illa interiùs contemnerent, legemque barbarorum, cum*

Ngày thứ bốn

vì đã chịu nhều sự khốn

khó dẽọc đàng ấy, mà

nhaọc, thì tõan chẳng

" đi xa nữa, " lại tìm ố-

nước thien trúc ấy, có

đạo naò chang, mà đam

về cho đua đại minh;

x x khi ấy bên thien trúc

cõác có cho nó đạo Thic,

y những dối blá đệy, y nó

thì mầng, mà lấy đạo

ấy đam về cho đua nó;

z z cũ nói dối đua ràng:

bởi đại tây dương lấy

a đạo ấy mà về. a đua

thì tin mlời sứ, mà chẳng

có xét gì, những chịu

b lấy đạo ấy, b mà tức

thì có thờ bụt, và làm

c chùa triền thờ đệy: c

chóuc ấy đến đại dột,

thì theo đua, mà chịu

lấy đạo gian, thờ bụt

d cũ đua: d saõ le ké hay

chữ nghĩa bởn chê đạo

e ấy, e cũ có ké hay chữ

mà thờ bụt bề ngõai,

f phỉng đi đua đệy, f dù

tlaõ làõ thì chê đạo bụt,

mà gọi là đạo rợ mọi,

bát chước cũ khoũ là thày va, cũ gọi làm đệy.

magistro

magiſtro ſuo Confuſio dice-
ret. g *Eò tamen demen-* g
tiæ deuenerunt idolalatræ
vt Thiccam *cæli & terræ*
cõditorem ſibi fingerent; h h
cùm tamen clarè ex eius
libris conſtet, i *quod lon-* i
gè ante ipſum fuerit cælum
& terra. k *Alij etiam* k
idololatræ fictitium quem-
dam, quem bàn cõ *vocant,*
l *cæli & terræ conditorem* l
dicunt, nullum tamen cul-
tum illi exhibent, m *nec* m
templa ei dedicant, ſed tan-
tum impiè Thiccæ.
n *Secunda ſecta apud Sinas* n
eſt Lautij cuiuſdam, o *quem* o
etiam cæli & terræ con-
ditorem aſſerunt eius aſſe-
clæ: p *cùm tamen de ipſo* p
etiam ex Sinarum libris
conſtet, q *quod multis an-* q
norũ millibus ante ipſum
cælum & terra condita
ſint r *hæc ſecta dæmones* r
veneratur, præcipuèque ve-
neficijs conſtat, & nullũ
cultum ipſi Lautio exhibet,
atque in maximis verſa-
tur tenebris: s *ſolum* s
quamdam à Lautio accep-

g g mà kẻ thờ bụt thì dạ
chưng ấy, cho đến lấy
Thíc ca làm nên blời
h đất đây, h dầu tlaõ sách
Thíc ca đã thấy tỏ tư-
i ầng, i khi chưa có Thíc
ca, đã có blời đất tlư-
k ớc, đã lâu. k cứ có kẻ
thờ bụt, mà bày đạt
đứa naò dối, tên là, bàn
l cô, l khién đã làm nên
blời đất, saõ le chẳng
có thờ bàn cõ ấy sốt,
m m cứ chẳng có làm chùa
naò cho nó, một làm
chùa thờ Thíc ca, là đứa
gian đây.
n n Giáo thứ hai ở tlaõ
nước ngô bởi lảo tử
o nào mà ra: o kẻ theo
giáo nầy, thì lấy lảo tử
p làm nên blời đất; p dầu
tlaõ sãch đại minh đã tỏ
q tường ràng, q mấy nghìn
nam blời đất đã tlước
r lảo tử ấy. r Giáo nầy
thì thờ ma quỉ mà làm
s những phép giả, s cứ
chẳng có thờ Lảo tử ấy
sốt, nhưng ở tối tăm mù
t mịt đây. t Có một cu
lấy bởi Lảo tử mà thôi,

tam

tam ſententiam proferunt,
qua dicit: u đạo, *hoc eſt,*
legem, ſeu viam feciſſe
unum: unum verò feciſſe
duo; duo feciſſe tria: tria
denique feciſſe omnia. x
Quod ſi ab illis quæras,
unde ſit illud, đạo, *ſive*
lex? y *reſpondent, ex ni-*
hilo, & vacuo, abſque
alio principio eſſe magnum
illud đạo, *ſeu magnam*
legem; z *neque aliud de*
de rerum productione no-
runt; a *conſtituuntque va-*
cuum, & nihil tanquam
primum rerum omnium
principium effectiuum: b
quaſi verò nihil, aut va-
cuum poſſint alquid pro-
ducere c *Cumque verum*
rerum Conditorem, ac
ſupremum Dominum igno-
rent, dæmonibus cultum
exhibent, d *veneficijſque*
innumeris implicati, à de-
monibus miſerè decipiun-
tur.
c *Tertia denique apud Si-*
nas ſecta dicitur đạo nhu
f *& literatorum eſt, qua Confuſium colit,* g *eò quod*
ab ipſo literas ſuas acceperit, & politicas quaſdam
leges

Ngày thứ bốn

u ràng: u đạo ſinh nhít, nhít ſinh nhị, nhị ſinh tam, tam ſinh vạn vật.
x x Ví bàng có ai hỏi, đạo ấy, hay là đàng, bởi đâu
y mà có? y nó thì thưa ràng, hư vô tự nhiên
z chi đại đạo: z mà mọi ſự hóá ra thế nào, thì chẳng biết đí gì nữa:
a a ấy thì lấy hư vô, là khoũ, mà chẳng có, làm can ngươn hóá nên mọi
b ſự: b lạ đời, khoũ, hay là chang có, mà làm nên được đi gì chớ có ru?
c c ấy ấy mà vì chẳng biết thạt Chúa cả, làm nên mọi ſự, mà thờ, thì
d thờ quỉ, d và trớ những phép giả đã khê lê, cho nên ma quỉ dối được nó ấy.
e e Tlaố đại minh còn giáo thứ ba, gọi là đạo nhu,
f f những kế hay chữ thì theo đấy, mà thờ oũ
g khoũ, g vì oũ ấy bày chữ ra, mà lại dẽạy lè lỏệt

leges, per quas regnum Sinarum administratur, h *& propterea supremum ipsi Confusio cultum exhibent Sinæ,* i *illumque Sanctum & bonum per antonomasiam nominant;* k *sed immeritò ita loquũtur,* l *vel enim Confusius ille supremum nouerat rerum omnium Conditorem ac Dominum,* m *qui est totius Sanctitatis, & bonitatis fons & origo, vel non nouerat:* n *si nouerat, cùm esset magister, illum debebat discipulis indicare, vt cultum illi debitum exhiberent;* o *quod cum non fecerit; non potuit esse bonus; aut Sanctus, sed potiùs peruersus & malus, alios scilicet priuans cognitione imprimis necessaria,* q *quod si Deum supremum omnis bonitatis, & Sanctitatis principium, & fontalem originem, non nouerat,* r *quomodo poterat esse Sanctus, aut bonus?* s *quare nulla ratione vocãdus est Sanctus.* t *quanto*

h sửa nước đại minh: h ninh vì sự ấy tlaõ đại minh thì lấy thờ oũ khổũ
i làm nhứt, i mà gọi là thánh hiền, là thánh, và
k hiền nhứt bậy; k sao le nói thế ấy chẳng phải
l mlẽ đâu: l vì chưng hay là oũ khổũ tử ấy biết đức Chúa cả, làm nên
m mọi sự, m là cội rễ mọi sự thánh, mọi sự lành, hay là chẳng biết:
n n ví bằng đã biết, mà làm thầy, thì phải dạy đẽy tớ cho biết cũ, mà thờ
o đẽy cho nên: o sao le oũ khổũ chẳng có làm sự ấy, vì bậy chẳng phải hiền, chẳng phải thánh,
p p thạt là đọc dữ, vì sự nhứt phải hay đầu hết: mà chẳng có dạy ai.
q q Ví bằng oũ khổũ chẳng biết đức Chúa blời, là cội rễ, và cội rễ mọi sự lành, mọi sự thánh,
r r nên thánh, nên hiền
f làm chi dược? f Ví bậy thì chẳng khá gọi là oũ
t thánh sốt: t hỡáng lọ lấy phép phải thờ một

minus illi debent exhiberi honores Deo ſoli debiti; u u *neque debet inuocari, ad hoc, aut illud ab eo habendum.* x *cum hæc omnia,* x *debeant à ſupremo rerum Domino expectari & haberi.* y *Ad ſummum illi honor ille ac reuerentia debentur, & exhiberi poterunt, quæ magiſtris viuis exhibentur,* z *illa ſcilicet quæ cultum merè politicum non ſuperant:* a *nempe caput vſque ad ſolum demittere in eius reuerẽtiam, quod magiſtris etiam viuis, aliiſque ſuperioribus apud Sinas exhibetur,* b *idemque eſt atque apud nos Magiſtro aperire caput, eique inclinari:* c *in conſpectu tamen aliorum, vt Ethnicorum, (qui Confuſium illum ſuum tanquam numen colunt)* d *nulla poteſt tribui reuerentia, niſi priùs clarè illis explicetur, illam reuerentiam non exhiberi Confuſio tan-*

Ngày thứ bốn

đức Chúa blời, mà thờ oũ khốũ, thì càng lỗy:
u u cũ chẳng nên cầu đi
x gì đí gì cũ oũ khốũ: x vì chưng mọi sự ta phải cầu, và cậy một đức
y Chúa blời mà thôi. y Ví bằng có kính oũ khốũ chang, thì phải dữ lễ có quen làm cho các thày
z khi hãy còn sóũ, z là phép lễ về thế nầy, cho lịch
a sự ma thôi: a như thế cội đầu xuống mà lạy, là lễ kính tháy naò, khi hãy còn sóũ, và kính kẻ bề tlên, như thói đại minh
b quen; b mà lễ lam bệy cũ bằng phép kẻ ta, kính thày, mà cất nón, hay là
c bái thày bệy: c sao le tlước mặt kẻ khác, như tlước mặt kẻ chẳng có đạo (vì chưng kẻ ngõài đạo, that thì lẽy oũ khốũ, mà thờ oũ khốũ, bằng ta thờ đức Chúa blời)
d d nếu chẳng phan bua tlước, thì chẳng nên lạy oũ khốũ, mà khi phan bua thì phải nói tỏ tường, cho người ta ở đẽy nghe được, có lạy oũ

quam Numini, [c] *ſed ſolùm vt Magiſtro, à quo literas, & alia politica acceperint*; [f] *alioquin eſſet ſcandalum, ſi exhiberetur Confuſio reuerentia coram alijs abſque declaratione*; [g] *exiſtimarent enim Ethnici illum coli pro Numine à Chriſtianis, niſi proteſtatio illa præcederet*, [h] *& ſic Ethnici in ſuo confirmarentur errore*, [i] *quia tamen vix inuenietur qui publicè hanc proteſtationem audeat facere, illo modo quo facienda eſt, ne ſequatur ſcandalũ*: [k] *ideò abſolutè talem Confuſio reuerentiam hortamur omittì, ne aliquibus ſit in laqueum*. [l] *In eadem literatorum ſecta ſolent Ethnici adorare Cœlũ pro Numine* [m] *qui error etiam in vulgus emanauit*, [n] *ſed hoc iam ſuprà, initio huius cathechiſmi refutatum eſt die prima*.

[o] *Alij multi errores è tribus hiſce ſectis, vt venenatis fontibus, originem*

[c] khóũ thì chẳng phải như
[c] đức Chúa blời, [c] thạt
có lạy như thầy đã dẽay
chữ, cũ phép ſửa nước
[f] mà chớ; [f] ví bằng có
lạy oũ khóũ trước mặt
người ta, mà chẳng có
phan ḃua làm ḃệy, thì
[g] có tội: [g] vì chưng kẻ
ngoài đạo thì ngờ là kẻ
có đạo, khi lai oũ khóũ,
mà chẳng có phan ḃua
trước, có lạy oũ khóũ
[h] như đức Chúa blời, [h]
ḃệy kẻ ngoài đạo, càng
[i] tin sự dối nữa. [i] Saõ le
vì có ai dẽám phan ḃua
làm ḃệy, trước mặt ngư-
ời ta, cho kẻo kẻ ngoài
đạo càng tin sự dối, đư-
[k] ợc là hõa, [k] vì ḃệy ta
khuien đừng lạy, kẻo
[l] phải sự lỗy. [l] Traõ đạo
nhu ếy kẻ hay chữ cũ
lạy blời như Chúa blời
[m] ḃệy, [m] má đều lỗy ếy cũ
đã ra cho thế gian bắt
[n] chước; [n] saõ le đầu hết
mlời giãng nầy, ngầy
thứ nhít, đã bắt đều ếy.

[o] [o] Bởi tam giáo nầy, như
bởi nguôn đoục, có ra

traxerunt; [p] *ſed ſingulos* [q] *refutare opus non eſt*, [q] *ſufficit enim ſcire vndenam emanarint, vt earũ falſitas manifeſta ſit*, [r] *ſecuti enim deiecta infructuoſa, imò damnoſa arbore, ramos etiam ab illa promanantes decidere neceſſe eſt;* [s] *ſic nigro ac mẽdaci* Thicca *deiecto, à quo aliæ idolorum fabulæ promanarunt, clarum eſt omnes illas corruere.* [t] *quod autem de animarum tranſmigratione in exteriori ſua ſecta tradit, eſt omninò ridiculum:* [u] *cur enim aliquis ſaltem non recordaretur prioris vitæ, ſi in illa ante hanc aliquando fuiſſemus?* [x] *eſt ergo merum* Thiccæ *figmẽtum,* [y] *qui etiam in ſuis libris expreſſe,* [z] *inter animas plantarum, ſeu arborum, animantium, & hominum ait nullam eſſe differentiam:* [a] *mortalem ergo facit animam homi-*

Ngày thứ bốn

[p] nhẽu ſự dối khác: [p] ſaõ le bắt mỗi một ſự dối [q] ấy chẳng có làm chi, [q] vì chưng biết là bởi đâu mà ra, cho hay tỏ tường là dối, thì bỏa: [r] [r] như thể có chém cây naò đọuc cho ngã, các ngành cây ấy tự nhiên [t] cũ ngã đổi: [s] bởy thì ta làm cho Thíc ca, là thằng hay dối người ta, ngã xuống, thì mọi truyện dối tlaõ đạo bụt, bởi Thic ca mà ra, có [t] ngã đổi thì đã tỏ. [t] Saõ le ſự lỏẽn hồi Thíc ca bày đạt, phần đạo ngỏài, [u] thì la ſự cười choúc: [u] vì chưng ví bàng ta đã ở đời tlước', mà ſao chẳng có một ai còn đớ- [x] ſự đời tlước ấy? [x] vì bởy thạt là Thíc ca bay [y] đạt dối blá bởy: [y] mà lại tlaõ sắch Thíc ca nói [z] tỏ tường ràng: [z] tlaõ hồn cây cỏi, cũ hồn muâng chim, cho đến hồn người ta, thì chẳng có khác; [a] bởy thì nó làm cũ bàng giác hồn, hay

[a] lish hồn người ta hay chết,

nis, æquè ac sensitiuam, & vegetatiuam, [b] *in quo sibi ipse contradicit, cùm postea transmigrationem animæ rationalis in alia corpora docet:* [c] *si enim ex eius sententia, seu errore anima hominis est æquè mortalis, atque animæ iumentorum, vel arborum,* [d] *quomodo in alia corpora transmigrare poterit?* [e] *si anima hominis simul cum corpore extinguitur, quomodo aliud corpus informare poterit?* [f] *præterquã quod transmigratio illa est contra communem hominum sensum,* [g] *& commune proloquium, tam apud Sinas, quam apud Annamitas receptum:* [h] *vitam scilicet hanc esse tanquam hospitium, mortem verò esse reditum ad propriam domũ:* [i] *si enim daretur hæc ficta transmigratio animarum, semper esset anima nostra in hospitio,* [k] *nunc in hoc corpore, paulo post in alio.*

[l] *Peius adhùc longè est, anà*

[b] là sinh hồn, [b] mà làm chệy thì đều nào nó đã nói tlươ̂c, đến sau thì [c] nó lại chối: [c] vì chưng ví bằng nó ngờ linh hồn người ta hay chết, cũ như hồn muâng chim, [d] hay là hồn cây cỏi; [d] mà sao lại rằng, có lẽn hồi cho người ta lại sinh ở [e] xác khác? [e] ví bằng linh hồn người ta, khi xác chết, cũ chết chệi, lại sinh lại, mà cho xác khác sớ̃u [f] làm sao được? [f] mà lại lẽn hồi ẽy chẳng ưa mlẽ ở tlaõ laõ các người ta, [g] cũ uy báng mlờ̀i thien hạ, dầu đại minh, dầu Annam quen nói lien [h] làm chệy: [h] sinh kí dã tử qui đã: sớ̃u thì gười, [i] chết thì về: [i] ví bằng có lẽn hồi, mà chẳng phải đổi, thì linh hồn một ở [k] gười lien chệy: [k] bây giờ thì ở gười tlaõ xác nầy; đến tau một gềy nữa thì lại ở gười tlaõ xác khác chệy.

[l] Mà đều Thic ca dẽay nơi trũ giáo rằng linh

mã hominis mortalem asse-
rere, vt Thicca *ponit in se-*
cta interiori: [m] *sibi ipsi, vt* [m]
supra monuimus, contradi-
cens: [n] *nam præterquam* [n]
quod hæc pestilens doctri-
na ad omnia vitia ianuam
aperit , [o] *est etiam ex-* [o]
presse contra communem
animæ rationalis appeti-
tum , [p] *quæ sui memoriã* [p]
etiam post hanc vitam
relinquere cupit , [q] *vt pa-* [q]
tet in magnificis sepultu-
ris , quas ambit , [r] *& in-* [r]
alijs præclarè gestis , quæ
ad posteros etiam vult per-
uenire . [s] *præterea opera-* [s]
tiones præcipuæ , quas ha
bet Anima hominis sunt à
corpore independentes : [t] [t]
operationes scilicet intel-
lectus, ac liberæ voluntа-
tis , [u] *quas corpore etiam* [u]
effœto exercet , [x] *quod si-* [x]
gnum est illas à corpore mi-
nimè dependere , [y] *imò se-* [y]
paratam à corpore liberius
exercere . [z] *sed cur tandem* [z]
communiter homines parẽ-
tum suorum, natura duce ,
post eorũ obitum curam ge-

Ngay thứ bốn

hồn người ta hay chết,
[m] thì càng lỗy , [m] mà đều
ấy Thíc ca thì ưy báng
mlòi mình, như ta đã
[n] nói tlước : [n] vì chưng
giáo đọục nầy, chẳng
những mở cửa cho mọi
[o] tội ; [o] mà lại chẳng ưa
[p] mlế linh hồn ta, [p] vì có
muấn khi khỏi đòi nầy
để đẽầu mình lại, cho
[q] người ta dớ, [q] như ta
xem nơi chốn xác mềnh,
mà ước làm cho trạo,
[r] [r] và việc naò đã làm
nên thì muấn để truyền
[s] cho đòi sau . [s] Sau nữa
hễ là phép trạo linh hồn
người chẳng có dử xác,
[t] mà làm việc ; [t] như thễ
phép trí, hay là phếp có
[u] chúa í mềnh , [u] vì chưng
linh hồn ta có dử hai
phép ấy, dầu xác đã già
[x] cả, mà nhạoc ; [x] vì bẹy
hai phét nhít ấy , thạt
[y] chẳng có dử xác , [y] mà
lại khi khỏi xác thì càng
[z] nghỉ làm việc ấy . [z]
Lại sao bổn người ta
có mlễ tlaõ lào, giọuc
lo cho cha mẹ, khi đã

runt ?

runt? [a] *Cur Annamitæ tanto ſtudio Maiorum ſuorum anniuerſarium diem celebrant?* [b] *Cur conuiuia defunctis tantis impenſis,* [c] *aliaque obſequia pro ſuis parẽtibus poſt obitum parant?* [d] *ſi enim animæ cum corporibus intereunt, fruſtranea eſt omnis defunctorum cura.* [e] *quamuis enim bruta animantia, natura duce, curam ſuæ prolis gerant,* [f] *& auiculæ pro edendis, educandiſque filijs nidulos ſuos tãta ſolicitudine, atque induſtria parent,* [g] *quia ſcilicet proles parentum opera indiget:* [h] *nulla tamen animantium, quam tumuis prudentum, ſpecies parentum ſuorum iam mortuorum curam gerit,* [i] *quia ſcilicet cum animantium omnium corpora, æquè atque eorum animæ ſimul intereant.* [k] *atque ideò prolis operam iam non indigeant;* [l] *Deus verò nihil facias fruſtra, ideò nulla eſt animalibus à Deo indita parentum mortuorum*

[a] ſinh thì đoạn? [a] Sao
người An nam mọi năm
mọi có giữ ngày cha
mẹ, oũ bá, oũ vải ſinh
thì, mà làm giỗ chạp hết
[b] ſức? [b] Sao tốn của bấy
nhêu, mà làm cỗ làm
[c] mâm, [c] cũ nhêu ſự nữa có
dẽon cho cha mẹ khi đã
[d] ſinh thì? [d] vì chưng nếu
linh hồn chết bỏi xác,
lo cho kẻ chết chẳng có
[e] làm chi. [e] vì chưng dầu
muâng chim câm thú tự
[f] nhien lo cho con, [f] mà
cái chim nhỏ hay lo, và
khéo hay làm tổ, dẽon
ſinh đẻ, và nuei nóng
[g] con, [g] vì con có dữ việc
[h] cha mẹ mà chớ: [h] ſaõ le
chưa thấy muâng naó,
dầu khôn, hay lo cho
[i] cha mẹ khi đã chết: [i] vì
chưng hễ là muâng chim,
khi xác nó chết, hồn cũ
[k] chết bỏi, [k] vì bẽy chẳng
[l] còn có dữ việc gì con; [l]
mà đức Chúa bỏi chẳng
[m] có làm đi gì khoái, [m] vì
bẽy cũ chẳng có cho

cura.

cura, quia nihil ſupereſt curandum. n *Contra ve-* n
rò, cum docente ipſa natura, homines tantam parentum defunctorum habent curam, o *& non mi-* o
nus fortè quam ipſi parentes pro viuis filijs ſoliciti ſint. p *certè fatendum eſt* p
à Deo ipſo nos edoceri, q q
parentes, etiam poſt hanc vitam, adhuc ſupereſſe, qui noſtris obſequijs adhuc indigeant, r *ergo anima* r
noſtra, poſtquam à corpore ſeparata eſt, adhuc viuit: s *ergo eſt immortalis ex* s
ſe, & naturaliter; t *à* t
nullo enim agente naturali, poſtquam à corpore ſeparata eſt, poteſt deſtrui.
x *Sciendum tamen eſt, animam noſtram à corporis* u
huius mole ſeiunctam, x *corporeis cibis, aut indumentis, aliiſque huiuſmodi rebus corporeis minimè indigere, cum ſit ſpiritualis;* y *atque in hoc Anna-* y
mitæ grauiter errant, cum corporalibus cibis ani-

tlaõ làõ muáng naò, còn
lo cho cha mẹ, khi đã
n chết: n ſaõ le khi người
ta tự nhien có lo gia-
giét làm bẹy cho cha-
o mẹ, khi đã ſinh thì, o âu
là cũ bàng cha mẹ lo cho
p còn khi còn ſóũ: p thạt
thì phải xưng, có đức
Chúa blò̀i mo̍ làõ ta,
q q khi cha mẹ đã qua đò̀i
nầy, thì hay còn có, mà
hay còn dữ việc ta giúp
r cho: r vì bẹy linh hồn
ta, khi đã ra khỏi xác,
s thì hay còn ſóũ, s mà tự
nhien chẳng hay chết:
t t vì chưng chẳng có phép
naò dưới đức Chúa
blò̀i, mà làm hại được
linh hồn, khi đã khỏi xác.
u u Saõ le cũ phải hay, khi
linh hồn ta đã khỏi xác
x thịt nầy, x chẳng còn có
dữ ăn üấng, hay là mạc,
cũ các kì ſự vẽ xàc, vì
y linh hồn ta là tính thiêng
liêng: y mà người An
nam mò̀i linh hồn ăn

animas

mas defunctorum inuitant
z *anima enim noſtra no-* z
bilior eſt, quam quæ huiuſ-
modi cibis vtatur: a & a
in hoc grauem ſuis proge-
nitoribus iniuriam irro-
gant, b *ac longè maiorem,* b
quàm ſi viuis adhùc pa-
rentibus paleas, & alia,
quæ brutis animantibus
dantur, c *cùm domum ad-* c
ueniunt, ad manducandum
miniſtrarent; d *maior enim* d
improportio eſt omnium ci-
borum corporalium ad Ani-
mam noſtram, vtpote Spi-
rituałem: e *quam ſit pa-* e
learum & aliorum, quibus
bruta animantia ad veſcẽ-
dum vtuntur, ad homines,
adhùc in hac vita degen-
tes. f *Maior adhùc irre-* f
uerentia, & tanquam ir-
riſio, qua progenitores ſuos
defunctos Annamitæ affi-
ciunt, g *cùm domos, ve-* g
ſtes, pecunias, & alia
vtenſilia ex papyro depicta
conficiunt, vt illis offerant:
h *hæc enim nullus ſanæ* h
mentis, vel pauperculo vi-
uenti auderet offerre, vt

z của xác, thì lỗy xa: z vì
chưng linh hồn ta trạõ
hơn, mà chẳng còn có
dữ ăn üống gióũ ẽy đâu:
a a vì bẹy An nam thì vô
phép, mà mất hàõ cha
b mẹ lám, b càng hơn khi
cha mẹ còn lóũ, mà lẽy
blanh, lẽy cỏ, là của mu-
âng chim cầm thú ăn,
c c mà mời cha mẹ ăn
nhưng của gióũ ẽy, hi
d đến nhà cữ: d vì chưng
hẽ là của xác dữ, mà ăn
üống, thì hèn, và tlái í
linh hồn ta, là tính thi-
e êng liêng, e hơn blanh
cỏ, cữ các của muâng
chim cầm thú quen ăn,
thì hèn, mà tlái í cho
người ta, khi hay còn
sóũ ở đờ̀i nầy, mà mờ̀i
f ăn nhữ̃ng gióũ ẽy. f Lại
người An nam càng vô
phép, mà như thẽ cười
nhạo cha mẹ, khi đã sinh
g thì, g mà dữ nhữ̃ng géy
làm nhà, cữ áo, tiền,
vàng, bạc, và các kì sự
h vẽ, mà cữ cha mẹ: h vì
chưng chẳng có ai khôn,
mà dẽám cho người

huiuſmodi rebus vteretur.
i *Quomodo igitur ea progenitoribus defunctis Annamitæ audent offerre, vt huiuſmodi rebus fictitijs vtantur?* k *Dicet aliquis per combuſtionem in alia traſmutari.* l *Egregiè verò, nam per combuſtionem illa omnia conuertuntur in flammas, vel in cineres,* m *quid ergo progenitoribus mittitis?* n *ſi cineres commodè ſanè habitabunt inter cineres;* o *& nitidè valdè cineribus veſtientur:* p *ſi flammas mittitis, vt verè mittitis,* q *quia illa opera falſa & peccaminoſa exercetis, quæ à parentibus didiciſtis,* r *atque ideò illorum cruciatus in altera vita adaugetis,* ſ *ſicuti enim ijs qui alios bona docuerunt poſt illorum mortẽ,* t *dum illa exercentur in hac vita ab ijs, qui didicerunt,* u *in cælo augetur gaudium Sanctis, quia ea docuerunt:* x *ſic etiam qui*

Ngày thứ bốn
naò, khi hay còn ſóú, dầu rứt khó, mà khién nó dữ bay gióũ ẽy. i Mà ſao người An nam dẽám cũ cho cha mẹ, khi đã ſinh thì, nhữ̃ng của dôi ẽy? k Có kẻ ràng, đốt thì mà biẽn hõá, ra khác. l Nói làm dệy phải chốc, vì đốt thì phẩn ra lưả, phẩn thì ra blo: m mà gưới phẩn naò cho cha mẹ? n ví bàng gưới blo thì làm cho cha me ở tlaõ blo mà ſưấng ru: o mạc blo mà ſạch sẽ, và lịch ſự lám ru: p ví bàng gưới lửa, ắt thạt gưới lửa, q vì chưng khi làm nhữ̃ng việc dôi, thì phạm tội, haọc mà bắt chước cha mẹ xưa có làm thẽ ẽy, r cho nên có thêm hình lửa cho cha mẹ, đã qua đò̀i nẩy. ſ Như thẽ ai ở thẽ nẩy đã dẽạy kẻ khác ſự lành, đẽn khi đã qua đò̀i, t mà kẻ đã haọc còn làm ſự lành ẽy ở thẽ nẩy, u thì thêm phúc cho người thánh tlên blò̀i, vì đã dẽạy kẻ khác đều lảnh ẽy: x dệy

peruer-

peruersa docent alios, & ea
fiunt, y *etiãsi qui ea docue-*
runt sint vita functi, eorum
pœna & cruciatus in alia
vita augentur, z *propter*
illa noua peccata quæ fa-
ciunt hi, qui ab illis didi-
cerunt: a *quare filij qui*
parentibus ea ficta offerũt,
& comburunt, verè illis
flammas mittunt, b *quia*
dum exercent peruersa
illa, quæ à parentibus de-
functis didicerunt, c *eorum*
cruciatus, & pœnas adau-
gent in alia vita: d *præ-*
ter peccatum quod ipsimet
filij committunt, e *propter*
quod etiam ipsi, nisi ma-
turè resipiscant, in futuro
sæculo plectentur. f *Qua-*
re cessandum est ab huiuſ-
modi fictitijs, & falsis ho-
noribus, g *quia sunt veræ*
parentum contumeliæ &
irrisiones, & cruciatuum
ipsorum augmentum. h
Qualis autem honor pa-
rentibus defunctis exhibẽ-
dus sit, i *docebimus infra,*
cùm de honore parẽtibꝰ, tàm

ké dĕay sự dữ, mà kẻ
khác làm sự dữ ấy đã
y haọc, y dù kẻ đã dĕay
z tlước, đã chết, cũ chịu
z thêm hình đời sau, z vì
tội mỗi ấy, ké đã haọc
a nó, còn làm: a vì bởy
khi con cái đốt cho cha
mẹ những của giả ấy,
thạt là gưởi lửa cho
b cha mẹ mà chớ: b vì
chưng ké làm sự lỗy ấy,
xưa đã haọc bởi cha
c mẹ, c thì thêm hình khốn
cho cha mẹ, khi cha mẹ
d đã chết: d chẳng kể tội
e con làm bây giờ, e mà
chẳng chừa cho lọp, thì
mềnh đời sau cũ phải
f chịu tội ấy nữa. f Vì bởy
thì phải bỏ mọi lễ dối ấy,
g mà đừng, g vì chưng
thạt là bất nghĩa, mà
cưởi nhạo cha mẹ, cũ
thêm hình cho cha mẹ.
h h Mà ta phải thảo kính
cha mẹ khi đã sinh thì
i thể nào, i dến sau ta sẽ
dĕay, khi ta giảng sự
đức Chúa blời khiến
kính cha mẹ làm sao,

viuis, quàm defunctis, iuxtà legem Dei debito a-
gemus.
k *Cùm igitur tam Sinæ,* k
quam reliqua omnia regna
veræ legis traditionem
amisissent, l *& in varias* l
sectas, ex dæmonis frau-
de, pessum abiissent: m m
una tamen Iudæorum
natio veram supremi re-
rum Conditoris legem re-
tinuit, simulque linguam
hebræam. n *Nam Abra-* n
ham, qui fuit primus gen-
tis Iudeorum parens, ve-
ram legem accepit, o *tum* o
immediatè ab ipso Deo, cui
propter Sanctitatem valdè
charus fuit, p *sæpèq; Deus* P
ipsi apparuit; & cum illo,
vt cum amico sæpè loquu-
tus est, q *mysteriaque re-* q
condita ipsum docuit. r r
tum etiam Abraham Sem,
filium Noe, magistrum
habere potuit, s *quia mul-* s
tis annis illo superstite vi-
xit. t *Sem autem non* t
solum à Patre suo Noe
veram accepit legem, u *sed* u
etiam à suo abauo Ma-

Ngày thứ bốn
dầu còn sóũ, dầu đã qua
đòi.
k k êy bệy mà khi và đại
minh, và mọi nước khác
đã mất truyền đạo thạt,
l l mà bỏi qui dối, thì
phạm sa những đạo vay:
m m saõ le có một họ Iudæa
còn giữ đạo thạt đức
Chúa cả làm nên mọi sự
truyền cho, và giụ tiếng
n hebræa bói. n Vì chưng
oũ Abraham là tổ nẽ họ
Iudæa thì chiụ lẽy đạo
o thạt, o và bỏi đức Chúa
bỏi truyền cho oũ ẽy,
vì là người thánh mà
P đức Chúa bỏi yêu, P cũ
nhều lần hiện xuống, và
nói khó cũ nhều lần,
như người có nghĩa
q cũ, q mà bảo oũ ẽy sự
r sâu nhiệm. r Mà lại oũ
Abraham haọc đươc cũ
oũ Sem, là con oũ Noe,
s s vì oũ Abraham ở thẽ
nẩy nhều nam, khi oũ
t Sem hay còn. t Mà oũ
Sem chiụ truyền đạo
thạt, chảng những bỏi
u cha là oũ Noe, u ma lại
chiụ bỏi oũ cô là oũ

thusala

thuſala, cum quo diù vixit ante diluuium ; x *& Mathuſala immediatè ab ipſo Adam, cum quo etiam diù vixit, vt ſupra notauimus.* y *Quare Abraham per Sem, & Mathuſalam veræ legis traditionem ab Adamo habere potuit,* z *quam ipſe tradidit filio ſuo Iſaac, quem genuit cum eſſet nonaginta nouem annos natus,* a *ex Sara iam nonagenaria & ſterili,* b *& per eum accepit repromiſſiones à Deo,* c *quod ſcilicet futuris temporibus ex eius pronepotibus acciperet totius humani generis Redemptorem :* d *eademque promiſſio, poſt mille circiter annos, facta eſt à Deo Dauidi Iudæorum regi, qui erat ſecundum cor Dei,* e *& alijs Deinceps Sanctis prophetis, vſque ad Redemptoris Aduentum.*

Mathuſala, vì chưng ở cũ oũ ếy lâu nam, khi x chưa có lụt cả : x mà oũ Mathuſala chịu truyền ếy bởi oũ Adam ; vì đã sóũ, lâu nam nữa cũ oũ Adam, như ta đã nói y trước. y Vì bệy oũ Abraham chịu đươc truyền đạo thạt bởi oũ Adam có oũ Sem, cũ oũ Mathuſala, hai oũ ở giửa, mà thôi. z mà oũ Ahraham lại truyền cho con, là oũ Iſaac, đã đẻ khi đã nên chín mươi a chín tuổi, a bởi bà Sara đã nên chín mươi tuổi, b mà lại có tặt ở ſon. b Oũ Abraham có chịu mlời đức Chúa blời c phán nói hứa cũ, c bởi dàõ dối oũ Iſaac, ngày ſau có Chúa ra đời kớu d người ta. d đến ſau qua một nghìn nam dồ, lại có mlời hứa ếy, bởi đức Chúa blời phán ra cũ oũ Dauid, là dua Chúa nước Iudæa, đã đẹp làõ đức Chúa blời. e Mà lại đều ếy có truyền nối xuống cũ người thánh chịu sấm truyền, f *Cùng*

f *Cùm ſcilicet omnes aliæ nationes in tenebris infidelitatis iacerent,* g *& præcipuè magnum Sinarum Imperium, quod per varias ſectas, quas ſupra retulimus & refutauimus,* h *tandem in atheiſmi barathrum incidit, quod naturæ lumini eſt adeò repugnans:* i *quin etiam animæ rationalis immortalitatem communiter non agnoſcit.*

k *At vera lex, quæ ſupremũ Dominum ac rerum omniũ Creatorem primumq; Principium, atque vltimum finem agnoſcit;* l *non ſolum ex Diuina reuelatione,* m *ſed etiam vel ipſa ratione naturali duce:* n *conſequẽter etiam animam rationalem, ſpiritualẽ & immortalem agnoſcit.* o *Primus enim rerum omnium Conditor Deus, cum neceſſariò ſit iuſtus,* p *eius iuſtitia rectiſſima ſaluari non*

f cho đến đức Chúa blời ta đòi kóu thế. g Mà khi ấy hễ là các nước chẳng tin, cho nên ở tối tam mù mịt, g nhít là nước đại minh, có theo nhều giáo những dối, ta đã kể h và bắt thước, h mà ngã lỗ lâu lám, là chẳng tin có đức Chúa blời, thật tlai mlẽ tlaõ, làõ người ta lám, i mà lại đại minh bổn chẳng tin, linh hồn ta một hàng sóũ đẹy, mà chẳng hay chết.

k k Saõ le đạo chính, là đạo thờ phượng một đức Chúa blời, thì nhìn một Chúa cả, làm nên mọi sự, thạt là cội rễ đầu, mà lại làm như bia cả mọi sự đẹy: l mà biết bay nhều sự nầy, chẳng những bởi có mlời đức Chúa blời truyền cho, m n mà lại vì có mlẽ tlaõ ta dẽay đẹy. n bởi đẽy thì phải xưng linh hồn ta là tính thiêng liêng hàng sóũ đẹy, chẳng hay chết. o Vì chưng khi ta nói thạt đức Chúa blời chi linh chi coũ, p ví bằng chẳng còn có đời sau,

poſſet

posset, nisi post hanc vitam
superesset alia, in qua præ-
mia bonis & malis supplicia decernerentur: q *mul-*
tos namque videmus iu-
stos & Sanctos viros, r *qui*
in paupertate & contemptu
ad vltimam vsque sene-
ctam degunt, s *imò inter-*
dum morbis afflictantur,
ita vt adhùc iuuenes diem
obeant, t *& sæpè etiam*
à malis, & improbis bo-
minibus affliguntur, u *ali-*
quando vsque ad interne-
cionem, & boni patienter
id ferunt: x *& contrà ma-*
los sæpè videmus in pro-
sperit atibus & diuitijs, y
alijsque huius vitæ com-
modis, ad multam sæpè se-
nectam peruenire, z *quam-*
uis multa mala perpetrent,
horrendisq; sceleribus sint
onusti: a *ergo necessariò su-*
perest alia vita, in qua
scilicet boni debitas vir-
tuti coronas recipiant, &
præmia: b *mali verò iuxtà*
ipsorum demerita pœnis,
& supplicijs afficiantur,
c *à supremo rerum omniũ*

Ngày thứ bốn 127

đề thưởng kẻ lành, và
phạt kẻ dữ, thì đức Chúa
blời chẳng phải coú
q bằng đâu: q Vì chưng
ta thấy nhều người lành
r nên thánh, r khó khan,
chịu khốn, chịu khó,
người ta dễ duôi cho
s đến già cả: s cũ có khi
thì phải đâu náng, mà
t chết tlẻ: t lại có nhều
phen, kẻ dữ thì làm khốn
u kẻ lành; u cũ có khi thì
đánh chết, mà kẻ lành
x thì chịu bệy. x Mà
lại ta thấy dều lần, kẻ
dữ thì giầu có, bui bẻ
y ở thế nầy, y mà chịu
những sự bui, cũ có
khi thì đến già cả chịu
z một thinh nhàn bệy. z
dầu mà làm nhều sự dữ,
mà gẫnh tội vạ trạo lám:
a a vì bệy thạt hãy còn
đời sau, và cho kẻ lành
chịu coũ, chịu phúc,
bàng nhin đức mình làm:
b b và lại kẻ dữ thì chịu
hình khốn nạn, bàng tội
c vạ mình làm, c vì đức
Chúa cả tlên hết mọi sự,
thì phán xét làm bệy.

Iudice

Iudice ac Domino. [d] *Sic accidit olim vt ſupra notauimus, Lazaro ſancto, pauperi, ac mendico, vlceribuſque pleno,* [e] *qui breuẽ hanc vitam in miſerijs patienter, ac virtuosè pertranſiens,* [f] *iam à mille ſexcentis, & amplius annis fœlicitate potitur cæleſti,* [g] *ac in æternum beatitudinẽ gloriæ poſſidebit:* [h] *contrà verò diues Epulo in delicijs viuens,* [i] *poſt mortem, propter multa peccata quæ perpetrauit, ſepultus eſt in inferno,* [k] *atq; ignibus inextinguibilibus traditus eſt, iam etiã à mille ſexcentis, & amplius annis,* [l] *& in æternũ cruciabitur, abſq; vlla ſpe vnquam euadendi.* [m] *talis namq; eſt iuſtitia Dei ſine fine, ſicuti & ipſe Deus eſt infinitus.*

[n] *Pro ijs autem qui adeò hebetes ſunt, vt ex dictis adhùc animæ hominis im-*

Ngày thứ bốn

[d] đời xưa oũ thành Lazaro, như ta đã bảo chước, cũ đã gặp thế ấy, [e] vì ở đời nầy, thì khó khan, chẳng bao lao, mà đi ăn mày, cũ tlaõ mình mầy phải nhưng chóuc lệch, mà chịu, và làm dều sự nhin đức bệy: [f] mà bây giờ đã chịu phúc tlên blời bui bế, đã qua hơn một nghìn sáu tlam năm, [g] lại đời đời một chịu thinh nhàn bệy chẳng cũ. [h] Mà thàng giầu kia, hay ăn uống, ở thế nầy thì một hay chơi bời, [i] đến khi chết, vì có phạm tội nhều, thì phải chôn ở tlaõ địa ngục, [k] mà chịu lửa chẳng hay tắt, cũ đã qua hơn một nghìn sáu tlam năm: [l] lại về sau cũ chịu hình đời đời bệy, mà chẳng có tloũ được khi naò cho khỏi đâu. [m] vì chưng đức Chúa blời là tính thiêng liêng vô cũ: lại coũ bàng ở đức Chúa blời, cũ là chẳng cũ bệy.

[n] Saõ le cho kẻ u mê chũng ấy, mà nghe bay nhều mlời

mortali.

mortalitatem non capiant, hæc quæſtio poteſt proponi.

• *Cur tandem omnibus à* °
natura inſitum ſit, vt chariſſimos etiam quoſque,
P *cum quibus, dum eſſent* P
viui, familiariſſimè agebamus, ac conueſcebamur: q q
ſtatim autem ac ſunt vita functi, tantum illorum metum & horrorem concipimus, vt ſine magno terrore illis ſoli aſſiſtere non valeamus? r *Cur igitur* r
ſic timemus? Verè quia eorum anima etiam ſeparata, vel ipſa docente natura, nobis terrorem illum incutit; s *ſignum igitur eui-* s
dens eſt, ab ipſa natura inditum, t *animam homi-* t
nis poſt mortem adhùc ſupereſſe, u *quæ adhùc rela-* u
tionẽ habeat ad illud corpus, quod timemus, etiam poſtquam defunctum eſt.
x *Contrà verò feras, vt* x
leones, tigres, lupos timemus, y *dum adhùc viuunt,* y
& ab illis naturaliter fugimus: z *ſi tamen occiſæ* z

đã giảng, cũ sự linh hồn
người ta chẳng hay chết
nếu chưa tó, thì phải
• giảng đều sau nầy. ° Vì
sao ta tự nhiên, có người
ở nào hàng ở cũ ta, và
P có nghĩa cũ ta, P mà khi
còn sóũ, thì ta một ở
q nói khó cũ, và ăn cũ, q
sao le đến khi đã chết,
ta thốát chóuc kinh
khủng, mà sợ, một mình
r ở chẳng được cũ? r Mà
sao tá dái làm vậy?
Thạt là vì linh hồn ấy
dầu đã khỏi xác, tự nhi-
en làm cho ta sợ làm
s vậy mà chó. s ấy là dẽầu
thạt, như thể có mlẽ tlao
là ở ta bảo, tự nhien,
t t linh hồn người khi đã
qua đời, thì hãy còn
u sóú, u mà hãy còn về xác
ấy, ta dái, dù mà đã chết
x đã rồi. x Sao le muâng
dữ nào, như thể muâng
sư tử, con hùm, chó sói,
y y khi còn sóũ thì ta dái,
mà tự nhien ta tlốn nó:
z z ví bàng đã đánh chết
muâng nào dữ, chẳng

fuerint huiuſmodi feræ, nihil amplius in illis timemus, [a] *ſed acutiſſimos earum dentes, aut vngues, etiam pueruli, ſine vllo timore apprehendunt, & cum illis ludunt:* [b] *quia ſcilicet, vel ipſa natura duce, intelligitur nihil amplius in illis ſupereſſe quod timeri debeat;* [c] *earum enim anima, ſimul cũ corpore extinguitur.* [d] *Sicuti ſi domus aliqua poſſeſſorẽ adhùc habeat quamuis abſentem,* [e] *naturaliter timent homines illam diripere,* [f] *quia ſcilicet timent ne à poſſeſſore deprehendantur, & multentur:* [g] *ſi tamen domus ſit omninò derelicta, & carens domino,* [h] *liberè illam quiuis diripit, abſque vllo metu, quia ſcilicet caret domino:* [i] *ſic quamuis timeamus naturaliter feras, dum adhùc viuunt, & ab illis fugimus,* [k] *mortuarum tamen corpora laniamus, abſque vllo metu,*

[l] *quia illarum animæ ſimul cum corpore intereunt, nec*

còn có gì mà dái nó nữa.

[a] [a] mà còn tlẻ nhó thì bắt nành nó, hay là chuất nó dầu sắc, mà choi ác chệy, [b] cũ chẳng có dái gì. [b] Vì chưng tự nhien đã hay, chẳng còn có đí gì mà dái, [c] vì hồn nó đến khi xác chết, thì tát đi [d] chối. [d] Nói thí dụ, như thể có nhà naò, còn có chúa, dầu mà váng mạt, [e] [e] thì tự nhien người ta dái, mà cháng dễám lấy [f] đí gì nhà ấy: [f] vì chưng thì dái chúa nhà một choúc có đến, mà bắt; [g] [g] nếu có nhà naò đã để đi, mà chẳng còn có chúa [h] naò nha ấy, [h] thì ai nấy lấy của nhà ấy mà chẳng [i] có dái gì, vì chẳng có chúa, [i] sự nầy cũ chệy, vì dầu ta dái tự nhien muâng naò dữ, khi hãy còn [k] sóũ, mà ta tlốn nó. [k] saõ le khi nó đã chết; ta xé nó ra, mà chẳng có dái [l] gì, [l] vì hồn nó thì cũ chết chối xác, mà chẳng còn

ſupereſt

superest dominus qui timeatur: [m] *& hominum* [m] *defunctorum cadauera timemus natura duce,* [n] *quia* [n] *scilicet illorum animas, quæ sunt veluti cadauerum dominæ, adhùc timemus, vt superstites.* [o] *Ergo naturaliter intelligimus hominis animam esse, corpore moriente, superstitem;* [p] *& consequenter immortalem,* [q] *nullum enim agẽs naturale animam à corpore separatam corrumpere potest aut destruere;* [r] *sed solus Deus, qui sicuti illam ex nihilo creauit,* [s] *& in suo esse per continuatam quandam creationem conseruat:* [t] *sic illam per negationem concursus creatiui posset destruere si vellet;* [u] *id tamen nunquam facturus est, vt ex ipsius reuelatione constat,* [x] *sed bonis præmia æterna largi-*

[m] có chúa mà dái: [m] Saõ le tự nhien ta dái thân xác người, dầu đã chết, [n] [n] vì chưng ta hãy còn dái tự nhien linh hồn, là chúa thân xác ấy, vì linh [o] hồn hãy còn. [o] Vì bởy ta tự nhien đã hãy linh hồn người, khi xác chết, [p] thì hãy còn sóũ, [p] mà lại đã hay thạt, linh hồn người chẳng có chết [q] được, [q] vì chẳng có phép naò dưới đức Chúa blời, mà làm hại được, hay là phá được linh hồn ta, khi đã khỏi xác. [r] [r] có một đức Chúa blời, như đã lấy khoũ, mà bỏá [s] ra linh hồn người, [s] mà lại hàng có giữ gìn, như thế hỏá ra linh hồn người [t] lien bởy. [t] mà đức Chúa blời khién đừng giữ gìn làm bởy, mà tự nhien phá linh hồn người [u] thì cứ được: [u] Saõ le đức Chúa blời chẳng có đừng giữ đời đời, vì đã có mlời đức Chúa blời pnán, [x] cho kẻ lành thì chịu phúc tlên blời [x]

turus eſt in cælo: ℣ malis verò ſupplicia æterna irrogaturus eſt in inferno. ℣

℣ đòi đòi, ℣ mà kẻ dữ, thì phạt chịu hình khổn, tlaõ địa ngoục đòi đòi chệy.

Ngày thứ bốn

Dies quintus.

a *QVæ ſequuntur non ſunt committenda omnibus,* b *niſi ijs qui per priorum auditum, c iam idola, & inanes ſectas contempſerint,* d *& ad Baptiſmum iam ſint diſponendi, per ieiunium & alia pia opera:* e *atque ideò illis iam tradendus eſt Orationis Dominicæ, Salutationis Angelicæ,* f *ac Symboli Apoſtolorum liber: vt illa memoriæ mandẽt.* g *Proponuntur hodie myſteria duo totius Chriſtianæ religionis profundiſſima & altiſſima:* h *nempe ſacroſanctæ Trinitatis myſterium prorſus ineffabile,* i *ac ſtupendum Diuinæ Incarnationis opus.* k *Cùm igitur initio iam ſtatuerimus dari primum rrrum omnium creatarum principium,* l *quod lumine naturali notum eſt:* m *ſic etiam notum eſt vnum tantùm dari primum principium infinitum:* n *æternũ,*

Ngày thứ nam.

a Mlời giảng ſau nầy, thì chẳng khá nói cũ hết, b nói cũ kẻ đã nghe đều thuốc mà thôi, c khi đã bỏ bụt đi, cũ các giáo dối: d mà đẽọn chịu phép rữa tội thì phải ăn chay, và làm phúc khác: e vì bệy thì nên tlaõ kinh đức Chúa Ieſu, và kinh đức Chúa bà Maria, f cũ kinh mười hai đầy tó cả, cho hẵọc thuọc làõ.

g Rày thì giảng hai đều nhít tlaõ đạo thánh đức Chúa blời, và rựt ſâu nhiệm, cũ rứt cao: h là đều giảng (Sanctiſſima Trinitas) mlời nói chẳng hết mlẽ sốt, i và đều giảng phép cả đức Chúa blời ra đời, làm cho ta hãi. k Mà tlước đã định có cội rễ đầu mọi ſự, l đều ấy tự nhien đã có mlẽ tổ tlaõ làõ ta: m lại cũ đã tổ có một cội rễ đầu, là tính thiêng liêng vô cũ; n hàng có vô cũ, mọi

innien

immenſum, ° *omnipotens, omnia ſciens, omnem bonitatem & perfectionem in ſe continens,* P *& incomprehenſibile, quo nihil melius cogitari poteſt:* q *qualis autem ſit incomprehenſibilis eius eſſentia & proprietates, nullus intellectus creatus poteſt intelligere,* r *niſi per ſupernaturale lumen ad id eleuetur ab ipſo Deo.* ſ *Lumen autem hoc eſt duplex,* t *primum eſt lumen fidei, per quod Deus ſe ipſum & ſua reuelat in hac vita,* u *obſcurum quidem, atque omnem rationem naturalẽ ſuperans,* x *ſed certiſſimum, vt pote quod nititur ipſius primi principij, ſeu primæ veritatis teſtimonio,* y *quæ prima Veritas, nec falli poteſt, quia omnia nouit, nec etiam fallere, quia eſt ſimul ſumma Bonitas, quæ mentiri non poteſt.* a *Alterum eſt lumen*

Ngày thứ nam

nơi mọi có vô cử, ° có phép vô cùng, hay biết vô cí, gồm bao lai mọi sự lành, mọi sự tốt ở mình, P mà chẳng có gì bao được mình, cũ chẳng có tuâng được đi gì q hơn cõi rẽ đâu nầy: a mà tính vô cí nầy, và phép thể naò chẳng có mlẽ naò dưới đức Chúa blời mà suy đến, r có một đức Chúa blời cho ta sáng bề tlên, thì mới ſ được. ſ Mà sáng ấy thì t có hai: t một là sáng lào tin đức Chúa blời, khi ở thế nầy ta biết đức Chúa blời và sự về đức Chúa blời, vì có mlời đức Chúa blời giuâng u ra: u dù mà còn mờ mờ dệy, và tlên mọi mlẽ x ta đến được: x sáo le sáng ấy là rứt thạt, vì chưng có vịn mlời đức Chúa blời là thạt nhứt. y Mà chẳng có ai nói đối được thạt nhứt nầy, vì đã biết mọi sự: a cũ

chẳng có đối được ai, vì chưng là rứt lành, mà nói đối chẳng được. a Lai có sáng khác

quod

quod dicitur gloriæ, [b] *quo intellectus creatus eleuatus, & illustratus, clarè videt essentiam Diuinam sicuti est.* [c] *hoc autem lumen gloriæ solùm datur beatis in æterna felicitate degentibus.* [d] *Si enim Regem Sinarum cùm in sua Regia in pace degebat, nullus extra regiam intueri poterat,* [e] *multò minus Regem Regum intueri quis potest sicuti est,* [f] *nisi prius ad ipsius cælestem Regiam peruenerit beandus in futuro sæculo.* [g] *Ad hoc autem lumen gloriæ adipiscẽdum, dat nobis misericors Deus in hac vita,* [h] *fidei lumen supernaturale, per quod firmiter & immobiliter assentimur reuelationi Diuinæ,* [i] *factæ viris Sanctis in Ecclesia Catholica, & per illam nobis:* [k] *vt sic per fidei lumen ambulantes in hoc sæculo,* [l] *tandem perueniamus ad æternam*

[b] gọi là, gloria, [b] mà tính naò hay mlẽ có chịu sáng nầy thì lên đứng cao, và sáng cho nên thấy mạt đức Chúa blòi tó tưầng.

[c] [c] Saõ le những thánh tlên blòi thì chịu sáng nầy, mà ḃui ḃể đòi đòi.

[d] [d] Vì chưng nếu ḃua Chúa đại minh đòi xưa khi yen ổn, thì ở tlaõ đền, mà ngõài đền chẳng có ai thấy đươc: [e] huấng lọ đức Chúa blòi, là ḃua Chúa, tlên hết mọi ḃua Chúa, chẳng có ai thấy đươc, [f] mà chẳng đến chịu phúc đòi sau tlên blòi, ḃui ḃể đòi đòi ḃệy. [g] Saõ le cho ta đươc sáng, gloria nầy, đức Chúa blòi nhin lành, thì cho chúng tội ở thế nầy, [h] sáng bề tlên, là làõ tin, cho ta tin thạt mọi mlòi, [i] đức Chúa blòi truyèn cho ngươòi thánh tlaõ Ecclesia Catholica, cho đến ta, mà tin cho bền, chẳng dòi. [k] mà ḃệy ở thế nầy ta dữ mlòi tin như sáng soi cho ta, [l] mà đòi sau ta đến nơi hàng ḃuị ḃể, vì cho

beat.

beatitudinem, [m] *in qua per lumen gloriæ clarè videamus, quæ in hac vita firmiter credidimus,* [n] *quare ita certum habere debemus, quod fidei lumen docet,* [o] *vt nullo modo de vllo mysterio dubitemus, quamuis humana ratio ad illud non pertingat;* [p] *sed de reuelatis à Deo, ac per Ecclesiam propositis,* [q] *certiores esse debemus, quam si oculis ea inspiceremus,* [r] *quia oculus potest falli & hallucinari,* [s] *at Verbum Dei nullo modo falli, aut fallere potest.*

[t] *Primum itaq; mysterium ac præcipuum cui firmiter assentiri debemus,* [u] *circa ipsum Deum, est quod quãuis Deus sit vnus in essentia,* [x] *est tamen Trinus in Personis, atque ideò vocatur Sanctissima Trinitas, Pater, & Filius, & Spiritus sanctus.* [y] *Pater enim est Deus, & Filius est Deus,*

[m] sáng gloria, [m] mà thấy được tỏ tường, đều nào ta còn ở thế nầy đã tin [n] chửng chàng. [n] Vì chệy hễ là đều nào bởi sáng tin, mà truyền cho ta, thì [o] ta phải lấy làm thạt, [o] mà chẳng nên hồ nghi đều gì sốt, dù mà trí ngươi [p] ời suy chẳng đến: [p] mà lại hễ là mlời đức Chúa blời nói ra, mà thánh Ecclesia truyền cho ta, [q] thì ta phải lấy làm thạt [r] hơn con mắt xem: [r] vì chưng có khi thì con [s] mắt dối ta, [s] sảo le đức Chúa blời chẳng chịu [t] được ai dối mình, cứ chẳng dối được ai.

[t] [u] ấy chệy mà đều nhit, và cả tlảo kinh đức Chúa blời, ta tin được [x] thạt, [u] mà nói đến sự đức Chúa blời, vì chưng dù mà có một đức Chúa blời vì tính đức Chúa [y] blời là một. [x] Sảo le thạt là ba ngôi, vì chệy thì gọi là Sanctissima Trinidade là đức cha, và đức con, và đức Spiritus Sanctus; [y] vì chưng thì đức Cha, là đức Chúa blời, và

& Spiritus Sanctus eſt Deus,
z *non tamen ſunt tres Dij,*
ſed tres perſonæ ſunt vnus
Deus, vnus Dominus; a *ita*
vt æternitas, immenſitas,
ſapientia, potentia, bonitas, b *& iuſtitia infinitæ,* b *&*
omnia prorſus infinita ſint
æqualiter in Patre, & in
Filio, & in Spiritu ſancto,
c *quia eſt vna eſſentia,* c *&*
maieſtas Patris, & Filij,
& Spiritus Sancti: d *quam-*
d *uis tres perſonæ ſint inter*
ſe diſtinctæ: e *nam Deus*
e *Pater eſt verè Pater, quia*
generat Filium ab æterno:
f *& Deus Filius eſt verè*
f *Filius, quia per generatio-*
nem æternam procedit à
Patre: g *& Deus Spiritus*
g *Sanctus, eſt verè Spiritus*
Sanctus, h *quia ſpiratur*
h *à Patre & Filio ab æterno*
per voluntatem: i *cùm*
i *enim Deus Pater ab æterno*
ſeipſum cognoſcat, & ade-

Ngày thứ nam 137
đức Con, cũ là đức Chúa
blời, và đức Spirito
Sancto, cũ là đức Chúa
z blời bệy: z ſaõ le chẳng
phải ba đức Chúa blời,
thạt là ba ngôi, cũ là
một đức Chúa blời.
a a Mà hàng có vô cũ, mọi
noi mọi có vô cũ, hay
biết vô cũ, phẽp tác vô
cũ, làõ lành vô cũ, coú
b bàng vô cũ, b mọi ſự vô
cũ làm bệy, cũ ở đức
Cha, và ở đức Con, và
ở đức Spirito Sancto,
c cũ bàng nhau, c vì chưng
cũ một tính, một tõà, và
đức Cha, và đức Con,
và đức Spirito Sancto;
d d dầu ba ngôi thí khác
e nhau: e vì chưng đức
Chúa blời là đức Cha,
thạt la Cha, vì đé ra Con
f hàng vô cũ bệy: f lại
đức Chúa blời là đức
Con thạt là Con, vì có
Cha đé hàng vô cũ bệy:
g g mà lại đức Chúa blời
là đức Spirito Sancto, thạt là Spirito Sancto,
h h vì chịu thoú ra hàng vô cũ bởi đức Cha, và
bởi đức Con yêu nhau bệy. i Vì chưng đức
Chúa blời là đức Cha hàng biết bọc blọn tính

quatè comprehendat, [k] *producit Verbum, ſeu imaginem ſui ipſius,* [l] *eique totam ſuam eſſentiam communicat, ita vt ſit æqualis Patri, & eſt verè Filius:* [m] *cùm tamen audis Filiũ, ne putes opus ibi fuiſſe matre,* [n] *vt in humanis generationibus:* [o] *Deus enim Pater eſt verè puriſſimus Spiritus,* [p] *qui ſe ſolo, & per ſuum intellectũ, abſq; vlla corporis admixtione perfectiſſimã ſui imaginẽ generat.* [q] *Exemplum quamuis imperfectũ, ſume de limpido aliquo ſpeculo,* [r] *in quo faciei noſtræ perfectam imaginem producimus,* [ſ] *quæ noſtras omnes delinationes repræſentet:* [t] *ſic Deus Pater in eſſentia ſua, tanquam in ſplendidiſſimo ſpeculo, ſeipſum contemplans,* [u] *perfectiſſimam ſui ipſius imaginem producit,* [x] *cui totam ſuam eſſentiam neceſſariò communicat,* [y] *& hæc*

[k] mình vô cũ, [k] mà ſinh ra ảnh thiêng mình, hay [l] là mlòi vô cũ, [l] mà thoũ ra blót tính mình, cho ra đức Con, cũ bàng đức Cha, mà thạt là Con: [m] ſaõ le khi nghe tiếng Con chó nghò là có dũ [n] mẹ naò đâu, [n] như thế [o] khi ſinh ra nguòi ta; [o] vì chưng đức Chúa blòi là đức Cha, thạt là tính thiêng liêng rứt tịng [p] ſạch, [p] mà một mình có hay biét vô cũ, thì ſinh ra ảnh mình rứt khéo, mà chẳng có lộn gì ſự [q] xác đêy. [q] Nói thí dụ ſự hèn đêy, như thế cái [r] gương naò ſạch, [r] mà thaõ gương êy thì ra hình [ſ] tượng mạt ta, [ſ] như vẻ mọi ſự ở mạt ta tó tư- [t] ầng đêy: [t] mà đức Chúa blòi, là đức Cha, xem thấy tính thiêng liêng mình, như gương rứt [u] ſáng, [u] đêy thì đẻ ra ảnh mình rứt khéo rứt [x] ſáng, [x] mà tự nhien thì thoú ra blót tính mình cho ảnh êy, [y] mà đức ảnh êy là đức. Mlòi đức [y]

hæc imago eſt verbum Dei æternum, [z] *& verè Filius Dei, conſubſtantialis Patri,* [a] *eique coæternus; & verus Deus, æquè ac Pater.*

[b] *Rurſus Pater amore æterno proſequitur Filium, & ita Filius Patrem, & hic Amor æternus, mutuuſque Patris & Filij, dicitur Spiritus Sanctus,* [d] *& eſt verus Deus à Patre Filioque procedens,* [e] *quia totam eſſentiam Diuinam Spiritus Sanctus accipit à Patre & Filio,* [f] *eſtque vnus verus Deus, ſimul cum Patre & Filio, & conſubſtantialis & coæternus Patri & Filio:* [h] *& hæc eſt Sanctiſſima Trinitas Pater & Filius & Spiritus Sanctus,* [i] *vnus verus Deus in eſſentia, & verè Trinus in perſonis,* [k] *fontalis origo, & radix,*

Chúa blòi hàng có bệy, [z] thạt là đức Con, cũ một tính thiêng liêng vô cũ đối đức Cha, [a] mà hàng có bệy cũ đức Cha, thạt là đức Chúa blòi, bàng đức Cha bệy. [b] Lại đức Cha thì yêu đức Con, hàng hàng, đòi đòi bệy, mà đức Con cũ yêu đức Cha, nhu bệy, [c] sự đức Cha, cũ đức Con yêu nhau vô cũ làm bệy, gọi là đức Spirito Sancto, [d] thạt là đức Chúa blòi, mà ra bởi đức Cha, cũ bởi đức Con, [e] vì chưng đức Cha cũ đức Con, thì thoũ ra blót tính đức Chúa blòi cho đức Chúa Spirito Sancto, [f] vì bệy đức Chúa Spirito Sancto, cũ là một đuc Chúa blòi cũ đức Cha, và cũ đức Con, [g] cũ một tính thiêng liêng, mà hàng có bệy đối đòi cũ đức Cha, và cũ đức Con: [h] ấy là Sanctiſſima Trinidade là đức Cha, và đức Con, và đức Spirito Sancto, [i] cũ một đức Chúa blòi, lá một tính, mà thạt thì có ba ngôi, [k] là can nguyên, và cội

primumque Principium, atque vltimus Finis rerum omnium creatarum.

l Hoc primum Mysterium verè Deus ipse Sanctis reuelauit, m *& per sanctos suos nobis credendum proposuit,* n *vt ipsius gratiam possimus in hac vita consequi,* o *ita vt adulti accedentes ad Baptismum, nisi credant illud firmiter, tanquam infallibile, atq; à Deo reuelatum,* p *peccatorum remissionem consequi non possint:* q *imò nisi qui Baptismum ministrant, illud in suis verbis adhibeant,* r *remittere peccata, vel Baptismi gratiam conferre non possunt:* s *sufficit tamen illud absq; vlteriori inquisitione credere,* t *nam intellectus noster in hac mortali vita, est pusillus,* u *seipsum, aut animam suam capere non potest, quæ finita est:* x *multò minus infinitam Dei essentiam, & proprietates*

Ngay thứ nam

rẽ đầu mọi sự, và mọi sự thì về một đức Chúa blời.

l đều nhứt nầy thật là bởi đức Chúa blời nói

m ra cũ người thánh, m mà lại người thánh truyền

n cho ta tin, n mà bởy ta được *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời ở thế

o nầy: vì bởy hẽ là kẻ đã khôn, mà đến chịu phép rửa tội, ví bằng chánh

p tin thật đều nầy, như mlời đức Chúa blời,

q p chẳng hay sai, p chịu tha thội thì chẳng được.

q mà lại ví bằng ai làm

r phép rửa tội, mà chẳng lẽy thật, và bọn đều nầy

s khi đang làm phép, r thì rửa tội chẳng được, mà

t cho *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blời, cũ chẳng

s được: s faõ le ai tin thì

u bùa, mà chẳng khá lỏên

x mlẽ nữa: t vì chưng trí ta, khi còn ở thế gian

u nầy, thì thấp hén, u mà biết sự mình cho hết, hay là sự linh hồn mình, dù

x có cũ, cũ chẳng được cho hết: x huống chi tính

illi-

illimitatas capere poterit.

y Olim Sanctus Augustinus y
de ineffabili Sanctissimæ 1
Trinitatis Mysterio vigin- 1 y
ti quatuor conscribebat li-
bros: z *cùmque aliquando* z
solus in maris litore am- 1
bulans, a *de Diuino hoc* a
Mysterio cogitaret, vt il- 1
lud clariùs exponere posset, 1
b *Angelum vidit sub spe-* b
cie pueri, & in litore se-
dentem, & foueamque par- c
uulam effodientem, in-
quam effundebat aquam
è mari, cum paruo concbi-
lio haustam: d *ilbum-* d
igitur interrogat Sanctus
vir, ò puer quidnam ibi
facis? e *Respondet Ange-* e
lus ille: se verò maris a- c
quam haurire, & in foue-
am illam infundere, vt c
exhauriretur mare. f *Tum* f
Sanctus ad Angelum, quem
puerum putabat: g *Nonne* g
vides, inquit, foueam esse
adeò exiguam; h *quomodo* h
ergo immensum mare capere

Ngày thứ nam 141

thiêng liêng vô cũ, và
moi sự vô cũ, ở đức
1 Chúa blời, biết cho hết
y chẳng làm chi được. y
đời xưa một ông thánh,
tên là Augustinus, giảng
1 ra đều rứt nhiệm là sự
một đức Chúa blời ba
ngôi, mà làm ra hay mu-
a ơi bốn kinh những đều
z ấy: z có ngày nào ở một
mình, mà đi đi lại lại tlến
a bẩy cát biển, a và một
lỗ ện sự một đức Chúa
blời ba ngôi làm sao,
b mà giảng ra cho tó: b khi
ấy coi thấy đức thánh
thiên thần, hiện xuống,
lấy hình con tlẻ, ngồi
c ở nơi bẩy ấy, c mà làm
lỗ nhỏ, đoạn thì lấy bỏ
hau múc nước biển, đeào
d lỗ ấy. d Ông thánh Au-
gustinus hỏi ràng, ở
thằng bé kia làm chi ấy?
e e Thiên thần ấy thưa
ràng, tôi lấy nước biển
đổ đeào lỗ nầy cho cạn
f biển, f ông thánh nói cũ
thiên thần, ngờ là con
tlẻ, mà ràng: g sao chẳng thấy lỗ thì nhỏ lám, g
h mà đổ cho hết nước biển rọu làm chẳng làm h

pote-

poterit? i Tunc ſubribẽs Angelus, ait; Tuus intellectus quantulus eſt, k vt infinitum atque incomprehenſibile beatiſſimæ Trinitatis Myſterium capere poſſit? l His dictis diſparuit puer: intellexitque Sanctus vir fuiſſe, non puerũ, vt apparebat, m ſed Sanctum Angelum à Deo miſſum, vt illum moneret, n inſcrutabilia Diuinitatis Myſteria, ſupra captum noſtrum non eſſe curioſiùs perſcrutanda, o ſed cum humili veneratione credenda, in hac vita, dum per fidem ambulamus, p donec dies nobis æternitatis illuceſcat, q & per lumen gloriæ beatiſſimam Trinitatem clarè videamus in cælo ſicuti eſt. r Sic faciens beatus vir gloriam, nempe claram Sanctiſſimæ Trinitatis viſionem adeptus eſt, iam a mille & amplius annis: ſ ita & nos, viri ſancti

Ngày thứ năm

i ſao đươc? i Bấy giờ thiên thần làm hình cươi, ràng; làõ oũ là k bao mlón, k mà ươc cho biết tỏ đều chẳng cũ, và rứt ſâu nhiệm, là một đức Chúa blời ba ngôi, gọi là rứt thánh Trindade, làm chi đươc? l l con tlé nói làm bệy đỏạn thì biến đi, mà oũ thánh Auguſtinus đã hay, chẳng phải con tlé, như m hình ngỏài thấy, m thạt là đức thánh thien thần, đức Chúa blời ſai, bảo n oũ thánh ếy, n ſự đức Chúa blời ſâu nhiệm, ta ſuy chẳng đến, chẳng khá lỏên hơn ſức ta, o o mà ta khiem nhưầng còn ở thế nầy kính, và p tin, mà nơi giữ bệy, p cho đến ngày vô cũ đời q ſau ſáng ra, q mà đươc ſáng gloria cho thấy Sanctiſſima Trindade tỏ tưầng thạt bệy tlên blời. r r Mà oũ thánh Auguſtinus làm thế ếy, đã chịu đươc gloria, bệy xem tỏ tưầng Sanctiſſima Trindade, đã hơn một nghìn năm nay. ſ Mà ta làm

veſti-

vestigijs inhærentes, t firmiter credamus nunc Diuinis reuelationibus, quamuis obscuris, & supra captum nostrum, u vt credita nunc, in futuro sæculo postea illa clarè possimus intueri.

t u

bệy theo chên, bát chước oũ thánh ấy, t bây giờ ta tin thạt mlờ̀i đức Chúa blờ̀i truyền cho, dầu mù bệy, mà tlên trí ta. u Vì ta tin bây giờ, đờ̀i sau thì được thấy tỏ tườ̀ng.

x Alterum Mysterium prorsus ineffabile est Diuinæ Incarnationis, y cùm enim Omnipotens Deus hominẽ ad imaginem & similitudinẽ suam creasset, z eumque gratia, & amicitia sua nobilitasset, in statu innocentiæ, a & per inuidiam diaboli in peccatum miserabiliter corruisset; b per quod ipse cum tota hominum progenie, non solum corporis mortem, c sed etiam damnationem æternam meritus fuerat, d incurrendo in offensionem Dei, per violationem Diuini præcepti. e Misericors Deus humano generi remedium per seipsum dare statuens, f præstituto

x y z a b c d e f

x Có đều khác nữa, mlờ̀i nói chẳng đến, là đức Chúa blờ̀i ra đờ̀i kớ̀u thế: y vì chưng khi đức Chúa blờ̀i phép tác vô cùng, đã sinh nên nguờ̀i, làm ảnh tượng đức Chúa blờ̀i, z lại cho *gratia*, là nghĩa cũ đức Chúa blờ̀i, cho trạo̅, khi chưa a có tội gì: a mà bởi ma quỉ ghen ghét nguờ̀i ta, thì nguờ̀i ta phạm tội b khốn nạn, b cho nên oũ Adam, cũ cả và lỗài nguờ̀i ta, chẳng những là c phải chết xác, c mà lại đáng chịu tội đờ̀i đờ̀i, d vì đã mất lào̅ đức Chúa blờ̀i, khi đã phạm mlờ̀i e đức Chúa blờ̀i răn. e Mà đức Chúa blờ̀i nhìn lành, khiến chữa lỗài nguờ̀i ta, mà mình khiến làm việc ấy, f đến ngày đã

f

tempo-

tempore humanam naturam assumere dignatus est,
g *sicuti ante promiserat per prophetas suos.*
h *Cum igitur ad hoc præcellens opus perficiendum Iudæorum regnum elegisset,* i *quod solum in universo orbe Diuinam profitebatur legem:* k *& eo in Regno, Dauidi Regi, & Prophetæ iam promisisset,* l *se de ipsius stirpe nasciturum.*
m *Cùm iam mille circiter anni ab hac promissione fluxissent,* n *viuebant in Iudæorum regno coniuges duo, ætatis iam grandæuæ, Deo valde grati,* o *quorum nomina erant Ioachim, & Anna, ex progenie Dauid,* p *qui tamen prole carentes, quamuis Diuinæ Legis obseruantissimi,* q *contemnebantur etiam à sacerdotibus,* r *cùm sua munera iuxtà Legis præscriptum, ad Templum deferebant,* s *quod illis doloris*

Dies quintus

định thì lấy tính người
g mà làm một cũ, g như
mlời đức Chúa blời, đã
nói hứa đời thước, cho
kẻ đã chịu lấm truyền.
h h ấy bởi mà đức Chúa
blời đã chọn nước Iudæa, mà lấm việc trạo
i ấy, i vì chưng cả và thiên
hạ có một nước Iudæa
theo đạo thánh đức
k Chúa blời: k lại có bua
Chúa nước ấy, tên là
oũ Dauid, đức Chúa
l blời đã nói hứa cũ, l
ngày sau có sinh đế, ra
đời, tlaõ con cháu oũ ấy.
m m từ mlời hứa nầy, khi
đã qua một nghìn năm
n dồ, n có hai bọ chàõ
đã già cả, đép laõ đức
o Chúa blời lám, o tên
là oũ Ioakim, bà Anna,
chính dàõ họ oũ Dauid,
p p laõ le chẳng có con,
q dầu giữ đạo hết sức, q
mà kẻ làm thày ở nước
ấy, thì cũng chê hai oũ bà,
r r khi đam của cũ đức
Chúa blời, tlaõ đến
thánh, dưng phép mlời răn, r mà lại oũ bà vì sự

non

non exigui cauſa erat: t
nihilominus voluntati Di-
uinæ ſeſe integrè commit-
tentes, orationi inſtabant.
u *Sanctos itaque coniuges* u
exaudiens Deus, verè pius,
& miſericors, x *qui illos* x
prælegerat, vt ex eorum,
vtpote Sanctorum, prole
Sanctiſſima y *in mundum* y
Redẽptor adueniret: z *mi-* z
ſit ad eos Sanctum Ange-
lum, qui felicem illis fi-
liam prænunciaret, a *quæ* a
Deo foret gratiſſima, ſupra
omnes puras creaturas, e-
tiam angelicas; b *quam* b
nimirum elegiſſet Deus ip-
ſe, vt ex illa carnem aſ-
ſumeret, c *tanquam ex ve-* c
ra Dei Matre, & Virgine
vocaretur q; Maria. d *Hoc* d
læto nuntio accepto Sancti
coniuges, humillimas Deo
pro viribus gratias agen-
tes, e *filiam virginitatis flo-* e
rem genuerunt, f *abſq; vlla* f
etiam peccati labe origina-
lis conceptam, ſicut multi
Doctores tenent, g *vtpote* g

t ẽy lo láng gia giết, t ſaõ
le phú mọi ſự mình mạc
ơn đức Chúa blời, mà
cầu khẩn lien.
u u bẽy mà đức Chúa
blời thạc làõ nhin lành,
x x khi đã chọn hai oũ bà
ẽy, là thánh, cho đẻ con
y gái rứt thánh, y mà đức
Chúa blời dẽọn ra đời,
choặc tội, bởi rứt thánh
z con gái ẽy. z Mà ſai đức
thánh thien thần đẽn
cữ, giuấng tin lành, là
a có ſinh đẻ con gái, a đẹp
làõ đức Chúa blời, hơn
mọi ſự đức Chúa blời
ſinh, cữ hơn các đức
thánh thien thần nữa:
b b vì chưng đức Chúa
blời đã chọn, mà bởi
c đẽy lẽy mình nguơi, c
thạt làm Mẹ đức Chúa
blời, và đòũ thần, đạt
d tên là Maria. d Hai oũ
bà chịu tin lành làm bẽy,
càng khiem nhưâng, và
cám ơn đức Chúa blời
e hết lâõ, e mà ſinh đẻ
con gái, là hõa đòũ thần,
f f cữ chẳng có phải tội gì
oũ Adam truyền cho, như dều nguời thánh lũân, g vì g

in ſuam Genitricem Deus, in mundum venturus humani generis reparator, iam ante ſecula prælegerat. [h] *Nata ergo illis eſt beatiſſima ſemper Virgo Maria Dei Genitrix futura;* [i] *& à pijs parentibus triennis in templo eſt præſentata,* [k] *quæ rationis vſum præueniens totam ſe Deo etiam per Virginitatis perpetuæ votum conſecrauit,* [l] *& in templo cum alijs Virginibus manſit, omni virtutum genere* [m] *alijs prælucens, in domo Domini, vſque ad decimum quartum ætatis annum.* [n] *Cùm autem Virgines ad eam ætatem peruenientes ſponſis traderentur,* [o] *per voluntatem Dei tradita eſt beatiſſima Virgo Sanctiſſimo viro, æquè ac nobiliſſimo,* [p] *Ioſeph dicto, qui nimirum & ipſe erat de domo Regis Dauid,* [q] *quamuis pauper, fabri li-*

Ngày thứ nam
chưng đức Chúa blời đã chọn lấy làm Mẹ mình, từ tỏan ra đời chuậc tội cho lỏài ngưới ta, khi chưa có thế giái nầy. [h] Bởi thì hai oũ bà để ra con, là rứt thánh đức Chúa Bà Maria, blọn đời đòũ thân, đã đinh ngày sau làm Mẹ đức Chúa blời; [i] khi đã nên ba tuổi, cha mẹ thì đam đi đền thánh, cứ đức Chúa blời: [k] khi ấy rứt thánh đức Chúa Bà đã có chúa í mình, mà từ ấy đã khấn cữ đức Chúa blời giữ blọn đời đòũ thân: [l] lại ở tlaõ đền thánh, bối con gái đòũ thân khác, giữ phép mọi nhin đức, [m] cho ké khác bắt chước, tlaõ nhà đức Chúa blời, cho đến mười bốn tuổi. [n] Mà khi con gái naò đến tuổi ấy, thì quen gả chaõ cho, [o] bởi có í đức Chúa blời, mà các thày tlao rứt thánh đòũ thân cho người rứt thánh, và rứt trạõ, [p] ten là oũ Ioſeph, cứ là dàõ dói đua Chúa Dauid, [q] dầu khó khân,

gnarij

gnarij artem exerceret.
r Datus est autem à Deo
Beatissimæ Virgini talis
sponsus, antequam filium
Deum conciperet, f qui
esset Beatissimæ Virgini
quàm simillimus, vtpote
qui etiam Virginitatem
colebat; t tum vt esset Vir-
ginitatis immaculatæ spon-
siæ custos, atque testis fide-
lissimus: u tum secundo ne
Beatissima Virgo, paulò
post Diuinitùs grauidanda,
x lapidaretur à Iudæis, si
absq; sponso appareret gra-
uida: y tum vt in pere-
grinationibus, quas inter
Ethnicos posteà susceptura
erat, z sponsum iustissi-
mum haberet pro solatio:
a Denique vt partus eius
celaretur diabolo, qui pu-
taret non de Virgine, sed
de coniuge susceptum. b
Itaque Beatissima Virgo
Nazareth à Sanctissimo
Ioseph sponso ducta, c dies,
noctesque orationi vacans,
suspiria in cælum, gemitus-
que continuò mittebat, iux-
tà morem antiquorum Pa-

r mà làm thợ mọc. r Đức
Chúa blời cho rứt thánh
đòũ thân chàõ ấy, khi
chưa có chịu thai, mà
đế Con, là đức Chúa
f blời, f vì cũ bắt chước
rứt thánh đòũ thân, mà
đã tỏan giữ bọn đời
t đòũ thân bậy; t để giữ,
và làm chứng bọn mình
đòũ thân sạch sẽ, chẳng
u có ỏế gì sốt. u Lại cho
keó, khi rứt thánh đòũ
thân đến sau, bởi phép
đức Chúa blời có chịu
x thai, x mà chẳng có chàõ,
người ludæo thấy thì
ném đá, cho đến chết.
y y Mà lại khi đến sau rứt
thánh đức Chúa Bả phải
đi ngỏài cỏậc, tlaõ kế vô
z đạo, z có chàõ nhin đức
a đi cũ, mà an üi bậy. a
Sau nữa cho ma quỉ
chẳng hay Con đức
Chúa Bà đế ra đòũ thân,
ngò bởi chàõ mà đế
b Con ra. b ấy bậy mà ỏũ
thánh Ioseph thì đam
rứt thánh đòũ thân về
c thành Nazareth, c mà
đấy đêm ngày hay một

trum, [d] *humano generi, lapso in peccatum. Redemptorem petens,* [e] *maximè cùm benè nosset (ex prophetarum libris, quorum lectioni continuò vacabat)* [f] *iam instare tempus redemptionis nostræ:* [g] *cùmque quadam nocte prophetiam fortè legeret in qua dicitur.* [h] *Virgo concipiet, & paritura filium, cuius nomen Emanuel,* [i] *magis incensa desiderio videndi talem Virginem, atque ei famulandi:* [k] *Deum enixiùs & ardentiùs rogabat, vt aduenire dignaretur.* [l] *Simile quoque erat beatorum spirituum desiderium,* [m] *& oratio ad Deum, pro generis humani remedio.* [n] *Ergo benignissimus Dominus cogitationes pacis cogitans,* [o] *vnum è septem primis Principibus, Gabrielẽ Archangelũ,* [p] *legatum destinat ad Beatissimam Virginem Mari-*

Ngày thứ năm

cầu khẩn, khaóc laóc; như các thánh đời xưa, [d] xin aikóu lẽy lỏài người ta, đã phạm tôi, [e] vì cũ đã hay (bởi kinh oũ thánh, đã chịu sẵm truyền chép ra, mà mình thì đaọc lien) [f] đã gần ngày đức Chúa blờ̀i khién kóu chúng tôi. [g] mà có đêm naò, âu là có đaọc tlaõ sẵm truyền đều nói ràng: [h] có đến ngày đẩn bà đồũ thân chiụ thai, và sinh đẻ con, gọi tên là Emanuel: [i] càng ước cho thấy đẩn bà đồũ thân ẽy, mà làm tời tá, giữ việc nhà cho [k] người thánh ẽy: [k] càng cầu lám cũ đức Chúa blờ̀i, xuống đến cũ chúng tời: [l] mà đức thánh thiên thần tlên blờ̀i, cũ ước như ẽy, [m] và cầu cũ đức Chúa blờ̀i, kóu lẽy lỏài người ta. [n] Khi ẽy đức Chúa blờ̀i nhin lành, mà lo những [o] sự an lành, [o] tlaõ bảy thiên thần cả thì chọn một, tên là đức thánh Gabriel, [p] mà sai cho rứt thánh đức Chúa bà Maria

am, qui ei nuntiet, q *ipſam à Deo electam, vt mediatricem, ad redemptionis humanæ Myſterium peragendum:* r *cùm enim Deus Pater ſic dilexerit mundum, vt Filium ſuum Vnigenitum dare decreuerit, ad redemptionem mundi,* f *ad quod Diuinum opus perficiendum, Filius Dei humanam ſit aſſumpturus naturam in vna perſona.* t *Ipſa Beatiſſima Virgo electa eſt à Sanctiſſima Trinitate, vt ſit vera Dei genetrix,* u *vtpote ex cuius carne carnem eſſet aſſumpturus Vnigenitus Dei Filius verus Deus.* x *Commiſſam igitur legationem libentiſſimè ſuſcipiens Sanctus Gabriel,* y *ſtatim è cælo in Nazareth in domunculam Beatiſſimæ Virginis Mariæ aduolauit,* z *eamque acceptis à Deo verbis humillimè ſalutauit, & dixit:* a *Aue gratia plena*

đòu thân, đam tin xuống ràng: q đức Chúa blòi đã chọn nguòi, mà giúp việc kóu lỏài nguòi ta, r vì chưng khi đức Chúa blòi, là đức Cha, yêu thế chùng ấy, cho đến định phú một đức Con mình làm việc kóu thế, f mà cho nên sự ấy, thì đức Con Chúa blòi lấy tính nguòi, làm một ngôi cũ. t Mà Sanctiſſima Ttinade có chọn rứt thánh đòu thân, cho nên Mẹ thạt đức Chúa blòi, u vì chưng một Con đức Chúa blòi, thạt là đức Chúa blòi, lấy thịt mình bỏi thịt nguòi mà chó. x bấy thì đức thánh Gabriel chịu mlòi đức Chúa blòi sai hết lảo, y tức thì bỏi blòi mà xuống đến thành Nazareth, bẽaò nhà chật hẹp rứt thánh đòu thân đức Chúa Bà Maria, z lấy mlòi đức Chúa blòi, mà khiem nhuống chào đấy ràng: a đức Chúa blòi phù họ cho |

Dominus tecum, benedicta tu in mulieribus. [b] *Hãc salutationẽ, supremis laudibus plenam, audiens humilitatis plena Virgo expauit,* [c] *& secum tacita cogitabat qualis esset ista salutatio.* [d] *Tunc Angelus ei respondens ait:* [e] *ne timeas, Maria, inuenisti enim gratiam apud Deum.* [f] *Tu ipsa concipies & paries filium, & vocabis nomen eius Iesum.* [g] *Hic erit magnus, filius altissimi vocabitur, & regni eius non non erit finis.* [h] *His auditis sapiẽtissima Virgo tantò magis timuit,* [i] *votumque Virginitatis, quod ab ipsa infantia emiserat, proponens, ait:* [k] *quomodo fiet istud, quoniam virum non cognosco?* [l] *Cui statim satisfaciens Angelus; diuini Spiritus hoc opus fore asseruit,* [m] *atque ita nullo modo violandam, sed potius confirmandam Virgi-*

Ngày thứ nam

bà đầy *gratia*, đức Chúa blòi ở cũ Bà, nữ trú Bà có phúc lạ. [b] mlòi chào trạõ làm dệy, và những đều khen rứt cao, đức Chúa Bà nghê thấy, thì khiem nhuẩng mà sợ, [c] và ở lạng, lo lại mlòi chaò ẽy làm sao. [d] Khi ẽy đức thánh thien thần thưa lại ràng, [e] Lạy đức ChúaBà Maria chớ sợ làm chi, vì đức Chúa Bà đã đước *gratia*, đã đép laõ đức Chúa blòi, [f] mà đức Chúa Bà sẽ chiu thai và sinh con, [g] gọi tên là Iesu, ẽy là người cả, gọi là đức Con đức Chúa blòi, làm dua Chúa đòi đòi chẳng cữ. [h] đức Chúa Bà, là đòũ thần rứt khôn, nghe đều ẽy, thì càng sợ hơn nữa, [i] mà tỏ ra mlòi mình khán, hứa đòũ thần khỏ ở bé, ráng: [k] sự nẩy làm thẽ naò, vì tôi chẳng biết đẩn oũ. [l] Mà đức thành thien thần giải đều ẽy, ràng: việc nẩy là việc đức Chúa Spirito Santo; [m] vì dệy chớ lo là hư đòũ thâu, mà lại càng

vitatem

nitatem, n *quia non est*, *inquit*, *impossibile apud Deum omne Verbũ*. o *Matrem enim Virginem non decebat parere nisi Deum*: p *neq; Deum decebat nasci nisi ex Virgine*. q *Audiens talia Beatissima Virgo in profundo humilitatis colligens sese*, r *atque Diuinum acceptans donum, cùm Mater eligeretur*, *respondit*: f *Ecce ancilla Domini, fiat mihi secundum Verbum tuum*. t *Atque eo ipso momento, quo Virgo Beatissima optatissimum hoc responsum protulit*, u *virtute Spiritus Sancti concepit Filium*, x *nam è purissimo eius sanguine, atque in eius vtero formatum est, atque organizatum humanum corpusculum perfectissimum, per omnipotentem virtutem Dei*, y *ac simul creata est à Deo anima rationalis perfectissima, omnibusque Dei donis do-*

n bẽn hơn nữa, n vì chưng ràng, chẳng có đều gì, mà đức Chúa blời chẳng o được. o vì mẹ đòũ thân chẳng khá sin ai, mà p chẳng phải đức Chúa blời; p lại đức Chúa blời có ra đời, chẳng khá để ra bởi mẹ chẳng q đòũ thân: q rứt thánh đòũ thân nghe mlời làm bệy, càng khiem nhường r sâu lám, r mà chịu lấy ơn đức Chúa blời, khi đã chọn mình làm Mẹ, f mà thưa ràng: f ấy tôi là tôi tá đức Chúa blời, tôi chưng mlời, đức thánh thiên thần đem t cho tôi. t Khi rứt thánh đòũ thân thưa đều thiên u hạ ước, bốũ chóuc, u bởy phép Spirito Santo chịu thai con, x vì chưng phép vô cũ đức Chúa blời, có lấy mấu rứt tinh đức Chúa Bà, mà tlaõ thai thì sinh xác người nhỏ mà blọn y bệy, y một chóuc ấy đức Chúa blời cũ sinh ra một linh hồn, có mọi nhin

tata

tata: [z] *simulque per maximum miraculum, quod Deus vnquam fecit, vel facturus est*, [a] *vnita sunt nodo indissolubili vnionis hypostaticæ cum personâ Filij Dei*, [b] *ita vt eo ipso momento, idem verus fuerit Deus & verus homo*: [c] *verus quidem Deus, quia est verus Filius Vnigenitus Dei Patris, & Patri consubstantialis*; [d] *& verus homo ex anima rationali, & ex humana carne compositus*, [e] *verusque Filius perpetuæ Virginis Dei Genitricis Mariæ*: [f] *est tamen vnus Christus, quia in vna persona Verbi subsistit verus Deus, & verus homo*. [g] *In primo instanti in quo creata est benedicta Christi Domini anima*, [h] *fuit ornata præclarissimis donis, quæ debebantur hypostaticæ vnioni*,

Dies quintus

đức, và phép đức Chúa
[z] blời, [z] mà lại đức Chúa
blời làm phép cả, tlên
hết mọi phép xưa nay,
[a] cho đến hết thế, [a] vì
chưng đức Chúa blời
buộc lại và xác, và linh
hồn ấy, cùng ngôi thứ hai, là
Con đức Chúa blời mà
chẳng có dứt được khi
[b] nào, [b] cho nên chóuc ấy
cũ một ngoi thạt là đức
Chúa blời, cũ là thạt
[c] người: [c] thạt là đức
Chúa blời, vì thạt là bui
một đức Con đức Chúa
blời là Cha, và một tính
[d] thiêng liêng cũ. [d] cũ là
thạt người, vì có linh
hồn, và xác người, làm
[e] một cũ nhau, [e] that là
Con đức Chúa Bà, blọn
đời đòũ thân làm Mẹ
[f] đức Chúa blời, [f] saõ le
có một Christo mà thôi,
vì chưnh và đức Chúa
blời, và người cũ là
một ngoi thứ hai là đức
[g] Con đức Chúa blời mà chó. [g] đến khi đức Chúa
blời hõa ra rứt thánh linh hồn đức Chúa Iesu
Christo, một chóuc, [h] thì có đầy những phúc la;
vì đã hộp lại, làm một cũ đức Con đức Chúa blời,

[i] *statim*

i *ſtatim enim habuit claram Dei viſionem, longè perfectiorem quàm omnes Angelici Spiritus,* k *& quàm omnes Sancti aliquando ſint habituri:* l *habuit etiam beatiſſima illa Chriſti anima ſcientiam rerum omnium futurarum comprehẽſiuam,* m *ac multarum rerum, quæ nunquam erunt;* n *hoc enim ſpectabat ad perfectionem Sanctiſſimæ illius animæ.* o *Cùmque Chriſtus Dominus, in illo primo ſuæ creationis inſtanti, ſe noſſet Redemptorem humani generis conſtitutum à Deo Patre,* p *ſe ſtatim obtulit ad ferendam mortem pro ſalute hominum, cum omnibus cruciatibus, & opprobriis, quæ illam concomitatura erant,* q *& quamuis animæ Deum clarè videnti deberetur corpus omninò impaſſibile,* r *multò magis quàm debeatur frigus aquæ, aut igni calor,*

i vì bệy từ ấy cũ đã thấy mạt đức Chúa blòi tỏ tường, hơn các đức k thánh thiên thần, k cũ hơn các người thánh, ngáy ſau được thấy l đức Chúa blòi nữa. l Lại rứt thánh linh hồn đã biết blọn hết mọi ſự ngày ſau có, dầu đến đòi đòi: m cũ biết tính dều ſự, dầu chẳng khi naò ra mà có. n vì chưng hay biết bấy nhều ſự làm bệy, thì phảy chức trao rứt thánh linh hồn đức o Chúa Ieſu. o Mà khi ấy đức Chúa Ieſu Chriſto đã hay, đức Chúa blòi là đức Cha, đã định mình đức Chúa Ieſu, là chuọc tội cho lỗài người ta. p vì bệy chóuc ấy thì phải mình chịu chết, cũ mọi ſự nạn, và dể mình, ngày ſau có chịu cho người ta được lành. q mà dầu linh hồn nào coi thấy mạt đức Chúa blòi tỏ tường, thì phải có xác thinh nhàn bệy, r càng hơn có nước, thì phải lạnh, mà có lửa,

f *quia tamen pro nobis paſ-*
ſurus erat, t *per miracu-*
lum prohibuit, ne dotes
illæ, per animam iam bea-
tam, in corpus redunda-
rent, u *quæ illius pro no-*
bis acerbiſſimam paſſionem,
aut mortem impedire poſ-
ſent. x *Quin imò quamuis*
ſuperior animæ pars iam
eſſet beata, y *cæpit tamen*
ex illo primo inſtanti ama-
riſſimum ſuæ paſſionis ca-
licem, in inferiori animæ
portione deguſtare: z *ſta-*
tim enim præuidit, & præ
oculis mentis habuit, a *non*
ſolum quæ ipſe per to-
tum ſuæ Sanctiſſimæ vitæ
curriculum, vſque ad a-
mariſſimam mortem paſ-
ſurus erat, b *ſed etiam*
omnia peccata, quæ ab ini-
tio mundi facta fuerant,
& quæ vſque ad mundi
finem futura erant, c *cum*
maxima Diuinæ Maieſta-
tis læſione, d *quæ omnia*
exhibita vt præſentia, eius
Sanctiſſimæ mentis oculis,
e *maximum piſſimo eius*
cordi dolorem afferebant.

f tự nhiên thì phải náo:
f f ſaõ le khi đức Chúa
Ieſu đã tỏan chịu tội
t vì chúng tôi, t có làm
phép lạ, mà cấm lại mọi
u ſự ấy, kẻo bỏi linh hồn
mình thoát ra ngoài xác,
u u mà chịu nạn chịu chết
x chẳng được vì chúng
x toi: x mà lại dầu phần
linh hồn bề trên đã chui
y bề thiêng nhàn bậy: y ſaõ
le từ đầu hết ấy, phần
linh hồn về bề dưới,
thì đã nếm ſự đáng tỏan
z chịu ngày ſau: z vì chưng
một chóuc ấy đã thấy,
a như trước mặt, a chẳng
những mọi ſự mình tỏ-
an chịu từ ſinh đẻ, cho
đến chịu nạn, chịu chết,
b b mà lại thấy hết mọi
tội, từ đức Chúa bỏi
hỏa ra bỏi đất, cho đến
hết thế, có ai phạm thư-
c ớc ſau, c lấy phép đức
d Chúa bỏi làm d mà mọi
tội ấy, từ đầu hết ấy, ở
trước mặt linh hồn rứt
thánh đức Chúa Ieſu,
e như thể có bấy giờ, e mà
làm cho nên là rứt nhìn

[f] *Præterquam quod cernebat etiam omnium ſeruorum ſuorum, & Martyrum cruciatus, [g] à Tyrannis in eius odium infligendos: [h] reproborum quoque numerum penè infinitum, [i] qui eius pïjſſimum amorem & merita contemnentes, in perpetuum interitum ruituri erant; [k] quæ omnia quantùm pïjſſimum Domini cor afflixerunt, [l] ab ipſo matris vtero, vel à primo Incarnationis inſtanti, [m] nulla pura creatura comprehendere poteſt, [n] ſicuti neque vlla pura creatura comprehendere poteſt, [o] eius ardentiſſimum amorem, tàm erga Deum Patrem, qui tàm impiè peccatis hominum offendebatur, [p] quàm erga homines, qui tanta mala patiebantur, ſiue in corpore, ſiue in anima.*

[f] đức Chúa Ieſu lo buồn [f] ſàu não rứt mực. [f] Lại coi thấy, cứ từ ấy, mọi [g] người thánh có nghĩa cũ, mà chịu hình khốn [g] nạn, [g] bởi kẻ hủy báng, mà ghét đức Chúa blời: [h] [h] cứ thấy kẻ dữ, mà hư [i] vô hồi vô số, [i] vì che rứt nhin nghĩa, và coi đức Chúa Ieſu, cho nên [k] phải chết vô cứ. [k] mà coi thấy mọi sự ấy, làm [l] kức lào rứt nhin đức Chúa Ieſu thể nào, [l] từ đức Chúa Ieſu ở tlaò thai đức Mẹ, hay lá từ [m] đầu hết có, [m] tlaò mọi lòài đức Chúa blời sinh, chẳng có ai ſuy được [n] cho hết mlẽ, [n] cứ tlaò mọi lòài ấy, chẳng có ai biết được cho hết mlẽ, [o] [o] linh hồn đức Chúa Ieſu có kính mến đức Chúa Cha là chừng naò, mà người ta phạm tội, lỗy nghĩa cứ đức Chúa Cha đã lám: [p] mà lại đức Chúa Ieſu yêu người ta [p] thể nào, mà người ta chịu dều sự khốn làm bệy, và ở xác, và nơi linh hồn nữa.

[q] *Igitur pÿſſimus Redemptor, iam à Matris Virginis vtero Redemptoris officium exercens,* [r] *Matrẽ Sanctiſſimam impulit ad viſitandam Sanctam Eliſabetham cognatam ſuam;* [ſ] *iam ſenem, & in vtero geſtantem Ioannem præcurſorem ſuum,* [t] *qui adhùc in horrendis tenebris originalis peccati iacebat:* [u] *ſed domum Zachariæ ingreſſa Virgo Mater, Deo plena,* [x] *ſtatim ac ſalutauit Eliſabeth, Ioannes, adhùc in vtero incluſus, exultauit præ gaudio;* [y] *agnoſcens ſcilicet Deum Redẽptorem ſuum, in vtero etiam Virginis Matris aduenientem,* [z] *qui eum ſtatim à peccati originalis macula liberauit,* [a] *gratiam ei, & amicitiam ſuam infundens, in primo ingreſſu;* [b] *manſit autem Beatiſſima Virgo Maria Domina noſtra menſibus tri-*

[q] ĕy ꞗệy mà đức Chúa Iesu lào rứt nhin kóu thế, còn ở tlaō thai đức Mẹ, mà đã làm viẹc chữa đòi, [r] vì ꞗệy thì gioục lào rứt thánh đức Mẹ đi viếng Bà thánh Elisabeth là họ hàng, [ſ] đã già cả, mà tlaō thai có con, là oũ thánh Ioaō, ngày sau có mở đàng tlước cho đức Chúa Iesu, [t] mà bấy giờ hãy còn phải tội đầu hết oũ Adam truyền cho. [u] Saō le khi đức Mẹ đòu thân ꞗĕào nhà oũ Zacharia, mà tlaō thai có đam đức Chúa blời, [x] thì chào Bà thánh Elisabeth, mà oũ thánh Ioaō, dẫu tlaō thai mẹ, bóu chóuc thì nhảy mầng, [y] vì đã nhìn đức Chúa blời kóu thế, cũ đến tlaō thai đức Mẹ đòu thân, [z] mà một chóuc ĕy oũ thánh Ioaō cũ đã chịu ơn khỏi tội oũ Adam truyén cho, [a] bởi đức Chúa Iesu, khi mới ꞗĕào, thì cho *gratia*, và nghĩa cữ: [b] mà rứt thánh đòu thân Maria, là đức

bus cum ſancta cognata ſua; [c] *procul dubio vt ei iam ſeni, & grauidæ miniſtraret, & in partus moleſtijs eam leuaret.* [d] *Reuerſa verò Virgo Sanctiſſima in domũ ſuam,* [e] *iam apparebat in vtero habens de Spiritu Sancto:* [f] *Sanctiſſimus verò ſponſus eius Ioſeph myſterium ignorans,* [g] *cum quidquam mali de ſponſa, quam vt Sanctiſſimam reuerebatur, ſuſpicari non poſſet,* [h] *quamuis ſummo amore ac reuerentia eam proſequeretur;* [i] *timens tamen ne cum illa manens in aliquam Dei offenſam, contra legem ſanctam incurreret,* [k] *voluit occultè dimittere eam, cum maximo animi dolore,* [l] *propter maximam morum, ac virtutum ſimilitudinem,* [m] *qua ſimul angelicam puritatem ſuperantes conuiuebãt.* [n] *ſeparatio ergo erat acerbiſſima,* [o] *ſed omnia legi Dei poſtponens,* [p] *iam chariſſimam ſponſam erat dimiſ-*

Chúa Bà chúng tôi, & cũ bà thánh họ hàng
[c] ba tháng: [c] thạt mà coi
sóc, làm việc đầy tớ cho bà già có thai, kéo khó
[d] khi đẻ. [d] Sau thì rứt thánh đòũ thân về nhà,
[e] [e] thai bởi phép Spirito
[f] Santo đã mlớn ra: [f] mà oũ bạn là rứt thánh Ioſeph, khi chẳng thoũ
[g] sự sâu nhiệm ấy, [g] mà lại chẳng ngờ đươc đều gì chẳng lành cho bà bạn, vì đã hay, và
[h] kính là rứt thánh: [h] vì bệy thì kính mến đấy
[i] rứt mực: [i] saõ le vì dái & cũ, có mất laõ đức Chúa blời chẳng, mà phạm đạo thánh chẳng,
[k] [k] thì doục laõ để tlộm bệy, mà lo buồn làm,
[l] [l] vì ăn & cũ nhau, và nhin đức cũ một laõ,
[m] [m] lại giữ tịnh sạch sẽ hơn đức thánh thiên thần nữa: [n] vì bệy lià nhau, thạt là sự khó lám,
[o] [o] saõ le chảnh kể đí gì, bàng đạo thánh đức
[p] Chúa blời, [p] đã rình để

furus.

ſurus : [q] *cùm Sanctus Ioſeph ita cogitaret, ecce tibi Angelus in ſomnis ei apparens,* [r] *totam hanc abſtergit nebulam, totum ei declarans myſterium, & dicens ex parte Dei:* [ſ] *Ioſeph fili Dauid, noli timere accipere Mariam coniugem tuam,* [t] *quod enim in ea natum eſt, de Spiritu Sancto eſt,* [u] *pariet autem filium, & vocabis nomen eius Ieſum:* [x] *ipſe enim ſaluum faciet populum ſuũ à peccatis eorum.* [y] *Quantam hoc lætum, & Diuinum nuntium Sanctiſſimo viro lætitiam attulit,* [z] *explicare ſolum poterit, qui ſummum eius, erga Sanctiſſimam ſponſam, amoris, ac reuerentiæ affectum intelligat;* [a] *qui deinceps eò magis excreuit,* [b] *quòiam non ſolùm vt chariſſimam ſponſam eam habebat,* [c] *ſed etiam vt Sanctiſſimam Dei Matrem, & Virginem*

Ngày thứ năm
bạn mình chuộng lám:
[q] khi oũ thánh Ioſeph
-lo làm dệy, mà nàm
chiem bao, thŏát chóuc
-cŏ đức thánh thiên
[r] -thần hiện xuống, [r] mà
xua mù ếy đi, nói ra
ſự ſâu nhiệm ếy, lếy
mŏ-i đức Chúa blò-i
[ſ] mà ràng: [ſ] hó oũ Io-
ſeph là con oũ Dauid,
chó dái gì lếy đức
Chúa Bà Maria làm bạn
[t] cữ, [t] vì chưng có Con
tlaõ thai, bŏ-i phép đức
Spirito Santo mà chó,
[u] [u] lại đẻ ra Con, mà oũ
[x] sẽ gọi ten là, Ieſus, [x] vì
chưng có kó-u dên mình
cho khỏi tội đã phạm:
[y] [y] tin nầy bui mầng bŏ-i
đức Chúa blò-i, có làm
cho oũ thánh loſeph
mầng ſưống thể naò,
[z] [z] ai biét oũ thành ếy
có kính mến rứt thánh
bạn chùng nào, thì mó-i
[a] ſiny đươ-c ſự ếy: [a] mà
tù ếy về ſau càng kính
[b] chuộng nữa, [b] vì chưng
tù ếy, chảng những là lếy đức Chúa Bà như bạn
mình yêu lám, [c] mà lại thêm kính chuộng, vì là rứt [c]

vene-

venerabatur, [d] *indignum se reputãs qui tantæ Matri, & Virgini paritura, & Filio Deo vero famularetur.* [f] *Eo ipso tempore publicatum est edictum ab Augusto Cæsare,* [g] *vt describeretur vniuersus Orbis, qui scilicet imperio Romano subdebatur:* [h] *cùmque hæc primum descriptio fieret à Præside Syriæ Cyrino,* [i] *& irent omnes, vt profiterentur singuli in ciuitatem suam,* [k] *ascendit quoque Sanctissimus Ioseph à Galilæa, de ciuitate Nazareth,* [l] *in Iudæam ciuitatem Dauid quæ vocatur Bethlehem,* [m] *eo: quod esset de domo, & familia Dauid Regis,* [n] *vt profiteretur cum Maria Sanctissima Virgine desponsata sibi vxore prægnante, per virtutem nempe Spiritus Sancti.* [o] *Vt exemplũ exhiberet obedientiæ, etiã principibus sæcularibus, in*

thánh đức Mẹ đức Chúa blời, mà đồũ thân: [d] lẽy mình chẳng đáng làm đầy tớ rứt thánh Maria đức Mẹ cả làm vậy, ngày sau sinh đẻ đồũ thân, [e] cũ lẽy mình chẳng đáng coi sóc cho Con người, thật là đức Chúa blời. [f] Bấy giờ khi ẽy cọ ra lệnh bởi đua Chúa nước Roma, ten là Augustus Cæsar, [g] khién làm sổ cả và thien hạ, hay nước ẽy: [h] đầu hết trẽn thủ xứ Siria, tên là Cyrino, có làm sổ ẽy, [i] ai nấy thì về quê mình mà cho tên. [k] Oũ thánh Ioseph khi ẽy cũ phải lẽy bởi thành Nazareth, ở xứ Galilæa, [l] mà lên xứ Iudæa, tlên thành oũ Dauid, gọi là Bethlehem, [m] vì oũ thánh Ioseph là họ đua Chúa Dauid, [n] mà cho tên, đã lẽy đồi rứt thánh đức Chúa Bà Maria đồũ thân, làm đọ mình, người đã chịu thai bởi phép Spirito Santo: [o] vậy thì làm gương chịu lụy, đưng phép đua

rebus

rebus licitis. P *Factum eſt autem cum eſſent ibi, impleti ſunt dies, vt pareret Dei Genitrix Virgo, & peperit Filium ſuum primogenitum, & vnigenitum,* q *& pannis eum inuoluit, & reclinauit eum in præſepio,* r *quia non erat ei locus in diuerſorio.* f *Cùm enim eſſent pauperes, & multi diuites accederent ad eum ipſum locum, vt profiterentur,* t *cætera loca commodiora occupauerant:* u *filius autem Dei in præſepio eſt collocatus,* x *vt verè doceret nos vanitatem mundi deſpicere:* y *cùm enim eſſet infinitè diues, pro nobis factus eſt pauper,* z *vt nos diuitijs ſuis infinitis, vel etiam paupertate ſua ditaret.* a *At multa mirabilia in Chriſti Domini Natiuitate reſplenduerunt;* b *nam primò naſci voluit de Virgine inuiolata,* c *quæ ſimul eſſet & Virgo & Mater;*

Ngày thứ nam

Chúa, sự gì chẳng có lỗy đạo. P Mà khi đã ở đấy, thì no ngày đức Mẹ đức Chúa blời, mà đòũ thân thì sinh Con đầu lòũ, cũ là một Con đấy, q lấy của sạch bao lại, mà đẻ tlaõ máng có, r vì chẳng có nơi khoũ cho mình ở tlaõ quán: f vì chưng mình khó khăn, mà người giàu đến nhều, cũ cho tên ở thành ấy: t có nơi naò đủa tốt mà ở, thì đây hết: u mà Con đức Chúa blời thì đẻ tlaõ máng có đệy, x thạt là dẽạy ta chê sự kieu ngạo thế gian: y vì chưng khi Con đức Chúa blời phú quí vô cũ, chịu làm khó khan, z cho ta đươc phú quí, bởi phú quí vo cũ, hay là bởi đức Chúa blời chịu khó khan đệy. a Saõ le khi đức Chúa Iesu sinh đẻ, có sáng ra nhều phép lạ: b vì chưng đầu hết thì chọn đấn bà đòũ thân mà đẻ ra, c và làm đòũ thân, và làm đức Mẹ đôi:

d &

[a] *& Virgo quidem, quia ſicuti ante partum fuit integra,* [c] *ſic & in ipſo partu, & poſt partum Virgo permanſit integerrima:* [f] *nam Filius Dei naſcens eorporaliter, Sanctiſſimæ Matris integritatem minimè violauit, ſed potiùs perfecit:* [g] *& ſicuti ſolaris radius cryſtallum peruadens, minimè frangit, ſed illuminat;* [h] *quantò magis Diuinus ille radius; ſolis radio infinitis partibus lucidior,* [i] *ex vtero Matris egrediens, clauſtrum Virginitatis non violauit,* [k] *ſed omninò perfecit & confirmauit,* [l] *quia Deus Omnipotens, totius naturæ auctor,* [m] *de Virgine Matre naſci voluit ſine ſemine:* [n] *quemadmodum enim ab initio mundi, abſque vllo ſemine, iuſſit Deus terram producere herbam virentem, & factum eſt:* [o] *ſic*

[d] [d] thạt là đòũ thân, vì chưng như khi chưa có [e] đẻ Con, là đòũ thân, [e] khi đang đẻ Con, cũ là đòú thân, và khi đẻ Con đŏ[f]ạn thì hãy còn đòũ thân [f] blọn bệy. [f] vì chưng Con đức Chúa blời đẻ ra nơi xác, thì chẳng lọ là chẳng làm hại đòú thân đức Mẹ, mà lại [g] làm cho blọn bệy: [g] như thế khi ánh mạt blời thâu bẽào cái ngaọc, chẳng có đánh bố, mà [h] lại làm cho sáng: [h] huấng lọ đức Con, là ánh đức Chúa blời, sáng vô cũ, hơn ánh mạt blời, [i] [i] khi ra bố̆i làõ đức Mẹ, thì chẳng có phá xác [k] đức Mẹ đòũ thân, [k] mà lại làm cho càng blọn[l] càng bèn nữa, [l] vi chưng đức Chúa blời có phép vo cũ, và hŏá ra mọi [m] lŏài, [m] có đinh để ra bố̆i đức Mẹ đòú thân, chẳng [n] chịu khí đân oũ sốt. [n]

Như thế khi đầu hết thế giái nầy, đức Chúa blời khiến đất hŏá ra rau có, khi chưa có giống nào, mà đất cũ hŏá ra hư khoú làm bệy, [o] huấng chi đức [o]

Omnipotens rerum, ac naturarum omnium Conditor, P *iussit Virginem absq;* P *semine concipere, & parere Filium Deum,* q *absque* q *vlla virgineæ integritatis violatione.* r *Ergo Sanctissima Dei Genitrix Maria,* r *Virgo est ante partum,* f f *Virgo in partu, & Virgo post partum,* t *neque vllam* t *in partu pressuram sensit, quæ post partum Virgo inuiolata permansit.* u *Quin* u *imò statim post partum quem genuit adorauit,* x x *quia suum genitorem, rerumque omnium primum Conditorem peperit.*

y *Secundò vniuersa cælestis curia, hoc est, omnes* y *omninò beati Spiritus,* z z *statim frequentes post Natiuitatem Domini ad beatum præsepe descenderunt,* a *& infantem Deum, pannis inuolutum, ac positum in præsepio,* b b *tanquam*

Chúa blời, có phép vô cũ, mà hóá nên mọi sự, P mọi lẽài, P có khiến đẩn bà đòũ thân, chẳng có chịu khí đẩu oũ, mà chịu thai, và sinh đẻ Con là q đức Chúa blời, q cũ chẳng có hư blọn đòũ r thân. r Vì bệy rứt thánh đức Chúa Bà Maria, là đức Mẹ đức Chúa blời, thạt là đòũ thân khi chưa f có đẻ, f mà khi đang đẻ cũ là đòũ thân, lại khi đẻ đẳạn hãy còn đòũ t thân bệy: t mà khi đang đẻ, chẳng có chịu khốn khó gì, vì khi đẻ đẳạn, hãy còn blọn đòũ thân bệy. u Mà lại khi đẻ đẳạn, thẳát chóuc thì lạy x đức Con mình đẻ, x vì thạt có đẻ đức Cha mình, và cội rễ đẩu mọi sự.

y Sau nữa các cẳên ở tlên blời, là các đức z thánh thien thần, z khi đức Chúa blời sinh xuẩng, thẳát choúc thì rầm rầm cũ xuẩng, ở nơi máng cỏ a mà thấy Con tlẻ, thạt là đức Chúa blời, bao lại mà để tlaõ máng cỏ, b cũ nhìn lẽy hết như Chúa

Domi-

Dominum ſuum agnouerunt, atque humiliter adorauerunt: [c] *quin etiam* c
vnus ex ipſis Beatis Spiritibus, annuntiauit gaudium hoc magnum paſtoribus, [d] *in ea regione vigilias noctis cuſtodientibus* d
ſuper gregem ſuum, [e] *ſcilicet quod natus eſſet, in* e
Bethlehem ciuitate Dauid, Saluator Mundi, [f] *qui* f
eſt Chriſtus Dominus, & hoc illis dedit ſignum, & ait: [g] *inuenietis infantem,* g
pannis inuolutum, poſitum in præſepio. [h] *Et ſubitò* h
facta eſt cum eo Angelo multitudo militiæ cæleſtis laudantium Deum, & dicentium. [i] *Gloria in altiſſimis Deo, & in terra pax hominibus bonæ voluntatis.* [k] *Paſtoreſque tranſeuntes vſque Bethlehem, inuenerunt ſicut dictum fuerat ab Angelo.*
[l] *Tertium mirabile eo ipſo tempore quo natus eſt Chri-* l

mình, và lạy xuống khiem nhường bệy. [c] Lại tlaõ đức thánh thiên thần, có một thì đam tin mầng nầy mlớn, cho kẻ chan chien, [d] mà giữ canh gần đêy ban đêm, coi chien mình cho lành, [e] mà đức thánh thiên thần nói ra, có đức Chúa blời kớu thế, ſinh đẻ ở tlaõ thành oũ Dauid, [f] là Bethlehem, [f] êy là thạt Chúa Chriſto, mà lại ràng: có dễấu cho bay, [g] tìm thấy Con tlẻ khan bao lại, mà để tlaõ màng cố. [h] Chóuc êy thì có dều cỡên bới tlên blời, là những thiên thần, mà khen ngượi đức Chúa blời, ràng: [i] ai nếy thì ngượi khen đức Chúa blời tlên cao, mà lại dượi đết an hỡà cho [k] ngườ̀i ta lào lành. [k] Bấy giờ kẻ chan chien thì ſang cho đến thành Bethlehem, mà thấy như mlời đức thánh thiên thần đã bảo mình bệy.

[l] Thứ ba ſự lạ: cứ một khi đức Chúa Ieſu [l]

ſtus Dominus: [m] *noua ſtella tribus Magis apparuit in Oriente,* [n] *per quam agnouerunt Chriſtũ Dominum, nouum Regem Iudæorum natum eſſe,* [o] *cùmque conueniſſent in Hieruſalem, Iudæorũ Vrbem Regiam, tres, qui erant Reges in regione Orientis, interrogauerunt,* [p] *vbinam eſſet natus nouus Rex Iudæorum,* [q] *cuius ſtellam in Oriente viderãt:* [r] *cùmque à Principibus Sacerdotum reſponſum fuiſſet, in Bethlehẽ Iudæ, quia in Diuinis Oraculis ſic habebatur:* [t] *euntibus in Bethlehem tribus illis Regibus,* [u] *ecce ſtella, quam viderunt in Oriente, antecedebat eos,* [x] *vſque dum veniens, ſtaret ſupra vbi erat puer recens natus.* [y] *Videntes autem ſtellam Magi, gauiſi ſunt gaudio magno valdè,* [z] *& intrãtes domum, inuenerunt puerum Deum, cum Maria*

Ngày thứ nam

[m] Chriſto đẻ ra, [m] thì ba ⁊bua bên đoũ coi thấy [n] cái ſao mới, [n] mà bởi đẽy đã hay, có ⁊bua Chúa mới ở nước Iudæa, mà [o] mới đẻ, [o] ba ⁊bua ẽy, là ⁊bua bên phương đoũ, đến thành Hieruſalem, là kinh đô nước Iudæa, [p] thì hỏi ràng: [p] nao ⁊bua Chúa ở nước Iudæa, [q] mới đẽ: [q] vì chúng tôi bên phương đoũ, đã thấy cái ſao ngươi: [r] khi ẽy kẻ làm thày cả ở nước Iudæa, thì thưa ràng: [t] đức Chúa blời có đẻ, ở tlaõ thành Bethlehem, vì có sấm truyền, bởi đức Chúa blời, phán ⁊bẽy: [t] ẽy ⁊bẽy mà khi ba ⁊bua đi thành Bethlehem, [u] cái ſao, tlước đã thấy bên đoũ, bấy giờ ſoi cho, mà đam đàng, [x] cho đến ở lạng tlên nơi có Con tlẻ mới đẻ ra đẽy. [y] Khi ba ⁊bua coi thấy cái ſao ẽy, thì mầng rỡ bội phần, [z] mà ⁊bẽào nhà, thì thấy Con tlẻ, là đức Chúa blời, ở cũ đức Chúa Bà Maria,

Matre

Matre eius, [a] & procidentes adorauerunt eum, & apertis thesauris suis, [b] vtpote qui Reges erant, obtulerunt nouo Iudæorum Regi recens nato munera, aurum, thus, & myrrhã: [c] aurum scilicet vt Regi, thus vt Deo vero, [d] myrrham, quæ corpora post mortem conseruat, ne putrefiant, vt homini, & mortali. [e] Per idem tẽpus Imperatori quoq; Romano Octauiano Augusto (vt fertur) [f] apparuit, in ipso sole, mulier filium in vlnis habens, [g] quem ita veneratus est Augustus, vt eum Dominum agnoscent, [h] se non amplius ausus sit dicere Dominum, donec vixit. [i] Quod supra narrauimus de Sinarum Rege, [k] qui monitus est in somnis, vt veram legem à magno occidente peteret, [l] eo ipso tempore quo Christus Dominus verus legislator,

a là đức Mẹ, [a] mà cúi đầu xuống, lạy: lại mở những
b của trạo, [b] vì là Chúa, mà cũ Chúa nước Iudæa mới
đế, một là vàng, hai là cát nhàn, ba là myrrha:
c [c] vàng thì cũ Chúa Chúa:
cát nhàn thì cũ thạt đức
d Chúa blời, [d] myrrha, là
của giữ xác kẻ chết, kẻo
nát, vì Chệy thì lẹy của
ấy mà cũ tính người,
ngày sau có chịu chết
e Chệy: [e] có truyền đời
xưa rằng, cũ khi ấy có
Chúa nước Roma,
tên là Octauiano Augu-
f sto, [f] coi thấy tlaõ mạt
blời có đấn bà bòũ đức
g Con; [g] Augusto có kính
đấy, mà lấy làm Chúa
h cả, [h] cho nên tứ ấy đến
chết, chẳng dễám xưng
i mình là Chúa nữa. [i] sự
đã kể ngày thược, Chúa
k Chúa đại minh, [k] nàm
chiem bao thấy ai bảo,
đi tìm đạo thạt bên đại
l tây dương, [l] âu là có làm
Chệy cũ một khi ấy, vì
à một thấy đam đạo thạt

có đức Chúa Iesu Christo

& vnus magiſter natus eſt, putamus accidiſſe.

m *Omitto alia miranda eo die viſa,* n *vt fontem olei fluxiſſe Romæ, cuius rei memoria adhùc exſtat,* o *tres fuiſſe viſos ſoles,* p *& alia, quæ ſuprenus mũdi artifex, rerumque omnium Dominus, operari voluit,* q *ad manifeſtandam ſuam Miſericordiam, quam in medio terræ operabatur,* r *naſcendo in mundo, vt ſalutem æternam hominum operaretur,* ſ *vt homines relictis falſis & diabolicis ſectis, ad ipſum omnes redirent, piè ipſum vnum deinceps colerent, & adorarent,* t *iam in humana ſpecie viſibilem,* u *quamuis in Diuina ſua eſſentia ſit omninò inuiſibilis naturaliter.*

x *Hic exhibenda eſt imago aliqua eximia,*

cho người ta, mà mới dé ra đệy.

m m Chẳng kể ſự khác lạ, cũ coi thấy ngày ấy, n n như thể mạch dầu, có mạoc ra tháo thành Roma, rày hãy con đèầu o tích đấy: o lại rằng cũ một ngày ấy thien hạ p thấy bà mạt blời, p cũ các ſự lạ, đức Chúa blời, là đức Thơ cả thế gái nầy, là Chúa cả tlên hết mọi ſự thì tỏan q làm bấy nhều ſự ấy, q cho thien hạ hay, là ố đức Chúa blời nhín lành tùng ấy, cho đến làm giủa đết là ố lành làm r đệy, r mà ſinh đé ra đời, làm an lành vô cũ cho ſ người ta, ſ mà đệy người ta bỏ hết giáo dối, hết ſự ma qui, lại blở về cũ đức Chúa blời, mà thờ đấy, lạy đấy, t t khi đã thấy đức Chúa blời đã có hình người, u dầu tính thiênh liêng đức Chúa blời hãy còn ſâu nhiệm, chẳng có ai dữ ſức mình, mà thấy đượ mạt đức Chúa blời đâu.

x đến khi đã giảng bấy nhêu, thì phải săm ſưả ảnh nào

y *Bea-*

[y] *Beatiſſimæ Virginis Genitricis Mariæ Filiũ, & Dominũ noſtrum, adhùc infantem geſtantis,* [z] *vt illam humiliter adoremus, capitibus in terram demiſſis,* [a] *præmiſſa tamen adoratione triplici trium Diuinarum perſonarum, in vna Diuina eſſentia:* [b] *quod myſteriũ Diuiniſſimæ Trinitatis, vt per externam etiam adorationem profiteamur,* [c] *ſemel tantùm genua flectamus,* [d] *vnam Diuinam eſſentiam confitentes, tum capita ter in terram demittamus, tribus Diuinis perſonis adorationem exhibentes,* [f] *à ſingulis peccatorum noſtrorum ſupplices remiſſionem deprecantes,* [g] *tum Chriſto Domino vt homini & Mediatori noſtro,* [h] *ſemel reuerentiam, & adorationẽ faciemus capite ſemel in terram demiſſo,* [i] *humiliter deprecantes, vt Redemptionis ſuæ copioſiſſimæ fructum recipere mereamur,* [k] *per omnium peccatorum noſtrorum remiſſionem pleniſſimam.*

[y] khéo,[y] có hình rứt thánh đòũ thân Maria đức Mẹ, có bòũ đức Con là đức Chúa Ieſu, hãy còn tlé,
[z] [z] cho ta cúi đầu xuống đ'ết, mà lạy: [a] ſaõ lẽ thưóc thì phải lạy môt đức Chúa blòi ba ngôi,
[b] ba lạy. [b] Mà cho ta bề ngõài cũ xưng một đức
[c] Chúa blòi ba ngôi, [c] khi ta lạy, ta quì gối xuống
[d] một lần mà thòi, [d] bởy ta xưng có một tính thiêng liêng đức Chúa blòi,
[e] [e] mà cúi đầu xuống tạn đ'ết ba lần, mà kính lạy
[f] ba ngòi, [f] cĩ khiem nhưâng xin mỗi một ngôi tha tội, tha và chúng
[g] tôi: [g] thoi đõạn thì phải lại đức Chúa Ieſu ra đòi, làm nguòi, mà chuậc tội
[h] cho chúng tòi, [h] ta lạy cúi đầu tạn đ'ết một lần,
[i] [i] mà khiem nhưâng câu khẩn, cho chiụ đươc ơn đức Chúa Ieſu, đã làm
[k] phúc thù a, chuậc tội cho chúng tòi, [k] mà cho ta

nissimam. [l] *Deniq; Beatissimæ Virgini reuerentiam exhibebimus,* [m] *capitibus semel etiam in terram demissis:* [n] *quamuis enim benè nouerimus Beatam Virginem non esse Deum,* [o] *quia tamen est Dei Genitrix, erga Filium Deum potentissima,* [p] *per illius Sanctissimam intercessionem peccatorum omnium veniam consequi speramus.* [q] *Monendi sunt hic cathecumeni,* [r] *quamuis olim antequam Deus nascerentur, cum esset omninò inuisibilis, sine imaginibus coleretur,* [s] *tamen postquã factus est homo visibilis,* [t] *& in terris visus est, & cum hominibus conuersatus,* [u] *iam eius speciem per imagines exhibemus, siue depictas siue sculptas, aut alijs modis:* [x] *cùm tamen corã imaginibus Christi Domini, aut Sanctorum genu flectimus, adoramus,*

Ngày thứ năm

được khói hết mọi tội
[l] cho bọn. [l] Sau hết ta
cũ phải lạy rứt thánh
[m] đòũ thân, [m] mà cúi đầu
xuống đất, một lần nữa:
[n] [n] vì chưng dầu ta đã
biết thạt đức Chúa Bà
đòũ thân chẳng phải
[o] đức Chúa blòi: [o] sảo
le vì là đức Mẹ đức
Chúa blòi, thì có phép
cả cầu cũ đức Con, thạt
[p] là đức Chúa blòi, [p] mà
ta cậy đức Chúa Bà, cầu
cho ta khói hết mọi tội.
[q] [q] đêy ta phải bảo kẻ mu-
[r] ân chịu đạo: [r] dù mà đòi
xưa khi đức Chúa blòi
chưa có ra đòi, mà chẳng
thấy được đức Chúa
blòi, khi ếy có thờ mà
chẳng có dữ ảnh:
[s] [s] sảo le từ đã ra đòi làm
ngươòi, mà coi thấy đư-
[t] ợc, [t] đã xem tlên đất,
mà ăn ở cũ ngươòi ta,
[u] khi đã có hình, [u] thì ta
lấy ảnh mà làm hình ếy
[x] ra, hay là vẻ, hay là chạm,
hay là thế khác: [x] sảo le
khi ta quì lạy, cầu tlước mạt ảnh đức Chúa Iesu, hay

vel

vel oramus, y *intentio no-* y
ſtra debet ferri ad illum,
qui per imaginem nobis
repræſentatur, z *& ita* z
adorare, & colere Sanctum,
qui repræſentatur.

y là oũ thánh nào, y ta
phải có í dõ người có
z ảnh đ'ây, z mà quì, lạy,
cầu người thánh, có ảnh
ây mà chờ.

Dies sexta.

POpuli satis iam ad credendum ineffabilibus, Sanctissimæ Trinitatis, ac Diuinæ Incarnationis Mysteriis, [b] quæ captum omnis intellectus creati longè superant: [c] videndum nunc est iuxtà captum nostrum, [d] cur Diuina Maiestas Filij Dei humanam naturam assumere, [e] & sibi tam arctæ hypostaticæ unionis vinculo copulare dignata sit, [f] vt verè Deus inuisibilis, & immortalis, [g] factus sit homo visibilis, & mortalis? [h] tria enim præcipuè mala humanum genus per peccatum originale inuaserãt, [i] primum propensio ad malum, [k] secundum ignorantia recti itineris ad vitam æternam, [l] tertium reatus mortis, non temporalis solùm, sed etiam æternæ,

Ngày thứ sáu.

KHi đã nói ra sự sầu nhiệm, một đức Chúa blời ba ngôi, và sự đức Chúa blời ra đời, nói bệy cho người ta tin, [b] vì chưng hai sự bệy, qua tlên trí mọi lẽ loài, đức Chúa blời hỗá ra. [c] Bây giờ ta phải suy, bằng sức ta, [d] vì sao đức Con thật đức Chúa blời, cũ là đức Chúa blời bệy, mà lấy tính người, [e] buặc lại chạt chùng bệy, cho đến làm một ngôi cũ, [f] mà thạt đức Chúa blời chẳng cò ai thấy được, cũ chẳng hay chết, [g] mà làm người, thien hạ thấy được, [h] và lại hay chết? có ba sự tai vạ, bởi tội tó tũi ta truyền cho, mà làm hại lẽ loài người ta: [i] thứ ước là tích một hãm sự lỗy, sự dữ: [k] hai là tối tam chẳng biết đàng cho tlú lâu vô cũ. [l] Ba là đáng chết, chẳng lọ là xác có

m per quam æternæ captiuitati dæmonis in inferno adiicendus erat. n His tribus malis tria remedia cæleſtis Medicus, Deus Homo, Chriſtus Dominus adhibere voluit; o atque ideò die octauo à Natiuitate Sanctiſſimum Ieſu nomen aſſumpſit, p non ſine ſanguinis effuſione, per quam Saluatoris noſtri nomen, & officium aſſumebat. q Propenſionem itaque ad malum, qua veluti trahebamur ad vitia, r per Sanctiſſimæ vitæ ſuæ virtutes, & exempla ſuperare voluit, s triginta tribus annis quibus inter homines vixit, & cum hominibus conuerſatus eſt, t miram nobis inſinuans humilitatem, & obedientiam: u non ſolum erga Deum Patrem, cuius Sanctiſſimæ voluntati ſe totum obtulit, x cum à Sanctiſſima Genitrice ſua eſt præſentatus in tem-

cũ mà lại phải chết vô
m cũ, m cho nên phải làm
tôi quỉ vô cũ, tlaõ địa
n ngục: n ba chùng đau
khổn nầy, đức Chúa
Ieſu, thạt là đức Chúa
blòi, cũ thạt là nguòi,
cũ là thày thuóc, bỏi
blòi mà xuống, có ba
o mạt thuóc tlả cho: o vì
bệy tù ſinh để đến tám
ngày, thì chịu tên rứt
p thánh Ieſu, p mà khi ấy
cũ cò đổ máu ra, mà
chịu tên, và chức kó-u
thế, chuậc tội cho
q chúng toi. q cái tích
một hãm lự dữ, mà giục
r ta làm sự lỗy, r thì đức
Chúa Ieſu dữ nhìn đức
mình, làm gương cho ta,
mà chữa tội ta bệy,
s s là ba mươi ba nam
ſóú ở thế nầy, ăn ở cũ
t nguòi ta, t thì cho ta
xem sự lạ tlaõ việc khi-
em nhương, và tlaõ việc
u chịu lụy; u chàng lọ là
chịu lụy đức Chúa blòi,
là đức Cha mình, cỏ
phú blọn mình, theo rứt thánh í đức Cha, x khi x
rứt thánh đức Mẹ đam đến đức Chúa Ieſu, mà

plo: [y] sed etiam eidem Matri suæ Beatissimæ Virgini Mariæ, & sponso eius, Sanctissimo Ioseph, [z] fuit subditus, vsque ad trigesimum ætatis suæ annum: [a] ita vt per spatium triginta annorum voluerit esse subditus illis, [b] cùm tamen esset ipsa infinita Sapientia Dei, [c] sed hominibus elegit subesse, [d] vt eximium nobis præberet obedientiæ, atque humilitatis, per tot annos, exemplum.

[e] Semel tamen cum adhùc esset duodecim annos natus Dominus noster Iesus Christus, [f] ex peculiari voluntate Patris Aeterni, inscijs parentibus, remansit in templo, [g] vt hominibus aliquã, diù expectati Messiæ, notitiam dare inciperet. [h] Quamuis enim post quadraginta dies à Natiuitate sua Sanctissima, [i] cùm iuxtà ritum, Iudæis

[y] khi đến đền thánh. [y] mà lại có chịu lụy rứt thánh Chúa Bà Maria là đức Mẹ đòũ thân, và có ōũ thánh Ioseph, là bạn đức Mẹ bệv, [z] mà đức Chúa Iesu cũ chịu lụy người, [a] cho đến ba mươi tủêi. [a] bệy thì có chọn là ba mươi năm chịu phép [b] hai người, [b] dầu mình là hay biết vô cũ đức Chúa blờ̀i: [c] saō le có định chịu lụy người ta, [d] mà bệy làm gường tốt lành, đang bấy lâu nam, cho ta bắt chước, và chịu lụy, và khiem nhường làm bệy.

[e] Saō le có một lần khí đức Chúa Iesu, là Chúa chúng tôi, hãy còn mưới hai tủêi, [f] theo í riêng đức Cha vô cũ, khi đức Mẹ chẳng hay, thì ở lại tlaō đền thánh, [g] bệy thì mở đàng cho người ta hay, sự tloũ đã lâu, có đức Chúa blờ̀i ra đờ̀i chuậc tội, đã [h] được bốn mươi ngày, [i] mà đức Mẹ theo phép

gần. [h] Vì chưng dầu khi đức Chúa Iesu mới đẻ,

à Deo præſcriptum, in templo præſentatus, [k] *à ſene Simeone viro ſanctiſſimo,* [l] *qui reſponſum acceperat à Spiritu Sancto,* [m] *non viſurum ſe mortem, niſi priùs videret Chriſtum Domini,* [n] *Meſſiam ſcilicet ſeu Saluatorem Deũ,* [o] *publicè fuerit recognitus, & publicatus, cum bonus ille ſenex puerum Ieſum accepit in vlnas ſuas,* [p] *& gratias Deo agens, dixit:* [q] *Nunc dimittis, ſeruum tuum Domine ſecundum Verbum tuum in pace: quia viderunt oculi mei* [r] *ſalutare tuum,* [ſ] *quod paraſti ante faciem omnium populorum,* [t] *lumen ad reuelationem gentium, & gloriam plebis tuæ Iſrael.* [u] *Multaque alia prædixerit, infanti Deo euentura.* [x] *Attamen voluit ipſemet Dominus Ieſus, in medio*

đức Chúa blời khien, tlaõ nước Iudæa, đé đỡ ạn bốn mươi ngày, thì đam con blai đến nhà [k] đức Chúa blời, [k] mà khi ấy có oũ già, tên là oũ Simeon, là người [l] thánh, [l] đã chịu mlời đức Chúa Spiritu Sancto, [m] [m] chưa có ſinh thì, mà thấy được Chriſtum Domini, [n] là đức Chúa blời ra đời chuậc tội, [o] [o] mà oũ già thì dìn, và xưng tlước mạt thiên hạ, khi tlaõ tay bòũ đức Chúa Ieſu, hãy còn tlé, [p] [p] mà cám ơn đức Chúa blời ràng: [q] tôi lạy ơn đức Chúa blời, bây giờ đã tha tôi đi bàng an, như mlời đức Chúa blời đã phán cũ tôi: [r] [r] vì chưng con mắt tôi đã thấy đức Chúa blời [ſ] kớu thế, [ſ] đã dẽọn bệy tlước mạt mọi nước, [t] [t] làm ſáng, ſoi kế vọ đạo, và làm cho dên đức Chúa blời, là nước Iſrael, càng tlaõ nữa. [u] Oũ thánh Simeao thì nói bệy, mà lại [u] cũ nói ra dều ſự ngày ſau, đức Chúa blời Con tlé được bệy. [x] Saõ le đức Chúa Ieſu đã cất mình đến [x]

Iudæo-

Iudæorum Doctorum per seipsum, [y] *clarè ostendere, iam adesse tempus diù expectati Messiæ, seu Saluatoris,* [z] *ita vt stuperent omnes de doctrina, & responsis eius, etiam doctissimi inter Iudæos,* [a] *& facilè postea, cùm aduenisset tempus manifestationis eius, possent, si vellent, in cognitionem ipsius deuenire.* [b] *Atque ita inuentus à Matre Sanctissima, in medio Doctorum in templo post triduum,* [c] *cùm pia Mater quereretur amanter, dicens:* [d] *Fili quid fecisti nobis sic? respondit Dominus Iesus:* [e] *Quid est quod me quærebatis?* [f] *Nesciebatis quia in his, quæ Patris mei sunt oportet me esse?* [g] *Nobis nimirum ostendens exemplo Dominus Iesus,* [h] *Patris cælestis voluntatem exequendam,* [i] *quamuis ad hoc necesse sit à parentibus carnalibus se subtrahere.* [k] *Po-*

Ngày thứ sáu

giữa các cõên tử nước Iudæa, [y] mà tỏ ra, đã đến ngày đức Chúa blòi chuộc tội, đã tlouí bấy lâu; [z] mà các cõên Iudæo ấy, thấy mlòi khôn ngõan, sâu nhiệm làm dệy, dù kẻ cả biết sáng láng tlaõ nước ấy, thì hãi hết, [a] mà ngày sau đến khi tỏ ra, có muốn, thì đẽ biết, mà tìm được. [b] dệy thì rứt thánh đức Mẹ tìm đức Con ba ngày, đõạn thì mới thấy, ở tlaõ đền thánh, giữa các cõên tử: [c] khi ấy đức Mẹ dậu đức Con, mà than thở ràng: [d] lạy đức Con, sao làm thế ấy cú Mẹ? [e] đức Chúa Iesu thì thưa ràng: lạy đức Mẹ, mà sao đức Mẹ có tìm Con làm dệy? [f] Sao chẳng hay hễ là việc về đức Chúa Cha, Con thì phải chịu việc ấy? [g] dệy thì đức Chúa Iesu làm gương cho ta xem, mà bắt chước, [h] theo í đức Chúa Cha tlên blòi, [i] dầu mà vì sự ấy phải khỏi cha mẹ xác. [k] Sẽõ le đức Chúa Iesu

Hæc tamen, vsque ad trigesimum vitæ suæ sanctissimæ annum, ita fuit Beatissimæ Virgini Matri suæ, eiusque sponso Ioseph Sanctissimo subditus, [l] *vt cũ ipso vsq; ad illam ætatem,* [m] *putetur fabrilem artem exercuisse,* [n] *imò in rebus domesticis ipsis inseruisse,* [o] *non enim venerat ministrari, sed ministrare;* [p] *nec tenuit pro vili ministerio, & suæ Diuinæ personæ indigno, nisi quod erat peccatum.* [q] *Quare peccatum nunquam fecit, neque dolus vllus inuentus est, aut inueniri potuit in ore Sancto eius.* [r] *Sic & nos Dominum Iesum imitari debemus, non abhorrentes, aut subterfugientes humilitatis opera,* [s] *sed potius amplectentes illa, vt melius imitemur Dominum Iesum,* [t] *& vt vitemus otium, quod omnis mali,*

đõạn việc ấy, thì có chịu lụy, và rứt thánh đức Mẹ đòứi thân, và oú thánh Ioseph, là rứt thánh chàố ngươi, cho đến ba mươi tủêi, [l] mà vì sự làm bậy, có kẻ thì ngờ, [m] đức Chúa Iesu cũ lâm thợ mọc, bối oũ thánh Ioseph: [n] lại tlaõ cửa tlaõ nhà, cũ làm việc như tôi ta bậy, [o] vì chưng đức Chúa Iesu chẳng có khi nào làm sự lỗy, cũ bới miệng thánh ấy chẳng thấy ra sự gian, lại cũ chẳng ra đượ̣c đâu. [r] Ta cũ nên bắt chước đức Chúa Iesu, chớ che, chớ tlánh việc khiem nhường; [s] mà lại ta làm hết lức, lấy đức Chúa Iesu làm gương, [t] bậy cũ khỏi

&

& peccati origo eſt: u *fugiamus autem omnia peccata, & mendacia,* x *tanquam rem viliſſimam, & homine rationis compote, atque ad imaginem Dei facto, prorſus indignam.* y *Ita enim ſequemur veſtigia Domini Ieſu, qui ad hoc venit,* z *in carne viſibili, vt traheret nos poſt ſe,* a *in funiculis charitatis, & amoris ſui ſuauiſſimi,* b *atque ita vincula noſtra diſrumperet,* c *ac propenſionem peſſimam, quam habemus ad malum,* d *ab ortu noſtro, ex peccato natam originali.*

e *Vt autem ſecundum quo vexamur malum, nempe ignorantiam noſtram curaret Diuinus Medicus Dominus Ieſus,* f *trigeſimo ætatis ſuæ anno, poſtquam fecit, cæpit docere, quæ fecerat:* g *initio tamen Diuiniſſimæ prædicationis ſuæ, homines ad ſuſcipienda*

ở dưng phũ lu, là cội rễ mọi tội lỗy. " Ta cũ tlánh mọi tội va, các ſự dối, x là ſự rứt hên, mà chẳng đáng người biết mlẽ, khi đã có tlaõ linh hồn mình, là ảnh thiêng đức Chúa blời. y Bệy thì ta theo chên đức Chúa Ieſu, đã ra đời vì ſự ấy, z mà lấy xác thịt ta thấy bệy, như bắt ta theo ſau, a vì cái dây là làõ nhin lành, yêu dấu ta lám: b mà làm bệy đánh đứt cái dây buộc ta, c làõ muốn những ſự dữ, d khõõ đế rá, bõi ta tù, ấy đã có tội tờ tũ ta truyền cho.

e Lại đức Chúa Ieſu, là thày thuóc cả, khi chữa linh hồn ta tối tam, chẳng biết mlẽ, f đến ba mươi tủây, làm phúc, làm phan đõạn, thì mới dẽạy dễõ ta làm như bệy.

g ſaõ le khi giảng mlời đức Chúa blời, đầu hết có dẽon làõ người ta, chịu mlời đức Chúa blời, như giõũ bõi blời

celeſtia

cæleſtia Diuini Verbi ſemina diſponente, [h] *ad peccatorum pœnitentiam inuitabat, dicens:* [i] *pœnitentiam agitè, appropinquauit enim regnum Dei,* [k] *ſic etiam Sanctiſſimus vir Ioannes Baptiſta, ipſius Domini præcurſor eximius, qui teſtimonium perhibuit Verbo Dei,* [l] *& Ieſum Chriſtum verum Filium Dei, Saluatorem mundi Iudæis demonſtrauit,* [m] *idem etiam exordium prædicationis habuit, homines ad pœnitentiam adhortando:* [n] *facite, aiebat, fructus dignos pœnitentiæ.* [o] *E diſcipulis autem, quos ſecum habebat Dominus Ieſus, elegit duodecim, quos & Apoſtolos nominauit,* [p] *quibuſcum aſſiduè conuerſabatur, illos ſpecialiter eruditens,* [q] *vt relinqueret poſt ſe totius orbis Doctores.* [r] *Legem itaque Euangelicam per ſe ipſum promulgauit,* [ſ] *per quam non tolleretur Lex antiqua data Sanctis Patribus, ſed perficeretur.* [t] *Ter enim ſu-*

[h] mà xuống, [h] thì khuyen ăn năn tội, phán ràng :
[i] [i] hãy lo tội, mà chừa cho kip, vì cõi tlên
[k] blời đã gần. [k] Lại oũ thánh loaõ Baptiſta, khi đâm đàng cho đức Chúa Ieſu, mà làm chứng mlời
[l] đức Chúa blời, [l] và chỉ đức Chúa Ieſu, là Con đức Chúa blời kóu thế, cho nước Iudea được
[m] hay, [m] khi đầu hết giảng đạo, cũ khuyen người ta
[n] ăn năn tội, mà ràng: [n] hãy làm phúc cho đáng việc
[o] lo tội. [o] Mà đức Chúa Ieſu tlaõ các đầy tớ ở cũ, thì chọn mười hai người, gọi là Apoſtolo,
[p] [p] mà ăn ở cũ lien, và
[q] dẽạy dẽó riêng, [q] để thay mình ngày ſau làm thày
[r] cả và thien hạ. [r] ếy bệy mà đức Chúa Ieſu mình rao đạo Euangelio, là
[ſ] tin lành, [ſ] mà chẳng phải cất đạo cũ, đã cho tỏ nế đời xưa, lại làm cho
[t] càng tốt lành: [t] Vì chưng

premus rerum effector, hominibus legem ſanctam dedit: u *ſemel cum legem naturalem ita cordibus hominum impreſſit, vt ſtatim rectum ab iniquo diſcernant,* & *malum à bono.* x *Et hæc eſt ratio naturalis,* & *lumen vultus Dei, quod ſignatum eſt in cordibus noſtris, ita vt ſi rectam viã non fuerimus amplexati, ſimus inexcuſabiles:* z *vt Dominus olim dixit ad Cain.* a *Nonne ſi benè egeris recipies?* b *ſin autem malè, ſtatim in foribus peccatum tuum aderit?* c *quia tamen per peccata, non originale ſolum,* d *ſed etiam multa actualia, iam valdè obſcuratum erat rationis lumen,* e *ita vt homines iam vix falſum à vero,* & *rectum ab iniquo diſcernerent:* f *ideò dedit Deus Moyſi amico ſuo, & per Moyſem populo hebræorum legem ſcriptam,* g *quæ de-*

đức Chúa cả làm nên mọi ſự, đã cho người ta đạo thánh, có ba lẽn:
u u một là khi cho lãõ người ta tự nhien có đạo lí, mà thŏát choúc chia ra ſự ngay, ſự vạy,
x biét ſự lành, ſự dữ: x nây là đạo lí tự nhien, và ſáng mạt đức Chúa blò̀i,
y có ân ở lãõ ta, y cho nên khi ta chẳng theo đàng ngay, chẳng khỏi
z được lỗy. z Như khŏ̉ xưa đức Chúa blò̀i phán
a cữ thàng Cain, ràng: a mầy có làm lành, chẳng
b chịu lành ruṍ? b mà có làm ſự dữ, tội mầy thŏát
c chóuc thì đến ở tlước cửa mà chó́. c Saố le vì có tội, chẳng nhữ̃ng là tội tổ nẽ truyèn cho,
d d lại có tội nhều mình làm, cho nên ſáng đạo
e lí đã ra mù mít; e mà người ta chia ſự dối, ſự thạt, biét ſự ngay, ſự
f vậy là hŏa: f vì bệy đức Chúa blò̀i có nghĩa cl

oũ Moyſes, mà truyèn cho oũ ấy đạo chếp: lại khiến oũ Moyſes truyèn cho nước Iudæa, g mà

cem præcepta decalogi continet, de quibus infra erit agendum, [h] *& hæc fuit ſecunda Diuinæ legis publicatio.* [i] *Sed quia populus ille carnalis quamuis legẽ Dei non ignorabat, illam tamen non cuſtodiebat;* [k] *ideò Diuinus hic Magiſter Ieſus Chriſtus Dominus noſter aduenit, legem gratiæ per ſe ipſum promulgaturus,* [m] *per quam pïſſimus Magiſter, ac Dominus, non ſolum doceret nos viam vitæ vternæ,* [n] *ſed etiam per gratiam, & auxilia Diuina, quæ nobis merebatur, vires adderet, ad illam cuſtodiendã neceſſarias,* [o] *& ideò vocatur Lex gratiæ.*

[p] *Atque vt homines ad credendum Dei Verbum inducceret multa perpetrauit miracula Dominus Ieſus,* [q] *ad confirmandam legem ſanctam, quam docebat:* [r] *nam cæcis viſum, ſurdis auditum, claudis greſſum rectum, ægris ſanitatem,*

đạo nầy có mười ſự răn, đến ſau ta phải giảng.

[h] Ấy là lần thứ hai, khi đức Chúa blời có rao đạo. [i] Saõ le vì đến nước Iudæa hèn, dầu có đạo đức Chúa blời, cũ chẳng có giữ. [k] Vì bởy đức Chúa Ieſu là Thày cả, thạt là đức Chúa blời, là Chúa chúng tôi, đã ra đời, [l] mà mình đến, rao đạo *gratia*, lá két nghĩa cũ người ta, [m] mà bởy khi làm Thày, và Chúa rứt nhin, chẳng lọ là dẽay ta đàng ſóũ lâu vô cũ, [n] mà lại có coũ thêm *gratia*, là giúp ſức cho ta giữ đượ đạo: [o] vì bởy thì gọi là đạo gratiæ.

[p] Lại đức Chúa Ieſu làm nhều phép lạ, mà bởy khuyen dẽõ người ta tin mlời đức Chúa blời, [q] và làm cho đạo thánh mình dẽạy, càng tỏ nữa; [r] vì tôi mạt thì cho ſáng; kẻ nạng tai, cũ cho ſáng: kẻ què chên thì cho đi ngay: kẻ đau náng thì cho đã, và kẻ đã chết

mortuis etiam vitam reſtituit; f *multaque alia perpetrauit mirabilia, per illud triennium, quo diuinam tradidit doctrinam,* t *vt nimirum ſe, non ſolum verum hominem probaret,* u *qui inter homines, vt homo conuerſabatur, manducans & bibens, & vitam hanc humanam, quam aſſumpſerat, inter nos viuens:* x *ſed etiam verum Deum, qui naturales rerum leges in mundo hoc mutaret pro arbitrio ſuo,* y *tanquam verus rerum omnium Dominus.*

z *Primum autem miraculum quod Dominus Ieſus perpetrare dignatus eſt,* a *fuit in Cana Galileæ, vbi cùm inuitatus ad nuptias ipſe,* b *cum Matre ſua ſanctiſſima Virgine Maria, & cum diſcipulis ſuis,* c *vidit iam defeciſſe vinum pro inuitatis, quod iuxtà illius regionis morem propinari ſolet:* d *monente itaque Virgine Ma-*

đã rồi cũ cho ſóũ lại :
f f cũ có làm nhều phép
lạ, ba nam ễy, khi đang
giảng đạo đức Chúa
t blòi, t mà làm ḅệy thì
tó ra, đức Chúa Ieſu
chảng nhữ̃ng là người
u thạt, u mà ở cũ người
ta như người, ăn üấng,
và ſóũ tlaõ xác đã lễy,
x mà ở cũ chúng tôi: x lại
bở̀i phép ễy cũ tó ra, đức
Chúa Ieſu, thạt là đức
Chúa blòi, vì đở̀i nhữ̃ng
đàng quen tlaõ thế giái
y nấy, mạc í mình, y như
là Chúa thạt mọi ſự.
z z Mà phép lạ đức Chúa
Ieſu có đinh làm đầu
a hết, a thì làm ở làng
gọi là Cana, tlaõ xứ
Galilæa, khi ở nơi ễy,
có ai mờ̀i đức Chúa
b Ieſu, b và rứt thánh đức
Mẹ đòũ thân, cũ đầy tó
c đức Chúa Ieſu, c mà đã
thấy đã hết nước blái
nho, có quen cho người
d ta üáng, ở nước ễy, d mà
đức Mẹ đòũ thân nhin
lành thì bảo đức Con

tre pÿſſima, quod vinum non haberent, [e] *quæ miniſtros etiam monuit, vt facerent quæcunque dixiſſet Dominus, quamuis repulſam paſſa videretur, cùm audiuit ab amantiſſimo Filio ſuo, quid mihi, & tibi mulier, miniſtros monuit vt facerent quæcunque dixiſſet Dominus:* [f] *tunc pÿſſimus Dominus Ieſus, iubens impleri hydrias aquæ,* [g] *cùm à miniſtris impletæ eſſent ſex hydriæ ſatis amplæ, vſque ad ſummum,* [h] *præcepit hauriri, & ferri ad bibendum, ſtatimque* [i] *aqua illa, iubente Domino, in vinum perfectiſſimum conuerſa eſt,* [k] *ita vt mirarentur inuitati, & præſertim Architriclinus, qui neſciebat vnde eſſet tale vinum, miniſtri autem ſciebant, qui hauſerant aquam;* [m] *quo miraculo viſo in Fide confirmati ſunt diſcipuli Domini, & credidérunt in eum.*

[e] đã hết của ấy, [e] dù mà đức Chúa Ieſu đã thưa như bỏ mlòi đức Mẹ, mà ràng: ta có gì cữ bà. ſaõ le đức Mẹ có baỏ đấy tớ nhà ấy, đức Chúa Ieſu có khién làm ſao, thì làm thế ấy: [f] bấy giờ đức Chúa Ieſu rứt nhin, thì khién lấy nước lả, mà đầy cái chế, [g] đầy tớ nhà ấy có thì lấy nước mà đầy ſáu cái chế cữ mlớn, cho đến miệng: [h] thoi đỏạn đức Chúa Ieſu khién múc, mà đam cho nguòi ta uống: [i] thỏát choúc nước lả ấy, bởi phép đức Chúa Ieſu, thì ra nước blái nho rứt ngon, là rượu nước ấy, [k] cho nên kẻ ăn cưới đấy thì hãi, tlước hết kẻ làm cai, vì chẳng hay của ngon làm bệy bởi đâu: [l] mà đầy tớ nhà ấy, khi đã kín nước lả đã hay. [m] bệy đầy tớ đức Chúa Ieſu thấy phép lạ thế ấy, thì càng tin, và lấy mlòi đức Chúa Ieſu làm thạt bệy.

Cùm

n *Cùm igitur Dominus Ieſus innumera perpetraret miracula, prædicans Euangelium regni cælorum,* o *&* p *verba vitæ æternæ haberet,* p *omnes ita ab eius ore Diuino pendebant,* q *vt quocunque iret, turbæ populorum ſequerentur, vt audirent eum & ſanarentur à langoribus ſuis:* r *quadam vice cùm turba multa eſſet in litore, aſcendit in nauiculam Petri primarij Apoſtoli ſui, vt doceret eos:* f *poſtea iuſſit Petro vt duceret in altum ad capturam piſcium,* t *cui Petrus reſpondit: Magiſter per totam noctem laborantes nihil cepimus,* u *in verbo autem tuo laxabo rete,* x *& ſtatim cepit copioſam piſcium multitudinem, ita vt rete rumperetur;* y *innuit autem ſocijs qui erant in alia nauicula, vt adiuuarent eum,* z *& ex piſcibus impletæ ſunt ambæ*

n nấy bởy mà khi đức Chúa Ieſu làm phép nhiều kẻ chẳng xiết, và giảng tin lành, ſự cõi các nơi, o blòi, o cũ có những mlòi p cho ſóũ lâu vô cũ, p thiên hạ thì muốn nghe lám, q cho nên đức Chúa Ieſu đi đâu, nguòi ta thì theo rầm rầm, mà nghe, và cho khỏi ſự đau náng r khốn nạn: r có lần nào khi nguòi ta nhều ở trên bảy, đức Chúa Ieſu thì xuống thuyền Pedro, là đẩy tó cả mình, mà dẻạy dỗ nguòi ta, f đoạn thì khién Pedro đam thuyền ra, mà đi lưới t bắt cả. t Pedro thì thưa ràng: tôi lạy Thày, chúng tôi blót đem chịu khó bó lưới, mà chẳng đu- u ợc đí gì, u ſaõ khi có mlòi đức Thầy, thì tôi bó lưới lần nầy nữa, x x mà một chóuc thi đuợc cá nhều lám, cho y nên rách lưới ra, y khi ấy thì báo bạn ở thuyền khác, đến cũ mà giúp; z bởy thì và hai thuyền đầy z

nauí-

nauiculæ. [a] *Quod videns Petrus dicebat Domino: recede à me, quia homo peccator ſum Domine,* [b] *ſtupor enim apprehenderat eum, in captura piſcium.* [c] *Benigniſſimus verò Dominus ad eum: noli timere, inquit, ex hoc eris homines capiens;* [d] *& ſubductis in terram nauiculis ſequuti ſunt Dominum.* [e] *Alia item vice, cùm turbæ multæ de ciuitatibus ſecutæ fuiſſent Dominum Ieſum, vſque in ſolitudinem, vt audirent eum,* [f] *& hora iam eſſet tarda, nec haberent quid manducarent,* [g] *dixit miſericors Dominus: miſereor ſuper turbam, quia non habent quod manducent;* [h] *ſi dimiſero eos ieiunos deficiẽt in via:* [i] *tum interrogauit diſcipulos ſuos, quot panes habetis?* [k] *quibus reſpondentibus, puerum vnum*

[a] những cá ấy. [a] Pedro thấy vậy thì ràng, tôi lạy đức Chúa Ieſu, hãy đi cho khỏi tôi, vì tôi [b] là kẻ có tội: [b] nói vậy, vì thấy bắt nhiều cá làm [c] vậy, thì hãi lám. [c] Sao le đức Chúa Ieſu rứt nhin, thì phán ràng: Pedro chớ ſợ làm chi, từ nầy về ſau mầy bắt đư[d]ợc người ta; [d] khi ấy có cất hai thuyền lên đất, mà theo đức Chúa Ieſu.

[e] [e] Cũ có khi khác nhiều người ra bởi thành, mà theo đức Chúa Ieſu, rầm rầm, cho đến tlên rừng, [f] mà nghe giảng: [f] khi ấy đã hầu tối, mà người ta chẳng có gì ăn: [g] ſao đức Chúa Ieſu nhin lành, phán ràng: tao thư[h]ơng người ta nhiều lám, [h] vì chẳng có gì ăn, [h] vi bàng tao tha nó về khoũ, thì ngã giữa đàng, mà về [i] chẳng đươc: [i] lại hỏi đầy tớ cả, ràng: bay có mấy cái bánh ăn? [k] đầy tớ cả thưa ràng: lạy đức Chúa Ieſu, đầy một con tlẻ còn có nam

ibi esse, qui haberet quinque panes, & duos pisces;
l *sed quid hæc inter tantos?* m *iussit nihilominus pijssimus Dominus sedere omnes super fœnum,* n *& gratias æterno Patri agens, diuisit panes, & pisces,* o *deditq; discipulis suis, & discipuli distribuebant turbis,* p *& manducauerunt omnes, & saturati sunt:* q *cumque iussisset Dominus colligi fragmenta, nè perirent,* r *inuenti sunt duodecim cophini fragmentorum pleni,* s *qui autem manducauerãt erant quinque millia hominum,* t *præter mulieres & paruulos.*
u *His miraculis erudimur, quærentibus beatitudinem cælestem, quæ est regnum Dei, & iustitiam eius,* x *ad vitam hanc sustentandam necessaria minimè defutura, sed potius superabundatura;* y *præterea in hoc vltimo apparet, per eleemosynas terrenam substantiam non minui, sed augeri:* z *cùm enim ante*

cái bánh, và hai con cá;
l l mà người ta nhều làm vậy, là bây nhều hột?
m m sảo le đức Chúa Iesu phán khiến hết thay thải
n ngồi tlên cỏ, n mà cám ơn đức Cha hàng có vậy; đoạn thì chia ra và
o bánh, và cá, o mà tlao cho đày tớ mình; lại đầy
tớ chia cho người ta,
p p mà ăn hết thay thảy
q cho no: q thôi đoạn đức Chúa Iesu khiến giữ tấm
r thừa, kẻo bỏ hư, r mà đã góp lại mười hai hóũ
s vậy, s kẻ đã ăn, những đấn oũ, là nam nghìn
t người, t chẳng kể đấn bà, cũ chẳng kể con tlẻ.
u u Phép lạ nầy dạy ta, ai tím cho được vui bề tlên blời, là nước đức Chúa blời, và nhin đức,
x là đàng đến đây, x dữ đủ ở thế nầy, chàng có thiếu gì, mà lại thừa:
y y phép sau nầy lại dạy ta, thí của cho kẻ khó chẳng phải làm hết của, mà lại thêm của nữa:
z z vì chưng khi chưa có

eleemo-

eleemosynam turbis hisfactam, solum essent quinque panes,& pisces duo, [a] *quæ omnia vix fortè possent sufficere ad implendum unum cophinum:* [b] *at post eleemosynam, & distributionem factam, superauere duodecim cophini fragmentorum pleni.*

[c] *Item cùm Dominus Iesus, turbis, quæ illum sequebantur, comprimeretur;* [d] *accessit retrò mulier quædam, quæ fluxum sanguinis patiebatur, iam annis duodecim,* [e] *& substantiã suam iam expenderat in medicos, absque remedio;* [f] *hæc magna cum fide accessit, & tetigit fimbriam vestimenti eius;* [g] *dicebat enim intra se, si tantum tetigero fimbriam vestimenti eius, salua ero, & statim sanata est plaga.* [h] *turbis autem tunc comprimentibus Dominum Iesum, quærebat tamen Dominus, quis ipsum tetigisset;* [i] *sensserat enim virtutem à se exisse, quæ mulierem illam cum fide ac-*

thí cho người ta ăn, có những nam cái bánh, cũ
[a] hai con cá, [a] hết, âu là chẳng đầy một thúng,
[b] [b] sao đến khi đã thí đoạn, mà chia cho kẻ đói ăn, thì thừa mười hai thúng đầy.
[c] [c] Lại có khi đức Chúa Iesu ở chật, bởi người ta theo lám: [d] mà có đấn
[d] bà nào đến bên sau cật đức Chúa Iesu, vì đã phải tất ra máu mình,
[e] mười hai nam, [e] mà của mình cho những thày thuóc chữa chùng hết,
[f] sao chẳng đã cho; [f] bà ấy thì tin lám, mà đến cầm chên áo đức Chúa
[g] Iesu. [g] vì nói ràng; tay tôi đá đến được chên áo đức Chúa Iesu, thì tôi đã, mà tức thì đã
[h] lành: [h] khi ấy người ta dộn lám, cho nên chen chật tlên mình đức Chúa Iesu, mà đức Chúa Iesu hỏi ràng: tay ai đá đến
[i] tao? [i] vì đã thấy có phép

cedentem ſanauerat; [k] *illique ſe cum timore manifeſtanti, quod Dominum tetigiſſet,* [l] *benignè reſpondit pius Dominus: Confide filia, fides tua te ſaluam fecit*; [m] *vt nos doceret, ad ipſum Dominum accedere cum fide, vt à langoribus noſtris ſanemur.* [n] *Eo ipſo tempore mortua erat Archiſynagogi filia duodennis, in domo patris.* [o] *Ingreſſus itaque Dominus Ieſus tenuit manum eius, & dixit ei: puella ſurge.* [p] *Statimq; ſurrexit puella, æquè facilè, ac ſi tantum dormiret*; [q] *Dominus enim Ieſus vitæ & mortis erat Dominus,* [r] *& æquè facilè à morte, atq; à ſomno excitare poterat, quem volebat.* [s] *Sic adoleſcentem filium vnicum matris ſuæ,* [t] *cùm iam deferretur ad tumulũ, in porta ciuitatis Nain, excitauit à mortuis;* [u] *cum*

Ngày thứ ſáu

bởi mình ra, có kẻ bà [k] ếy lão tin mà đến: [k] lại khi bà ếy nói ra, tay mình đá đến đức Chúa [l] Ieſu, mà dái; [l] đức Chúa Ieſu nhin đức, thì thưa đều lành, phán ràng: ơ con hãy cậy đệy, bởi mầy có lão tin, mầy đã [m] lành; [m] đệy dạy ta có lão tin, mà đến cũ đức Chúa Ieſu, thì chữa đã tạt ta.

[n] [n] Bấy giờ chúc ếy cầu đang nhà thánh có con nên mười hai tủêi, mà [o] chết ở nhà cha, [o] đệy đức Chúa Ieſu đẻào cầm tay con ếy, phán ràng: ơ con hãy dẹy; [p] [p] thốắt chúc con ếy thì ſống lại mà dẹy, dễ bàng [q] ngủ mà thức dẹy: [q] vì chưng đức Chúa Ieſu là Chúa khiến ſống chết [r] mạc í; [r] mà kẻ đã chết, cho ſống lại, thì dễ đươ bàng kẻ ngủ, mà cho thức dẹy.

[s] [s] Cũ có con blai, là một con mẹ nó, [t] khi đưa đón nó đi chôn, ở cửa thành Nain, đức Chúa Ieſu cho nó ſống lại; [u] vì chưnh khi

enim

enim vidiſſet Dominus matrem ipſius, quæ vidua erat, x *& funus filij cum multa turba ciuitatis comitabatur, lacrymantem,* y *miſericordia motus dixit ei: noli flere;* z *& poſtea tetigit loculum & dixit:* a *adoleſcens, tibi dico, ſurge; ſtatim ſurrexit, & reſedit qui erat mortuus, & cæpit loqui,* b *& dedit eum Dominus matri ſuæ.* c *Alia innumera miracula fecit Dominus Ieſus,* d *tum vt ſuæ doctrinæ veritatem probaret,* e *per quam homines non ſolùm ad legem Diuinam ſeruandam hortabatur,* f *ſed etiã perfectionis altiſſimæ, mũdo hactenus incognitæ, viam aperiebat:* g *tum maximè vt hominibus Diuinitatem ſuam aperiret:* h *nam eo modo ſe omnium rerum Dominum oſtendebat,* i *tum in aëre, ventis imperans,* k *tum in*

ếy đức Chúa Ieſu thấy
x mẹ nó gỏá chàõ, x mà đưa đón con, có nhều người bồi bởi thành ra, mà bà ếy khăóc lăóc,
y y thì đức Chúa Ieſu thương, mà phán ràng: ơ bà chớ khăóc làm khi:
z z đỏạn thì tay đá đến cái săng, mà phán ràng: ơ con blai, tao bảo mầy,
a hãy dẹy: a chóuc ếy con blai đã chết thì sóú lại mà dẹy ngồi, và nói ra:
b b thì đức Chúa Ieſu tlao nó lại cho mẹ nó.
c c đức Chúa Ieſu có lám phép khác nữa vồ hồi
d vô số, d và cho tỏ ra, mlời mình giảng là thạt,
e e mà bệy chẳng lọ là khuyen người ta giữ đạo đức Chúa blời,
f f mà lại mở đàng nhin đức rứt cao cho người ta, thien hạ chưa tẳng hay: g và nhít là
g cho người ta hay tỏ, đức Chúa Ieſu thạt là đức
h Chúa blời bệy: h vì chưng làm bệy thì tỏ ra, là Chúa tlên hết mọi sự, i và
i tlên gió róũ, thì sửa gió, k và tlên biển, thì làm
k

mari fluctus compeſcens, [l] *tum in hominibus ſanitates penè innumeras reddens,* [m] *interdum ſolo contactu, interdum etiam ſolo verbo:* [n] *tum in omnes dæmones poteſtatem ſuam oſtendens,* [o] *& compeſcens eos, vel iubens, vt à corporibus obſeſſis abſcederẽt,* [p] *idque non vt alij Sancti viri,* [q] *qui, vt miracula aliqua perpetrarent, orationem, & ieiunium adhibere debebãt:* [r] *at Dominus Ieſus ſolo imperio, & tanquam in omnia creata poteſtatem habens, miracula perpetrabat,* [f] *oratione non indigens, quamuis ad exemplum noſtrum, illam interdum adhiberet.*

[t] *Neque ſolùm ipſe Dominus miracula hæc perpetrabat,* [u] *ſed etiam diſcipulis ſuis ea perpetrandi poteſtatem faciebat,* [x] *vt ſupremus Rex, qui non ſolùm per ſe ipſe poteſtatem exercet in ſuos ſubditos;* [y] *ſed poteſtatem etiam*

Ngày thứ ſáu

[l] cho lạng ſáõ, [l] và tlên người ta, thì chữa đã, [m] kẻ chẳng xiết, [m] có khi thì tay đá đến mà thôi, có khi thì những mlò̀i [n] khién: [n] và tỏ phép mình [o] ra tlên mọi quỉ, [o] khi bắt chứng nó, hay là khién ra khỏi xác, kẻ phải [p] quỉ ám; [p] mà đứ̀c Chúa Ieſu làm mọi phép ấy, chẳng phải như người [q] thánh khác; [q] khi có làm phép gì, tlước thì phải cầu, cữ ăn chay, thì mớ̀i [r] được: [r] ſaõ le đứ̀c Chúa Ieſu một khién, như làm Chúa tlên hết mọi ſự ſinh ra, thì làm phép ấy, [f] [f] mà chẳng phải cầu khẩn cho được, dầu có khi thì đứ̀c Chúa Ieſu, cữ cầu khẩn, làm gường cho ta xem, mà bắt chước ấy.

[t] [t] Lại đứ̀c Chúa Ieſu chẳng lọ là mình làm phép ấy, [u] [u] mà lại cho đầy tớ, có ſứ̀c làm phép [x] lạ ấy: [x] như thể cha Chúa cả, chẳng lọ là [y] mình làm phép; [y] mà lại

com-

communicat magiſtratibus ſuis.

z *In hoc etiam Diuinitas Chriſti Domini plurimum elucebat,* a *quia intimas hominum cogitationes ita penetrabat, & perſpiciebat, ſicuti & ipſam faciem,* b *& tàm facilè arguebat malum, quod adhùc in corde latebat,* c *quàm opus ipſum externum malum.* d *Vndè aduerſarij eius, quamuis multa machinabantur; vt ipſum caperent,* e *vel in ſermone, vel in opere:* f *facillimè tamen eorum technas is eludebat.*

g *Erant autem aduerſarij Domini,* h *& plurimi & argutiſſimi inter hebræos,* i *quos Scribas, & Phariſæos nuncupabant,* k *quia ſcilicet eorum opera erant mala:* l *doctrina verò Domini erat æqua, & plana ad erudiendos omnes, etiã infimam plebem,* m *& clariſſima ad arguenda peccata:* n *& quia multi ex principibus erant varijs*

thoũ phép ấy cho kẻ trị nước thay mình.

z Lại đức Chúa Ieſu, cho người ta hay tố tường, thạt là đức Chúa blời, a khi thấy lào người ta lo thể nào, cứ tó bàng thấy mạt người bệy: b và ſự naò dữ, còn giấu tlaõ lào, cũ nghị trách, c bàng việc lỗy đã làm ra bề ngoài: d cho nên dù mà kẻ hủy báng đức Chúa Ieſu, làm dều chước, mà buộc lại, e hay là mlời nói, hay là việc làm: f ſaõ le đức Chúa Ieſu thì ra dễ lám, mà khỏi mọi chước ấy.

g Dầu kẻ hủy báng đức Chúa Ieſu, h và nhều lám, và kẻ rứt quỉ quái tlaõ Iudæa, i là kẻ hay chữ nghĩa, gọi là Scribæ, cũ Phariſæi: k vì chưng việc nó lám thì dữ: l mà mlời đức Chúa Ieſu giảng thì bàng, và dễ dẽ ạy thien hạ, dù là kẻ mọn tlaõ dên, m cũ rứt ſáng, mà ſửa ſự lỗy: n ſaõ

paccatis onerati, ° *oderãt lucem, quam Christus Dominus præ se ferebat*, ᵖ *tum in vitæ Sanctitate, tum in admirabili doctrina; ᵠ propter quæ populus illum venerabatur*, ʳ *& relictis Phariſæis, illum ſequebatur.* ˢ *Hoc autem maiorẽ inuidiam in Phariſæis, & Scribis excitabat*, ᵗ *ita vt calumnijs coram populo famam Domini curarent proſcindere*, ᵘ *præcipuè ſub ſpecie pietatis & Religionis.* ˣ *Cùm enim Dominus maximè in Sabbathis plebem erudire curaret*, ʸ *& ſæpè infirmi accederent, vt curarentur in Sabbatho*; ᶻ *Dominus Ieſus eorum miſeratus in Sabbatho etiam multas curationes præſtabat.* ᵃ *Sic mulierem quandam, ex malitia dæmonis miſerabiliter incuruatam, iam ab annis decem & octo*, ᵇ *ita vt omninò ſurſum non poſſet aſpicere*,

Ngày thứ ſáu

le vì kẻ cả có gánh tội ° nhều, ° thì ghét ſáng, đức Chúa leſu đam cho, ᵖ ᵖ và việc mình làm, những ſự thánh, và mlòi ᵠ giảng ſáng rứt mực, ᵠ cho nên dền thì kính đức ʳ Chúa Ieſu. ʳ mà theo rầm rầm, bó Phariſæo ˢ là thày cũ ếy. ˢ Mà làm ᵗ bệy Scribæ, và Phariſæi càng ghen ghét đức ᵗ Chúa leſu; ᵗ cho nên bỏ ᵘ vạ mà ᵗ bệy muấn làm cho đức Chúa Ieſu mất ᵘ tiếng cũ ngườòi ta, ᵘ nhít là bỏ vạ ſự việc thờ. ˣ ˣ Vì chưng khi đức Chúa Ieſu, nhít là ngày ʸ thứ bảy, thì dễạy dễỏ ʸ dên mược ếy, ʸ mà nhều ᶻ lần ngườòi đau náng thì đến ngày thứ bảy, cho ᶻ được lành lại; ᶻ đức Chúa Ieſu thưâng xót ᵃ ngườòi ta, ngày thứ bảy có làm nhều ngườòi đau ᵃ cho ra lành. ᵃ Như thể có đần bà naò, bởi ma ᵇ quỉ dữ làm cho cội mình xuống, đã mườòi tám nam, mà thưâng hại, ᵇ cho nên coi lên cháng được ſốt: đức Chúa Ieſu thấy

miſeri-

miſericorditer ſanauit in ſabbatho: [c] *ſic etiam homini manum aridam habenti ſanitatem reſtituit in Sabbatho:* [d] *cùmque murmurarent,* [e] *imò & iraſcerentur miſeris illis,* [f] *quod in ſabbatho venirẽt vt ſanarentur;* [g] *ſub prætextu religionis, dicentes:* [h] *ſex dies ſunt in quibus licet operari, in his venitè & curamini,* [i] *non autem in Sabbatho, in quo non licet operari.* [k] *At benignus Dominus, eorum ſictam religionem confundens, vt eorum mentes etiam ſanaret, aiebat,* [l] *nunquid iumentum veſtrum ſi in foueam ceciderit in Sabbatho, illud extrahitis?* [m] *aut etiam ſoluiſtis vt ducatis adaquare in Sabbatho?* [n] *Quare igitur indignamini, ſi filiam Abrahæ, quam iam decem & octo annis ſathanas alligauit, in Sabbatho ſoluo?*

bệy, thì thương, mà cho
[c] đã ngày thứ bảy; [c] cũ
có đẫn oũ naò phải tay
mình héo đi, mà đức
Chúa Ieſu cho lành, cũ
[d] là ngày thứ bảy: [d] khi
ấy kẻ ghen ghét đức
Chúa Ieſu thì nói hành,
[e] [c] mà lại gện máng kẻ
[f] đau náng khốn nạn, [f] ſao
đến ngày thứ bảy, cho
[g] được lành, [g] như thể
phạm ngày lễ lạy, mà
[h] ràng: [h] có ſáu ngày thì
nên làm việc, ngày ấy
bay hãy đến, cho được
[i] lành, [i] mà ngày lễ, khi
chẳng nên làm việc, thì
[k] chớ đến. [k] Saõ le đức
Chúa Ieſu nhin lành, thì
bắt nó mà tỏ ra, phép
nó thờ làm bệy, là phép
[l] dối, phán ràng: [l] ví bàng
tlâu bò bay phải ngã tlaõ
[m] lõ ngày thứ bảy, chẳng
lấy ra, mà để bệy ru?
[m] hay là chẳng mở dẫy
[n] nó ra, mà đam nó ũấng
[n] nước ru? [n] mà vì ſao có
gện giũy, khi tào mở đàn
bà này, cũ là con oũ Abraham, lự ma quỉ đã mười tám

[o] *Cùm-*

o *Cùmq; nihil haberẽt, quod reſponderent magis inuidia torquebãtur:* p *at populus mirè gaudebat in vniuerſis, quæ gloriosè fiebant ab eo.* q *Erat autem Hieroſolimis probatica piſcina, quinque porticus habens,* r *in quibus iacebat magna multitudo languentium, cœcorum, aridorum expectantium aquæ motum,* f *Angelus enim Domini deſcendebat de cælo, & piſcinæ illius aquam mouebat,* t *tum qui primus, poſt aquæ motum, in illam deſcendiſſet piſcinam,* u *à quacunque tandem infirmitate detentus fuiſſet, ſtatim liberabatur:* x *cùmq; Dominus Ieſus, pro ſua pietate,* y *locum illum languentium quadam vice inuiſeret, vidit ibi hominem paraliticum,* z *triginta & octo annos habentem in infirmitate ſua:* a *hunc interrogauit beni-*

o năm có buậc nó lại? o mà khi đức Chúa Ieſu nói làm ꝺ̷ệy, kẻ hủy báng chẳng biết là thưa làm ſao, mà càng chịu hình p ghen ghét ꝺ̷ệy, p ſaõ le dên mòng bọi phần, vì mọi ſự đức Chúa Ieſu làm, cho cả ſáng ꝺ̷ệy.

q q Lại có tlaõ thành Ieruſalem ao thiêng, mà quanh ao ấy có nam cái r chái nhà, r nhữ-ng kẻ đau náng, tối mạt, què chên, què tay, yếu liệt thế naò nàm đấy, mà đợi nước f ao ấy có đọũ: f vì có thiên thần đức Chúa blòi ſai bởi blòi mà xuống, làm cho nước ao ấy đọũ t t mà nược ấy đọũ đỏạn, ai xuống tlaõ ao ấy tlước, u có phải đau khốn thế naò, thế naò, bóũ choúc thì được lành: x x có ngày naò đức Chúa y Ieſu thương, y ꝺ̷ẽaò viếng kẻ đau ở non ấy, mà coi thấy có người naò z blẹt hết chên tay, z đã ba mươi tám nam, có phải liệt làm ꝺ̷ệy. a mà đức Chúa Ieſu làõ rứt nhin, có hỏi nó, mấy muống đã

gnus

gniſſimus Dominus, vis ne ſanus fieri? [b] *at ille reſpondit, ſe hominem non habere, qui iuuaret,* [c] *ad hoc vt ad aquæ motum poſſet citò in aquam deſcendere;* [d] *cùm enim ipſe eſſet paraliticus, aliu præueniebat,* [e] *nec vnquam ſanari potuerat:* [f] *ſtatimque pius Dominus miſericordia motus, ait illi:* [g] *ſurge, tolle lectum tuum, & vade in domum tuam:* [h] *tunc miſer ille per viuifica Domini verba,* [i] *confortatus, ſubitò conualeſcens, ſurrexit alacris, ac viribus integris,* [k] *tulit lectum ſuum, iuxtà præceptum Domini, & ibat in domum ſuam:* [l] *erat autem dies ille Sabbathi,* [m] *Cùm igitur illi peruerſi zelatores,* [n] *eum in Sabbatho lectum ſuum ferentem vidiſſent,* [o] *reprehenderunt acritèr, quod Sabbathũ non cuſtodiret:* [p] *at ille, tutare ſe volens ab eo-*

[b] cho lành chang? [b] nó thì thưa ràng; tôi lạy oũ, tôi chẳng có ai giúp tôi, [c] cho đến khi nước đọũ, tôi xuống cho cháo; [d] vì chưng khi tôi blạt chên tay làm dệy, kẻ khác thì xuống tlược, [e] mà tôi bấy lâu năm chẳng đươc lành: [f] thỏát chóuc đức Chúa Ieſu nhin lành, mà thưâng xót nó, phán ràng: [g] mầy dệy, vạc lếy giưầng mày, mà về: [h] chóuc ếy người liẹt có mlòi đức Chúa Ieſu làm cho người ta ſóũ lại, [i] cho nó bửng bàng, mà tức thì đã lành dệy khỏế mạnh, [k] vạc giưởng mình, bàng mlòi đức Chúa Ieſu phán, mà đi về nhà mình: [l] ngày ếy thì phải ngầy thứ bảy, là ngày lễ. [m] mà nhũng đứa quỉ quái ếy hủy báng đức Chúa Ieſu, [n] thấy nó ngày lễ vạc giưởng mình, [o] thì máng nó gia giết, ſao chẳng giữ ngày lễ, [p] mà nó muốn chữa mình, cho khỏi mlòi máng | [p]

rum iniqua reprehenſione,
q ita imperatum ſibi dixit, q
ab eo qui ſanum illum fe-
cerat verbo ſuo. r *Cùmq;* r
illi rurſus interrogarent,
quiſnam ille eſſet qui Sab-
bathum non cuſtodiebat?
f ipſe autem ſanus factus f
nondum noſſet ipſum Domi-
num, t *quia is data opera* t
declinauerat à turba, u *non* u
enim gloriam propriam
quærebat Dominus, x *tunc* x
ergo phariſæis, qui ſanus
factus erat, Ieſum non ma-
nifeſtauit: y *at paulò poſt,* y
cùm obuiam illi factus Do-
minus illum monuiſſet, z z
vt nollet amplius peccare,
ne ipſi deterius aliquid con-
tingeret: a *ſignificans ni-* a
mirum nobis infirmitates
corporis, & alia flagella,
propter peccata ſæpè nobis
euenire. b *Tunc ille ſanus* b
factus manifeſtauit Iudæis
Dominum Ieſum feciſſe
ipſum ſanum; c *quod tantò* c
magis eorum in Dominum,

Ngày thứ ſáu

q gian ấy, thì ràng: q có
làm thế ấy vì có mlời
người nói một đều làm
cho nó lành, đã khiến
r nó làm vậy: r mà bấy
đứa ấy lại hỏi; mà ngư-
ời chẳng có giữ ngày
f lễ là ai? f ſaõ le khi ấy
người đã lành chưa
t biết đức Chúa Ieſu, t vì
chưng đức Chúa Ieſu
đã có í tlánh người ta
u độn, u vì chẳng có tìm
cho người ta khen mình,
x x vì vậy người đã lành
ấy chẳng có tỏ ra khi
ấy đức Chúa Ieſu cho
y kẻ hủy báng: y ſaõ le
đến ſao khi đức Chúa
Ieſu gặp nó, mà bảo nó
z phán ràng, z chớ phạm
tội nữa, keỏ phải sự
gì càng khốn hơn nữa:
a a phán vậy cho ta biết,
sự phải liệt, và phải tai
va khác, có đến ta nhều
b lần vì tội ta. b Khi ấy
người được lành thì tỏ
ra cũ thàng Iudæo, đức
Chúa Ieſu làm cho nó
lành: c mà bấy thàng ấy, mlẽ thì càng phải kính c

quem

quem ob tam inſignia miracula, & virtutes venerari debuerant, [d] *inuidiã,* [d] *inſtigante diabolo, excitabat.*

[e] *Similiter aliud miraculum ingens Dominus Ieſus in Sabbatho facere voluit,* [f] *ex quo, ſi vellent, poſſent clarè inuidioſi iſti, Diuinam poteſtatem in Domino agnoſcere,* [g] *niſi excæcarentur inuidia & liuore.*

[h] *Erat tunc quidam cæcus à natiuitate, communiter notus,* [i] *hunc cùm vidiſſent diſcipuli quærebant à Domino:* [k] *Quis peccaſſet, hic, aut parentes eius, vt cæcus naſceretur?* [l] *ad quos benignè reſpondit Dominus: Neque hic peccauit, neque parentes eius,* [m] *ſed vt manifeſtentur opera Dei in illo.* [n] *Tunc expuens in terram Dominus Ieſus, fecit lutum, & liniuit oculos cæci nati,* [o] *& præcepit il-*

đức Chúa Ieſu, vì có làm
[d] phép cả làm ḍệy: [d] ſaõ
le nó càng ghen ghét
đức Chúa Ieſu, bởi ma
quỉ giục lảõ nó ḍệy.
[e] [e] Lại đức Chúa Ieſu
ngày thứ bảy khiến làm
[f] phép cả khác nữa, [f] mà
kẻ ghen ghét có muốn,
thì đươc hay tỏ tường
đức Chúa Ieſu thạt có
[g] phép đức Chúa blời, [g]
nếu lảõ ghen ghét chẳng
làm cho nó càng tối tăm.
[h] [h] Khi ấy có người nào
tối mạt khốn đẻ ra, mà
người ta đã quen biét.
[i] [i] đấy tớ cả thấy thì hỏi
đức Chúa Ieſu ràng: lạy
[k] đức Chúa Ieſu, [k] ai có
tội, người nấy, hay là
cha mẹ người nấy, cho
nên đẻ ra rồi mạt làm
[l] ḍệy? [l] mà đức Chúa
Ieſu nhin lành phán ràng,
[n] chẳng phải bởi tội nó,
cũ chẳng phải bởi tội
cha mẹ nó, cho nên làm
[m] ḍệy, [m] ſaõ cho phép
đức Chúa blời ra ſáng bởi nó. [n] khi ấy đức [n]
Chúa Ieſu giõ ra tlên đất làm lấm, mà lấy lấm
[o] xức con mắt người ấy đẻ ra tối mạt, [o] ſau thì phán

li, vt iret ad natatoria Siloe, quod interpretatur Missus, & ibi lauaret oculos: p *quod promptè exequens cæcus, iuit, lauit, & statim visum recepit.* q *Hunc aspicientes aliqui videntem, quem priùs cæcum nouerãt, mirabantur,* r *alij verò dicebant, quia similis quispiam illi erat, non autem cæcus à natiuitate:* s *at cæcus dicebat, quia ego ipse sum à natiuitate cæcus.* t *Duxerunt ergo illum ad Pharisæos, qui interrogabant an esset cæcus à natiuitate, & quomodo nunc videret?* u *narrauit fideliter bonus cæcus, quod illi acciderat,* x *nempe Dominum Iesum fecisse lutum, & liniuisse oculos eius,* y *præcepisseque vt lauaret ad natatoria Siloe,* z *iui, inquit, & laui, & video.* a *Non crediderunt inuidi illi quod fuisset cæcus à natiuitate, donec vocauerunt parentes eius il-*

Ngày thứ sáu

đi nơi lội gọi là, Siloe, nghĩa là, sai vien, mà rửa
p con mắt đếy: p người tối mạt thì làm thế ếy
cho cháõ, có đi, có rửa, mà tức thì sáng con mắt
q ra: q kẻ đả biết thước là tối mạt, mà bấy giờ
r thấy sáng thì hãi: r kẻ khác ràng, chẳng phải
người để ra tối mạt đau, âu là người cũ giống mạt
s ếy mà chớ: s mà người thước là tối mạt thì ràng:
t tói là kẻ tối mạt khổ để giốuc. t ếy có đam
người đi cho kẻ làm thày ở nước ếy, gọi là
u Pharisæi, mà Pharisæi hỏi, phải là tối mạt khổ
đế chang? mà bấy giờ
u sáng làm sao? u người thì kế ngay mọi sự làm
x sao, x khi đức Chúa Iesu làm lếm, mà xức con
y mạt cho, y sau thì khiến rửa ở nơi lội Siloe,
z z ràng: tôi đã đi, tôi đã rửa, mà tôi sáng ra ếy.
a a những đứa ghen ghét ếy chẳng tin là người
tối mạt khổ đế, cho đến gọi cha mẹ người, mà hỏi

losque

loſque interrogauerũt, [b] *an ille eſſet ipſorum filius, à natiuitate cæcus, & quomodo nunc videret?* [c] *parentes candidè quidem reſponderunt, eum ipſum eſſe illorum filium, à natiuitate cæcum.* [d] *at Phariſæorum offenſionem timentes, quomodo autem nunc videat, inquiunt, nos neſcimus,* [e] *ipſum interrogate, quia ætatem habet, ipſe loquatur de ſe ipſo, quid illi acciderit:* [f] *vocauerũt ergo rurſum hominem, qui fuerat cæcus, & dixerunt ei,* [g] *da gloriam Deo, nos ſcimus quia hic homo peccator eſt,* [h] *vt ſcilicet famam Domini mendacijs ſuis denigrarent:* [i] *at qui fuerat cæcus reſpondit: ſi peccator eſt neſcio,* [k] *vnum ſcio, quia cùm cæcus eſſem modò video.* [l] *Dixerunt ergo illi: quid fecit tibi? quomodo aperuit tibi oculos?* [m] *Reſpondit eis dixi*

[b] ràng: [b] đứa nầy phải con bay, mà nó tối mạt khỏ đé ra chang? làm sao bây giờ cho nó sáng? [c] cha mẹ thì thưa ngay, ràng: that là con chúng tôi, mà [d] khỏ đé thì tối mạt: [d] sã le khi dái mất lào các thày ẽy, thì ràng: bây giờ con mắt nó sáng ra thế nào, chúng tôi [e] cháng hay: [e] phu oũ thì hỏi nó, vì tuổy nó đã mlớn, nó thưa sự làm cho nó thế naò: [f] khi ẽy lại gọi lại người đã tối mạt tlước, mà nói cũ ràng: [g] hãy làm cho đức Chúa blờ̀i cả sáng, ta đã hay, người ẽy là ké [h] có tội: [h] nó nói dối bẹy, bố vạ cho đức Chúa Iesu mất tiếng: [i] sã le người tối mạt tlước thưa ràng: người có tội chang, toi cháng hay, [k] [k] sã một sự nầy tôi hay, tlước thì toi tối mạt, mà [l] bay giờ tôi đã sáng. [l] bẹy các thày ẽy lại hỏi ràng: có làm cho mầy đí gì? có mở con mắt mày lam sao? [m] người thưa ràng: toi đã nói ra cũ pho [m]

vobis iam, & audiſtis : quid iterum vultis audire? n *nunquid & vos vultis* n *diſcipuli eius fieri?* o *Maledixerunt ergo ei, & dixerunt. Tu diſcipulus illius ſis: nos autem Moyſi diſcipuli ſumus.* p *Nos ſcimus quia Moyſi locutus eſt Deus: hunc autem neſcimus vnde ſit.* q *Reſpondit ille homo, & dixit eis: In hoc autem mirabile eſt, quia vos neſcitis vnde ſit, & aperuit meos oculos.* r *Scimus autem quia peccatores Deus non audit:* s *ſed ſi quis Dei cultor eſt, & voluntatem eius facit, hunc exaudit.* t *A ſæculo non eſt auditum, quia quis aperuit oculos cæci nati,* u *niſi eſſet hic à Deo, non poterat facere quicquam.* x *Reſponderunt, & dixerunt ei, nempe iuxtà ſuperbiam ſuam exprobrantes:* y *in peccatis, inquiunt, natus es totus, & tu doces nos?* z *Et eiecerunt eum*

Ngày thứ ſáu

oũ, mà mứn nghe lại
n làm chi? n có muốn làm
đầy tớ oũ ếy chang?
o o bấy giờ Phariſæo có
rủa người ếy ràng: mầy
làm đầy tớ oũ ếy, ta là
p đầy tớ oũ Moyſe; p ta
đã hay, đức Chúa blờ̀i
có nói cũ oũ Moyſe,
oũ nây bở̀i đâu mà có
q ta chẳng hay. q Người
ếy thưa ràng: ſự nầy ſự
là, phô oũ chẳng biết oũ
nầy bở̀i đâu, ſaõ le đã
mở̀ dược con mắt tòi:
r r mà ta đã hay, đức
Chúa blờ̀i bủân chẳng
s nghe kẻ có tội: s ſaõ ai
thờ̀ đức Chúa blờ̀i cho
t nên, và theo í đức Chúa
blờ̀i, thì đức Chúa
u blờ̀i nghe người ếy: u
xưa nay chưa thấy, có
ai mở̀ con mắt kẻ đã
x u đẻ tối mạt, u mà người
ếy chẳng phải bở̀i đức
Chúa blờ̀i, làm đí gì
y x chẳng đườc. x Các thầy
thì thưa đều kieu nghạo,
z mà xỉ vả người ràng:
y y blót mầy đẻ ra tlaõ tội,
mà mầy dẽạy ta ru? z bấy giờ̀ xua người ra ngõài:

foras:

foras: quia ſcilicet eius argumentum clariſſimum ſoluere non poterant, [a] *quo euidenter ipſis oſtendebat, ex illo tam inſigni miraculo, neceſſariò illos debere inferre Dominũ Ieſum eſſe à Deo:* [b] *quod illi propter nimiam cæcitatem ſuã, & inuidiam inauditam, nolebant fateri.* [c] *Audiuit benigniſſimus Ieſus, quia eiecerunt eum foras,* [d] *& cùm inueniſſet eum, dixit ei: Tu credis in Filiũ Dei?* [e] *& dixit ipſe, quis eſt Domine, vt credam in eum?* [f] *Dixit ei Ieſus, & vidiſti eum: & qui loquitur tecum, ipſe eſt.* [g] *At ille ait, Credo Domine, & procidens adorauit eum.* [h] *Et dixit ei Ieſus, in iudicium ego in hunc mundum veni.* [i] *vt qui non vident videant: & qui vident cæci fiant.* [k] *Quia nimirum, qui per humilitatem cognoſcentes ignorã-*

vì chưng mlẽ rứt tó người nói, nó khỏi
[a] chẳng đượᴄ, [a] vì cho nó xem tỏ tường bởi có phép lạ mlớn làm vậy, nó thì phải lüên mlẽ thạt, đức Chúa Ieſu có phép ấy, bởi đuc Chúa blời:
[b] [b] mà sự ấy vì nó tối tam, ghen ghét đức Chúa Ieſu, nó chẳng khứng xưng
[c] ra. [c] khi ấy đức Chúa Ieſu rứt nhin, đã nghe thấy, đã xua người ra,
[d] [d] đến khi gạp người thì phán ràng: mầy có tin Con đức Chúa blời
[e] chang? [e] mà người ấy ràng: tôi lạy oũ, hãy giảng Con đức Chúa blời là ai, cho tôi đượᴄ tin?
[f] [f] đức Chúa Ieſu phán ràng: mầy đã thấy, mà ai nói cữ mầy, ấy là Con
[g] đức Chúa blời: [g] bấy giờ người ấy ràng: tôi lạy Chúa tôi tin: cữ có cui đầu xuống đất, mà
[h] lạy: [h] đức Chúa Ieſu phán ràng: tao đã ra đời đến phán xét thế nầy, [i] cho kẻ tối mạt đượᴄ sáng thấy, | [i]
mà kẻ sáng thấy ra tối mạt chẳng. [k] Vì chưng kẻ khiem | [k]

tiam

tiam suam, se Diuinæ subiiciunt voluntati, [l] *à Deo illuminantur, & iuuantur, vt per viam mandatorum incedentes, ad claritatem, & vitam perueniant æteruam:* [m] *qui verò per superbiam, sapientiæ propriæ fidentes, nolunt admittere Dei Verbum,* [n] *in multà peccata ruentes, ita fiunt cæci, vt in præcipitiũ tandem æternæ mortis ruant,* [o] *vt impij & superbi Pharisæi, qui Christi Domini lucem, per tot, & tam insignia miracula manifestatam, admittere nolentes,* [p] *cæci facti sunt, & in damnationis eternæ ruinam tandem sunt lapsi.*

[q] *Cùm igitur quærerent Pharisæi, & Scribæ modum quo Dominum Iesum occiderent,* [r] *& nondum aduenisset illud tempus, in quo Dominus Iesus statuerat vitam dare pro nostra omnium salute,* [f] *talia operabatur miracula, quæ quamuis ipsius Diuinitatem satis manifestarent,*

nhưng xưng mình là dại dọt, mà theo í đức [l] Chúa blời, [l] thì đức Chúa blời cho sáng, và giúp cho, mà bẽy theo đẳng mlời răn, thì được sáng, và hàng sóũ bẽy. [m] [m] Mà kẻ kieu ngạo, cậy mình khôn ngoan, lại chẳng chịu phép đức [n] Chúa blời, [n] thì phạm tội nhều, cho nên tối tam, mà đến sau thì sa [o] xuống lỗ chết vô cũ: [o] như thế Pharisæo đữ, và kieu ngạo, mà chẳng chịu sáng đức Chúa Iesu, đã tỏ ra có nhều phép [p] cả làm bẽy, [p] thì ra tối tam, cho nên đến sau có ngã noi khôn nạn vô cũ. [q] [q] ẽy bẽy mà khi ẽy Pharisæi và Scribæ là các thầy nước Iudæa, có tìm thế naò mà giết cho được đức Chúa Iesu, [r] [r] khi chưa đến ngày đức Chúa Iesu đã định chịu chết cho chúng toi [f] được lành hết: [f] có làm phép lạ chũng ẽy, cho

t non tamen impedirent
Paſſionem eius ſanctiſſimã,
quam tantopere cupiebat.
u receſſit ergo à Iudæa in
Galilæam, vt tempus ſuũ
impleret, x doctrinamque
cæleſtem quotidie clariùs
docebat, y incedens per vi-
cos, & caſtella; virtutes
etiam innumeras faciebat.
z Voluit etiam gloriæ ſuæ
partem oſtendere aliquibus
diſcipulis ſuis; a cùm enim
aſcendiſſet in montem quẽ-
dam, qui dicitur Thabor,
b tres tantùm diſcipulos,
quos maximè diligebat,
ſecum eſſe permiſit, c &
transfiguratus eſt ante il-
los: d facies enim eius reſ-
plenduit ſicut ſol, & ve-
ſtimenta eius facta ſunt
alba ſicut nix: e & appa-
ruerunt Moyſes, & Elias
loquentes cum illo de ex-
ceſſu, quem completurus
erat in Ieruſalem: f cùm-
que inter diſcipulos Petrus
videns illum Chriſti Do-

nên người ta hay, thạt
t là đức Chúa blời, t ſaõ
le cháng có phải trố-
chịu tội, đức Chúa Ieſu
u có ước lám. u ☩ bệy thì
đức Chúa Ieſu đề xứ
Iudæa, mà đến xứ Ga-
lilæa, cho no ngày tháng
x mình, x mà một ngày
một giảng đạo thánh,
y càng tỏ tưởng, y ☩ bẽào
làng nọ, thành kia, và
làm phép nhều, kẻ cháng
z xiét. z khi ấy cũ tŏan
cho đầy tớ cả xem thấy
a phẩn ☩ bui ☩ bé, a mà có
lên tlên núi naò, gọi là
b Thabor: b ſaõ le có chọn
ba đầy tớ cả mấy, là
kẻ đức Chúa Ieſu yêu
c hơn, mà cho ở cũ: c
chóuc ấy đức Chúa Ieſu,
tlước mạt ba đầy tớ ấy,
d thì ra hình khác, d vì
chưng mạt ſáng ra như
mạt blời, mà áo thì ra
e tláng rứt mục: e cũ thấy
oũ Moyſes, và oũ Elias
nói khó cũ đức Chú-
Ieſu, ſư traõ đức Chúa
f Ieſu tŏan chịu ngày ſau, ở thánh Ieruſalem: f khi ấy
tlaõ đầy tớ cả oũ thánh Pedro thấy đức Chúa Ieſu

mini gloriam, & gaudens diceret, bonum eſt nos hic eſſe, g *audita eſt ſtatim vox Dei de nube dicens: hic eſt Filius meus dilectus,* h *in quo mihi benè compla-cui, ipſum audite?* i *hac voce territi diſcipuli ceciderunt in facies ſuas.* k *Moniti poſtea à Domino, vt ſurgerent,* l *neminem viderunt, niſi ſolum Ieſum, qui præcepit eis, vt nemini dicerent viſionem,* m *donec ipſe Dominus à mortuis ſurrexiſſet,* n *nolebat enim, vt paſſioni ſuæ, quam ardentiſſimè deſiderabat, pro ſalute noſtra, vllum apponeretur impedimentũ:* o *imò Petrum, alioqui chariſſimum Apoſtolum, acriter reprehendit, quod paſſionem, & mortem diſſuaderet.*

p *Cùm igitur tempus aduenire, in quo pro ſalute noſtra mori decreuerat Dominus Ieſus,* q *hac occa-*

Ngày thứ ſáu

cả ſáng làm chệy, thì mòng rở, ràng: chúng toi ở đây thì tốt chui, g g thŏát chóuc nghe thấy tiếng đức Chúa blòi, bối cái mây ra phán h ràng: h nầy là Con tao mến, mà lào tao lếy làm yêu, bay nghe lếy mlới i Con tao. i đầy tớ cả nghe thấy tiếng ếy thì ſợ, mà ngã sấp mạt xu- k ống. k đến khi đức Chúa Ieſu bảo ba đầy tớ l cả dệy, l chẳng thấy ai, thấy còn một đức Chúa Ieſu phán, ſự đã thấy m chớ nói cữ ai, m cho đến tao bởi chết, mà ſống lại: n n vì chưng đức Chúa Ieſu ước chịu tội cho chúng tôi lành, mà chẳng cho nói ſự ếy ra, keỏ trợ o việc mình chịu tội: o mà lại oũ thánh Pedro, là đầy tớ cả đức Chúa Ieſu yêu lám, mà khi can giấn ſự chịu tội chịu chết, đức Chúa Ieſu thì cŏỏ làm.

p chệy khi đã gần ngày đức Chúa Ieſu đã định chịu q chết, cho chúng tôi được lành, q có lếy mlẽ nầy

ſione redijt in Iudæam.
r *Lazarus vir primarius,* r
Domino perfamiliaris, & amicus, obierat abſente Domino: f *illum igitur,* f
quamuis iam in ſepulchro quatriduanum, à mortuis ſuſcitare ſtatuit, t *vt omninò inexcuſabiles eſſent eius aduerſarij,* u *ſi viſo,* u
& audito tanto prodigio, non crederent in ipſum.
x *Adueniẽte itaq; Domino,* x
Magdalena, & Martha ſorores Lazari, lacrymabãtur, & dicebant: y *Domine* y
ſi fuiſſes hic frater noſter, non fuiſſet mortuus: z *illis* z
complorans Dominus ad ſepulchrum pergit, a *& aperto ſepulchro fœtentem iam* a
inuenerunt, tam ſorores, quàm alij multi Iudæi, qui aduenerant, vt ſorores conſolarentur, b *aliqui etiam* b
dicebant; Non poterat hic, qui aperuit oculos cæci nati, facere vt Lazarus non moreretur? c *Tunc Domi-* c

mà bỏ về xứ Iudea.
r Có oũ Lazaro là kẻ cả, và có nghĩa cũ đức Chúa Ieſu, phải qua đòi khi váng mạt đức Chúa
f Ieſu, mà khi đã chôn oũ ấy đã bón ngày, thì đức Chúa Ieſu khiến cho
t ſống lại, cho kẻ hủy bàng chẳng có chửa mình đươc làm ſao,
u khi coi thấy, hay là nghe phép traõ làm dệy, mà chẳng tin đức Chúa Ieſu.
x khi đức Chúa Ieſu mới đến, bà Magdalena, cũ bà Martha, là chị em oũ Lazaro, thì cháoc laóc,
y mà ràng: y chúng tôi lạy đức Chúa Ieſu, ví bàng có đức Chúa Ieſu ở đây, anh chúng tôi chẳng có
z phải chết: z khi ấy đức Chúa Ieſu cũ kháoc dồi, mà đi noi có chôn oũ
a ấy; a đến khi mở ra, thấy hôi hám làm: có chi em oũ ấy, và nhều Iudæo có
b đến an üi pho bà ấy: b cũ có kẻ nói ràng; ngươi có mở con mát kẻ để ra tối mạt, chẳng làm được cho oũ Lazaro chẳng chết ru? c khi ấy đức c

nus Ieſus eleuatis in cęlũ oculis dixit, [d] *Pater gratias ago tibi, quoniam audiſti me.* [e] *Ego autem ſciebam, quia ſemper me audis,* [f] *ſed propter populum, qui circumſtat dixi, vt credant, quia tu me miſiſti:* [g] *hæc cum dixiſſet, voce magna clamauit, Lazare veni foras.* [h] *Et ſtatim prodijt, qui fuerat mortuus,* [i] *ligatus pedes & manus inſtitis, & facies illius ſudario erat ligata.* [k] *Dixit eis Ieſus, ſoluite eum, & ſinite abire.* [l] *Multi ergo ex Iudæis, qui venerant ad conſolandum Magdalenam & Martham ſorores,* [m] *& viderant, quæ fecit Ieſus, crediderunt in eum.*

[n] *Facto autem hoc tam inſigni miraculo, quo ſuſcitauit à mortuis Dominus Ieſus Lazarum quatriduanum,* [o] *tantum abeſt vt*

Ngày thứ ſáu

Chúa Ieſu, có ngửa lên con mắt tlên blời, mà ràng; [d] Con lạy đức Cha, Con cám ơn đức Cha, vì đức Cha đã nghe Con, [e] mà Con đã hay đức Cha có nghe Con [f] lien, [f] ſaõ Con nói ḅệy, vì người ta có đứng quanh quế đây, cho nó tin đức Cha đã ſai Con. [g] [g] Nói ḅệy đõạn, đức Chúa Ieſu thì kêu cả tiếng phán ràng: Lazaro [h] ra khỏi đây: [h] bấy giờ tức thì oũ Lazaro, đã chết ngày tlước, ra khỏi [i] mả ſóũ lại, [i] hãy còn dệy buộc chên tay, cũ có khan buộc mạt oũ ệy. [k] [k] Mà đức Chúa Ieſu phán ràng: hãy mở dệy cho oũ ệy, mà cho đi mạc [l] làõ. [l] Khi ệy có nhều người ludeo đến an üi hai chi em Magdalena, [m] và Martha; [m] mà thấy phép đức Chúa Ieſu làm, thì tin kính đức Chúa Ieſu.

[n] đến khi đức Chúa Ieſu đã làm phép cả, cho oũ Lazaro đã chết bốn ngày, mà ſóũ lại đõạn; [o] kẻ hủy báng

conuer-

conuerterentur ad Dominum aduerſarij eius, P *quin imò audientes hoc tam euidens Diuinitatis ſignum,* q *collegerunt Pontifices & Phariſæi concilium, & dicebant.* r *Quid facimus, quia hic homo multa ſigna facit?* ſ *ſi dimittimus eum ſic, omnes credent in eum:* t *& veniẽt Romani & tollent locum noſtrum & gentem.* u *Vnus autem ex ipſis Caiphas nomine, cùm eſſet Pontifex anni illius, dixit eis,* x *Vos neſcitis quicquam, nec cogitatis, quia expedit vobis, vt vnus moriatur homo pro populo, & non tota gens pereat.* y *hoc autem à ſemetipſo non dixit: ſed cum eſſet Pontifex anni illius, prophetauit,* z *quod Dominus Ieſus moriturus erat pro gente:* a *& non tantum pro gente, ſed vt filios Dei, qui erant diſperſi, congregaret in vnum.* b *Ab illo ergo die cogitabant, vt in-*

chẳng lọ là chẳng bỏ về cũ đức Chúa Ieſu, P mà lại khi máng tiếng phép cả ấy, là dẽâù đức Chúa blòi tó tưâng lám, q thì các thày cũ Phariſæo họp cũ nhau, mà ràng: r ta tŏan sự ngưòi nây sao làm nhều phép lạ thể ấy? ſ nếu ta để làm bậy, cả và thien hạ thì tin lấy: t bậy ngưòi nưóc Roma thì đến mà cất lấy nơi, và dên ta. u Mà có một gọi là Caiphas, nam ấy có làm thày cả, nói ra làm bậy, x ràng: x bay chẳng biết đí gì, mà chẳng lo, vì chưng một ngưòi chết, thay vì dên, cho kẻo các dên hư, thì nên: y mà đều ấy chẳng có nói ra bởi minh, ſaŏ vì làm thày cả nam ey, có chịu ſâm truyền, mà nói bậy, z vì đức Chúa Ieſu có dẽ-ọn chịu chết vì dên, a mà chẳng nhữ̃ng vì dên, lại cho các con đức Chúa blòi, đã tan tái, hộp lại làm một. b bậy tù ngày ấy Iudæo thì lo tŏán giết

terficerent eum. [c] *Iesus ergo interim diem triumphi sui expectans,* [d] *iam non in palam ambulabat apud Iudæos,* [e] *sed abiit in regionem iuxtà desertum in ciuitatem, quæ dicitur Ephrem,* [f] *& ibi morabatur cum discipulis suis tantisper,* [g] *dum solemnis dies Paschæ præstitutus ad passionem suam aaueniret.* [h] *Quin etiam cùm viderent aduersarij Domini, quod multi ex Iudæis crederent in ipsum,* [i] *propter Lazarum, quem à mortuis Dominus tam mirabiliter suscitarat,* [k] *cogitabant vt & ipsum Lazarum interficerent,* [l] *eò enim illorum cæcitas, & malitia deuenerat,* [m] *quasi verò à Domino possent auferre potestatem, si occiderent, illum iterum à mortuis suscitandi;* [n] *Nos interim Iudeorum duritiem detestantes,* [o] *adoremus Dominum, & Diuinam eius doctrinam auidis menti-*

Ngày thứ sáu

[c] đức Chúa Iesu.[c] mà đức Chúa Iesu đợi ngày mình [d] được giạc thiêng; [d] chẳng còn có đi lại tlước mặt thàng Iudæo, [e] sẫõ đi ẩn mình ở nơi [f] gần rừng có thành tên là Ephrem, [f] mà ở đấy cũ đấy tớ mình một [g] chút, [g] cho đến ngày lễ cả, gọi là Pasca, đã định mình chịu tội ngấy ấy. [h] [h] Mà lại kẻ hủy báng đức Chúa Iesu, khi thấy dều người tlaõ nước Iudæa có tin mlời đức [i] Chúa Iesu, [i] vì thấy oú Lazaro, bởi đức Chúa Iesu làm phép lạ cho oũ [k] ấy sóũ lại, [k] thì lo giét [l] oũ Lazaro nữa, [l] vì đã tối tam, và dữ tợn chùng [m] ấy: [m] như thể có cất lấy được phép đức Iesu, nếu nó giét oũ Lazaro, mà cho lại sóũ lại [n] chẳng được ru. [n] Saõ le ta bây giờ ghét làõ [o] dữ thàng Iudæo, [o] ta lạy đức Chúa Iesu; mà chịu lấy mlời đức Chúa

bus

bus arripiamus, P vt nunc illuminemur, & poſtea vitam conſequamur æternã.

P

P Ieſu hết làõ, P cho tạ được ſáng bây giờ, mà đến ſau được chiụ hàng ſóũ ḉệy.

Dies ſeptimus

a *A Dueniente igitur tempore, à Diuina Prouidentia præſtituto,* b *in quo Vnigenitus Dei Filius Dominus Ieſus pro ſalute noſtra erat mortem acerbiſſimam ſubiturus,* c *vt oſtenderet quanta, & quam lubenti voluntate mandatum Patris exequeretur,* d *voluit cum triumpho ciuitatem Ieruſalem ingredi, in qua tam dira paſſurus erat:* e *intrante itaque Domino, tota effunditur Vrbs;* f *ramis palmarum, imò etiam proprijs veſtibus ſternebant Iudæi vias, per quas erat Dominus tranſiturus,* g *acclamantes eum Regem Iſrael, & dicentes,* h *benedictus, qui venit in nomine Domini.* i *Hac ſolemni pompa ductus eſt Dom nus vſque ad templum* k *cùm maximo dolore Scribarum,*

Ngày thứ bảy

a a Ey chệy mà đến ngày đức Chúa b blòi đã định, b cho đức Chúa Ieſu, là một Con đức Chúa blòi, chịu tội chịu chết, cho chúng tôi đươc mọi sự c lành, c mà cho tỏ ra. làõ có ươc chưng phép d đức Cha, d khi chĕào thành Ieruſalem, là nơi chịu khốn khó rùng ếy, thì làm cho chui mâng. e e chệi khi đức Chúa Ieſu chĕào thành, thien hạ thì f ra rươc, f mà dên có lếy lá tươi, và chó dĕọc đàng màng, lại bó áo mình giữa đàng đức g Chúa Ieſu qua nữa, g cũ gọi là chua Chúa Iſ- h rael, mà ràng: h mọi sự lành cho ngươì có phép đức Chúa blòi, mà đến i cũ. i thien hạ có chui mâng làm chệy, mà đam đức Chúa Ieſu cho đến k đến thánh: k khi Scribæ

và Phariſæi, là thày nươc ếy, ghen ghét, mà lo láng,

&

& Phariſæorum, [l] qui interim Domino mortem machinantes, [m] & incumbentes ſuo ſceleri, famulabantur pïſſimo Redemptori. [n] Quin etiam filius perditionis Iudas impïſſimus, [o] cùm fur eſſet, & furari non potuiſſet ex vnguento, [p] quod Maria Magdalenæ ſuper caput Domini recumbentis effudit, [q] vt illud ſuum, quod putabat, damnum reſarciret, proprium Magiſtrũ, & Dominum, [r] paciſcitur tradere inimicis eius, [ſ] modò reciperet ab illis triginta argenteos, [t] qui in noſtra moneta faciunt nouẽ, vel decem nummos aureos, [u] vt ſcilicet ſine turbis Dominum traderet: [x] ſed hoc, omnia ſcientem Dominũ, quomodo latere potuit?

[y] In vltima autem cœna quam pridie ante paſſionẽ ſuam voluit habere cum diſcipulis ſuis, [z] imò & lauare pedes omnium, & ipſius etiam Iudæ Dominum

[l] lại kiếm chước mà giết đức Chúa Iesu, [m] bởi thì giúp í là con nhìn lành đức Chúa Iesu kẻo chúng tôi. [n] Mà lại thằng dữ tợn là Iuda quỉ quái lắm, [o] và làm kẻ trộm, mà ăn trộm chẳng được của thơm trao lám, [p] bà thánh Magdalena có đổ đơm trên đầu đức Chúa Iesu, [q] nó lấy làm thiệt mình, mà toan bán đức Chúa Iesu, là thày, và Chúa nó, [r] lại trao cho ðan gia, kẻo thiệt ấy, [ſ] thì giao cữ nó lấy ba mươi tấm bạc nước ấy gọi là, argenteus, [t] mà hết tấm ấy nên chín mươi lạng dò nước ta, [u] bởi thì trao đức Chúa Iesu khi vắng kẻo hỗn hào: [x] mà giấu đức Chúa Iesu, đã biết hết, làm sao được? [y] bởi khi đức Chúa Iesu sau hết toan ăn tối cí đầy tớ cả, ngày trước [z] khi toan đi chịu tội, mà lại rửa chân cho hết, và

prodentis; [a] *illi clarè ſignificans proditionem, quã machinabatur, vt illum à tam enormi ſcelere auerteret.* [b] *ſed induratum Iudæ cor omnia monita contemnit,* [c] *& in ruinam præceps deuoluitur, diabolo iam cor eius poſſidente, atque foras egreditur.*

[d] *Itaque benigniſſimus Dominus poſtquam ſolatus eſt ſuos;* [e] *quos & inſolitis, & innumerabilibus charitatis officijs in vltima illa cœna deuinxit,* [f] *egreſſus eſt in ipſum locum, in quem ſciebat Iudam cum copijs paulò poſt aduenturũ ad ipſum capiendum.* [g] *quamuis in illa expectatione, ita triſtatus ſit Dominus Ieſus,* [h] *vt ſudorem ſanguineum emiſerit in tanta copia, vt in terram decurreret;* [i] *vt ſcilicet nobis oſtenderet agoniam, quam propter peccata noſtra patiebatur,* [k] *& quantum pro peccatis proprijs*

Ngày thứ bảy

a cho thàng Iuda, về bối dẽọn tlao đức Chúa Ieſu a cho ŏan gia; [a] mà đức Chúa Ieſu tỏ ra cũ nó b chước dữ nó tŏan, cho nó đừng phạm tội cả ẽy; b [b] ſaõ le thàng Iuda đã bloú làõ làm ſự dữ tọn cả làm bệy, mà chê mọi mlòi c bảo; [c] thì ſa noi khốn nạn ẽy, vì ma quỉ đã nhệp bĕaò, mà ở tlaõ làõ nó, bệy thì nó ra cho khỏi. d [d] ẽy bệy mà đức Chúa Ieſu rứt nhin, khi đã an e üi đẩy tó, [e] và làm nhữ̃ng ſự nhin la, noi ăn ſau hết ẽy, cũ mlòi f nói chẳng hết mlẽ, [f] đŏạn thì ra, mà đi đến noi đức Chúa Ieſu đã hay, ít nữa thàng Iuda có đến đẽy, cũ cŏên cŏấc, mà g bắt đức Chúa Ieſu. [g] lại đức Chúa Ieſu khi đọi cŏên dữ ẽy, có lo buồn ſaù não tùng ẽy, h [h] cho nên thay mồ hôi đổ máu ra nhều, mà chảy i xuống đất, [i] bệy thì tó ra cho ta hay, có chịu khốn tlaõ làõ vì tội chúng tôi thế naò, [k] và cho ta liệu, ta phải lo

triſta-

triſtari, & dolore debeamus, [l] *cùm Dominus Ieſus tam vehementer triſtetur pro alienis.* [m] *Cùm igitur aduenisſet Iudas, tanquam impiorum dux, ore ſacrilego eſt auſus oſculari Dominum:* [n] *at benigniſſimus Dominus oſculum ei non negauit, dicens;* [o] *amice ad quid veniſti? Iuda oſculo filium hominis tradis?* [p] *at impudens ille ad ſuos ſatellites eſt reuerſus, quibus dederat ſignũ, dicens,* [q] *quemcumque oſculatus fuero ipſe eſt, tenete eum, & ducite cautè.* [r] *At niſi Dominus ſe ſponte traderet, nulla vis creata illum tenere poſſet.* [ſ] *Procedit ergo Dominus Ieſus obuiam inimicis ſuis, dicens eis:* [t] *Quem queritis? quibus reſpondentibus Ieſum Nazarenum.* [u] *Dominus rurſum ad illos: Ego ſum;* [x] *ſtatim atque Dominus Ieſus hanc emiſit*

buồn ăn năn vì tội chúng
[l] tôi từng naò, [l] khi đức
Chúa Ieſu có lo buồn
ſau não từng ấy vì tội
[m] kẻ khác. [m] mà đến khi
thàng Iuda làm cai cõên
dữ có đến, thì miệng
mình dữ tợn dễam hòn
[n] đức Chúa Ieſu: [n] mà
đức Chúa Ieſu rứt lành
chẳng có tlánh hòn
thằng dữ ấy, phán ràng:
[o] [o] mầy là kẻ có nghĩa cữ
tao, mầy đến có việc gì?
hỡi Iuda mầy hôn lấy con
người, mà tlao cho ỏan
[p] gia làm bệy ru? [p] mà thằng
răn mạt ấy thì blở về cữ
cõên dữ nó, đã cho dễâu
[q] tlước, ràng: [q] ta hôn
ai, ấy là người ấy, hãy
[ſ] bắt lấy, mà đam đi cho
[r] khèo. [r] Saõ le ví bàng
[t] đức Chúa Ieſu dầu làõ
chẳng tlao mình cho nó,
[u] chẳng có phếp naò dưới
đức Chúa blòi cấm đước lại đâu. [ſ] bệy thì đức
[x] Chúa Ieſu ra ruớc ỏan gia
mình, mà hỏi nó ràng: [t] hỡ bay có tìm ai? nó
thì thưa ràng: ta tìm Ieſu Nazareno. [u] Lại đức Chúa
Ieſu phán ràng: Ieſu là tao. [x] bòũ chóuc khi đức Chúa

vocem, [y] *ceciderunt retrorſum omnes inimici Domini*, [z] *nec ſurgere vnquã potuiſſent*, *niſi pius Dominus iterum interrogans, quẽ quærerent*, [a] *illos ſurgere permiſiſſet*, *& illis ſe ipſum tradidiſſet*, [b] *prohibens tamen ne quem è ſuis caperent*. [c] *At Petrus videns impios illos in Dominum irruentes*, [d] *tanquam lupos feroces*, *in agnum manſuetiſſimum*, [e] *id ferre non valens*, *exerit gladium ſuum*, [f] *& percutit vnum ex illis*, *& abſcindit auriculam eius*. [g] *At benigniſſimus Dominus*, *& Petro vetat*, [h] *ne gladio amplius vtatur*, *ſed in vaginam mittat*, [i] *& impijs iam Dominum comprehendentibus imperat*, [k] *ſinite vſque hùc*, *vt ſcilicet impio illi auriculam reſtituat*, *pro malo reddens bonum*. [l] *Cùmque iam Dominum comprehendiſſent*,

Ngày thứ bảy

Ieſu nói ra một đẽu ấy,
[y] các ǒan gia đức Chúa
[z] Ieſu thì ngã ra hết; [z] mà
dậi lại chẳng đươc nữa,
cho đến đức Chúa Ieſu
[a] hói nó lại có tìm ai? [a] mà
cho nó dậy, và tlao mình
[b] cho nó, [b] ſaõ le có cấm,
mà chẳng cho bắt đấy
[c] tớ naò mình. [c] Lại oũ
thánh Pedro thấy cǒên
dữ ấy chạy bắt đức
[d] Chúa Ieſu, [d] như chó ſói
dữ bắt con chien rứt
[e] lành, [e] chẳng chịu đươc
[f] ſự ấy, thì rứt gươm ra, [f]
mà đánh một thàng tlaõ
cǒên dữ ấy, phải chém
[g] tai nó: [g] ſaõ le đức Chúa
Ieſu rứt nhin, và bảo oũ
[h] thánh Pedro, [h] xể gươm
đĕào chẳng cho dữ nữa,
[i] [i] vầ khiến những cǒên
dữ ấy, khi đã bắt lấy
đức Chúa Ieſu, phán
[k] ràng: [k] hãy khǒan một
gey đã, vì chưng đức
Chúa Ieſu khiến blả tai
lại cho thàng dữ ấy, mà
làm lành cho nó, thay
ſự dữ nó làm cho mình; [l] khi ấy dầu cǒên dữ đã bắt [l]

tenere

tenere non potuerũt, [m] *quia ſe teneri non patiebatur Dominus; niſi priùs illius nequam ſanaret auriculam;* [n] *qua per ſolum contactum ſanata, ſe iterum illis permiſit, dicens:* [o] *hæc eſt hora veſtra, & poteſtas tenebrarum.* [p] *Comprehenſum itaque Dominum Ieſum ducunt ad Pontificem, Caipham nomine,* [q] *is enim dederat conſiliũ Iudæis, vt Dominum occiderent:* [r] *Interrogante igitur Caipha Dominum de doctrina, & diſcipulis;* [ſ] *humillimè reſpondet Dominus, & veriſſimè;* [t] *Quid me, inquit, interrogas? ego palam locutus ſum in Synagogis,* [u] *interroga eos, qui me audierunt.* [x] *Tali reſponſo prudentiſſimè dato à Domino,* [y] *vnus aſſiſtens miniſtrorum impiiſſimè manum attollens,* [z] *dedit alapham Domino, dicens: Sic reſpondes Ponti-*

đức Chúa Ieſu, cầm lại
[m] chẳng đượ̣c, [m] vì đức
Chúa Ieſu chưa cho nó
cầm mình, mà khiến
cho tai thàng dữ ấy lành
[n] đã: [n] đến khi tay đức
Chúa Ieſu đá đến tai nó,
mà tức thì lành, đoạn
[o] thì cho cõên dữ ấy bắt
mình, phán ràng: [o] giờ
nầy là giờ bay, và phép
[p] tối tam ấy: [p] cõên dữ
bắt đức Chúa Ieſu đoạn,
thì đam đi cho thầy cả,
[q] tên là Caipha; [q] là kẻ
giục cõên Iudæo giết
[r] đức Chúa Ieſu. [r] ấy
Caipha thì hỏi đức Chúa
Ieſu mời dạy dỗ, và
[ſ] sự đầy tớ làm ſao? [ſ] Mà
đức Chúa Ieſu rứt khi-
em nhưâng, và rứt thạt
[t] thưa ràng: [t] ſao thày cả
có hỏi ta sự ấy? ta đã
nói tlaõ nhà thánh giảng
[u] chung, [u] thày cả thì phải
hỏi kẻ đã nghe ta giảng,
[x] mà chớ. [x] khi đức Chúa
Ieſu có thưa đều khôn
[y] ngõan ấy, [y] có thàng
đầy tớ nào dứng đấy dữ tợn, cất tay lên, [z]
mà đánh mạt đức Chúa Ieſu, đã một cái, ràng: mày

ficis

ſici? [a] at benigniſſimus Dominus, manſuetiſſimè tantam iniuriam ferens, [b] noluit tamen tacere, ne Pontifici videretur iniurius, [c] ſed humillimè reſpondẽs: ſi malè inquit, locutus ſum, [d] teſtimonium perhibe de malo: ſi autem benè cur me cædis? [e] cùm autem multi falſi teſtes conuenirent contra Domtnum Ieſum, [f] conuenientia tamen eorũ teſtimonia non erant: [g] tanta enim erat Domini vitæ puritas, & Innocentia, & ita omnibus nota, [h] vt nihil omninò poſſent aduerſarij obijcere, quod vel vmbram peccati haberet. [i] Cùm ergo ſummo mane Dominum Ieſum duxiſſent in concilium ſuũ; [k] Pontifex ille Caiphas nomine: [l] adiuro te, inquit, per Deum viuum, vt dicas nobis, ſi tu es Chriſtus

Ngày thứ bảy

thưa thầy cả làm ḍệy
a ru? [a] mà đức Chúa Ieſu
rứt lành, có chịu thàng
b dể người tùng ếy: [b] ſaõ
le chẳng chịu ở lạng,
kẻo người ta ngờ đức
Chúa Ieſu có dể thày
c cả, [c] mà rứt khiem như-
ầng thưa ràng: ví bàng
ta đã nói đều chẳng nên,
d [d] mây làm chứng ſự lỗy:
mà ta đã nói phải mlễ,
e ſao mầy đánh ta? [e] khi
ếy cũ có nhều chứng
dối bỏ vạ cho đức Chúa
f Ieſu, [f] ſaõ le những
chứng ếy đã tỏ là dối
g blả, mà chẳng phải; [g] vì
chưng nết na đức Chúa
Ieſu, những ſự đức,
những ſự lành, mà thi-
h en hạ cũ đã hay, [h] cho
nên ǒangia chẳng có bố
được đí gì, mà có hình
i lỗy một chút gì ſốt. [i] Vì
ḍệy khi ſáng ngầy ſớm
có đam đức Chúa Ieſu
nơi các thày họp lại:
k [k] mà có quan đạo ếy, tên là Caiphas, nói cũ đức
l Chúa Ieſu ràng: [l] tao lếy phép đức Chúa blời hàng
ſóũ ḍệy, mà khiến mầy nói ra cũ tao, mầy phảy là

Fi-

Filius Dei benedicti? [m] *& Dominus dilucidè reſpondiſſet, ſe eſſe Chriſtũ Filiũ Dei viui,* [n] *quem in fine mundi viſuri erant, venientem in nubibus cæli, cum Maieſtate magna,* [o] *ſtatim impius Pontifex pÿſſimum Dominum blaſphemiæ accuſat,* [p] *quem vt verum ſuum Dominum venerari debuerat,* [q] *& dolorem fingens, ſcindit veſtimenta ſua,* [r] *& vitæ totius auctorem reum eſſe mortis impÿſſimè pronuntiat,* [ſ] *eamdemque mortis ſententiam reliqui eiuſdẽ farinæ homines confirmãt,* [t] *& communi conſenſu ad regni Præſidem Pontium Pilatum,* [u] *qui loco Imperatoris Romanorum adminiſtrabat Iudæorum regnũ,* [x] *ducunt Dominum innocentiſſimum tanquam mortis reum.* [y] *Pilatus, qui benè nouerat, in Domino*

con đức Chúa blời cả sáng mây làm Chriſto chang? [m] mà khi đức Chúa Ieſu thưa tỏ tường mình thạt la Chriſto Con đức Chúa blời, [n] hàng sóũ bệy, [n] đến khi tận thế lại thấy đến tlên cái mây ở blời, mà có phép tác mlớn bệy. [o] [o] Thoát chóuc khi ếy quan đạo quỉ quái, thì cáo đức Chúa Ieſu rứt nhin, như kẻ phạm mlời chê đức Chúa blời; [p] mlẽ thì nó phải kính đức Chúa Ieſu như thạt Chúa mình, [q] ſaõ le nó giả là sàu não, mà xé áo mình ra, [r] và nói ra đều rứt quỉ quái, mà khiến đức Chúa Ieſu, là cội rễ đàu mọi sự sóũ, [ſ] thì đáng chết; [t] mlời dũ ếy các thày quỉ quái cũ theo như bệy, [t] và hỏà thỏận cũ nhau, mà đam đức Chúa Ieſu, là rứt lành, nộp cho Pontio Pilato, [u] là quan cả tri nước ếy, thay vì bua Chúa nước Roma, [x] mà khiến đức Chúa Ieſu đáng chết. [y] Saõ le Pilato, vì đã hay đức Chúa Ieſu chẳng

nihil

nihil eſſe culpæ, [z] *ſed ſolum ex inuidia illum traditum, varijs modis curat liberare eum à morte iniuſtiſſima;* [a] *nam ideò ad Herodem cauſam remittit, vt ab illa ſe liberet:* [b] *deindè ad ſe ab Herode remiſſum,* [c] *proponit vt liberetur à turba, potius quam ſceleſtus quidam Barabbas,* [d] *quem data opera ſimul proponit liberandum,* [e] *vt nimirum reiecto ſceleſtiſſimo Barabba,* [f] *innocentiſſimum potius Ieſum eligant, & à morte liberent:* [g] *at malignis Pontificibus ſuadentibus, inepta turba Iudæorum,* [h] *quæ innumera à Domino acceperat beneficia,* [i] *& paucis ante diebus Dominum, vt regem Iudæorum acclamarat,* [k] *nunc Barabbam homicidã ſceleſtiſſimũ præeligit,* [l] *& innocẽtiſſimum Dominum ad atrociſſimam Crucis ne-*

Ngày thứ bảy

có lỗy gì, mà nhữ-ng kẻ ghen ghét có nộp làm [z] bệy, [z] thì kiếm đàng nọ, đàng kia, mà chữa đức Chúa Ieſu, cho khỏi ſự chết tlái mlẽ rứt mực: [a] [a] nhin vì ſự ấy Pilato gưởi việc ấy cho Herode, mà mình khỏi xét: [b] [b] ſau nữa khi Herode lại gưởi đức Chúa Ieſu [c] lại, [c] Pilato làm chước, cho dên Iudeo xin tha đức Chúa Ieſu, hơn thàng dữ tợn là Barab- [d] ba, [d] mà vì ſự ấy đã có í bí đức Chúa Ieſu cũ thàng dữ ấy, khi chọn [e] tha ai: [e] cho dên Iudeo đề thàng Barabba rứt [f] quí quái, [f] mà chọn đức Chúa Ieſu rứt lành, chữa [g] bệy keó chết. [g] Saõ le vì nhữ-ng thày dữ ấy thì [h] dễ dên Iudeo dại, [h] đã chịu ơn đức Chúa Ieſu [i] kẻ chẳng xiết, [i] và mới ngày thước hui mãng đã nhìn, và xưng đức Chúa Ieſu là hua Chúa nước Iudeo, [k] mà bây giờ thi chọn thàng Barabba rứt dữ [k] tợn, đã giết bỏ ngưởi, cho nó ſống, [l] mà đòi giết đức [l]

cem

cem depoſcit. [m] *Barbaram aliam viam init Pilatus, vt Dominum à morte liberet;* [n] *flagellandum nempe Dominũ militibus tradit crudeliſſimè,* [o] *vt vel ſic placati impij Iudæi,* [p] *à morte Domini petenda deſiſtant:* [q] *quod quidem Milites exequuntur crudeliſſimè:* [r] *cùm enim Iudæorum mos eſſet, vt in flagellando, quadraginta plagas non excederent, imò neque explerent:* [s] *tamen atrociſſimas ſupra Dominum plagas ita multiplicarunt; vt quinquies mille ſuperarent.* [t] *Illam flagellationem niſi Dominus Diuina virtute toleraſſet,* [u] *mortemque per miraculum impediſſet,* [x] *procul-dubiò in flagellis illis atrociſſimis vitam erat finiturus:* [y] *ſed hæc omnia pati voluit,* [z] *propter innumerabilia peccata noſtra.*

Chúa Ieſu, đáo đanh tlên
[m] Crus. [m] Pilato thấy ḍệy, lại kiém chước khác dỡ ráp, mà chữa đức Chúa
[n] Ieſu, keó chết, [n] vì chưng có tlao đức Chúa Ieſu cho cỡên, mà khién đánh đòn cho nát hết mình
[o] người, [o] mà ḍệy cỡên Iudeo, dầu dữ, thấy đức Chúa Ieſu khôn làm
[p] ḍệy, [p] thì thương, mà
[q] đừng đòi giết nữa, [q] ſaõ le cỡên dữ tợn ếy có đánh đức Chúa Ieſu qua
[r] mực gia giết: [r] vì chưng bủan thói nước Iudeo, khi ai phải đánh đòn, chẳng lọ là chẳng qua bốn mươi đợn, mà lại chẳng
[s] đếy bốn mươi: [s] ſaõ le khi đánh đức Chúa Ieſu, thì đánh đi đánh lại cho nên qua nam nghìn đòn
[t] kực nạng: [t] ví bàng đức Chúa Ieſu chẳng dỉ ſức bề tlên mà chịu đòn ếy,
[u] [u] và chẳng làm phép lạ cho khỏi chết, [x] thật là khi chịu đòn ếy, kực nạng làm ḍệy, thì phải hết hơi, mà chết. [y] ſaõ le đức Chúa Ieſu thì khién chịu bấy
[z] nhêu nạn ếy, [z] vì chưng tội chúng toi nhều, kể

[a] *Neque*

[a] *Neque hac feritate in Dominum Ieſum, agnum innocentiſſimum, contenti fuere milites efferati;* [b] *ſed aliud excogitauere diabolicum inuentum:* [c] *nam acutiſſimis, & prælongis ſpinis coronam ſupra manſuetiſſimi Domini Ieſu caput intexuere,* [d] *ita vt in Diuino ſuo capite ſeptuaginta duo vulnera ex illis ſpinis, tunc primum ſit paſſus:* [e] *deinde chlamydem coccineam veterem circundederunt Domino milites impij,* [f] *& arundinem dederunt in manum eius,* [g] *tum illudentes, flexo altero poplite, dicebant: Aue Rex Iudæorum,* [h] *& conſpuentes in eum, arundine percutiebant Diuinum caput, ſpinis illis acutiſſimis transfixum,* [i] *dolorem ſimul, & ignominiam incomparabilem ferente mitiſſimo Domino.* [k] *Pilatus ergo Dominum Ieſum in miſero illo ſtatu videns,*

[a] chẳng xiết. [a] Mà lại cỏên dữ ấy dầu đã lành những sự dữ tợn ấy, tlên mình đức Chúa Ieſu có chịu như con chien rứt lành, mà nó [b] chưa đủ: [b] lại kiếm chước khác, bởi mà quì [c] giục lão nó lấy; [c] vì nó lấy cái gai dài, và nhọn, mà đáo như triều thien, tlên đầu đức Chúa Ieſu, [d] rứt nhin, [d] cho nên khi đầu hết ấy có chịu bảy mươi hai dấu tlên đầu, thạt là đầu đức Chúa, [e] blời, mà chớ: [e] lại cỏên dữ ấy lấy tấm aó đỏ cũ, mạc tlên mình đức Chúa [f] Ieſu, [f] cũ lấy cây nứa để tay đức Chúa Ieſu, [g] [g] mà cười nhạo, quì một đầu gối ràng: ta chaò chua Chúa dên Iudæo; [h] [h] lại giỏ ra mạt, và lấy nứa ấy, mà đánh đầu thánh đức Chúa Ieſu, những gai đã thâu chặt, [i] [i] cho nên đức Chúa Ieſu rứt nhin, chịu và khốn, và xấu hổ rứt mục, ta liệu chẳng đươc. [k] đến khi Pilato coi thấy đức Chúa [k]

[l] *puta-*

l *putauit ex eius aſpectu inimicos Domini ſore placandos:* m *eduxit itaque Dominum foras portantem ſpineam coronam,* n *& purpureum veſtimentum, dicens: Ecce homo.* o *hoc eſt, ecce ille, quem vos dicitis regnum veſtrum affectaſſe,* p *in tali figura, & adeò miſerabili poſitus eſt, vt ne hominis quidem figuram retineat.* q *Iudæi verò tantò magis in Dominũ increduleſcentes, & feris ipſis crudeliores,* r *vehementiùs expoſcunt, vt crucifigatur.*

l l thì ngò các ŏan gia người, xem hình đã kực tùng ấy, thì thương mà ra lành: m vì bệy có đam đức Chúa Ieſu ra ngŏài, có đội n triẽu thien gai, n và mặc tấm áo đỏ cũ, mà ràng: o nây là người. o như thế ràng: ấy là người ấy, bay cáo đã ước làm đua Chúa nước bay, p mà bây giờ đã có hình khôn tùng ấy, cho nên q mất hình người. q Saŏ le dến Iudeo càng ra làŏ dữ tợn, hơn muâng dữ nữa, mà càng ghết r đức Chúa Ieſu, r càng đòi đáŏ đanh tlên cây hơn nữa, mà giết người.

f *Cumque Pilatus cerneret ſe nihil cum populo illo nequam proficere,* t *ſed magis tumultum fieri, lauit manus coram populo, dicens:* u *innocens ego ſum à ſanguine iuſti huius, vos videritis.* x *Iudæi autem clamabant, ſanguis eius ſuper nos, & ſuper filios*

f f Saŏ le Pilato thấy chước mình chẳng nên gi mà mở làŏ dên quải ấy, t lại càng hỏn hào, thì có rửa tay tlước mạt dên, mà ràng; u tao chẳng biết sự gì việc đỡ máu người lành nấy, bay sẽ hay. x mà dên Iudeo kêu ràng: máu nó tlên ta,

noſtros: [y] *quin etiam uxor* [y]
Pilati miſit ad eum, dicens: [z] *nihil tibi & iuſto* [z]
illi, multa enim paſſa ſum hodie per viſum propter illū. [a] *Quare Pilatus quærebat modum,* [b] *quo Dominum Ieſum à furore Iudæorum eriperet, atque à nece.* [c] *Hoc intelligentes* [c]
Iudæi, ut Iudicem à rectitudine deflecterent, [d] [d]
Cæſaris illi obïciunt iram; ſi hunc, inquiunt, dimittis non es amicus Cæſaris: [e] *omnis enim qui ſe Regem facit, contradicit Cæſari.* [e]
[f] *Tantum ponderis hæc verba cum iniquo iudice habuerunt,* [g] *ut illum Iudæi in ſuam ſententiam traxerint,* [h] *& ſtatim Innocentiſſimū Dominū tradiderit voluntati eorum,* [i] *ut agnum manſuetiſſimum crudelium luporum rabiei.* [k] *Neque Dominus Ieſus ullum verbum in ſuam defenſionem proferre*

Ngày thứ bẫy

và tlên con cái ta, thì
[y] ta chịu. [y] Lại có bọ Pilato gười mlò̀i cho chàõ
[z] ràng: [z] oũ chó̀ có lộn việc mình, bối việc người thánh ấy, vì chưng tôi đã phải thấy rày nhều sự, hiện ra vì người ấy.
[a] [a] Vì bệy Pilato còn kiếm khi ấy chước naò,
[b] [b] mà chữa đức Chúa Ieſu, cho khỏi làõ dữ tơn dên Iudeo, mà kẻo
[c] chết. [c] Khi dên Iudeo hay được sự ấy, cho
[d] quan bỏ đàng ngay, [d] thì đe bua Chúa Cæſar cỡ̆, mà ràng: ví bàng oũ tha người nầy, oũ bất nghĩa
[c] cũ Cæſar: [c] vì chưng ai nấy xưng mình là bua Chúa thì hủy bàng Cæſar. [f] Mlò̀i nầy thì nạng
[f] bấy nhêu tlaõ làõ quan
[g] vạy, [g] cho nên quan theo í dên Iudeo: [h] vì
[h] chưng tứ̆c thì có tlao đức Chúa Ieſu rứ̆t lành,
[i] mạc í làõ dên ấy, [i] như thế tlao con chien rứ̆t hiền, mạc í chó ſói dữ. [k] Mà đức Chúa Ieſu chẳng có
[k] *voluit,*

voluit, [l] *ne Paſſionem ſuã,* [l]
& mortem, quam iuxtà
Patris æterni voluntatem
patiebatur, vllo modo im-
pediret; [m] *quod ſilentium* [m]
quamuis miraretur Præſes
vehementer, [n] *ſimul &* [n]
Domini Ieſu innocentiam
haberet perſpectam, [o] *ini-* [o]
quiſſimè nihilominus tra-
didit inimicis occidendũ.
[p] *Ergo illi purpuream chla-* [p]
mydem à Domino Ieſu au-
ferentes, [q] *induunt illum* [q]
veſtimentis ſuis, [r] *vt ni-* [r]
mirum benè notus omni-
bus incederet ad ſuppli-
cium, [ſ] *Crucem poſtea gra-* [ſ]
uiſſimam Domini humeris,
ex recenti flagellatione
atrociſſima laceratis, im-
ponunt, [t] *vt in Caluariæ* [t]
montem, in quo crucifigen-
dus erat, ſic oneratus in-
cederet; [u] *cùm tamen vi-* [u]
derent Dominum Ieſum
tanto Crucis oneri ſuccum-
bere, [x] *timentes ne in ip-* [x]
ſa via Dominus moreretur, antequam Cruci affi-

Ngày thứ bảy 221

nói một đều gì chữa
[l] mình ſốt, [l] kẻo trở mình
chịu chết, vì khi đức
Chúa Ieſu chịu nạn, thì
theo í đức Cha hàng ſóũ
[m] bệy. [m] Mà ſự đức Chúa
Ieſu ở lạng thế ếy, dẫu
quan thấy mà hãi lám,
[n] [n] và hay biét tó, đức
Chúa Ieſu là người hi-
ền lành, chẳng có lỗy
[o] ſự gì, [o] ſaõ le quan ếy
có phạm ſự vạy rứt mục,
mà tlao đức Chúa Ieſu,
cho ŏan gia giết bệy.
[p] [p] Khí ếy nó thì cất lếy
tấm áo đó, ở tlên mình
[q] đức Chúa Ieſu, [q] mà nó
khiến mạc áo mình quen,
[r] [r] cho thien hạ hay, ếy
là đức Chúa Ieſu đi chịu
[ſ] tội. [ſ] Sau thì nó lếy cây
Crux nạng rạp, mà đế
tlên bẽai đức Chúa Ieſu,
khi mới chịu đánh đọn,
[t] đã nát hết, [t] mà vạc cay
nạng làm bệy, đi tlên
núi Caluaria, nó đã định
đáõ gác Crux đức Chúa
[u] Ieſu tlên núi ếy. [u] ſaõ le
khi nó thấy đức Chúa
Ieſu vác cây Crux nạng chẳng nổi, [x] mà nó dại đức [x]

geretur,

geretur, [y] *prætereuntem quemdam Simonem Cyrenæum addiderunt,* [z] *qui Dominum in ferenda cruce adiuuaret.* [a] *Accidit in ea lugubri via, cùm Dominus Ieſus valdè anguſtiatus incederet,* [b] *totuſq; in ſudorem diffluueret, admixtum ſanguine,* [c] *propter ſpineam coronam, quem in capite fixam gerebat,* [d] *vt deuota quædam mulier, Veronica nomine, linteo duplicato, compatiens Domino,* [e] *Diuinum eius vultum extergeret;* [f] *ſtatimque in eo linteo duplicata effigies anguſtiati vultus Domini per miraculum appareret, in vtraque ſcilicet parte,* [g] *quarum altera Romæ in maxima Eccleſia, altera Genuæ ad hanc vſque diem religioſiſſimè cuſtoditur,* [h] *& tum ex imaginis plus quàm humana viuacitate,* [i] *tum ex eo quod linteum nullo ſit colore infectum,*

Ngày thứ bảy

Chúa Ieſu chết dẽọc đàng, khi chưa có đáõ đánh tlên Crux, [y] vì bệy có thêm một nguờ-i qua đàng ếy, ten là Simon Cyrenæo, [z] mà giúp đức Chúa Ieſu vác Crux. [a] ếy bệy mà khi đức Chúa Ieſu đi dẽọc đàng thưâng ếy, nhạoc lám, [b] mà đổ mồ hoi chảy ràõ ràõ, lộn bối máu, [c] vì có triều thien gai đức Chúa Ieſu đội thâu aóc đầu, [d] thì có đền bà hiền lành, ten là Veronica, thưâng xót đức Chúa Ieſu, lếy khăn kép, [e] mà chui mạt nguờ-i, thạt là mạt đức Chúa blờ-i: [f] thõát chóuc, bởi phép lạ, coi thấy tlaõ khăn ếy hình mạt đức Chúa Ieſu chịu khổn khó, có tlaõ hai lần khăn, mà khó mạt gia giết: [g] hai hình ếy còn giữ rày, mà kính lám, một thi ở tlaõ đến thành cả thành Roma hai là ở tlaõ thành Genua, mà thờ gia giét; [h] bệy thì coi hai hình ếy, ſáng tlên phép thọ naò vẽ, [i] lại tlaõ khan ếy chẳng

[k] *ſed*

k *ſed quaſi natiuo ipſius lintei colore Chriſti Domini effigiem referat,* l *Diuinum id eſſe miraculum, clarè perſpicitur.*

Cùm igitur Dominus Ieſus m *ad Caluariæ montem perueniſſet,* n *extra Hieroſolimæ portam, veſtimentis omnibus exutus eſt.* o *in eo Caluariæ loco fertur olim ſepultum Adæ primi hominum parentis caput,* p *ibique Dominus noſter Ieſus Chriſtus Dei Filius, verus Deus & homo innocentiſſimus,* q *cùm expleſſet ætatis annos triginta tres,* r *die 25. Martij, ſub meridiem,* ſ *manibus pedibuſque clauis affixus, in Cruce pro nobis moriturus exaltatus eſt,* t *impletumque eſt illud Dauidis propheticum eloquiũ, iam ante mille annos prolatum:* u *foderunt manus meas & pedes meos, dinumeraue-*

k thấy thuóc naò blêy, k ſaõ thấy như ſắc khăn, tự nhien, mà có hình

l mạt đứcChúa Ieſu, l thạt là ra tó tưầng, có phép bề tlên đức Chúa blòi, làm viec ếy, mà chó.

m m ếy ợệy mà khi đức Chúa Ieſu đã đến tlên

n núi Caluaria, n ở ngõài cửa thành Ieruſalem, nó bóc hết áo đức Chúa

o Ieſu: o có truyền ràng, đòi xưa noi Caluaria ếy có chôn đầu oũ Adam,

p là tổ tũ ngưòi ta, p mà ở noi đức Chúa Ieſu Chriſto là Chúa chúng toi, cử là một Con đức Chúa blòi, thạt là đức Chúa blòi, cử là ngưòi

q thế rứt lành, q khi đã đếy ba mưoi ba tuổi cử

r ba tháng, r hai mưoi làm tháng Martius, nữa ngày

ſ dồ, ſ có chịu đáõ đanh bốn chên tay tlên cây Crux, mà bêo lên, chịu

t chết vì chúng toi. t ợệy

thì ra sấm truyền oũ Dauid khi hon nghìn năm tlước đã nói, ràng: u nó thàu qua hay tay, và hai chên

u

runt

runt omnia oſſa mea,
x *Dominus autem Ieſus*
tot iniurijs laceſſitus, y *non*
ſolum non indignabatur,
nec vindictam de inimicis
ſuis ſumebat, vt poterat:
z *ſed potius preces pro ijs*
ad Deum Patrem fundens
clamabat, dicens: a *Pater*
dimitte illis, non enim
ſciunt quid faciunt. b *Hãc*
Domini Cruciſixionem Di-
uino ſpiritu præuidens Iſa-
ias cap. 53. ait, c *Non eſt*
ſpecies ei, neque decor: d
vidimus eum deſpectum,
& nouiſſimum virorum,
e *& ſcientem infirmita-*
tem: & quaſi abſconditus
vultus eius. f *Verè langó-*
res noſtros ipſe tulit, & do-
lores noſtros ipſe portauit:
g *& nos putauimus eum*
quaſi leproſum, & percuſ-
ſum à Deo, & humiliatú.
h *Ipſe autem vulneratus*
eſt propter iniquitates no-
ſtras, i *attritus eſt propter*

Ngày thứ bảy

tao, lai nó kể mọi xư-
x âng tao. x Mà đức Chúa
Ieſu khi đã phải ŏan gia
y thế ấy, y chẳng lọ là
chẳng có gẹn nó, cũ
chẳng có blả lại sư dữ,
cho ŏan gia mìng, khi
z làm đươc nó; z mà lại
cầu đức Chúa blòi, là
đức Cha mình, cho nó,
a ràng: a lạy đức Cha,
Con xin đức Cha tha
nó, vì nó chang hay có
b làm đí gì. b Có oũ Iſaya
đòi xưa đã chiụ sấm
truyền bởi đức Chúa
Spiriro Santo, mà thấy
đức Chúa Ieſu có chiụ
đáŏ đanh tlên cây Crux,
đŏan nam mươi ba ràng:
c c người chẳng còn có
hình, chẳng phải tốt lành
d nữa: d mà ta coi thấy như
hình người hền, là rốt
c hết người ta, c là người
hay đau đớn, mà mạt
f người như che đệy, f
thạt người đã chiụ đau
náng vì ta, và khốn khó
g thay ta, cũ đã chiụ lấy: g mà ta ngờ là tặt phũ, đức
h Chúa blòi đã phạt, và hạ xuống đệy. h Saŏ le người
i chiụ phải dễấu vì tội lỗy chúng tôi, chiụ nát hết mình

ſcele-

ſcelera noſtra: [k] *diſciplina pacis noſtræ ſuper eum,* [l] *& liuore eius ſanati ſumus.* [m] *Sicut ouis ad occiſionem ducetur,* [n] *& quaſi agnus coram tondente ſe obmutescet, & non aperiet os ſuum.* [o] *Et cum ſceleratis reputatus eſt.* [p] *Et ipſe peccata multorum tulit, & pro tranſgreſſoribus rogauit.* [q] *Vt igitur hæc prophetia impleretur, voluit Dominus inter duos latrones Crucifigi,* [r] *vnum ad dexteram, & alterum ad ſiniſtram:* [ſ] *è quibus, is qui ad ſiniſtram pendebat, blaſphemabat eum, dicens:* [t] *ſi tu es Chriſtus, ſaluum fac temetipſum, & nos.* [u] *Alter autem, qui erat ad dexteram, nomine Diſmas, increpabat ſocium, dicens:* [x] *Neque tu times Deum, qui in eadem damnatione es?* [y] *& nos quidem iuſtè; nam digna factis recipimus*

[k] vì tội vạ chúng tôi: [k] lại người chịu rói tlên mình, cho ta được bàng [l] an, [l] cũ chịu đánh nối lẫn cho ta đã, mà được [m] lành, [m] có đam đi giết người, như con chiên [n] bệy, [n] lại thước mạt ai cắt tóc mình, thì ở lạng, như con chiên con, mà chẳng có mở miệng ra; [o] [o] cũ lệy người làm bạn [p] bối kẻ gian dữ, [p] lại vạc tôi cho nhều người, và cầu cho kẻ phạm [q] mlời răn. [q] bệy cho blon sấm truyền ấy, đức Chúa Ieſu có chọn cỗên dữ đáo đanh mình giữa [r] hai đứa kẻ tlộm, [r] một ở bân tay mạt, một về [ſ] tay tlái, [ſ] mà đứa ở bêu bên tay tlái thì máng rủa đức Chúa Ieſu, ráng; [t] [t] ví bàng người, là Chriſto, thì chữa mình, và [u] chữa tó. [u] khi ấy người khác, ở bêu bên tay mạt đức Chúa Ieſu, tên là Diſmas, thì máng bạn, ràng: [x] khi mầy đã phải chịu tội cũ, ſao cũ chẳng dái đức Chúa blời? [y] ta chịu

mus: [z] *hic verò nihil mali geſſit.* [a] *Et conuerſus ad Icſum, dicebat:* [b] *Domine memento mei, dum veneris in regnum tuum.* [c] *Cui Dominus benigniſſimè reſpondit:* [d] *hodie mecum eris in Paradiſo.*

[e] *Scripſit autem titulum Pilatus Hebraicè, Grecè, & Latinè.* [f] *Erat autem ſcriptum: Ieſus Nazarenus Rex Iudæorum.* [g] *Iudæi verò nolebant titulum eo modo conſcribi, eò quod cauſam Dominicæ mortis contineret,* [h] *volebãt enim, vt exprimeretur, quia ipſe dixit. Rex ſum Iudæorum.* [i] *Sed quia titulus eo modo regente Diuina prouidentia factus erat;* [k] *ideò non permiſit Deus, vt vlla mutatio in illo fieret, quamuis grauiter inſtantibus Iudæis,* [l] *Pilatus enim reſpondit eis: quod ſcripſi ſcripſi.*

Ngày thứ bảy

[z] đã đáng, vì mình làm, [z] thì mình chịu; [z] ſaõ le người nầy chẳng hề làm [a] sự gì lỗy sốt. [a] Lại blở mạt cũ đức Chúa Ieſu, [b] mà cầu làm ḋầy. [b] Tòi lại Chúa, khi đến nước mình, Chúa dớ đến tòi [c] cũ: [c] mà đức Chúa Ieſu thì thưa đều rứt nhin, [d] phản ràng: [d] mầy rày đến ớ cũ tao tlaõ noi ḋui ḋể.

[e] [e] Khi ấy quan Pilato đã chép lịnh đức Chúa Ieſu chịu tội chữ ba nước Hebreo, Greco, Latino. [f] [f] mà chép làm ḋầy: Ieſu Nazareno la ḋua Chúa [g] Iudeo. [g] Iudeo thì chẳng yêu chép lịnh thế ấy, vì tlaõ ấy có mlẽ, ì ſao đức Chúa Ieſu có chịu [h] chết: [h] vì ḋệy nó muấn tlaõ lịnh chép ràng: vì đức Chúa Ieſu xưng mình là ḋua Chúa Iudeo. [i] [i] Saõ le vì lịnh ấy ra làm ḋệy, bởi đức Chúa blời ſửa thế ấy, mà chớ, [k] chẳng cho đổi một chữ gì sốt, dầu dên Iudeo, có đòi ſự ấy lấm: [l] vi ḋệy Pilato có thưa nó ràng: tao có chếp thế nào, thi phải để chép thế ấy, mà chớ.

[m] *Mili-*

m *Milites verò, qui Dominum Ieſum Crucifixerant, diuiſerunt ſibi veſtimenta eius,* n *& tunicam ſumentes, quia inconſutilis erat, dixerunt:* o *Non ſcindamus eam, ſed ſortiamur de illa cuius ſit.* p *Impletumque eſt illud propheticum Dauidis:* q *Diuiſerunt ſibi veſtimenta mea, & ſuper veſtem meam miſerunt ſortem.* r *Hæc verò inconſutilis tunica ad hanc vſque diem ſeruatur Treueris.* s *Cuius ciuitatis traditio eſt, inconſutilem tunicam,* t *Chriſto Domino infanti à Virgine Matre confectam,* u *ſemperque ab eodem geſtatam, paulatim cum ipſo creuiſſe.*

x *A ſexta autem hora tenebræ factæ ſunt ſuper vniuerſam terram, vſque ad horam nonam.* y *Cuius miraculi magnitudo vt intelligatur, ſciendum eſt,* z *ſolem nunquã pati eclypſim, niſi luna inter ipſum,*

m Mà cõên đáõ đanh đức Chúa Ieſu tlên Crux đõ-ạn, thì chìa áo ngườ-i n cũ nhau: n ſaõ le áo tlaõ, vì chẳng có may gì, thì o lẽy mà ràng: o áo tlaõ nầy ta chớ xe ra làm chi, ta bớ thăm xem ai được p chớ: p mà ḍẹy sấm truyền oũ Dauid ra thạt, khi q ràng: q nó thì chia cũ nhau áo ta, mà tlên cái áo ta mạc tlaõ, thì nó bớ r thăm. r Saõ le áo tlaõ ẽy ở thành Treueris còn s giữ đ'ên rày, s mà có truyền đ'ẽy ràng: áo ẽy t chẳng có may gì, t rứt thành đức Mẹ đã làm ra cho đức Chúa Ieſu, u hãy còn tle: u mà đức Chúa Ieſu mạc áo ẽy lien, khi đ'ên mlớn một khi một chút, mà áo cũ ra dài lien như ḍẹy.

x x ḍẹy từ chính giờ ngọ cho đ'ên đâu l'ết giờ thân, thì mạt blờ-i ra tối, mà cả và thien hạ phải y tối tam mù mịt: y cho ta biết phép lạ nầy là bao

mlớn, thì phải hay, z mạt blờ-i có phải nhệt thực, z

& terram interponatur d.
[a] *Hac enim lunæ interpoſitione, ſolis radij impediuntur, ne ad nos pertingant.* [b] *Quo fit, vt ſolis eclypſis non contingat, niſi in nouilunio:* [c] *in plenilunio autem, cum terra ſit inter ſolem, & lunam, è diametro inter ſe oppoſita;* [d] *tunc luna ſolis radios, ne ad terram perueniant, impedire nequit.* [c] *Cùm verò Chriſtus Dominus Crucifixus ſit in ſolemnitate Paſchali,* [f] *quæ non celebrabatur niſi in plenilunio;* [g] *Diuino tantum miraculo res accidit,* [h] *factumque eſt vt luna, quæ meridiano ſoli tunc temporis oppoſita ſub terra latebat,* [i] *repentè recurrens, & vſque ad meridianum ſolem aſcendens, ſub illo immediatè ſiſteretur,* [k] *eumque non aliquibus tantum terris, vt ſolet,* [l] *ſed vniuerſo mundo eclyp-*

Ngày thứ bảy
một khi mạt blời ở một bên, đất thì ở bên khác, mà mạt blang phái ở giữa: [a] vì chưng khi mạt blang ở giữa làm vậy, thì trở ánh mạt blời, kéo đến ta. [b] Vì sự ấy nhật thực có đến ngầy ba mươi, hay là mòu một mà thôi; [c] ſao le ngầy ràm khi mạt blời ở một bên, mạt blang bên khác xa nhau mà đất ở giữa, [d] khi ấy mạt blang trở ánh mạt blời, kẻo ſoi đất, [e] thì chẳng được. [c] Mà khi đức Chúa Ieſu chịu đáo đanh tlên cây Crux, đang làm lễ cả Paſcoa, [f] mà có làm lễ ấy ngày ràm mà thôi: [g] bởi có phép đức Chúa blời [h] mới có nhật thực ấy, [h] vì chưng khi ấy mạt blang ở ẩn mình nhưdưới đất, khi mạt blời ở tlên, đang nửa ngày, [i] mà thốắt chóuc mạt blang thì lên, cho đến dưới mạt blời ngay, mà che mạt blời, [k] chẳng lọ là che một hai nước, như thường làm, [l] mà lại che cả và thien hạ, cho nên

ſaret,

faret, ita vt denſiſſimæ vbique eſſent tenebræ, quod nunquam aliàs contigit, [m] *& tres integras horas,* [m] *quandiù Saluator in Cruce viuus patiens permanſit, eclypſis duraret,* [n] *quaſi vel ipſa quamuis inanima, cæli lumina,* [o] *tantum ludæorum ſcelus, tantam Filij Dei, omniumque Conditoris ignominiam videri erubeſcerent,* [p] *hoc ab orbe condito inauditum miraculum, cùm Dionyſius gentilis philoſophus, & inſignis mathematicus, Hieropoli in Aegypto vidiſſet, rei nouitate commotus exclamauit:* [q] *Aut Deus naturæ patitur, aut mundi machina diſſoluetur.* [r] *Cùm verò deinde labentibus annis, Athenis Paulum Apoſtolũ audiſſet diſſerentem de Chriſtiana lege,* [s] *deque Chriſti Domini Paſſione & miraculis, quæ in illa acciderant,* [t] *& præcipuè de*

no mọi nơi phải tối tam mù mịt, chưa hề thấy [m] lần nào làm vậy: [m] mà lại nhệt thực ấy một giờ rưỡi làm tối mạt blời, đang khi đức Chúa Ieſu còn ſống chịu tội tlên cây [n] Crux, [n] như thể đèn [o] blời, dầu chẳng ſống, [o] thì hổ ngươi, mà chẳng cho ai thấy Con đức Chúa blời, làm nên mọi ſự, có chịu xấu hổ từng [p] ấy. [p] Oũ Dionyſio là cỗ ên tử, hay tư thien lám, khi ấy ở thành Hieropoli tlaõ nước Aegypto, mà thấy ſự là, từ đức Chúa blời hóá nên blời [q] đất chưa từng thấy làm vậy, thì kẻo cả tiếng [r] ràng: [q] hai là Chúa cả ſinh mọi lõài, bây giờ có chịu khó, hay là thế giái nầy tận ra. [r] Mà đến ſau, qua mấy năm, khi oũ ấy nghe thấy oũ thánh Paulo, là đấy tớ cả đức Chúa [s] Ieſu, ở thành Athena, giảng đạo thánh đức [t]

Chúa blời, [s] mà kể ſự đức Chúa Ieſu chịu tội, [t] cũ nhén lạ có đến khi ấy, [t] nhứt là kể ſự nhệt thực

inaudi-

inaudita illa ſolis eclypſi,
u *atque in eamdem diem,*
& horam, quam ipſe Hie-
ropoli notarat, incidiſſe
comperiſſet, x *Chriſtianam*
veritatem amplectens ab
eodem Apoſtolo fidem Chri-
ſtianam ſuſcepit.
y *Hora autem nona Domi-*
nus Ieſus clamans voce
magna, z *Pater in manus*
tuas commendo Spiritum
meum. a *Et inclinato ca-*
pite tradidit ſpiritum:
b *moxq, vt hominibus ra-*
tione præditis in vniuerſo-
rum Dominum impiè ſæ-
vientibus, c *inanimes ſal-*
tem creaturæ mœroris, &
luctus ſigna in illius mor-
te exhiberent, d *ecce velũ*
templi ſciſſum eſt in duas
partes, à ſummo vſque
deorſum. e *Terra mota*
eſt: ita vt varijs in Regnis
Vrbes non paucæ debiſcen-
te terra abſorptæ dicantur.
f *Petræ ſciſſæ ſunt: ita vt*
non ſolum in caluariæ loco,
g *ſed in alijs etiam mul-*

Ngày thứ bảy

u lạ ấy: u oũ Dionyſio thấy có đến cũ một ngày, và một giờ, khi mình ở thành Hieropoli, mà xem
x được như vậy, x thì tin và theo đạo thạt, mà oũ thánh Paulo có tlao đạo thánh cho oũ ấy.
y y Hết giờ mùi ſang giờ thân đức Chúa Ieſu kêu
z cả tiếng ràng: z lạy đức Cha, Con phủ linh hồn Con, ở tay đức Cha:
a a ſau thì gục đầu xuống, cho linh hồn mình ra khỏi
b xác: b mà khi người ta, có chúa í mình, ở dữ tợn cũ đức Chúa cả, tlên hết
c mọi ſự, c ít là những lỏài chẳng có hồn, làm hình lọ buồn kháoc laóc, khi
d người chịu chết, d vậy cái màn che đền thánh khi ấy xé ra, từ tlên cho
e đến dười, e mà đất thì phải đọũ, cho nên có tin nước nọ nước kia ràng, có nhều thành ha xuống
f tlaõ đất, mà biến đi: f cũ có hòn đá nhều vỡ ra làm hai, chẳng lọ là ở
núy Caluaria; g mà lạy ở dều nơi khác, nhứt là ở

tis, & præcipuè in Etruria Italiæ Prouincia, Aluerniæ mons, [h] *& in Campania Caietæ promontoriũ, à ſummo ad imum ingenti hyatu diſciſſum fuiſſe dicatur, vt ad hanc vſque diem cerni fertur:* [i] *& monumenta aperta ſunt, & multa corpora ſanctorum ſurrexerunt.*

[k] *Stabat autem iuxtà Crucem Domini Ieſu, hæc omnia ſpectans, afflictiſſima parens Virgo Maria,* [l] *atque incredibili animi dolore de vnici ac dilectiſſimi Filij morte ſaucia,* [m] *ita vt penè exanimis ipſa remaneret.* [n] *Interim venerunt feri milites, & duorum quidem latronum fregerunt crura:* [o] *ad Ieſum autem cum veniſſent, vt viderunt eum iam mortuum, non fregerunt eius crura,* [p] *(vt impleretur Scriptura, quæ dicit; os non comminuetis ex eo,)* [q] *ſed vnus militum lancea*

nước Italia tlaõ xứ Etruria, có núi Aluernìa, [h] và tlaõ xứ Campania có núi non gần thành Cayeta, có truyen ràng, khi ấy lỏ ra từ đầu núi cho đến chên, mà làm lỗ mlớn, như ràng coi thấy đến nay: [i] lại khi ấy cũ có cái mả mở ra, mà thân xác nhều người thánh có sóũ lại.

[k] đức Chúa Bà Maria là đức Mẹ đòũ thân khi ấy thì ſầu não rứt mực, mà đứng áp cây Crux đức Chúa Ieſu chiụ tội, [l] có lo buồn thế nào, khi thấy một Con mình rứt kính yêu, mà chết làm vậy, ta [m] ſuy chẳng đến, [m] cho nên người cũ đã hấu ſinh thì. [n] Bấy giờ cỡên dữ có đến, mà chạt blái chên hai đứa kẻ tlộm, [o] ſaõ đến cũ đức Chúa Ieſu, khi thấy đã qua đòi, chẳng có chạt blái chên người [p] (vậy thì mlòi tlaõ kinh đức Chúa blòi ra thạt khi ràng chớ có đánh gảy xương xác người,) [q] ſaõ le có một cỡên! [q]

latus

latus eius aperuit: [r] *& continuò exiuit sanguis & aqua, quæ etiam peruenerunt ad oculos militis percutientis:* [f] *& vt scribit Nazianzenus, is cùm antea lippis esset oculis, & ferè cæcus,* [t] *statim visum recuperauit, & corporis, & animæ,* [u] *statim enim Dominum cognoscens, quẽ tam impiè lancea percusserat, doluit valdè,* [x] *veniamque petens illam ita obtinuit, vt posteà Sanctus etiam euaserit.* [y] *Centurio autem custodiẽs audito clamore valido expirantis Domini, dixit:* [z] *Verè hic homo erat Filius Dei;* [a] *& omnis turba eorum, qui aderant, viso terræmotu, & ijs quæ fiebant,* [b] *pœnitentia moti percutientes pectora sua reuertebantur.* [c] *Expedit hoc loco exponere præclaram aliquam Christi Domini, è cruce*

Ngày thứ bảy

tlaõ nó, càm lưỡi đòũ, mà đâm đức Chúa Iesu, [r] mở bên sườn cụt: [r] thoát chóuc thì máu và nước chảy ra, mà đến [f] con mát coên đâm: [f] oũ thánh Nazianzeno chép ràng: cõên ếy tlườc nù con mát lám, đã hầu tối, [t] [t] mà tức thì dược sáng [u] và xác, và linh hồn: [u] vì chưng một chóuc có dìn đức Chúa Iesu, mà lo láng gia giết, vì mình cầm lưỡi đòũ đã đâm [x] dữ làm vậy: [x] có cầu đức Chúa Iesu tha, mà được tha, cho nên, đến sau đã được nên thánh. [y] [y] Cũ có oủ cai một tlam cõên, khi nghe thấy đức Chúa Iesu, đang tlút linh hồn ra, mà kêo cả [z] tiếng, thì xưng ràng: [z] thạt người nầy là Con đức Chúa blời mà chớ. [a] [a] Lại đàn người ta hết có đếy thảy đoủ đến và [b] sự khác lạ, [b] thì ăn năn lại, mà đánh ngực về.

[c] đến nơi nầy thì phải lấy ảnh nào khéo đức Chúa Iesu đáõ đánh tlên cây Crux, mà đam ra cho người

penden-

pendentis effigiem, [d] *cum candelis & odoribus, ſi fieri poteſt,* [e] *& tunc ad præſentes loqui in hunc, aut ſimilem modum.*

[f] *Tu verò quiſquis corde ades, attolle mentis oculos, & in Ieſum Chriſtum Cruci affixum, & exanimẽ quaſi præſentem contemplare.*

[h] *Hic eſt ille, quem Deus, obſeratas à primis parentibus olim paradiſi fores, reſeraturum promiſerat.*

[i] *Hic ille, quem idem Deus antiquis Patriarchis, & Prophetis, humani generis Redemptorem venturum reuelarat:* [l] *hic ille, qui cum eſſet natura Deus impaſſibilis, ſic paſſibilis pro nobis homo fieri voluit,* [m] *qui cùm æternæ ſalutis viam oſtendiſſet,* [n] *maximiſque miraculis cæleſtem, quam prædicabat, doctrinam cõfirmaſſet;* [o] *proprij ſanguinis effuſione Patri pro noſtris ſatisfaciens delictis,*

[d] ta xem, [d] có dẽọn cái nến, và cái hương, thì

[e] mới tốt, [e] mà khuyen người ta có đến làm chệy, hay là thế như ếy.

[f] [f] Ai nếy có í đây, hãy ngửa con mát linh hồn

[g] lên, [g] mà ngắm đức Chúa Ieſu, như bàng còn tlước mạt ta, đáõ đánh tlên cây Crúx mà chịu tội

[h] chịu chết làm chệy. [h] Nây là người, đức Chúa blời đã phán nói hứa đời tlước, sẽ mở ra cửa thien đàng, tổ tứ ta khỏõ xưa đã đáõ lại. [i]

[i] Nây là người, đức Chúa blời đã truyền cho thánh đời xưa có chịu sấm truyền, ngày sau đến kóu lỏài người ta. [l] Nây là

[l] người, thạt là đức Chúa blời, tự nhyen chẳng chịu đượ̣c đí gì, vì chúng tôi đã chọn làm Con người, mà chịu nạn làm chệy, [m] khi đã mở đàng cho ta

[m] đượ̣c chui chể vo cử, [n] lại

[n] làm phép rứt mlón, cho người ta tin thạt mlời mình giảng: [o] sau thì dỗ mậu mình ra, mà đền tội chúng tôi cử đức Cha,

p *ignominioſiſſimæ mortis tolerantia, ad æternam vitam nobis aditum reſerauit.* q *Hic vnicus hominũ Redemptor & Saluator,* r *ſine cuius ope, veram conſequi ſalutem animæ nemo poteſt,* f *ideò hunc ab omnibus agnoſci cupimus,* t *& gentibus omnibus, quantum vires ferunt, prædicamus.* u *Tu ergo ſi mente polles, & ea quæ huc vſque diximus, non ſurdis auribus audiſti;* x *agnoſce immenſam Redemptoris tui benignitatem,* y *qui cùm nullis hominum bonis indigeret,* z *pro noſtra tamen ſalute tantopere laborauit,* a *qui cùm cæli terræque verus Dominus ſit,* b *vt nos ingratiſſimos ſeruos redimeret, tot dolores, tot cruciatus, tot ignominias tam atrox ſupplicium ſubire voluit.* c *Intuere cæli Dominum Redemptorem tuũ, pro te in patibulo pendentem,*

p p chịu chết rứt xấu hổ, mà, mở cửa cho ta đượ-
q ợc hàng ſóũ ḉệy: q ấy là một Chúa chuộc kẻ-u
r lõài người ta, r mà ḉi bàng chẳng có giúp ſức cho ta, chẳng có ai chịu đượ-c rồi thạt linh hồn:
f f vì ḉệy chúng tôi ước
t cho thien hạ đìn lấy, t mà vì ſự ấy chúng tôi giảng ra hết ſức, cho các
u nước hay. u ấy ḉệy mà nếu bạu hay ſuy mlẽ, nếu có nghe mlời giảng, từ-
x tlước đến nay, mà chẳng x tai điếc; x thì nhìn lấy nhin lành vô cũ đức
y Chúa leſu, kẻ-u bạu, y
z dầu người chẳng có dữ
a gì lõài người ta, z ſaõ
b le đã chịu khốn khó chừng ấy, cho ta đượ-c
a rồi: a dầu làm thạt Chúa
b blời đến, b có chịu đau, chịu hình, chịu xấu hổ chừng ấy, mà lại chịu
c đáõ đanh khốn nạn lạm ḉệy cho ta, là tôi tá phàm hèn, vo phét, chẳng
c hay ơn, mà chuộc chúng tôi. c Hãy xem đức Chúa blời chuộc tội cho bạu, mà bẽo tlên cây Crux,

tem,

tem, & membris omnibus lacerum: [d] cerne manus innoxias miraculorum operatrices largo manantes sanguine: [e] vide Sanctissimos pedes, te ad æternam salutem quærendo defessos, diris confixos clauis: [f] attende Diuinum latus crudeli perfossum lancea: [g] spectа totius elegantiæ vultum, sanguine sputisque opertum; [h] & serenissimã quondam frontem spineo serto cruentatam. [i] Considera nobilissimum Principem in ipso iuuentutis flore, ceruice deflexa, [l] ignominiosissimam pro te resolutum in mortem. [m] Et quando vicem tantis beneficijs rependere non vales, [n] agnosce saltem immensam illius erga te charitatem, [o] fusisque ex intimo cordis sensu lacrymis, [p] tuæ erga illum compassionis, & grati animi signum exhibe. [q] En ipsi, qui Redemptorem tuum

cả và mình nát: [d] hãy coi tay thánh, chẳng hay làm sự gì lỗy, mà hay làm phép nhiều, bây giờ chảy máu ràõ ràõ: [e] hãy xem chân rứt thánh, khi tìm bạu, cho được rồi vô cữ, thì nhạoc, mà bây giờ chịu đáõ đanh khốn lám. [f] Hãy coi sườn đức Chúa blời, có lưỡi đòũ dữ đâm đẽào: [g] hãy ngãm mạt xưa gồm mọi sự tốt lành, mà bây giờ máu, cữ đàm giở thi che hết: [h] và tlán xưa rứt đui, những gai thâu đẽào, cho nên chảy máu ra. [i] Hãy suy, hãy xét Chúa rứt sang, rứt traõ, khi đang thì nên ngườ̀i, côi có xưống đâu, [l] mà chịu chết rứt xấu hổ vì bạu. [m] Khi bạu chẳng hay blả on cả làm đẽy cho nên, [n] ít là nhìn lẽy làõ đức Chúa Iesu yêu bạu chẳng cữ, [o] mà khi bạu chảy nước mắt, bồi làõ lo lám, [p] thì làm dễ âu có làõ thưâng, và hay ơn đẽy. [q] Ey là kẻ tlước đã hủy bàng đức Chúa Iesu,

ſuerant perſecuti; [r] *in illius morte triſtantur, & pectora percutiunt;* [f] *ſurgunt ad compatiendum morienti Ieſu mortui,* [t] *& res ipſæ inanimes in Domini obitu inuſitatas doloris ſignificationes edunt:* [u] *& tu qui ratione polles, pro quo Saluator pendet in ligno,* [x] *tam durus eris ac ferreus, vt non ſoluaris totus in lacrymas?* [y] *nõn liqueſias in gemitus? non totus in tantæ charitatis amorem, & gratitudinem accendaris?* [z] *Sic igitur alloqueris pïſſimum Dominum,* [a] *Saluatorem amantiſſimũ in Cruce pro te pendentem.* [b] *Aue Rex meus, & Saluator meus pïſſime,* [c] *tu tu ſolus meos es miſeratus errores,* [d] *æterno Patri obediens, vſque ad mortem, mortem autem Crucis;* [e] *gratias tibi ago, quas poſſum licet exiles,* [f] *pro tot*

Ngày thứ bảy

[r] chụôc tội bạu, [r] khi đã thấy chết, thì lo láng mà đánh ngực. [f] Lại kẻ đã chết thì lóũ lại, mà thưâng xót đức Chúa Ieſu chiụ chết [t] làm chệy. [u] mà bạu là kẻ biét mlẽ, mà đức Chúa Ieſu kó-u bạu, ở bêu tlên [x] cây. [x] Sao bạu kứnh lãõ bàng săt chệy, mà chẳng chảy nước mạt rãõ rãõ, [y] [y] ſao chẳng kháoc láoc, mà thưâng xót, kính mến, cám ơn đức Chúa Ieſu hét lãõ hết ſức chệy? [z] [z] nhin vì ſự ếy bạu thì phải lếy mlòi làm chệy, mà cầu cữ đức Chúa [a] Ieſu rứt nhin, [a] rứt yêu và kó-u thế, ở bêu tlên Crux vì bạu.

[b] [b] Tôi lại đức Chúa Ieſu, là chua Chúa tôi, nhin [c] lành mà kó-u tôi, [c] có môt đức Chúa Ieſu, lãõ thưâng tôi, [d] mà chiụ lụy đức Cha, hàng có chệy, cho đến chiụ chết, mà chết tlên cây Crux: [e] tôi cám ơn đức Chúa Ieſu hết lãõ, dầu hèn, [f] vì đức Chúa Ieſu

exantla-

exantlatis laboribus, ac doloribus pro ſalute mea, [g] *doleo ex toto corde, quod hactenus infinitam Maieſtatem tuam, tam impiè ingratus offenderim,* [h] *doleo quod hactenus tibi, vt debebã, non ſeruierim,* [i] *& quod potius inimicis tuis obtẽperauerim intimè doleo,* [k] *Vtinam te nunquã offendiſſem Domine mi amãtiſſime;* [l] *vtinam ſemper mandatis tuis obtemperaſſem Pater ſuauiſſime.* [m] *ſed quia quæ iam ſunt præterita in mea poteſtate non ſunt;* [n] *firmiter ſtatuo in poſterum tibi ex toto corde ſeruire,* [o] *mandatiſque tuis ex totis viribus obedire, vſque ad vitæ huius exitum.* [p] *Abrenuntio itaque idolis vaniſſimis,* [q] *& ſectis omnibus diabolicis, quibus hactenus ſtultè adhæſi,* [r] *& te verum Deum meum, pro me in Cruce*

đã chịu bấy nhêu sự khốn khó, cho tôi được lành: [g] tôi lo buồn hết lắm, vì tôi phàm hèn, chẳng hay nghĩa, từ trước đến nay, đã phạm tội lỗy cũ đức Chúa blời, trạo vo cữ: [h] tôi ăn năm sầu não, vì tôi xưa nay chẳng có dưng phép đức Chúa blời như phải mlẽ, [i] mà lại tôi đã nghe những ỏan gia đức Chúa blời, tôi càng lo buồn tlaõ lào tôi: [k] chớ gì tôi chẳng có khi nào lỗi nghĩa cữ Chúa tôi, là rứt nhin: [l] chớ gì tôi có giữ lien mlời răn đức Chúa Iesu, là Cha tôi rứt lành: [m] saõ le vì sự đã qua chẳng còn có ở mạc lào toi: [n] tôi doục một lào, từ nầy về sau, phục đức Chúa Iesu hết lào, [o] và dưng mlời đức Chúa Iesu răn, cho đến khi hết hơi. [p] vì bẹy tôi bó hết bụt đi, là những khoũ dối, [q] và mọi đạo quỉ, toi dại xưa nay đã theo: [r] mà tôi lại đức Chúa Iesu, thạt là đức Chúa blời, cữ là Chúa tôi,

paſſum,

paſſum, & mortuum adoro, [f] *& benedico in ſæcula ſæculorum, Amen.*

[t] *Cùm Chriſtus Dominus in Cruce mortuus eſt,* [u] *nõ quidem vt Deus, ſed vt homo,* [x] *eius anima Sanctiſſima eſt à corpore ita ſeparata,* [y] *vt tamen tam anima, quàm corpus, ſemper fuerint vnita Diuinæ Perſonæ filij,* [z] *quod enim Filius Dei ſemel aſſumpſit, nunquam dimiſit.* [a] *Sed ſicuti ſi quis è vagina gladium educat, dextera gladium tenet, ſiniſtra vaginam:* [b] *ſic Diuina Chriſti perſona,* [c] *Sanctiſſimam ſuam animam educens è corpore,* [d] *cùm Sanctiſſimam animam, tùm corpus Sacratiſſimum, ſibi ſemper hypoſtaticè vnita retinuit, nec vnquam dimiſit:* [e] *ſed cùm Sanctiſſimum eius corpus adhùc in Cruce pendet mortuum,* [f] *Anima Beatiſſima in in-*

Ngày thứ bảy

đã chịu tội, chịu chết [f] tlên cây Crux vì tôi, tôi ước đức Chúa Ieſu cả ſáng đời đời chẳng hề.

[t] Khi đức Chúa Ieſu tlên cây Crux đã chịu chết, [u] chẳng phải tính đức Chúa blời chịu chết, that là tính người mà chớ, [x] vì rứt thánh linh hồn [y] ra khỏi xác; [y] ſaõ le và linh hồn, và xác chảnh có lìa ngôi thứ hai, là đức Con đức Chúa blời: [z] vì chưng đức Con đức Chúa blời, có lấy gì một lần, chẳng [a] có bỏ nữa. [a] Như thể có ai rút gươm ra, tay mạt cầm gươm, tay tlái [b] cầm bỏ gươm: [b] ngôi thứ hai đức Chúa blời, là ngôi đức Chúa Ieſu cũ [c] như chẳng hề: [c] vì chưng khi đam rứt thánh linh hồn mình ra khỏi xác: [d] và cầm rứt thánh linh hồn, và rứt thánh xác, còn dính lấy làm một bởi ngôi thứ hai lien, [e] mà chẳng có khi naò bỏ. [e] Saõ khi rứt thánh xác đức Chúa Ieſu còn ở bêu tlên cây Crux chết chẳng, [f] linh

ſernum

fernum deſcendit; [g] *at quatuor ant Inferorum loca.* [h] *Profundiſſimus omnium eſt diaboli, & eius angelorum locus,* [i] *ibi eſt ignis æternus, in quo plectuntur, tam dæmones, quam damnatorum animæ, cruciatibus æternis,* [l] *nam vermis eorum non moritur,* [m] *nec ignis extinguitur in æternum.* [n] *Supra illum locum ſunt purgatoriæ flammæ,* [o] *in quibus purgantur animæ iuſtorum.* [p] *qui nondum plenè pro peccatis remiſſis ſatisfecerunt, in hac vita.* [q] *Tertius eſt infantium carcer,* [r] *qui ſcilicet ex hac vita, cum peccato originali migrarunt, & in tenebris detinentur,* [ſ] *non tamen cruciantur igne, aut alijs tormentis,* [t] *quia nullum habent peccatum actuale, quod nimirum ipſi cõmiſerint,* [u] *ſed ſolum originale peccatum, quod ab Adamo traxerunt.* [x] *Quartus denique locus eſt Sanctorum Patrum Limbus,*

hồn rứt chui chế người thì xuống địa ngục. [g] Mà tlaõ địa ngục thì có bốn chốn. [h] Nơi rùt sâu, là ngục ma quỉ, và các thiên thần bạn nó, [i] đẽy có lửa đời đời, phạt và các quỉ, và các linh hồn dữ, chịu hình lửả đời đời chệy, [l] vì cái sâu, cán ruột chúng nó, chẳng hay chết, [m] và lửả đốt lien, chẳng hay tát đời đời. [n] Tlên nơi ẽy thì có lửả giảy tội, [o] tlaõ ẽy có giảy linh hồn người lành, [p] khi chứa có blả cho hết nợ tội mình, khi còn sóũ ở thế nẫy, dầu đã chịu tha vạ vô cử. [q] Nơi thứ ba là ngục con tlẻ nhỏ, [r] đã qua đời, kia hãy còn có tội tổ tũ ta truyền cho, mà ở chốn tối tam chệy, [ſ] saõ le chẳng có phải chịu lửả hay là hình khác; [t] vì chẳng có tội gì mình lam, [u] saõ có một tội oũ Adam truyền cho. [x] Nơi thứ bốn tlên hết, là chốn

; &

y & hic erat etiam carcer, y in quo ſcilicet iuſtorum omnium animæ detinebãtur, z ab orbe condito, z vſque ad pretioſiſſimam Chriſti Domini mortem, a quamuis à peccatis immunes, in eo tamen loco ſubterraneo erant, tanquã in cuſtodia, b donec Saluator noſter Chriſtus Dominus, c per mortem ſuam pretioſiſſimam, & Diuinum ſanguinem, d pro peccatis omnibus plenè ſatisfeciſſet.

c Igitur Sanctiſſima Criſti Anima, f ſtatim atque fuit à corpore ſeparata, in hunc quartum, ideſt ſupremum inferni locnm deſcendit, g eòque Sanctorum Angelorum copijs ſtipata ſe contulit, h & quia Sanctiſſima illa anima, i Diuinitati, vt diximus, vnita erat, k limbi locum ingrediens, non ſolum illum cæleſti luce, incredibilique gaudio compleuit, l ſed etiã

các thánh đời xưa ở, y gọi là limbo, y đấy cũ là tù rạc, vì chưng tlaõ ấy có cầm các linh hồn người thánh, z tù đầu hết thế, cho đến đức a Chúa Ieſu chịu chết: a dù mà đã ſạch hết tội, ſaõ le còn cầm tlaõ ấy dưới đất, như tlaõ tù bệy, b cho đến khi đức Chúa Ieſu, là Chúa kẻu chúng, c tôi, c có chịu chết, mà đổ máu thánh mình ra, d bệy có chuộc chung mà blả mọi tội cho hết. e ey bệy mà rứt thánh linh hồn đức Chúa Ieſu, f đến khi ra khỏi xác, thỏát chóuc có xuống đia ngục thứ bốn nầy, g là ngục tlên hết, g mà có nhều chiéc đức thánh thien thần xuống cũ: h ſaõ le vì rứt thánh linh hồn ấy, i như đã nói tlước, chẳng co là tính đức Chúa blời, k khi bẽào nơi limbo, chẳng lo là làm cho ſáng như tlên blời, và đấy những ſự bui bế đấy: l mà lại làm

iuſtos

iuſtos omnes, qui ibi erant, ad beatam Diuinitatis viſionem euehens, ex illa bora paradiſi felicitate & gloria beauit, [m] *Sicuti & paulò poſt aduenientem boni latronis animam,* [n] *iuxtà promiſſum in Cruce pendenti paulò ante factum, à Domino Ieſu dicente:* [o] *hodie mecum eris in paradiſo:* [p] *nam ille inferni locus tunc incepit fieri paradiſus.*

[q] *Interim Sanctiſſimum Ieſu Chriſti Corpus pendebat in Cruce,* [r] *ab Anima quidem ſeparatum, non tamen à Diuinitate deſtitutum.* [s] *Cum autem ſerò factum eſſet, vnus ex diſcipulis Ieſu Chriſti,* [t] *nomine Ioſeph, nobilis decurio,* [u] *Sanctiſſimum illud Corpus à Pilato impetrauit,* [x] *& cùm è Cruce depoſuiſſet, illud coram Virgine Matre,* [y] *& alijs pijs matronis & vno aut altero Chriſti Domini di-*

cho các thánh ở đấy, coi thấy mặt đức Chúa blời tự ấy, mà được [m] thinh nhàn đời đời, [m] cũ qua một thôi, có linh hồn người gọi là kẻ tlộm lành, đã được như [n] vậy, khi đến đấy, [n] như mlời đức Chúa Ieſu, khi ở tlên cây Crùx, đã phán một gey tlước cũ, khi [o] ràng; [o] mầy hôm nay ở được cũ tao tlaõ noi [p] chui bé: [p] vì chưng noi ngục ấy, ra noi chui bé thinh nhàn vậy.

[q] [q] Khi ấy rứt thánh xác đức Chúa Ieſu cồn ở [r] bêu tlên cây Crux, [r] dù linh hồn đã lià ra khói, [s] saõ le chẳng có liá tính đức Chúa blời: [s] mà đến khi đã tối, có một đấy [t] tớ đức Chúa leſu, [t] tên là oũ Ioſeph ſang traõ, [u] làm cai mười cõên, [u] thì xin được cũ Pilato, rứt [x] thánh xác ấy, [x] mà khi đam xuống bỏi tlên cây [y] Crux, tlước mạt đức Mẹ đòũ thân, [y] và tlước mạt khác đẩn bà lành, cũ có một hai đấy tớ

ſcipulo, [z] *inuoluit in Sindone, & poſuit in monumento ſuo nouo,* [a] *quod excíderat in petra, in quo nondum quiſquam poſitus fuerat:* [b] *& dduoluit ſaxum magnum ad oſtium monumenti.* [c] *Poſteà conuenerunt Scribæ & Phariſæi ad Pilatum dicentes:* [d] *Domine recordati ſumus, quia ſeductor ille* [e] *dixit adhuc viuens, poſt tres dies reſurgam.* [f] *Iube ergo cuſtodiri ſepulchrum vſque in diem tertium,* [g] *ne fortè veniant diſcipuli eius & furentur eum, & dicant plebi ſurrexit à mortuis.* [h] *Et dicente Pilato, habetis cuſtodiam, ite cuſtodite ſicut ſcitis,* [i] *illi abeuntes munierunt ſepulchrum ſignantes lapidem, cum cuſtodibus.*

[k] *In tertio autem die à Sanctiſſima Ieſu Chriſti morte* ([l] *quo die ſe reſurrecturum ſæpè ipſe Dominus prædixerat*) [m] *die vix illuceſcente, Sanctiſſima*

[z] đức Chúa Ieſu, [z] thi bao lại tlaõ bức khan, mà [a] đề tlaõ mả mới, [a] đã mở tlaõ đá, mà tlaõ mả [b] ấy chưa có đề ai; [b] và lấy la đá mlớn đáõ cửả [c] mả ấy. [c] Thôi đoạn, ngũng kẻ hay chữ nghia thì hộp lại, mà đến cũ Pilato, rằng: [d] chúng tôi lay oũ, chúng tôi đã nhớ, người nầy hay dối blả, [e] mà khi hãy còn ſóũ đã nói, từ chết đến ngày thứ ba tao lại ſóũ lại: [f] Vì bệy oũ phải khiến giữ mả ấy, cho đến ngày [g] thứ ba, [g] kéo đầy tớ người ấy đến cát lấy tlộm, mà ràng cũ đến, [h] đã ſóũ lại. [h] Khi ấy Pilato ràng: bay có cỏên hay giữ, hãy đi mà giữ [i] mạc í bay: [i] bấy giờ nó đi, mà đánh ấn ở nơi mả ấy, lại đề cỏên quanh quẻ mà giữ bệy.

[k] [k] Từ đức Chúa Ieſu chịu chết, đến ngày thứ ba, [l] [l] (là ngầy đức Chúa Ieſu đã phán nhều lần được ſóũ lại,) [m] khi ngày

ipſius

ipſius Anima, [n] *circumdata iuſtorum animabus, è lymbi carcere eductis,* [o] *necnon Angelorum multitudine maxima,* [p] *ad ſepulchrum pergens, & Sanctiſſimo Corpori ſe iungens,* [q] *illud ſtatim impaſſibile, & glorioſiſſimum ſuſcitauit.* [r] *Qui enim alios ſolo verbo, & imperio ad vitam reuocarat,* [r] *quidni eadem Diuina virtute ſeipſum ſuſcitaret?* [t] *& quidem tanta facilitate, vt è ſomno potius euigilare videretur,* [u] *Reſurgens autem, lapide qui erat ad oſtium monumenti immoto, & ſigillo infracto,* [x] *per ſummum miraculum egreſſus eſt è ſepulchro, fortè cuſtodibus ipſis videntibus, & miraculo attonitis.* [y] *Mox terræ motus factus eſt magnus: Angelus enim Domini,* [z] *cuius aſpectus ſicut fulgur de cælo deſcendit,* [a] *& Chriſtum Ieſum reſurrethần,* [z] *bởi blời mà xuống, có mạt như ſấm chướp,* [a] *làm chứng đức Chúa Ieſu đã ſóũ lại.*

[n] ếy bằng tựng là hỏạ, rứt thánh linh hồn đức Chúa Ieſu, [n] bói linh hồn các người thánh,
[o] đã khói tù lymbo, [o] và có nhều đức thánh thiên
[p] thần đi cữ, [p] có lên nơi mả, mà nhệp đẻăo tlaõ
[q] rứt thánh xác mình làm một cữ; [q] thỏát choúc làm cho ſóũ lại, rứt tốt, rứt lành, chẳng hay chịu
[r] khốn khó gì nữa. [r] Vì chưng đức Chúa Ieſu đã lam tlước cho kẻ khác ſóũ lại, khi khiến
[t] một đều, [t] mà ſao chẳng dữ được phép mình, là phép đức Chúa blờ̀i, cho mình ſóũ lại? [t] lại làm dể lám như thể ngủ mà
[u] thức dẹy. [u] Sõ le khi đức Chúa Ieſu ſóũ lại, dù còn la đá đáõ cửa mả, lại ấu đánh đ'ẽy còn lành
[x] hết, [x] làm phép cả, ra khói mả: âu là cỏên giữ, cữ thấy phép lạ ếy, mà
[y] hãi. [y] thì đcan có đọũ đ'ết lám, vì đứ Chúa bờ̀i lại đức thánh thiên

[z] thần, [z] bởi blời mà xuống, có mạt như ſấm chướp, [a] làm chứng đức Chúa Ieſu đã ſóũ lại.

xiſſe teſtatus eſt. [b] *Præ timore autem eius, magis adhuc exterriti ſunt cuſtodes, & facti ſunt velut mortui.* [c] *tum quidam ex illis omnia quæ acciderant nunciauerunt Scribis,* [d] *& Phariſæis; Iudæos gubernantibus* [e] *hi conſilium ineuntes, pecuniam copioſam dederunt cuſtodibus,* [f] *incitantes eos, ac dicentes; dicite quia vobis dormientibus,* [g] *diſcipuli eius nocte venerunt, & furati ſunt eum.* [h] *& cuſtodum quidem aliqui accepta pecunia fecerunt ſicut erant edocti.* [i] *Longinus verò, quem præcipuè illa quæ in Chriſti Domini morte conſecuta miracula,* [k] *in ipſius Diuinitatis cognitionem duxerant,* [l] *& deinde miraculis etiam plena Reſurrectio in eadem fide magis confirmarat,* [m] *à Phariſæis ſeduci nequaquam potuit,* [n] *ſed vel illis reclamantibus, contradicentibus & dura quæuis, etiam ipſam mortẽ mini-*

Ngày thứ bảy

[b] [b] Khi ấy những cǒên giữ càng ſợ hơn nữa, kinh khủng, mà ngã như đã [c] chết đêy. [c] thôi đǒan có kẻ thì dẹy mà đi kể bấy nhêu ſự ấy cũ kẻ hay [d] chữ nghĩa, [d] và cũ Pharifeo, là kẻ ſửa nước [e] Iudea, [e] nó thì hộp lại mà tǒan cũ nhau đi lỗ [f] cǒên giữ ấy, [f] mà giục làm đêy, ràng: bay hãy [g] nói, khi bay ngủ, [g] có đầy tớ người đến ban đêm, mà lấy tlộm đi. [h] [h] tlaõ cǒên giữ ấy, có kẻ thì thộ lỗ, mà nói ra [i] như mlời bảo ấy, [i] ſaõ le oũ Longino bởi đã thấy phép lạ khi đức Chúa Ieſu đã chịu chết, [k] [k] mà đã tin tlước, thạt là đức Chúa blời, mà [l] chợ, [l] lại thấy những phép lạ nữa, khi đức Chúa Ieſu ſóũ lại, mà càng bền tin thạt hơn nữa, [m] [m] Phariſæo dẽở người, mà nói dối chẳng [n] được, [n] dù nó cãi lại, mà đe làm khốn người, cho đến giết chẳng đe,

tanti-

tantibus , ° *Chriſti Domini Reſurrectionem* , *Diuinitatemque prædicans* , P *multos ad Chriſtianam* P *Fidem conuertit* , q *quam* q *poſtremo ob cauſam* , *lubens* , *ac lætus mortem ſubijt*, *& martyrio coronatus eſt*.

r *Cùm autem Dominus Ieſus à mortuis ſurrexiſſet*, r
ſ *primum Virgini Matri*, ſ
quæ de tam asroci vnici ac dilectiſſimi filij morte vltrà quam credi poteſt dolore conſternata merebat, t *glorioſiſſimus appa-* t
rens, *eam ſecundum multitudinem dolorum ipſius*, *cæleſti ſolatio recreauit*.
u *mox miſit Angelos*, *qui* u
ipſum, *iuxtà ſuam prædictionem*, *verè iam reſurrexiſſe teſtarentur* : x x
deinde ipſe quadraginta dierum ſpatio, y *tum Apo-* y
ſtolis, *tum alijs diſcipulis*, *modo ſingulis* , *modo binis* , *modo denis* , *modo*

° ° oũ Longino thì một nổi ra , mà giảng cho người ta hay, đức Chúa Ieſu đã ſóũ lại, và thạt là
P đức Chúa blờ̀i, P cho nên nhều người chịu lế̂y đạo thánh , mà tin;
q q đến ſau vì ſự ế̂y oũ thánh Longino đã muấn, và mấng, mà chịu chế̂t vì đạo.
r r Khi đức Chúa Ieſu bở̉i tlaõ kẻ chế̂t mà lại ſóũ
ſ lại, ſ tlước hế̂t thì hiện ra viếng đức Mẹ đòũ thân, có ſầu não thế̂ naò vì thấy đức Con chịu chế̂t làm ḍ̂ey, lo chẳng
t đến, t mà đức Chúa Ieſu đến cũ rứt ſáng, thì làm cho đức Mẹ ḍui ḍé laõ, bàng tlước có
u lo buân rứt mực. u đoăn thì đức Chúa Ieſu ſai khiến đức thánh thiên thần ra làm chứng, nguờ̀i đã phán tlước thế̂ naò, đã ſóũ lại như ḍ̂ey,
x x ſau nữa đức Chúa Ieſu đang bốn mười ngày,
y hiện cho đấy tớ cả xem, và đấy tớ khác nữa, y
có khi thì một, khi hai, khi mười : cũ có khi thì

pluſ-

pluſquam quingentis ſimul rediuiuus apparuit, [z] *qui omnes oculati de Ieſu Chriſti Reſurrectione teſtes extiterunt,* [a] *maximæ ſanè atque irrefragabilis authoritatis:* [b] *tum quia moribus fuere ſanctiſſimi:* [c] *tum quia maximis ad hanc præcipuè de Chriſti Domini Reſurrectione fidem confirmandam miraculis, eorum à Deo confirmata eſt authoritas;* [d] *tum quia ferè omnes ſuſcepto pro hac veritate martyrio, illam ſanguinis chirographo confirmarunt:* [e] *his accedit teſtimonium Sanctorum, qui rediuiui de monumentis exeuntes,* [f] *poſt Chriſti Domini Reſurrectionem Hieroſolymæ multis apparuerunt,* [g] *& Redemptorem à mortuis verè ſurrexiſſe teſtati ſunt;* [h] *quæ omnia ad fidem faciendam ſatis ſuperque ſunt.*

Ngày thứ bảy

hơn nam tlam người, coi tháy đứ̃c Chúa Ieſu đã ſóũ lại: [z] mà bấy nhêu người có làm chứng vì con mắt mình đã thấy đứ̃c Chúa Ieſu đã ſóũ lại.

[a] thạt là bấy nhêu chứng ấy, có phép cả cho người ta tin, mà chẳng hồ [b] nghi ſốt, [b] vì chứng ấy nhữ̃ng là người làm phúc, mà nên rứt thánh: [c] lại đứ̃c Chúa blờ̀i có làm phép mlớn, cho người ta tin được mlờ̀i người thánh ấy, nhít là mà tin ſự đứ̃c Chúa Ieſu [d] ſóũ lại: [d] mà lại âu bấy nhêu ngưới thánh ấy, đã chịu chết vì đều thạt ấy, lấy máu mình như thế đánh, ấn mà làm chứng thạt bệy. [e] cỉ có chứng khác bồi, là nhữ̃ng người thánh ấy, đã ſóũ lại, ra khỏi mả mình, [f] đến khi đứ̃c Chúa Ieſu đã ſóũ lại, người thành ấy hiện đến cũ̃ đều người ở tlaõ thành Ieruſalem, [g] mà làm chứng nói ràng, thạt đứ̃c Chúa Ieſu đã ſóũ lại: [h] bấy nhêu ſự nầy thì bua cũ thừa cho, mà tin bệy.

[i] *Et quamuis Chriſtus Dominus, cùm reſurrexiſſet à mortuis,* [k] *commiſſo ſibi à Patre, humanæ Redemptionis opere iam perfecto,* [l] *potuiſſet ſtatìm in cælum ad eumdem aſcendere: quadraginta nihilominus dierum ſpatio morari voluit in terris;* [n] *tum vt ſolaretur Sanctiſſimam Matrem, Apoſtolos, alioſque diſcipulos,* [o] *de ipſius morte triſtatos, ſpatio circiter horarum quadraginta iuxtà Iudæorum computum* [p] *(tandiù enim ipſe mortuus extitit) totidem dierum apparitione ſolaretur;* [q] *tum vt interim multa præſtaret, ad humani generis bonum,* [r] *ijs enim diebus fideles omnes in fide confirmauit;* [ſ] *Apoſtolos de multis inſtituit; multa ex ſacris libris recondita explanauit;* [t] *& præcipuè vt benè intelligerent, oportuiſſe Chriſtum pati mortem, & reſurgere à mortuis ter-*

[i] [i] Mà dầu đức Chúa Ieſu, [k] khi đã ſóũ lại, [k] đã đoạn việc kớu lỗài người ta, đức Cha đã phủ cho, [l] [l] mà lên được tlên blời bấy giờ, ở chui bể cũ [m] đức Cha: [m] ſaõ le có chọn ở lại hạ giái nầy, [n] bốn mươi ngày, [n] để và an ủy rứt thánh đức Mẹ, cũ đầy tớ cả, và đầy [o] tớ khác, [o] khi đã lo buồn vì đức Chúa Ieſu đã chịu chết, là bốn mươi giờ, kể thói nước Iudea, [p] (vì đức Chúa Ieſu ở tlaõ kể chết ngan ấy,) cũ ở lại bấy nhêu ngày, mà hiện ra an ủy hết: [q] lại làm nhều ſự về ích lỗài người ta: [r] [r] vì chưng bấy nhêu ngày ấy, có làm cho kể đã tin, càng được làõ tin bền hơn nữa, [ſ] có dẻạy dễở đầy tớ cả, cũ có giảng ra dều ſự ſâu nhyệm, tlaõ kinh đức [t] Chúa blời, [t] nhít là cho hay tỏ tường, đức Chúa Ieſu thì chọn chịu chết chệy, mà đến ngày thứ ba bởi tlaõ kể chết lại ſóũ,

tia die, [u] *& pradicari in-*
nomine eius pœnitentiam,
remiſſionemque peccatorũ
in omnes gentes. [x] *Prætereà Petrum, ſuum in terris*
Vicarium conſtituit, [y] *eiuſque in Eccleſia ſucceſſorem (quem Papam vocamus)* [z] *ad conſummationem vſque ſæculi nunquam*
defuturum promiſit. [a] *Denique multa quæ ad Eccleſiæ gubernationem, & ſacramentorum adminiſtrandi modum ſpectant, edocuit:* [b] *atque vt Euangelium in vniuerſo mundo*
propagarent, imperauit.
[c] *Data eſt, inquit, mihi*
omnis poteſtas, in cælo, &
in terra. [d] *Euntes ergo docete omnes gentes, baptizantes eos,* [e] *in nomine Patris, & Filij, & Spiritus*
ſancti. [f] *docentes eos ſeruare omnia quæcunque*
mandaui vobis, [g] *atque*
vt faciliùs, efficaciùſque
hoc præſtare poſſent, [h] *plurima miracula edendi facultatem illis impertiuit.*

Ngày thứ bảy

[u] mà lẽy phép đức Chúa Ieſu rao cho các nước ăn năn tội, mà được tha tội cho. [x] Lại cho oũ thánh Pedro ở thế nầy thay mình, [y] mà lại người nào theo đòi tlaõ Eccleſia có chức ấy (gọi là oũ thánh Papa,) [z] đức Chúa Ieſu đã nói hứa, phán ràng: cho đến hết thế chẳng có thiếu chức ấy. [a] ſau nữa thì dẽạy nhều ſự về trị nhậm Eccleſia, cũ phép dũ các Sacramento. [b] Và khiến đam tin lành, là giảng đạo that cho kháp thien hạ, [c] phan ràng: tao đã chịu mọi phép blọn; và tlên blời, và dưới đất; [d] bay hãy đi dẽạy dẽỏ kháp người thế, mà rửa tội, [e] khi lẽy một phép, và một danh đức Cha, cũ đức Con, cũ đức Spirito Sancto, [f] mà dẽạy nó giữ mọi ſự tao đã khién bay giữ. [g] Lại cho việc ấy ra nghĩ làm, và cho làm nhều việc, [h] thì cho làm phép lạ nhều, kẽ chẳng xiết.

i *Cùm verò ad cælos aſcendendi dies aduenisſet,* k *Apoſtolos, & reliquos de ſua abſentia triſtandos eſſe præſentiens,* l *eos amantiſſimè ſolatus, ſe è cælo proſpecturum,* m *& ſui ipſius loco doctorem & conſolatorem alium,* n *Spiritum videlicet ſanctum, non poſt multos dies venturum eſſe pollicitus eſt.* o *Cùm verò Hieroſolyma in montem Oliueti illos eduxiſſet,* p *verbis humaniſſimis, amantiſſimiſque, tum Virgine Matre, tum reliquis ſaluere iuſſis,* q *eleuatis manibus benedixit eis; tum ſpectantibus omnibus cæpit eleuari,* r *& comitantibus, tum Sanctorum è lymbo eductorum animabus, tum Angelorum copijs vniuerſis,* ſ *celeberrima pompa, ſolemniſſimoque triumpho ferebatur in cælum.* t *Tunc cælorum fores propter hominum peccata, ad eam*

i i Mà khi đã đến ngày đức Chúa Ieſu định lên k blời, k đã hay và đầy tớ cả, và kẻ khác thì phải lo láng, bởi váng l mạt đức Chúa Ieſu, l có nói đều rứt lành an ủy hết: phán ràng: tao bởi tlên blời cũ coi sóc cho m bay, m mà thay mình cũ cho ai dẽạy, và an ủy bay, n n là đức Spirito Sancto, chẳng có qua nhều ngày, o mà đen cả. o Khi đức Chúa Ieſu đam ra đầy tớ cả ngõài thành Ieruſalem, p tlên núi Oliueto, p thì có nói những đều rứt lành, những đều nhin nghĩa, mà giả đức Mẹ đồũ thân, cũ các hết, q q đặt hai tay lên, mà cầu cho mọi sự lành, và tlước mạt hết thì lên bệy: r r các linh hồn ngưởi thánh ra khỏi lymbo, và các đức thánh thiên thần đi cũ, ſ mà bui bế lám, như khi đã đánh giặc mà về, có lên tlên blời. t t Khi ẽy kửa thien đàng,

bấy lâu đàõ lại, vì tội ngưởi ta, cho đến ngày

uſque diem clauſæ, [u] *ultrò aperiæ ſunt Redemptori,* [x] *& ipſe ad ſupremum uſque cælum glorioſus aſcendens,* [y] *tanta cum omnium exultatione, & iubilo,* [z] *tanta cum gloria & honore à Deo Patre in cæleſtem Curiam exceptus eſt,* [a] *quantam nec lingua explicare, nec humana mens concipere poteſt.* [b] *Interim Virgo Mater, & reliqui oculis cæla defixis, ſtupore pleni hærebant.* [c] *Et ecce duo Angeli ſteterunt iuxtà illos, humana ſpecie, veſtitu ſplendidiſſimo, qui dixerunt.* [d] *Viri galilæi quid ſtatis aſpicientes in cælum?* [e] *hic Ieſus qui aſſumptus eſt à vobis in cælum,* [f] *ſic veniet, quemadmodum vidiſtis eum euntem in cælum.*

[g] *Vt vero ſigna aliqua Dominicam Aſcenſionem atteſtantia ad nos etiam peruenirent;* [h] *diuino mi-*

Ngày thứ bảy

[u] ẽy, [u] thì mở ra tự nhiên, cho đức Chúa Ieſu kẻo thế, [x] mà có lên cho đến tlên mọi tầng blời, [y] rứt bui, rứt ſáng, [y] các hết đứng có mòng nhảy, [z] bui bế thế naò, [z] và đức Cha là đức Chúa blời, có chứa lẽy trạo đức Con, tlên nhà thiên [a] đàng nhưng naò, [a] mlời nói chẳng đến, là ngươi ta lo chẳng được. [b] Khi ẽy đức Mẹ đòu thân, và các hết đầy tớ, thì coi lên blời liên bẽy, những hãi, mà đứng [c] lạng đẽy. [c] Chóuc ẽy có đức thiên thần, lẽy hình ngươi ta, mạc aó ſáng, mà đứng đẽy bồi, ràng: [d] [d] hỡi ngươi ta Galileo hỡi ſao có đứng coi lên [e] tlên blời? [e] đức Chúa Ieſu nầy bỡi tlaõ bay, [f] mà lên tlên blời, [f] ngầy ſau có đến cũ thế ẽy, như bay đã thấy lên blời.

[g] [g] Saõ le cho có đều gì là m chứng, đến ta, ſự đức Chúa Ieſu đã lên blời; [h] có [h] *raculo*

raculo factum eſt, vt in petra, quam Redemptor noſter calcans, aſcendere cæpit, [i] *ipſius veſtigia miro quodam modo impreſſa remanerent,* [k] *quam petrã licet Chriſtiani, vt reliquiarum aliquid ſecum ferant, iugiter radere conſueuerint;* [l] *ſacra tamen veſtigia eodem ſemper modo per tot ſæcula, ad hanc vſque diem perſeuerant.* [m] *Qua in re illud etiam memorandum,* [n] *quod cùm Chriſtiani olim, in Dominicæ Aſcenſionis memoriam, circa ſacra veſtigia fornicatam Eccleſiolam ædificarent;* [o] *reliquo quidem edificio facilè confecto,* [p] *fornix tamen nulla vi, aut induſtria claudi vnquam potuit.* [q] *Nimirum vt à ſacris veſtigijs ad cælum,* [r] *quà Chriſtus aſcenderat via expedita ſemper permaneret.* [ſ] *Prætereà quo anni die Redemptoris*

phép đức Chúa blời làm, vì tlên đá đức Chúa Ieſu đứng, khi đẽọn lên blời, [i] hãy còn có đẽấu chên người in ở đẽy cách lạ: [k] đầu kẻ có đạo thánh đức Chúa blời có quen kháo đá ẽy lien, mà lẽy đi làm dẽấu thánh: [l] ſaõ le thánh dẽấu chên ẽy, đã qua mấy đời, hãy còn đẽy cho đẽn rày. [m] Mà tlaõ ſự ẽy, lại có đều nầy đáng nhớ, [n] khi kẻ có đạo thánh xưa, có làm nhà thánh nhỏ, những đá ở noi còn thánh dẽấu chên đức Chúa Ieſu, mà nhớ đẽy, [o] cả và nhà nghĩ làm lên, [p] ſaõ le khi đẽọn lọp nhà thánh ẽy tlên, ſức naò, chước naò, làm thì chẳng được ſốt: [q] vì tù noi dẽấu thánh ẽy, cho đẽn tlên blời, [r] là đàng đức Chúa Ieſu lên, thì phải có đàng xaõ lien. [ſ] Lạy ngày naò, kẻ có đạo thánh, có làm lẽ xưa, nhớ đức Chúa

Aſcenſio à Chriſtianis quot annis celebrabatur, [t] eodem totus Oliueti mons eximia quadam luce noctù ſplendeſcere conſueuerat.

[u] Cùm ergo Chriſtus Dominus in cælum aſcendiſſet, [x] Apoſtoli, alïque Diſcipuli, vnà cum Virgine Matre, [y] & pïs aliquot matronis, omnes ferè centum viginti, [z] Hieroſolymam reuerſi, & cœnaculum, in quo vltimam Cœnam diſcipulis valedicturus fecerat Dominus, ingreſſi, [a] ibi ex Domini præcepto vnanimiter in Oratione perſeuerabant. [b] Cùm verò dies à Domini aſcenſu decimus, à Reſurrectione verò quinquageſimus aduenisſet; [c] hora diei tertia, iuxtà hebræorum horologium, ideſt tribus circiter horis ante Meridiem, [d] factus eſt repentè de cælo ſonus tanquam aduenientis Spiritus vehementis, [e] & repleuit totam domum vbi erant ſedentes, [f] & apparuerunt illis diſperſitæ linguæ, tanquam ignis, ſeditque

Ngày thứ bảy

[t] Iesu lên blời, [t] ngày ấy đến ban đêm cả và núi Olueto thì quen sáng ra [u] chuilàm. [u] Khi đức Chúa Iesu đã lên blời đoạn, [x] đầy tớ cả, cũ đải tớ khác, thì đi cũ đức Mẹ [y] đòú thân, [y] lại có đân bà khác hièn lành đi cũ, mà hộp lại hết, là một tlam hai mươi người [z] dồ, [z] bló về thành Ierusalem, chẽào nhà đức Chúa Iesu làm Cœna, giã [a] đầy tớ cả, [a] mà ở đếy, làm một, cầu cũ đức Chúa blời, như mlời đức Chúa Iesu tlước đã [b] dẽay chệy, [b] đến ngày thứ mươi, từ đức Chúa Iesu lẽn blời, mà từ sóũ [c] lại thứ nam mươi, [c] hết giờ thìn sang giờ tị, tlaõ nước Iudea, gọi là [d] giờ thứ ba, [d] thỏát cho úc có nghe thấy ầm ầm bởi blời, như khi gió [e] bảo đến, [e] mà đếy hết nhà đầy tờ cả, cũ kẻ khác [f] ngồi; [f] cũ thấy chia lưỡi

dit que supra singulos eorum, g *& repleti sunt omnes Spiritu sancto.* h *Quo miraculi pleno Spiritus sancti aduentu,* i *Christum Iesum verè in cælis, quò ascenderat residere, summaque potestate potiri confirmatum est;* k *& simul Apostoli, ac reliqui ad Christianam legem propagandam in vniuerso mundo* l *varijs, tum humanarum, diuinarumque doctrinarum donis,* m *tum eximia quadam sanctimonia, aliisque spiritualibus ornamentis animæ perabundè sunt instructi: Quarè simul ac Diuinum hunc Spiritum acceperunt,* n *statim in populi conspectum prodeuntes, Euangelizare cæperunt,* r *præcipuè Apostoli, & in frequentissima corona concionari varijs linguis, prout Spiritus sanctus dabat eloqui illis.* q *Cum autem essent Hierosolymæ Iudæi ex omni natione, quæ sub cælo est;*

ỡi ra như hình lửa, mà ngồi tlên đầu mỗi một người, g chịu phép đức Chúa Spirito Sancto, đã đầy hết. h Mà phép đức Chúa Spirito Sancto đến làm vậy, thạt là phép lạ, i thì làm chứng thạt, đức Chúa Iesu, từ đã lên tlên blời, thì ngồi ở tỏa cả tlên ấy, mà có phép cả: k lại cho đầy tớ cả, cũ kẻ khác, được mở đạo thánh khắp thiên hạ, l có chịu hay biết sự thế, và sự đức Chúa blời, m cũ chịu nên thánh cả, và đầy nhin đức khác nhều tlaõ linh hồn vậy, n cho nên khi đã chịu phép ấy, bởi đức Chúa Spirito Sancto, o bỏũ chóuc thì rà tlước mạt thien hạ, mà giảng đạo, p nhít là đầy tớ cả, nơi có đoũ mạt người ta lám, giảng ra đều tiếng, như đức Chúa Spirito Sancto cho nói. q Mà khi ấy có người Iudeo, bởi mọi nước khắp thi-

r *facta hac voce, conuenit*
multitudo, & mente con-
fuſa eſt; f *quoniam eodem*
ſimul tempore, audiebat
vnuſquiſque lingua ſua il-
los loquentes magnalia
Dei. t *Stans autem Petrus,*
cum vndecim Apoſtolis, lo-
cutus eſt eis: u *Viri Iudæi*
hoc vobis notum ſit, nunc
impleri quod dictum eſt o-
lim per Prophetam Ioel à
Deo: x *Effundam de Spiri-*
tu meo ſuper omnem car-
nem, y *& prophetabunt*
filij veſtri, & filiæ veſtræ,
z *& iuuenes veſtri viſiones*
videbunt, & ſeniores ve-
ſtri ſomnia ſomniabunt.
a *Viri Iſraelitæ audite ver-*
ba hæc. b *Ieſum Nazare-*
num virum approbatum à
Deo in vobis, c *virtutibus,*
& prodigijs, & ſignis,
quæ fecit Deus per illum
in medio veſtri, ſicut vos
ſcitis. d *hunc traditum per*
manus iniquorum intere-

r en hạ ở tlaõ thành Ie-
r ruſalem, r đến khi ra
tiếng ấy, thì đoú mạt
f người ta, mà hãi; f vì cứ
một khi ấy ai nấy có nghe
tiếng mình, đầy tờ cả
t nói ra sự đức Chua blời
t cả sáng. t Oũ thánh Pe-
u dro thì đứng dối các
đấi tớ cả, là mười một
người, mà nói ràng:
u " hỡi người Iudeo hỡi,
x thì phải hay đều nầy, bây
giờ đã đến đều oủ Ioel
y chịu sấm truyền đã noi
ra xưa, bởi đức Chúa
z x blời, phán ràng: x tao
đổ ra phép Spirito tao
y tlên mọi thịt, y mà con
a blai và con gái bay sẽ
b z chịu sấm truyền, z và kẻ
cồn tlẻ tlaõ bay thì thấy
c sự hiện ra, mà kẻ già
a thì xem chiem bao. a hỡi
người ta Iſrael hỡi, hãy
b nghe đều nầy. b ấy đức
d Chúa Ieſu Nazareno, là
người đức Chúa blời
lấy làm yêu tlaõ bay,
c mà lấy người làm nhều phép lạ, tlước mạt bay, c
như bay đã hay. d Bay có dử tay kẻ gian dữ, d

miſſis

miſſis, [c] *quem Deus iuxtà Prophetarum oracula ſuſcitauit à mortuis, cuius rei nos omnes teſtes ſumus.* [f] *Dextera igitur Dei ad cælos exaltatus,* [g] *& promiſſione Spiritus ſancti acceptа à Patre Deo,* [h] *effudit hunc quem vos videtis & auditis* [i] *his aliiſque ex Petri ore auditis, compuncti ſunt corde,* [k] *& ab eodem aliiſque Apoſtolis inſtructi, & ipſo die baptizati ſunt homines ad tria millia.* [l] *Exinde Apoſtoli, & reliqui diſcipuli Chriſtianam religionem,* [m] *non ſolum Hieroſolymæ & in Iudææ regno;* [n] *ſed in præcipuas orbis terræ partes digreſſi, vbique propagare cæperũt,* [o] *Domino cooperante, & iuxtà ipſius promiſſa, ipſorum prædicationem confirmante, ſequentibus ſignis.* [p] *Quibus rebus paulatim cernebatur Chriſti*

[c] mà giết người; [c] ſaõ lẽ đức Chúa blời đã cho người ſóũ lại như mlời người ta chịu sẵm truyền đã nói, mà hết ta. [f] làm chứng sự ấy, [f] bởi người đã lên blời ở tay hữu đức Chúa blời, [g] chịu lấy mlời đức Cha, là đức Chúa blời, khiến cho phép Spirito Sancto, [h] mà đổ ra phép nầy, bay cói thấy, và nghe. [i] Khi dân Iudeo nghe oũ thánh Pedro nói ra mlời nầy, và mlời khác, thì lo ăn năn tlaõ laõ, [k] mà ngày ấy, và oũ thánh Pedro, và khác đấy tớ cả, thì giảng cho, và rửa tội, được ba nghìn người. [l] Từ ấy đấy tớ cả, cũ đấy tớ khác đức Chúa Ieſu, có ra giảng đạo thánh, [m] chẳng những tlaõ thành Ieruſalem, và tlaõ nước Iudea, [n] mà lại có ra ngoái cả thiên hạ, [o] giảng đạo mọi nơi, [o] có đức Chúa blời giúp sức cho, cũ làm phép lạ, theo mlời giảng, làm cho tin bền, như mlời đức Chúa Ieſu đã phán nói hứa tlước. [p] Bấy nhiêu sự ấy [p]

Domi-

Domini Paſſionis effectus,
q *& ſimul Diuina elucebat*
virtus, quæ per infirma
mundi, r *nimirum dolores,*
ignominias, mortemque
ipſam, quam Chriſtus Do-
minus ſubierat, s *de ſuis*
hoſtibus, de peccato, & de
diabolo glorioſiſſimè trium-
phabat. t *Nos quoq; mini-*
mi ſerui Ieſu Chriſti hùc
aduenimus in regnum An-
nam, u *Euangeli m præ i-*
cantes, & Fidem in Domi-
num noſtrum ſuadentes om-
nibus, x *vt remiſſionem*
peccatorum ſuorum va-
leant percipere, y *donec*
Miſericoraiæ Dei tempus
eſt, z *antequam veniat Iu-*
ſtitiæ & vindictæ dies a-
cerbiſſimus ſicut etiam Iu-
dæis accidit. a *Quamuis*
enim Redemptor Noſter
Iudæorum manibus ſponte
ſe obtulit, b *vt noſtræ re-*
demptionis opus perficeret;
c *& lubens ac volens, vt*
ait S.Leo, admiſit impio-
rum manus, quæ dum pro-

Ngày thứ bảy
làm cho phúc đức Chúa
Ieſu chịu tội, tỏ ra sẽ sẽ,
q và làm cho phép đức
Chúa blời ſáng ra, khì
lẽy sự hèn tlước mạt
r thế gian, là đau đớn,
xỉ vả, xấu hổ, cũ là
chết, đức Chúa Ieſu đã
t chịu, mà làm cho lẽy đư-
ợc hết ŏan gia mình, là
tội va cũ ma quỉ, mà ra
c cả ſáng cho lẽy. Chúng tội
cũ là đầy tớ đức Chúa
Ieſu rốt hết, mà đã đến
u nước An nam nầy, giả-
ảng đạo lành, khuyen
hết người ta tin lẽy
x mlời đức Chúa Ieſu, x
cho được chịu tha tội,
y khi hãy còn rồi, đức
Chúa blời thương, còn
z tha va cho, mà khi chưa
a có đến ngày phán xét,
bát tội tứt khốn, như
dên Iudêo đã phải chịu.
a Vì chưng dầu đức
b Chúa Ieſu kóu chúng
tôi, có í phú mình tay
c cŏên Iudeo, mà làm
việc chuậc chúng tôi
cho blọn, lại muấn, và

nước chịu tlên mình tay kẻ dữ, khi đang làm sự

prio

prio incumbunt ſceleri, famulatæ ſunt Redemptori.
[d] *Quia tamen hoc Iudæorum ſcelus fuit omnium ab orbe condito atrociſſimum,*
[e] *ſine ſuo, in hac etiam vita, ſupplicio præterire non debuit;* [f] *vt Deus per Danielem olim prædixerat.*
[g] *cùm enim Chriſtum à Iudæis occidendum prædixiſſet, mox addidit:* [h] *& non erit eius populus, qui eum negaturus eſt;* [i] *& finis eius vaſtitas, & poſt finem belli, ſtatuta deſolatio.* [k] *Chriſtus etiam Dominus, cùm paulò ante Paſſionem Hieroſolymam aſcenderet,* [l] *ſe in illa per ſummum Iudæorum ſcelus crucifigendum præuidens, fleuit ſuper illam, dicens:* [m] *venient dies in te, & circumdabunt te inimici tui vallo,* [n] *& coanguſtabunt te vndique, & ad terram proſternent te,* [o] *& filios qui*

lỗy, thì giúp việc đức Chúa Ieſu chuộc tội chúng tôi, như mlời oũ thánh leam nói ệy.
[d] Saõ lê vì tội vạ ấy, cõên Iudeo đã phạm, là tội cả kực trạõ, kức dữ, hơn mọi tội vạ, tự có thể giải nầy; [e] chẳng khá qua, mà chẳng chịu phạt, ở đời nầy nữa: [f] như đời xưa đức Chúa blời đã phán tlước dữ oũ Daniel mà truyền cho: [g] vì chưng khi oũ ấy kể sấm truyền, sự cõên Iudeo giết đức Chúa Ieſu, thì bấy giờ thêm ràng: [h] mà kẻ đã chối đi, chẳng nên dên ngươời, [i] ſau hết thì chịu phá, đến khi chịu giạc đõan, thì định tan đi. [k] Lại khi đức Chúa Ieſu dẽọn chịu tội mà lên thành Ieruſalem, [l] vì đã hay đã gần ngày cõên Iudeo đáõ đanh mình tlên cây Crux, ở tlaõ thành ấy, thì khaóc thương nó, phán ràng: [m] có đến ngày khi õan gia mầy xey tháp quanh quế mầy, [n] mà làm cho mầy chệt hẹp quanh quế ệy, lại bắt mầy ngã xuống đất, [o] và con

in te sunt, & non relinquent in te lapidem super lapidem: [p] *eò quòd non cognoueris tempus visitationis tuæ.* [q] *Verum quia cum Iesus Christus crucifigeretur,* [r] *Deum Patrem pro Iudæis, se crudelissimè persequentibus orauit,* [s] *vt sanctissimæ huius orationis fructum quiuis percipere posset,* [t] *ac tanti sceleris pœnitentiam agens, ad Deum conuerti,* [u] *vt verè plurimi sunt conuersi, quadraginta ad pœnitentiam annis illos expectauit: quibus elapsis, cùm Diuinæ vltionis tempus aduenisset;* [y] *Hierosolyma bello à Romanis capta, &, vt Saluator prædixerat, funditus diruta est.* [a] *hanc Hierosolymæ ruinam, & totam belli historiam libris septem complexus est Iosephus, qui vnus erat ex præcipuis Iudæorum ducibus aduersus*

cái ở tlaõ mày, mà ở nơi mầy chẳng có để
p đá nào tlên đá khác, p vì chưng mày chẳng nhìn,
chẳng biết khi tao đến
q viếng, mà chữa mầy. q
Saõ le vì khi đức Chúa
Iesu đang chịu tlên cây
r Crux, r có câu cũ đức
Chúa blời, là đức Cha,
cho kẻ rứt dữ tợn, mà
hủy báng mình thế ếy:
s cho nên ai nấy chịu đư-
ợc phép rứt thánh mlời
t cầu nầy, t mà ăn năn tội
kực traõ ếy, blở lại cũ
u đức Chúa blời, u nhu-
thạt nhều lám có blở lại,
thì có đợi nó bốn mươi
năm, cho nó ăn năn
x tội. x Qua bảy nhêu nam
ếy, khi đã đến mùa đức
y Chúa blời phạt, y có cõên
nước Roma đến thành
Ierusalem, mà bẽào phá
z hết, z chẳng có để đá
naò tlên đá khác, như
mlời đức Chúa Iesu đã
a phán truyền tlước: a Có
oú Iosephô là người Iudeo, mà làm cai tlaõ kẻ cá, giữ
giặc kéó cõên Roma bẽào, có chép bảy con sách, kẻ

Roma-

Romanos. [b] *Is inter alia multa mala, Hieroſolymitanæ obſidionis tempore,* [c] *famem ita ſæuiſſe ſcribit,* [d] *vt præter plurimos, qui ſolo illo tempore paſſim moriebantur,* [e] *paucos intra dies mortui ſint homines ad duodecim millia:* [f] *Omnia, inquit, dentibus neceſſitas ſubigebat,* [g] *& ea colligentes, quæ nullum, quamuis ſordidiſſimum brutorum animalium non horreret, comedebant.* [h] *Factum autem dictu quidem horrendum, auditu verò incredibile accidit;* [i] *vt mater famelica filium, quem lactentem habebat, propria manu occideret, coctumque comederet.* [k] *Idem etiam Ioſephus refert Iudæorum bello cæſorum tantam fuiſſe multitudinem,* [l] *vt tam cæſorum quam aliter mortuorum numerus, ad vndecies centena millia perueniret:* [m] *captiuorum verò in bello il-*

truyền những giặc ấy: [b] thì kẻ tlaõ sự khôn nạn khác khi cõên ấy đang üêi thành Ieruſalem, [c] người có ràng, tlaõ thành người ta có [d] chịu đói chũng ấy, [d] cho nên là, chẳng những dẽu khi ấy chết đói lien, [e] mà chẳng bao nhêu ngầy một muân hai nghìn [f] người chết đói: [f] lại ràng, có đí gì đí gì, khi đói lám cữ bỏ bêào miệng, [g] dầu của gì dơ dáy, muâng naò rứt hèn cữ chê, mà chẳng chịu ăn, nó thì rứt đói cữ ăn bệy. [h] Lại có đẽu nói thì gớm ghiéc, mà nghe [i] thì có ai tin là hỏa, [i] có mẹ naò khi đói rứt mực, tay nó đánh chết con mình đé, còn bú, mà nấu [k] nưấng ăn. [k] Cữ một oũ Ioſepho ấy kể người ta chết tlaõ nước Iudeo [l] khi thua giác ấy, [l] có phải chém, hay là chết chũng khác, đã đến mười một vàn người ta, [m] mà kể bắt đi làm tôi, khi giạc được thành [m]

lo Hieroſolymitano fuere hominum nonaginta ſeptem millia.

n *Tantam vero calamitatem idem Ioſephus diuerſis prodigijs ſignificatam eſſe narrat;* o *eamque Diuinam in malos Iudæos vltionem fuiſſe teſtatur:* p *quod vel ex eo patet, quia qui Chriſtianam inter eos legem ſuſceperant,* q *ij Dei monitu in oppidũ Pellam fugientes,* r *immunes à tantis malis euaſerunt.* ſ *Sic etiam qui modo inter vos, Diuinæ bonitatis conſilijs acquieſcentes,* t *fidem ſuſcipiunt, Deique legi ſe ſubijciunt,* u *à venturæ iræ futuræ cladis æternæ fugientes, in tutò res ſuas ponunt.* x *At contra qui contradicunt Euangelio, vel Diuina ſpernentes monita,* y *ſuauem Dei legem recipere nolunt,* z *venient dies amariſſimi mortis & iudicij,* a *quos poſteà ſequetur*

Ngày thứ bảy

Ieruſalem thì kể chín muân bảy nghìn đứa.

n Mà ſự rứt khốn nạn chùng ấy, oũ Ioſepho ràng, có nhều ſứ lạ, đã thấy tlước, như thế bảo o ſự khốn làm bệy, o lại ràng, ſự làm bệy cò đến, vì đức Chúa blời băt tội kẻ gian dữ tlaõ dên p ludeo: p ſự ấy cỉ tỏ ra, vì kẻ tlaõ ludeo đã chịu q đạo thánh, q có mlời đức Chúa blời bảo, mà tlốn đi đến làng Pella, r r khỏi bấy nhêu ſự rứt ſ khốn nạn ấy. ſ Như thế ai bây giờ tlaõ nước nầy bưng phép đức Chúa t blời, t chịu mlới tin, u mà phục đạo thánh, u thì tlánh khỏi ſự khốn nạn vô cũ đời ſau, mà giữ mình như thế nơi kín. x x Lại kẻ hủy báng đạo y lành, hay là che mlời đức Chúa blời bảo, y chẳng khứng chịu đạo thánh đức Chúa blời, là đạo z lành ſướng làõ, z có đến

ngày chết, và ngày phán xét thì rứt khốn, a vì chết vô | a

æterna mors, [b] *Iudæorum clade longè amariſſima, de qua dicemus in ſequentibus.* [c] *Nunc adoremus Dominum Ieſum, in ſublimi cælorum throno ſedentem,* [d] *à quo veniam petamus præteritæ vitæ, in iniquitatibus tranſactæ,* [e] *ſimulque gratiam, vt in poſterum ei ex toto corde ſeruiamus,* [f] *omnibus abiectis ſuperſtitionibus, aliiſque prætcritæ vitæ peccatis.*

[g] *Hic oſtendenda eſt præclara Chriſti Domini effigies, mundi globum in manibus habens,* [h] *vt Dominus Ieſus tanquam verus cæli ac terræ Dominus, & Rex ſupremus ab omnibus adoretur.*

[b] cũ, mà chẳng hết chết thì theo ſau, [b] càng kực, càng khốn hơn tai nạn dên Iudeo nữa, đến ſau ta sẽ giảng. [c] Bây giờ ta lạy đức Chúa Ieſu có ngồi ở tỏa tlên blời rứt cao, [d] mà cầu tha tội tha vạ, đã phạm ngày tlước đã nhều: [e] lại cầu gratia, là giúp ſức cho ta, từ nầy về ſau phục thờ đức Chúa blời hết lào, [f] mà bỏ hết ſự gian đạo vạy, và chừa mọi tội ngày tlước. [g] đến đây thì phải lấy ảnh naò khéo đức Chúa Ieſu cầm blời đết, mà đam ra, [h] cho ngươi ta hết lạy đức Chúa Ieſu, như thạt Chúa blời đết, và đua Chúa cả rứt rao.

Dies octauus.

[a] *QVamuis simul atque quis moritur, statim à Deo de ipsius statu feratur sententia,* [b] *atque eorum animæ, qui nullo peccati reatu detinentur,* [c] *statim in æternam beatitudinem admittantur;* [d] *& contra qui peccato aliquo graui, seu mortali oneratus decedit,* [e] *statim eius anima in infernum detrudatur,* [f] *æternis cruciandæ flammis.* [g] *Tamen suo tempore, quod solus Deus nouit, quando futurum sit,* [h] *vniuersale de omnibus hominibus futurum esse iudicium,* [i] *Deus antiquis Prophetis reuelauit,* [k] *& Christus Dominus, se huius iudicij Iudicem futurum esse, sæpè prædixit.* [l] *Rationes autem, cur Deus iudicium hoc faciendum esse iudicauit, plurimæ sunt.* [m] *Primò quia ad Diuinam gloriam, & præcipuè ad ipsius*

Ngày thứ tám.

[a] [a] Dù mà khi ai chết, tức thì có chịu bởi đức Chúa blời phán xét, [b] mà linh hồn kẻ chẳng có mạc tội vạ gì, [c] [c] thoát chóuc có đẻo nơi chui đẻ đời đời: [d] [d] mà lại kẻ mạc tội gì trạo, khi phải chết, [e] thoát chóuc linh hồn nó chịu đày xuống tlao địa [f] ngoục, [f] phải hình lửa khốn nạn đời đời đẻy. [g] [g] Sao le ngày sau, đến bao giờ, có mộ đức [h] Chúa blời hay, [h] mà thạt có đến ngày cả và lỏài người ta có chịu phán [i] xét chung, [i] và đức Chúa blời đã truyền cho [k] thánh đời xưa, [k] và đức Chúa Iesu đã phán trước nhều lần, mình có chịu ngày sau chức phán [l] xét ẽy. [l] Lại có nhều mlẽ, vì sao đức Chúa blời đã định phán xét [m] chung làm đẻy. [m] thứ nhít thì nên cho danh

Iu-

Iuſtitiæ & prouidentiæ oſtenſionem ità expedit. [n] *Cùm enim ſæpè contingat, viros probos paupertate, rebusque aduerſis premi,* [o] *contemni & vexari à mul-tis, morbis aliiſque incommodis afflictari;* [p] *contrà verò improbos frui diuitiis, honoribus, voluptatibus, & plurima in hoc ſæculo illis ſecunda contingere:* [q] *qui ſublimem abditamque Diuinæ prouidentiæ rationem ignorant, nec Dei arcana penetrant,* [r] *hæc videntes, mirari ſæpè ſolent:* [ſ] *nec deerit etiam qui tenuiſſimi iudicij ſui immemor,* [t] *iuſtiſſimam Dei Prouidentiam temeraria audacia arguere non vereatur.* [u] *Quare vt tota Diuinæ, in humano genere gubernando, prouidentiæ ratio innoteſcat;* [x] *hominum vniuerſorum operæ omnia, in vniuerſali coram omnibus iudicio denudabuntur:* [y] *ſicque conſta-*

Ngày thứ tám 263

đức Chúa blời cả sáng, nhứt là chi linh chi coũ đức Chúa blời, sửa mọi sự cho phải mlẽ, mà tỏ ra, [n] vì chưng có nhẽu lần, kẻ lành thì phải khó khan, khốn nạn: [o] cũ chịu người ta chê, và làm khốn, cũ có phải đâu náng, và tai vạ khác: [p] mà lại kẻ dữ có khi thì giầu có, mà người ta kính, chịu dui ở thế nầy, cũ dều sự lành: [q] kẻ chẳnh hay việc đức Chúa blời trị, là sâu nhiệm, và chẳng thoũ sự kín đức Chúa blời, [r] khi thấy làm dệy, dều lẫn thì hãi, [ſ] âu là cũ chẳng thiếu gì, kẻ chẳng nhớ, sự trí mình yếu sức thế nào, [t] mà kiêu ngạo, có dễám trách đức trị vô cũ đức Chúa blời, chi linh chi coũ: [u] dệy cho cả phép, và trị đức Chúa blời, sửa lỗải người ta, mà có mlẽ cả, tỏ ra: [x] hễ là việc các người ta, khi phải phán xét chung, thước mạt thiên hạ thì tỏ ra hết, [y] mà dệy

bit omnibus, quàm iustè, & quam vniuscuiusque operibus accommodatè, Deus vniuersa dispoſuerit.
z *Cùm enim ex vna parte, impiorum iniquitatibus æterni cruciatus inferorum debeantur:* a *ex alia verò nullus adeò malus ſit, qui interdum aliquid boni moralis non agat,* b *horum verò bonorum retributioni locus futurus non ſit in inferno,* c *vbi ſolatium nullum erit:* d *ideò ne quid boni ſine ſuo præmio præteriret;* e *ſumma Dei prouidentia iniquorum paucula bona opera rebus proſperis in hac vita compenſat.*
f *Contra verò quia in hac vita boni viri, etiam ſancti, leuia ſaltem admittunt peccata,* g *quibus temporalem pœnam in hac vita, rebus aduerſis immiſſis, Deus infligit,* h *vt nimirum puriores deceadant, citiùſque in cæleſtem gloriam admittantur:*

thì hay biết hết tố tướng, đức Chúa blời có ſửa mọi ſự chi linh, chi coũ, mà phải mlẽ, bàng việc ai nếy có làm, thì có
z chịu: z Vì chưng một bên, kẻ dữ vì tội mình
a thì đáng chịu gia hình địa ngục đời đời: a mà lại bên khác, chẳng có
b đứa naò dầu rứt dữ, mà chẳng có làm khi naò
b việc tiểu gì lành: b ſự lành tiểu ếy, thì chẳng
c có nơi chịu thứâng tlaõ
c địa ngục, c vì tlaõ ếy chẳng có ſự gì đui ſứâng: d vì đếy, cho kẻo
d có ſự gì lành, mà chẳng
e có thứâng, e ſửa trị rứt cao Chúa blời, ſự lành tiểu ít kẻ dữ làm, thì thứâng ở thế nầy mà cho nó ſự đui thế gian.
f f Mà lại vì kẻ lành, dầu nên thánh, có khi thì
g phạm tội mọn, g cho nên đức Chúa blời phạt ở thế nầy, mà làm cho chịu
h khốn khó tai nạn, h đếy thì qua đời ſạch hơn, và

càng cháõ đẽào đươc chịu phúc đuiđế tlên thien đàng:

i *& prætereà vt per rerum aduerſarum tolerantiam, plurimam ſibi meritorum ſegetem, ad maiorem felicitatis poſtea cumulum, comparare poſſint.*

k *hæc & alia multa, vt ſapientiſſimè à Deo prouiſa eſſe omnibus conſtet,* l *in vniuerſali iudicio omnia hominum opera manifeſtabuntur,* m *& tota hæc Diuinæ prouidentiæ ratio, coram vniuerſo hominum genere, detegetur.*

n *Secundò, quia Chriſtus Dominus humiliauit ſemetipſum vſque ad mortem, mortem autem Crucis:* o *propterea Deus Pater exaltauit illum,* p *conſtituendo ipſum vniuerſorum Dominum, ac Iudicem;* q *vt qui iniquiſſimè iudicatus eſt ab hominibus,* r *ſupremum in omnes homines iudicium exerceat:* s *eumque vniuerſi, vel ſponte venerentur, vel inuiti timeant.*

i cũ khi chịu sự khổn khó thì thêm phúc đức nhiều, mà ngày sau chịu đước càng đui bé đòi đòi. k Sự nầy, cũ sự khác nhiều, cho tỏ ra, cũ các hét, đức Chúa blòi hay biét vô cũ, có l định thế nào; l khi phán xét chung, thì mớ ra hết m việc nguòi ta, m bệy mlẽ sâu nhiệm đức Chúa blòi sửa trị thien hạ, thì tớ ra hết, tlước mạt cả và lỡài nguòi ta.

n Thứ hai, vì đức Chúa Ieſu có hạ mình xuống, cho đến chết tlên cây o Crux: o nhin vì sự ấy đức Chúa Deus Cha thì p đam lên chức cao, p phú làm Chúa tlên hết mọi sự, cũ cho chức phán xét, q vì đức Chúa Ieſu có chịu nguòi ta phán xét mình, kức tlái mlẽ, r lại đước chức cả, phán xét cả và lỡài nguòi ta. s mà hết thay thải, hay là dầu lảo kính, hay là dầu chẳng khứng, thì cũ dái.

o *Tertiò*

[t] *Tertiò, ſæpè homines, licet peccandi voluntate incenſi,* [u] *ſi aduertant ſe tunc ab alijs videri, vel peccatum diù latere non poſſe;* [x] *hac verecundia à peccato retrahuntur.* [y] *Quo circa Dominus Deus vniuerſalis iudicij diem ſtatuit,* [z] *eumque futurum hominibus declarauit:* [a] *vt qui timore Dei à peccatis minimè retrahuntur,* [b] *ſaltem verecundia cohibeantur;* [c] *dum intelligunt peccata ſua omnia, quantumuis occulta, coram omnibus eſſe reuelanda.* [d] *Aliæ præterea multæ rationes ſunt, propter quas iudicium vniuerſale futurum eſt,* [e] *has enumeraſſe nunc ſufficiat.*

[f] *Tempus autem quo faciendum eſt, nobis Deus incertum reliquit,* [g] *ſicut incertum eſt quamdiù durabit hic mundus.* [h] *certum tamen eſt, iudicium vniuerſale futurum, in fine ſæculi huius.* [i] *Certum enim eſt mundum hunc ha-*

[t] [t] Thứ ba, nhều lần có người ta, dầu hãm phạm tội, [u] nếu thấy kẻ khác có xem, hay là giấu tội [x] lâu chẳng đượC; [x] bởi hổ người làm bệy, mà [y] tlánh tội: [y] nhin vì ſự ấy đức Chúa blời có định ngày phán xét [z] chung, [z] má nói ra cũ người ta, ngày ſau có [a] phan xét chung ấy: [a] cho [b] kẻ chẳng tlánh tội, vì phải kính dái đức Chúa [c] blời, [b] ít là cới tội, vì [c] dái xấu hổ, [c] khi đã hay các tội mình, dầu kín, [d] ngày ſau thì tỏ ra tlước mạt cả và thien hạ. [d] Cũ có dều nlẽ khác nữa, cho nên ngày ſau có phán [e] xét chung, [e] bây giờ có kể bấy nhêu thì thôi.

[f] [f] Mà khi naò có đến ngày phàn xét chung ấy, đức Chúa blời chẳng [g] cho chúng tôi hay, [g] như cũ chẳng cho hay thế giái nầy đượC bao lâu, [h] [h] ſaõ le đã thạt, khi hết thế nầy, thì có phán xét [i] chụng. [i] Vì chưng đã

bitu-

biturum finem, [k] *saltem quoad successionem rerum, eo modo quo nunc est*: [l] *nam omnes homines morientur, & rerum generatio cessabit*; [m] *vt Deus sæpè in Diuina scriptura testatur*; [n] *Nouos enim cælos, & nouam terram secundum promissa ipsius expectamus, vt ait S. Petrus.* [o] *Cuius rei ratio non aliunde petenda est, quam ex Diuina voluntate,* [p] *à qua sola mundi duratio, & conseruatio pendet.* [q] *Id verò iudicij tempus Deus hominibus declarare noluit, vt cautiùs viuant,* [r] *quippe qui quanto post tempore ante Diuinum tribunal sistendi sint, ignorant.* [s] *Estote, ait Christus Dominus, parati,* [t] *quia qua hora non putatis filius hominis veniet.* [u] *Aliqua tamen ante iudicij tempus futura Saluator Noster declarauit:* [x] *nimirum fore vt priùs Christiana lex per*

thạt ngày sau thế nầy có hết, [k] ít là sự sinh, sự tử, như bàng có bảy gió: [l] vì chưng người ta thì chết hết, mà sinh để thì thôi, [m] như tlaõ kinh đức Chúa blời phán nhều lần: [n] vì có mlời đức Chúa blời nói húa, mà khiến ta tloũ blời mới, và đết mới, như oũ thánh Pedro bảo. [o] Mà sự ấy ta chẳng khá kiếm mlẽ khác, có một í đức Chúa blời, [p] làm cho thế giái còn bây lâu mà có giữ đấy. [q] Saõ le ngày naò có đến phán xét, đức Chúa blời chẳng cho người ta hay, cho càng giữ phép, [r] vì chẳng hay cón bao lâu, mà phải đến tlước mạt đức Chua blời phán xét. [s] Có mlời đức Chúa Iesu p án ràng: bay hãy ở cho sẳn, [t] vì bay chẳng hay, Con người có đến giờ naò. [u] Saõ le cũ có sự đức Chúa Iesu đã phán, có đến tlước, khi chưa có đến ngày phán xét, [x] cả và thien

mundum vniuersum propagetur, vt paulatim nunc fit. [y] *Tunc signa multa præcessura docuit;* [z] *consurget, inquit, gens in gentem, & regnum in regnum,* [a] *& erunt pestilentiæ, & fames, & terræ motus per loca,* [b] *hæc autem omnia initia sunt dolorum,* [c] *& statim post tribulationem dierum illorum, sol obscurabitur,* [d] *& luna non dabit lumen suum, & stellæ cadent de cælo,* [e] *& virtutes cælorum commouebuntur, & tunc plangent omnes tribus terræ.* [f] *Post hæc omnia, ignis de cælo cadens totam terræ superficiem comburet,* [g] *nullusque ampliùs superstes erit.* [h] *Tunc homines, quotquot ab Adamo, ad consummationem vsque sæculi, aliquando fuerunt,* [i] *omnes vno die, cum suo quisque corpore, suscitabuntur;* [k] *quod quidem Deo æquè facilè est, atque hominem*

Ngày thứ tám

hạ thì chịu đạo thánh đức Chúa blời, như bay giờ sẽ sẽ có chịu. [y] Cũ có phán khi ấy có thấy nhều dấu tlước, [z] phán ràng: dên nầy đánh dên khác, nước nầy phá nước kia, [a] lại có tật bạnh cũ đại hạn, và đọu đia nơi nầy, nơi nọ, [b] mà bấy nhều sự ấy, là đầu hết sự khổn, [c] đến khi khối ngày sự khổn ấy, thoát chóuc mạt blời thì tối ra, [d] và mạt blang chẳng có sáng ra, lại cái sao bỏi blời thì tế xuống, [e] mà phép tlên blời thì đọu, cho nên khi ấy mọi lòài người ta khaóc laóc. [f] đoạn mọi sự ấy, lửa bỏi blời tế xuống, thì đốt ra hết cả và mạt đất, [g] mà chẳng còn có đề ai sóũ nữa.

[h] Khi ấy hễ là người tã, từ oũ Adam cho đến hết thế, có sóũ khi naò, [i] hết thay thảy ai nấy đươc xác mình, mà sóũ lại cũ một ngày: [k] sự nầy đức Chúa blời lấy làm

à som-

à somno ſuſcitare, cum ſit omnipotens. [l] *Et certè cum vniuerſale hoc iudicium, præcipuè ad Diuinæ, vt diximus, iuſtitiæ, & prouidentiæ oſtenſionem ſit faciendum:* [m] *ad eamdem pertinet prouidere, vt reſurgant corpora, quorum actus iudicandi ſunt:* [n] *faciendum enim eſt iudicium, vt reddat vnuſquiſque rationem de ijs quæ geſſit in corpore, ſiue bonum, ſiue malum.*

[p] *Vnde impiorum corpora reſurgent fœda, & fœtida, & vndecumque miſerrima.* [q] *Iuſtorum autem corpora erunt pulcherrima, elegantiſſimaque forma prædita,* [r] *integerrima, & numeris omnibus abſoluta, in menſuram ætatis plenitudinis Chriſti;* [ſ] *erunt ſubtiliſſima, vt quoduis corpus penetrare queant;* [t] *lucidiſſima, & Soli ipſi claritate ſimilia,* [u] *quæ tamen lux oculos non offendet, ſed delectabit:* [x] *impaſſibilia, vt non ſolum*

dế, bàng đánh thức người, khi ngủ, vì có phép vô cũ. [l] Thạt vì phán xét chung nầy đức Chúa blời có làm, nhìt mà tỏ ra sự mình sửa tri, chi coũ, [m] thì đức Chúa blời phải làm cho xác sóũ lại, vì cũ có phán xét việc xác làm: [n] vì chưng có phép phán xét nầy, cho ai nếy thì ra mlẽ naò, có làm việc gì, khi còn ở tlaõ xác, [o] hay là việc lành, hay là việc dữ đệy.

[p] Vì đệy xác kẻ dữ, khi sóũ lại, thì ra xấu xa, hôi hám, và mọi bề kực khổn nạn, [q] mà xác kẻ lành thì ra rứt tốt, có hình rứt khéo, rứt lành, [r] mọi bề thì đươc blọn, như hình đẽn blọn tuệy đức Chúa Ieſu: [ſ] đệy thì có phép mảõ, cho nên chẳng có mạc đươc xác naò, mà chẳng đẽào đâu đâu, [t] mạc laõ, [u] lại đươc rứt sáng, cũ bàng mạt blời, [u] saõ le sáng ếy chẳng có chói lói con mắt, mà lại làm cho sướng: [x] cũ chẳng

vltrà

vltrà mori non possint, [y] *sed nec vlli dolori, aut necessitati subiacere*; [z] *agilissima, vt breuissimo tempore possint peruenire quo voluerint, ad instar spirituum.*

[a] *Omnium hominum resurrectione peracta apparebit in cælo sacratissima Crux, in qua Saluator pro nobis pependit.* [b] *hæc autem sanctissimæ Crucis ostensio erit; tum vt Iudæi agnoscant consilium iniquitatis suæ,* [c] *qui Dominum Maiestatis crucifixerunt,* [d] *& ipso ligno arguente, cognoscant peccatum suum:* [e] *tum vt peccatores omnes confundantur, quod suæ redemptionis fructum per Crucem, sua culpa minimè perceperunt:* [f] *tum vt salutaris ligni aspectu iusti omnes recreentur.* [g] *Tunc Dominus Noster Iesus Christus, Angelicis legionibus, & animabus Sanctorum stipatus,* [h] *comitante Au-*

Ngày thứ tám

có chịu đươc khốn gì, cho nên chẳng lọ là chết
[z] [y] chẳng đươc nữa, [y] mà lại chịu một chút gì khó,
[z] cũ chẳng đươc: [z] lại đi đâu mạc lào, mà cháo đến, bàng linh thiêng.

[a] [a] Khi các hết nguòi ta sóu lại rồi, tlên blòi thì coi thấy rứt thánh Crux, đứC Chúa Iesu đã chịu bêo đêy vì chúng
[b] tôi, [b] đức Chúa blòi cho thấy Crux làm bệy, và cho dên Iudeo hay, đã lo toan quéi quá thế
[c] naò, [c] khi đã đáo đanh đức Chúa Iesu, là Chúa
[d] kực trạo, tlên cây êy, [d] mà bói cây cho nên biét
[e] tội mình kực trạo. [e] Lại cho kẻ có tội hết xấu hổ, khi thấy bởi tội mình, mà chẳng chịu coú, sự choậc tội bởi cây Crux.
[f] [f] Mà lại cho kẻ lành sựấng hết mầng laò, khi thấy cây nầy, là cội rễ
[g] mọi sự lành. [g] Chóuc êy đức Chúa Iesu, có quanh qué mình các đức thánh thien thần, cũ các nguòi thánh, [h] cũ có rứt thánh

[h] *gustissi-*

gustissima Virgine Matre,
i *veniet cum virtute &* i
maiestate maxima, qualis
nunquam visa inter homi-
nes est, k *nec fingi humana* k
mente potest.
l *Iudicium hoc vniuersale* l
faciendum est in valle Io-
saphat, propè Hierosoly-
mam, m *vbi Saluator pro* m
humano genere iniquissima
sententia iudicatus, Cruci-
fixus est: n *ideò supra hanc* n
vallem in sublime consi-
stet, sedens in nubibus, in
solio augustissimo, & splen-
didissimo. o *Diuini Iudicis* o
Assessores erunt, tum Apo-
stoli, quibus ipse pollicitus
est. p *Amen dico vobis,* p
quod vos qui secuti estis
me, q *cum sederit filius ho-* q
minis in sede Maiestatis
suæ, sedebitis & vos super
sedes duodecim, r *iudican-* r
tes duodecim tribus Israel:
s *tum alij etiam viri san-* s
cti, qui præcipuo perfectio-
nis studio Christi Domini
exempla sunt secuti. t t
Tunc Angelorum multi à
Christo Iudice, per vniuer-

đức Mẹ đồũ thân đến
cũ, i lại rứt trạõ vạõ i
người ta chưa thấy sự
trạõ làm đệy, k mà lại k
làõ người ta lo chẳng
đến.
l Phán xét chung nầy l
phải làm ở nơi thủng,
ten là Iosaphat, ở gần
thành Ierusalem, m là nơi m
đức Chúa Iesu có chịu
phán xét, rứt tlải mlẽ,
mà chịu đáõ đanh tlên
cây Crux: n vì đệy khi n
ếy sẽ ngồi tlên chốn, ếy,
ở nơi mây, có tỏa kức
trạõ, kức sáng. o Cũ có o
đầy tớ cả phán xét cũ
đức Chúa Iesu, vì có
mời hứa, phán ràng:
p tao nói thạt cũ bay, vì p
bay có theo tao, q khi q
tao ngồi ở tỏạ cả phán
xét, bay cũ ngồi ở mư-
ời hai tỏạ, r mà phán r
xét mười hai dàõ nước
Israel: s cũ có người s
thánh khác ngồi phán
xét, khi đã hết làõ theo
nhin đức, bắt chước
đức Chúa Iesu. t Khi ếy t
đức Chúa Iesu cả phán

sum

ſum miſſi, [u] *gentes omnes* [u]
à quatuor ventis ante Iu-
dicem in ictu oculi congre-
gabunt, [x] *eoſque in duas* [x]
claſſes ſegregantes, iuſtos
quidem ad Iudicis dexte-
ram, [y] *impios verò ad ſi-* [y]
niſtram collocabunt.
[z] *Tunc Diuina virtute fiet,* [z]
non ſolum vt vnuſquiſque,
quicquid in vitæ decurſu
egit, [a] *ſiue boni, ſiue mali* [a]
quaſi præſens intueatur:
[b] *ſed etiam vt ſinguli ſin-* [b]
gulorum facta omnia, quaſi
in vniuſcuiuſque fronte deſcripta conſpi-
ciant. [c] *Quanta tunc erit* [c]
iuſtorum lætitia de bene-
factis, & de Diuina lege
benè cuſtodita? [d] *quanta* [d]
contra reproborum, de ma-
lefactis pœnitentia? [e] [e]
quantus dolor, ſed iam
inutilis, quod legi Dei ſub-
ijci noluerint? [f] *Quantus* [f]
rubor, dum ſua ſcelera
omnia coram tot millibus
populorum denudari vide-
bunt?

Ngày thứ tám

xét, cũ ſai đức thánh
thien thần nhẽu, đi kháp
[u] thien hạ, [u] mà hộp lại
người ta bốn bề, tức
thì đến tlước mạt đức
[x] Chúa Ieſu phán xét: [x] lại
chia ra làm hai dàõ: mà
kẻ lành thì cho ở bên
tay mạt đức Chúa Ieſu
[y] phán xét, [y] lại bắt kẻ dữ
ở bên tay tlái.
[z] [z] Khi ấy có phép đức
Chúa blời, làm cho ai
nấy, chẳng lọ là thấy đi
gì đi gì mình làm, khi
[a] đang ſóũ ở thế nầy, [a] hay
là lành, hay là dữ, mà
thấy nhu thế tlước mạt
[b] bộy: [b] lại cho xem mọi
việc kẻ khác, nhu thế có
chép tlên tlán ai nấy
[c] bộy. [c] Mà kẻ lành, vì
đã làm ſự lành, đã giữ
bọn đạo đức Chúa blời,
[d] có mầng thế naò? [d] mà
lại kẻ dữ, vì đã làm ſự
lỗy, có lo buồn ſầu não
[c] làm ſao? [c] vì chẳng khứng
giữ phép đạo thánh đức
Chúa blời thì ăn năn,
mà naò có ích gì? [f] có xấu hổ chừng naò, khi thấy [f]
tội lỗi mình mở ra tlước mạt muôn vàn người ta?

[g] *Sim-*

g *Singulorum factis, tum bonis, tum malis, ab omnibus hominibus, & Angelis clarè perſpectis,* h *Iudex Chriſtus ſtatuet iuſtis, pro meritorum numero, & magnitudine, condignos beatitudinis, & gloriæ gradus:* i *improbis autem, pro peccatorum numero, & grauitate, cruciatuum magnitudinem decernet:* k *idque tanta cum ſapientia & iuſtitia,* l *vt omnes nihil meliùs, nihil iuſtiùs conſtitui poſſe perſpiciant.* m *Tum Iudex conuerſus ad iuſtos, qui ad dexteram erunt, lætiſſima fronte,* n *atque amantiſſimis verbis dicet. Venite benedicti Patris mei:* o *poſſidete paratum vobis regnum à conſtitutione mundi.* p *Deinde iniquis qui ad ſiniſtram erunt ſeueriſſimo vultu,* q *& verbis iuſtiſſima indignatione plenis, dicet:* r *Diſcedite à me maledicti*

g đến khi các người ta, cũ thiên thần đã thấy tỏ tường mọi việc lành dữ đoạn, h đức Chúa Ieſu thì đinh cho kẻ lành sự phúc đức mình, mlớn, i nhều bậy: i mà lại cho kẻ dữ, cũ định, hình chịu bao dêu, bàng tội vạ nó phạm nhều, trạo k bậy: k mà mọi sự định ấy, thậm phải mlẽ, và coũ l bàng, l cho nên hết thay thải có xem, chẳng có m gì tỏan đươc hơn: m thôi đoạn thì đức Chúa Ieſu blở mạt rứt bui, rứt tốt cũ kẻ lành, ở tay mạt, n mà nói ra đều rứt lành phán ràng: đức Cha tao khiến bay đươc mọi sự lành, hãy đến cũ tao, o mà chịu lấy phúc, trị nươc đã dọn cho bay, từ tạo thiên p lọp đia. p đoạn thì blở mạt rứt trạo, máng cho q kẻ dữ, ở tay tlái, q mà nói đều trạch xỉ vả, rứt coũ bàng, phán ra: r bay những kẻ đươc mọi sự dữ, r hãy đi cho khỏi mạt tao, mà sa xúống tlaõ lửa

in ignem æternum, [f] *qui paratus eſt diabolo, & Angeli eius.*

[t] *Iuſtiſſima & irreuocabili à Chriſto ſupremo Iudice lata ſententia*, [u] *ſtatim Angeli cum ſacratiſſima Cruce aſcendere incipient*, [x] *eodem quo è Cælo deſcenderant ordine*; [y] *ſequentur cum incredibili iubilo cæleſtes omnes legiones*; [z] *& Chriſtus Dominus, cum Virgine Matre, & immenſa Sanctorum multitudine*, [a] *ſolemniſſima pompa, atque auguſtiſſimo, & planè Diuino triumpho cælos penetrabunt.* [b] *Interim terra ad imum vſque inferni in vaſtam voraginem debiſcente*, [c] *qui ad æternos cruciatus damnati fuerint, deſcendere cogentur*, [d] *& reluctantes à dæmonibus impellentur.* [e] *conuertent ſubinde oculos, vt iuſtorum videant triumphum*, [f] *ſed nimia eorum*

vô cũ, [f] đã ſám ſửa, cho ma quỉ, và cho thiên thần làm bạn nó.

[t] đến khi đức Chúa Ieſu cả phán xét, nói mlòi phán làm bệy, mà chẳng [u] có ai cãi được, [u] đoạn thì thoát chóuc đức thánh thiên thần cầm cây rứt thánh Crux có [x] lên tlên blòi; [x] cứ bàng phép khi tlước, bồi blòi [y] mà xuống: [y] các đức thánh thiên thần mầng bội phần, lo chẳng đến, [z] mà theo bệy: [z] lại đức Chúa Ieſu, bồi đức Mẹ đồng thân, và ngườ thánh kể chẳng xiết, [a] như đánh được mọi giạc đoạn, thì trạo vạo rứt mực, như phép đức Chúa blòi, bẽaò nhà [b] thiên đàng. [b] Khi ấy đất thì mở ra làm lỗ roũ thay, cho đến dưới địa [c] ngục: [c] mà kẻ phảy hính đòi đòi, thì ép xuống, [d] [d] ví bàng có ai chẳng khứng, thì ma quỉ đuổi đi, [e] cứ có khi ngửa mạt lên, mà xem kẻ lành, rứt [e] bui bẻ làm bệy, [f] ſaõ le ſáng láng chừng ấy, mà [f]

per-

perculſi luce cæcutient ; [g] *conſiderantes verò alijs ad æternam fælicitatem aſcendentibus,* [h] *ſe ad perpetuos inferorum cruciatus ſua culpa detrudi,* [i] *quos facilè potuerant effugere, ſi Diuinæ ſe legi ſubdere voluiſſent, rectam ſequentes rationem,* [k] *amariſſimè flebunt, ingemiſcent, lamentabuntur, & præ inuidia, & rabie diſrumpentur.* [l] *Omnibus introgreſſis claudetur terræ hiatus,* [m] *& miſeri teterrimo, infeliciſſimoque carcere in omnem coërcebuntur æternitatem,* [n] *& in igne torquebuntur æterno, cum diabolo & angelis eius,* [o] *abſque vlla ſpe vnquam exeundi in æternum.*

[p] *At verò cùm primum ſapientiſſimus, iuſtiſſimus, ac potẽtiſſimus Iudex Chriſtus Ieſus,* [q] *verus Rex Regum, & Dominus Dominantium,* [r] *cum ſuis Angelis, & Sanctis, ad cæle-*

[g] chọc con mạt nó : [g] đến khi lo lại, kẻ khác có lên, chịu chui chẻ đòi đòi, [h] mà mình phải sa dưới địa ngục, chịu hình phạm tội, [i] cũ nghì xưa khỏi được nếu chịu chưng mới đức Chua bày răn, mà theo sự phải mlẽ, [k] thì khaóc, laóc than thở, cũ phàn nàn mà gẹn trách mình, cho nên lo buồn như xé ruột ra : [l] khi đã giục, mà chẽào hết, lỗ mlớn đết thì lớp lại, [m] mà những thàng dữ ếy, thì cầm ở tlaõ tù rạc, khốn nạn làm chệy đòi đòi, [n] cũ hàng chịu hình lửa vô cũ chối ma quì, và chối những thien thần dữ làm bạn nó, [o] mà chẳng có tloũ được ra bao giờ cho đến đòi đòi chệy.

[p] Saõ le đức Chúa Ieſu rứt hay biết, rứt coũ bàng, và có rứt phép phán xét, [q] làm chua tlên mọi chua, và Chúa tlên mọi Chúa, [r] khi blở tlên thien đàng có đức thánh

thien thần cũ các thánh

ſtem patriam reuerſus, [f] *ante Omnipotentis Patris conſpectum glorioſam Sanctorum multitudinem, cum ſuo quemque corpore redixiuum præſentauerit;* [t] *ſtatim eiuſdem Dei Patris iuſſu, iuxtà ſingulorum merita,* [u] *& latam paulò ante à iuſtiſſimo Iudice Chriſto de vnoquoque ſententiam,* [x] *ſuas cuique ſedes, dignitatis inſignia, & gloriæ gradus iuſtiſſima proportione diſtribuet.* [y] *Vniuersè autem Beati omnes, tum in anima, tum in corpore, tot tantorumque gaudiorum affluentia redundabunt,* [z] *vt nihil omninò deſiderandum ſuperſit:* [a] *eaque gloria perfruentur in omnem æternitatem,* [b] *abſque periculo, aut timore vllo, illam beatitudinem inenarrabilem vnquam amittendi.* [c] *Vniuſcuiuſque autem Beati, vel infimi omnium, tanta erit Maieſtas, & opulentia,* [d] *vt etiamſi omnes ſimul Reges terræ, cum om-*

Ngày thứ tám

[f] bối, [f] thưở mạt đức Cha, có phép vo củ, đam các người thánh, mà ai nấy có xác sống lại bối; [t] thức thì có lệnh đức Chúa blời, là đức Cha, ai nấy bàng phúc mình, [u] và bàng đức Chúa Iesu cou bàng, đã phán xét khi thưởc, mà [x] định đã thậm phải, [x] thì cho mỗi một ngồi ở tỏa bàng cou mình, và phủ chức có dẽấu, lại cho dui dể ai nấy báng phúc [y] làm, chi linh chi cou. [y] Sao le chung hết người thánh có chiu nhều sự dui dể đấy và thao linh hồn, và thao xác, [z] [z] cho nên chẳng còn có muấn được đi gì nữa. [a] [a] mà chiu hàng thanh nhàn làm dậy đời đời, [b] [b] chẳng còn liệu, hay là dái sốt, khi nào mất được sự hàng dui dể thanh nhàn ấy, đời đời [c] dậy. [c] Lại mỗi một người thánh dầu dưới hết, có trạo, và giầu chùng [d] ấy; [d] cho nên dù mà hết

nibus

nibus ſuis diuitijs conuenirent ad perficiendum aliquem thronum, [e] *ad infimi Beatorum throni excellentiam, & Maieſtatem pertingere non poſſent.*

[f] *Hùc ego iuſſu Regis Regum Ieſu Chriſti adueni,* [g] *vt bonum vobis nuncium afferrem, ipſiuſque nomine vos omnes ad ſuprema illa beatorum gaudia inuitarem,* [h] *viamque demonſtrarem, quam ſi volueritis tenere,* [i] *& infelicitatis æternæ cruciatus inæſtimabiles poſſitis euadere,* [k] *quibus damnati cruciabuntur in inferno, cum diabolo in æternum:* [l] *& beatitudinis inenarrabilis gaudia poſſideatis in perpetuas æternitates:* [m] *alterum enim è duobus neceſſariò vnicuique noſtrum euenturum eſt,* [n] *id atteſtante ſuprema, & infallibili veritate Dei;* [o] *eligite igitur, dum tempus habetis, ex beni-*

đua Chúa thien hạ hộp lại làm một, mà dữ hết cửa mình, làm một tỏạ cho trạo, [e] cũ chẳng đến tỏạ trạo, và tốt lành, người thánh naò, dưới hết các thánh.

[f] Thày đưng lệnh đức Chúa Ieſu, là đua Chúa tlên hết mọi đua Chúa, [g] mà đến đây, đam tin lành cho bay, mà thay vì đức Chúa Ieſu, mờ̀i bay cho được chịu đui để cả ếy, cũ các thánh, [h] và đam đàng cho, ví bàng có tỏan noi giữ đàng ếy, [i] và khỏi được hình khốn nan vô cú, [k] lo chẳng đến, nhưng hình đia ngục, kẻ dữ thì phải chịu, cũ ma quỉ đờ̀i đờ̀i: [l] mà lại chịu được đui để thanh nhàn, vô cũ đờ̀i đờ̀i, [m] mlờ̀i nói chẳng hết: [n] vì chưng tlaõ hai ſự nầy, thạt mỗi một ta, ai là ai chẳng khỏi được một, [n] vì có mlờ̀i đức Chúa blờ̀i, thạt thà vô cũ, chẳng ſai, có phán làm đệy: [o] bây giờ khi đức Chúa blờ̀i, là Chúa cả

gnitate ſupremi Numinis,
viam bonam & rectam,
P *ſcilicet dum vitæ præſen-* P
tis tempus ſupereſt, cuius
diem craſtinum nobis pol-
liceri non poſſumus. q *Er-* q
go ſi ſapitis, ſtatim acci-
pite ſcalam Diuinam,
quam demonſtrabo vobis,
r *per quam aſcendentes, ad* r
æterna cæli gaudia procul
dubio, Deo ſic promitten-
te, peruenietis, s *euadetiſ-* s
que æternos inferni crucia-
tus. t *Quis enim habitare* t
poterit de vobis cum ardo-
ribus ſempiternis?
u *Via hæc planiſſima eſt* u
Diuina lex, x *quam ab ini-* x
tio Deus Adamum docuit,
& cum illo totum genus
humanum, & rationalem
creaturam, y *per quam* y
duobus pedibus incedere
docemur ab ipſo Deo. De-
clina à malo, & fac bo-
num, z *vt nimirum, quæ* z
ſunt rationi conſona, ſecte-
mur, a *quæ verò à rectæ* a

Ngày thứ tám

nhin lành vô cũ, có cho rồi, thì hãy chọn lẽy đàng lành, và ngay, cho
P kịp, P khi hãy còn sóũ ở thế nầy, mà ta chẳng
q biết đươc, mai ta còn sóũ, hay là chang: q vì
bệy nếu có khôn, thì cầm lẽy, ta dẽn cho
r thăng thiêng đức Chúa blòi, r mà lên thăng
nầy, thạt có đến tlên
s blòi noi bui bé vô cũ, vì có mlòi đức Chúa
t blòi, phán húa bệy,
s mà khỏi hình khốn vô
t cũ ở tlaõ địa ngục. t Ai tlaõ bay có chiụ đươc hình, ở tlaõ lửa đòi đòi bệy ru?
u đàng nầy rứt phẳng
lạ đạo thánh đức Chúa
x blòi, x dẽạy oũ Adam tũ đầu hết, cũ cả và lõài
ngươòi ta, lõài hay biết
y suy mlẽ, y mà đức Chúa
blòi dẽạy ta, có hai chên đi đàng nầy, là tlánh sự
z lỗy, mà làm sự lành: z cho
nên ta thấy sự gì phải
mlẽ, thì ta theo, a mà ta xem việc gì tlái mlẽ, thì a

ratio-

rationis tramite dissonant, fugiamus. [b] *Sed quamuis hoc Diuini vultus lumen signatum sit super nos:* [c] *Quia tamen per peccata nimium fuerat offuscatum,* [d] *ideò benignissimus Dominus post bis mille, & amplius annos, ab hominum propagine,* [e] *in duabus lapideis tabulis legem suam conscribere dignatus est, quæ decem præceptis continetur:* [f] *& illam Moysi seruo suo tradere, vt illam ipse Moyses Iudæorum populum doceret, qui tunc erat populus Dei.* [g] *Attamen quia populus ille carnalis Diuinam legem iam non custodiebat, vt decebat,* [h] *misit ipse Deus filium suum Iesum Christum, qui & Diuinam doceret legem,* [i] *& ad illam seruandam nobis per gratiam suam vires etiam largiretur.* [k] *non enim venit Dominus Iesus legem soluere, sed adimplere,* [l] *vt suo nos etiam Diuino exemplo doceret illam ad-*

[b] ta tlánh. [b] Saõ le dầu sáng nầy, bởi mạt đức Chúa blời, mà in dĕào [c] tlaõ làõ ta: [c] bởi ta có tội, sáng nầy đã hàu tối, [d] mà hư đi lám, [d] nhin vì sự ấy đức Chúa blời rứt nhin lành, từ sinh lỗài người, qua hai nghìn [e] dư năm, [e] có chịu lấy hai la đá, mà ghi lại đạo thánh mình, có hết tlaõ [f] mười điều răn: [f] mà tlao cho oũ Moyse, làm tôi mình, lại khien oũ Moise dĕạy dên Iudeo, khi ấy là dên đức Chúa [g] blời. [g] Sao le vì dên ấy những yếu xác, mà đến sau chẳng còn có giữ đạo đức Chúa blời cho nên, [h] thạt đức Chúa blời có sai đức Con mình, là đức Chúa Iesu, mà dĕạy [i] đạo thánh, [i] lại cho chúng tôi gratia, là thêm sức cho chúng tôi giữ [k] đữợc đạo: [k] vì chưng đức Chúa Iesu chẳng phải đến mà phá đạo, thạt đến mà giữ bọn, [l] lại làm cho chúng toi

imple-

implere. [m] *Decem igitur* [m]
ſunt Dei præcepta, quæ à
nobis ſeruata, [n] *ſunt ſcala* [n]
tutiſſima nobis, ad æter-
nam beatitudinem conſe-
quendam in cæleſti regno.
[o] *Diuinorum autem præ-* [o]
ceptorum datæ ſunt à Deo
duæ tabulæ: [p] *prima tabu-* [p]
la nos docet quomodo ip-
ſum Deum colere debea-
mus, [q] *tum corde, tum* [q]
verbo, tum opere: [r] *atque* [r]
ideò tria ſunt primæ tabu-
læ præcepta tantum.
[ſ] *Primum eſt quo iubemur* [ſ]
vnum colere Deum, [t] *quod* [t]
ſit initio credendo in ip-
ſum, accedentem enim ad
Deum oportet credere, [u] [u]
quia ſine fide impoſſibile
eſt placere Deo: [x] *credere* [x]
igitur debemus omnibus
quæ Deus reuelauit, [y] *&* [y]
per Eccleſiam Catholicam
credenda propoſuit: [z] *nam* [z]
ipſe Deus Prima Veritas
eſt, [a] *qui nec falli poteſt,* [a]
quia omnia nouit, etiam

Ngày thứ tám

bắt chước nhin đức
người, mà giữ đạo cho
[m] bọn. [m] ấy bởi mà có
mười sự đức Chúa blời
[n] răn, ta noi giữ đấy, [n]
thạt là thăng chính, mà
cho ta lên được tlên
thien đàng, chịu bui bé
[o] đời đời.[o] Mà đức Chúa
blời có cho mlời răn
[p] tlaõ hai la đá: [p] tlaõ một
la đá có dạy ta thờ
phượng đức Chúa blời
[q] thế nào, [q] và tlaõ làõ,
và miệng nói, và mình
[r] làm, [r] vì bởi la đá thứ
nhít có ba mlời răn, mà
thoi.
[ſ] [ſ] Mlời răn thứ nhít thì
khién ta thờ một đức
[t] Chúa blời, [t] tlước hết
thì phải tin kính đấy, vì
chưng ai đến cũ đức
Chúa blời thì phải tin,
[u] [u] mà ai chẳng có làõ tin,
thì đẹp làõ đức Chúa
[x] blời chẳng được: [x] vì
bởi ta phải tin mọi mlời
đức Chúa blời truyền
[y] ra; [y] và tlao cho Eccle-
[z] sia Catholica, là các người ở tlaõ đạo, làm một: [z] vì
[a] chưng đức Chúa blời là thạt nhít, [a] mà chẳng có ai

ante-

antequam fiant, [b] *nec fallere quemquam poteſt, quia ſumma bonitas eſt.*

[b] dối được đây, vì đã biết hết, dù mà chửa.

[b] có: [b] lại đức Chúa blời dối ai chẳng được, vì

[c] Contra credere minimè debemus falſis ſectis, [d] *vt pote dæmonum inuentis, ad perdendos homines.* [c]

[c] là rứt lành. [c] Mà lại chẳng nên tin giáo dối, vì chưng giáo ấy, [d] những là chước ma qui, bày đạt, mà hại người ta.

Hinc fit vt Deum ſuper omnia timere debeamus, [f] *vt nimirum quem credimus animam & corpus perdere poſſe in gehennam:* [g] *quamuis enim Reges, & Principes viros, eorumque Guberniatores timere debeamus, & reuereri, vt paulò poſt dicemus;* [h] *Deum tamen ſuper omnes, & pluſquam omnes reuereri, & timere debemus,* [i] *tanquam ſupremum rerum, etiam hominum omnium Dominum,* [k] *à quo pendet omne bonum noſtrum, tam temporale, quam æternum.* [l] *Qui verò Deum ita ſuper omnia timet, non debet timere idola, vel dæ-*

[c] Bởi lão tin, thì mới ra lão kính dái đức Chúa blời, trên hết mọi sự,

[f] vì đã tin, đức Chúa blời bắt được, và linh hồn, và xác tlão lửa địa ngục đời đời: [g] vì chưng dầu ta nên kính dái đua Chúa, và quan cuyền trị nước thay, như blời ít nữa ta giảng ra:

[h] São le sự đức Chúa blời ta phải kính dái trên hết mọi người, [i] như Chúa cả, trên hết mọi sự, trên hết mọi người, [k] vì chưng mọi sự lành chúng tôi, và đời nầy có cữ, và đời sau chẳng cữ, bởi đức Chúa blời mà có. [l] Ai kính dái đức Chúa blời | [l] làm vậy chẳng còn có mlẽ gì, mà dái bụt, hay

mones qui in ijs ſunt, [m] *quia hi omnes, niſi permittente, aut iubente Deo,* [n] *nihil omninò poſſunt nocere, & ne capillum quidem à nobis auferre.*

[m] là mà quỉ ở tlaõ nó, [m] vì chưng mọi vật ấy, [n] nếu đức Chúa blời chẳng khiến, [n] nó chẳng làm chi đượ̣c ta, dầu một cái taóc ta, lấy chẳng đượ̣c.

[o] *Quare in Deo etiam ſuper omnia ſperare debemus,* [p] *tum quia Omnipotens eſt, tum quia Pater eſt Noſter amantiſſimus,* [q] *qui ſic dilexit nos, vt proprium filium nobis dederit in mortem,* [r] *ad remedium, & in remiſſionem peccatorum noſtrorum:* [ſ] *ſi enim proprio filio non pepercit, ſed pro nobis tradidit ipſum, cum inimici eſſemus;* [t] *quantò magis reconciliati, ſalui erimus ab ira per ipſum.* [u] *Ergo primo loco ſperare debemus à Diuina bonitate remiſſionem peccatorum infallibilem,* [x] *ſi adhibuerimus ea remedia, & eo modo, quo ipſe nobis præcipit Deus.* [y] *Prætereà remiſſione peccatorum per-*

[o] • Vì bệy ta cũ phải tloũ cạy đức Chúa blời, [p] hết mọi sự, [p] vì chưng có phép vô cùng, mà lại làm đức Cha rứt lành [q] chúng tôi, [q] có yêu chúng tôi chừng ấy, cho đến tlao Con mình chịu chết, [r] [r] mà chữa chúng tôi, và chuậc tội cho chúng tôi: [ſ] [ſ] vì chưng nếu chẳng tha đức Con mình, mà tlao vì chúng tôi, khi chúng tôi hãy còn ŏan gia cũ: [t] [t] hŏắng lọ khi đã két nghĩa cũ, khỏi lào gện đức Chúa blời, vì đức [u] Con: [u] vì bệy đầu hết ta phải tloú cạy đức Chúa blời nhin lành, thạt có tha tội cho chúng [x] tôi, [x] nếu có dữ việc, đức Chúa blời khiến dữ, lại dữ thế nào đức Chúa blời khiến dữ thì mới đượ̣c tha tội, [y] mà lại khi đã chịu tha tội, ta phải

cepta,

cepta, perſeuerantiam fi-
nalem à Diuina Miſeri-
cordia ſperare debemus,
z per quam nobis pateat in-
troitus in æternam beati-
tudinem, a quam per me-
rita quidem noſtra, ſed ex
gratia Dei, b quæ nos præ-
ueniat, & ſequatur, &
bonis operibus faciat eſſe
intentos, c ſperare debe-
mus etiam ex miſericordia
Dei. d Deinde bona quoque
temporalia, vitam, ſanita-
tem, & reliqua huius mun-
di bona, e in quantum no-
bis ſunt neceſſaria, & uti-
lia, ad ſempiternam vi-
tam in futuro ſæculo poſſi-
dendam. f Quod tamen
imprimis hoc præcepto no-
bis iniungitur, g eſt amor
ſincerus Diuinæ Boniitatis,
quam ex toto corde ſuper
omnia diligamus; h quia
omni amore dignißima eſt
propter ſeipſam, i & quia
prior dilexit nos, tantiſque
cumulauit beneficijs, etiam
immeritos: k atque ideò

tloũ cạy đức Chúa blời
nhin lành, giúp ſức cho
ta giữ blọn, cho đến
z hết hoi, z mà bệy ta
bẻào đươc noi bui
a bé đòi đòi, a thạt bới
ta có coũ, ſaõ le vì đức
b Chúa blời cho ta gratia,
b là giúp ſức, b và tlươc
mới đàng cho ta, và ſau
theo ta, lại ở cữ lien,
giúp ta, thì mới có coũ,
c c mà ta phải tloũ gratia,
ấy, bới đức Chúa blời
d nhin lành bệy: d ta lại
cạy đức Chúa blời cho
ta ſự thế nầy, ſóũ lâu,
e ſức chỗe, cữ các kì ſự
e ta dữ, e mà giúp cho ta
f đòi ſau đươc hàng ſóũ,
f bui bé bệy. f Saõ le
tlaõ mlời răn nầy nhít
g là khién ta, g kính mến
thạt đức Chúa blời, hết
h lòng tlên hết mọi ſự: h vì
chưng đức Chúa blời
i làõ lành vo cữ, tự nhiên
đã đáng mọi ſức kính
i mến: i mà lại vì đức
Chúa blời đã mến ta
tlươc, mà cho ta nhều
ſự, kể chẳng xiết, dầu ta chẳng đáng: k vì bệy ta phải | k

Deum Optimum Maximum diligere debemus pluſquam nos ipſos, [l] *pluſquam parentes, aut filios, pluſquam vitam propriam:* [m] *ita vt parati ſimus amittere omnia, vt eius amicitiam, & beneuolentiam conſeruemus,* [n] *ipſiuſque offenſam vt vitemus, omnia patiamur.* [o] *Et quãuis præcipuus Diuinæ Maieſtatis cultus in corde, & anima conſiſtat:* [p] *Cùmnamque Deus ſupremus, & infinitus ſit Spiritus,* [q] *vt nos docuit verus Magiſter, & Dominus Ieſus Chriſtus,* [r] *eos qui Deum adorant, in Spiritu, & veritate adorare oportet:* [ſ] *attamen quia corpus etiam ab ipſo habemus,* [t] *exteriorem quoque cultum illi debemus,* [u] *templa nimirum, & altaria erigendo,* [x] *in quibus illum colamus, & adoremus.*

[y] *Sunt qui dicant, eſto Deum ſuper omnia colere*

Ngày thứ tám

yêu mến đức Chúa blời rứt lành, rứt cả hơn [l] ta, [l] hơn cha mẹ, hơn con cái, hơn linh hồn [m] cho ta ſóũ; [m] cho nên ta chịu mất hết, mà ta chẳng chịu mất nghĩa [n] cũ đức Chúa blời, [n] lại ta chịu mọi ſự, cho ta khỏi mất làõ đức Chúa [o] blời. [o] Mà dẫu phép thứ nhít thờ phượng đức Chúa blời ở tlaõ làõ, và [p] tlaõ linh hồn, [p] vì chưng đức Chúa blời là tính thieng liêng cả, chẳng [q] hay cũ, [q] có mlời đức Chúa Ieſu là thày thạt [r] phán ràng: [r] ai kính lạy đức Chúa blời, thì phải kính lạy tlaõ linh hồn, [ſ] mà thạt thà: [ſ] ſaõ le vì đức Chúa blời cũ ſinh [t] ra xác ta, [t] cũ phải thờ phượng đức Chúa blời [u] bề ngõài, [u] bệy thì phải dựng đền tháng, và nơi [x] thờ, [x] để mà kính lạy thờ phượng đức Chúa blời.

[y] Có kẻ thì ràng, thờ tlên hết mọi ſự thì phải

debea-

debeamus: [z] *ſed ſub ipſo Deo, cur non erit etiam licitum idolis cultum exhibere?* [a] *ſicuti quamuis Regem, aut ſupremum quemlibet Monarcham, præ omnibus in quolibet Regno veneremur;* [b] *alios tamen ſub ipſo, duces, & Magiſtratus veneramur,* [c] *non repugnante, imò iubente ipſo Rege.* [d] *Hoc ſanè probat, non ſolum Deum eſſe colendum ſupremo cultu, qui latria dicitur:* [e] *ſed etiam ſanctos inferiori quodam cultu, qui dulia dicitur, eſſe colendos,* [f] *tanquam Dei amicos, per quos etiam Diuina impetremus dona,* [g] *& præcipuè Deiparam Virginem, quam ſub ipſo Deo,* [h] *pluſquam omnes ſanctos cultu qui hyperdulia dicitur, venerari debemus:* [i] *quia ſcilicet per eius ſanctiſſimam interceſſionem, & aliorum etiam Sanctorum,* [k] *multa debe-*

rẩy: [z] mà dưới đức Chúa blời, ſao chẳng [a] nên thờ bụt? [a] như thể dầu nước nào, có thờ đua Chúa, hay là [b] Quan cả nào tlên hết: [b] ſaõ le bề dưới, cũ kính [c] quan cuyèn, [c] mà đua Chúa chẳng những là chẳng có cấm việc ấy, mà lạy có khiến làm đẹy. [d] bởi mlẽ nầy cho [d] nên ta hay, ta phải thờ đức Chúa blời, mà lấy phép thờ nhít, gọi là, latria, là phép thờ một [e] đức Chúa blời: [e] ſaõ le dưới đức Chúa blời, cũ nên thờ các thánh, lấy phép hạ mà thờ, gọi là [f] dulia, [f] vì các thánh có nghĩa cũ đức Chúa blời, mà cầu cho ta chịu ơn [g] đức Chúa blời, [g] nhít là đức Mẹ đòũ thân, ta phải thờ dưới đức [h] Chúa blời, [h] mà phép thờ người gọi là, hyperdulia, là phép thờ tlên [i] các thánh: [i] vì chưng đức Chúa Bà có dữ rứt thánh phép, cầu cho chúng tôi, đối oụ thánh khác, [k] thì ta phải tloũ nhều [k]

mus à Diuina Bonitate ſperare beneficia, [l] *quibus meritò propter demerita, & peccata noſtra priuaremur;* [m] *ſed ob Sanctorum merita, vt pote intimorum Diuinæ bonitatis amicorum,* [n] *placatus Deus, ea nobis largitur miſericorditer.*

[o] *Sed quia idola nihil aliud ſunt, quam dæmones, Diuinæ Maieſtati rebelles, & iuſenſi:* [p] *dij enim gentium dæmonia, vel certè dæmonum figmenta,* [q] *quæ Deũ nobis placare non poſſunt,* [r] *ſed potius ad iuſtam in nos vindictam impellunt, ideò illa omnia figmenta, & mendacia, omninò abijcere debemus,* [t] *vt Deum rectè poſſimus colere, atque haberenobis propitium.* [u] *Sicuti ſi quis rebellem aliquem à Rege, atque deſertorem veneraretur,* [x] *procul dubiò Regem haberet infenſum.* [y] *Quare ſuperſtitioſum omnem cul-*

Ngày thứ tám

ơn, bởi lão lành vô cùng đức Chúa blời, [l] ví bằng coi đến tội va chúng tôi, thì thậm đáng mất ơn ấy: [m] são le vì có cuú các thánh, có nghĩa lám cũ đức Chúa blời, lão nhin lành, [n] thì đùng gện, lại thưởng, mà cho ta nhều ơn.

[o] São le vì bụt thạt là ma quỉ, đức Chúa blời ghét nó vì có ngịch cũ đức Chúa blời; [p] vì chưng hễ là bụt người ta thờ, là ma quỉ, hay là đều dối, ma quỉ bày đạt, [q] mà chữa cho đức Chúa blời làm lành cũ chúng tôi thì chẳng đượ c, [r] mà lại giục đức Chúa blời, cuú bàng, phạt chúng tôi: [t] vì bởy ta phải bỏ, hết mọi sự dối blá ấy, [t] mới thờ đức Chúa blời được cho nên, cũ được đức Chúa blời làm lành cũ chúng tôi. [u] Như thế ví bàng có ai thờ thàng ngụy naò, nghịch cũ đua Chúa, [x] thạt là mạt lão và nghịch cũ đua Chúa mà chó. [y] Vì bởy ta phải

tum

tum omninò debemus abÿ-
tere, z *atque vnum verum*
Deum, ex toto corde, &
ex tota anima, & ex om-
nibus viribus noſtris vene-
rari, & colere, a *& hoc eſt*
primum mandatum Dei.
b *Secundum eſt quo Deum*
præcipimur ore non offen-
dere, c *non temerè iuran-*
do per ipſum, d *vt enim*
iuramentum, per Deum,
vel per res Diuinas non
ſit peccatum, e *tria ſunt*
requiſita, nempè veritas,
iuſtitia, & neceſſitas: f
nam falſum iurare, ſem-
per eſt peccatum mortife-
rum: g *magna enim eſt Di-*
uinæ Mareſtatis offenſa,
ſi in re falſa, quamuis nul-
lius momenti, vocemus il-
lam in teſtem; h *hoc nam-*
que eſt facere Deum men-
dacem, vel mendacij fau-
torem, i *quod procul dubio*
grauis offenſa eſt. l *ſi etiam*
contra iuſtitiam iuramen-
tum fiat, in re quidem
graui, graue quoque pec-
catum erit, m *in re verò le-*
ui, communiter non erit

bỏ hết mọi phép giả đạo
z dối, z mà thờ phượng
một đức Chúa blời hết
lao, hết linh hồn, hết
a sức, a ấy là mlời thứ
nhứt đức Chúa blời răn.
b b Thứ hai mlời răn, thì
khiến giữ miệng, kẻo
lỗy nghĩa cũ đức Chúa
c blời, c chớ lấy tên đức
Chúa blời mà thề quái
d quá bậy, d vì cho kẻo
phạm tội khi lấy tên, hay
là sự khác về đức Chúa
e blời, e thì phải giữ ba sự
một là sự thật, hai là sự
f cou bàng, ba là sự cần: f vì
chưng hễ là thề dối hàng
g có tội trạo, g vì gọi đức
Chúa blời làm chứng sự
dối, dù mà sự bạt, thật
là lỗy nghĩa cũ đức
h Chúa blời lám: h vì
chưng sự ấy, bàng làm
đức Chúa blời gian, hay
i là yêu sự gian, i thật là
lỗy cũ đức Chúa blời
l lám: l nếu có thề sự gì,
chẳng phải cou bàng,
mà sự trạo, thì cũ có tội
m trạo; m ví bàng, mà sự
hèn, nhẽu lên chẳng phải

pecca-

peccatum graue : n *sic si sola necessitas desit, modò adsit veritas, & iustitia, vt plurimum erit peccatum leue.* o *Vota verò quæ Deo fiunt, fideliter persoluere debemus,* p *ne in Diuinæ Maiestatis offensam incurramus:* q *melius ergo est non vouere, quam vota non reddere:* r *idem dic de promissione cuicunque facta, sed iuramento firmata,* s *illam enim non exequi, est in Diuinæ Maiestatis contemptum.* t *At iurare per idola, vel per dæmones Diuinæ Maiestati rebelles, grauis est offensa Dei;* u *sic & ijsdem aliquid vouere, aut promittere, in honorem ipsorum, est graue peccatum.* x *Debemus igitur ethnicis persuadere, vt quandoquidem ipsi per suos falsos Deos iurant, quos timent:* y *nos permittant iurare per verum Deum,* z *vt potè quem nouimus Domi-*

Ngày thứ tám

n tội trạo. n Ví bàng chẳng có sự cần gì, saõ le sự thạt, và sự coú bàng, quen nên tội hèn mà o chó. o Saõ le mlòi khán, nói húa cữ đức Chúa p blòi, thì phải giữ thạt, p keó mất làõ lấy nghĩa cữ q đức Chúa blòi. q Vì chệy đừng làm mlòi khán, thì hơn chẳng đền mlòi đã khán cữ đức Chúa r blòi: r mà có nói mlòi húa cữ ai, saõ le có thêm mlòi thề cho bền, thì s cữ chệy, s vì chưng chẳng đền mlòi húa ấy, là vô phép cữ đức Chúa blòi. t t Saõ le có lấy tên bụt, hay là tên ma quỉ, mà thề, những thàng nguỵ cữ đức Chúa blòi, thì có u tội trạo, u mà có mlòi khán cữ chúng nó, hay là nói mlòi húa gì thờ chúng nó, thì cữ có tội x mlón. x Vì chệy ta phải dễỡ kẻ vô đạo; ví bàng nó lấy tên bụt nó, mà y thề, vì nó dái bụt, y thì phải cho ta lấy tên đức Chúa blòi thạt mà thề, z vì chưng ta đã hay, sóũ z

num

num vitæ, & mortis. [a] *Quodlibet tamen damnum potiùs ferre debemus,* [b] *ſiue in fortunis, ſiue in propria vita,* [c] *quam iuramentum emittere, quo falſos Deos inuocare videamur,* [d] *vel illos vitæ, aut mortis Dominos videamur agnoſcere.*

[c] *Sic etiam quælibet grauia potius pati debemus, etiam ipſam mortem,* [f] *quam Deum negare, vel fidem Chriſtianam, etiam ore tenus:* [g] *Saluator enim Noſter ſic pronunciat,* [h] *qui me confeſſus fuerit coram hominibus, confitebor & ego eum coram Patre meo;* [i] *& qui me negauerit coram hominibus,* [k] *& ego negabo eum coram Angelis Dei.*

[l] *Tertium denique præceptum, ſeu vltimum primæ tabulæ, quod ſpectat honorem Dei,* [m] *nobis iniungit, vt Dies feſtos ſanctificemus:* [n] *hoc eſt vt illis die-*

chết ở một đức Chúa blòi, là Chúa cả. [a] Sao le dầu ta phải chịu hại [b] thiệt đí gì, [b] hay là về mất của, hay là về mất [c] ſóũ mình, [c] mà chẳng chịu thề, cho nên kẻ khác [d] ngờ ta khán bụt, [d] hay là ai ngờ ta lẽy nó như làm Chúa, mà ſóũ chết ở tay nó.

[e] [e] Lại ta phải chịu mọi ſự khốn khó, dầu đến [f] chịu chết, [f] mà chớ chịu chối đức Chúa blòi, hay là đạo thánh đẽy, dầu [g] những miệng nói: [g] vì chưng đức Chúa Ieſu kóu chúng tòi, đã phán [h] bẽy, ràng: [h] ai xưng tao tlước mạt người ta, thì tao cũ xưng nó tlước đức Cha tao; [i] mà ai chối tao tlước mạt người tá, [k] thì tao cũ chối nó tlước mạt thien thần đức Chúa blòi.

[l] [l] Sau thì răn thứ ba, hay là răn ſau hết ở la đá tlước, vè việc kính [m] đức Chúa blòi, thì [m] khiến ta giữ ngày lễ lạy, là ngày ẽy, ta gọi lễ lạy bẽy, [n] thì ta [n]

bus , quos feſtos dicimus , in cultu , & veneratione Dei ſpecialiter occupemur: o *ipſo namque lumine naturæ perſpicuum eſt , aliquos dies feſtos à nobis eſſe celebrandos ,* p *in quibus tot , & tanta Diuinæ Bonitatis beneficia , nobis collata , ſpecialiùs recolamus ;* q *atque ideò illis diebus ab opere ſeruili abſtinere debemus , quod ad corpus hoc corruptibile ſpectat ,* r *ut ad negotia , quæ ſpectant cultum Dei , & animam noſtram , liberiùs & intenſiùs attendamus .* f *Quare Sancta Mater Eccleſia , ſiue illius ſupremi paſtores ,* t *qui nobis inuigilant , aliquos dies huiuſmodi feſtos iniunxerunt ,* u *præcipuè diem Dominicum :* x *ſi enim ſex dies corpori tribuimus , & negotijs ad corpus ſpectantibus ,* y *in quibus tamen ſemper aliquid Deo , & animæ tribuendum eſt ,* z *ſaltem primo mane , an-*

Ngày thứ tám phải dữ việc thờ phượng đức Chúa blời, cho nên: o vì chưng tự nhiên có sáng ở lòng ta, dẽạy ta, có ngày lễ lạy, mà giữ, p cho ngày ấy ta dó mà cám ơn mlớn, vá nhều, đức Chúa blời lòng lành vô cữ, đã phú cho ta: q vì bệy hễ là ngay ấy ta chẳng nên làm việc nhaọc, gọi là việc tôi tá, là việc về xác nầy hay nát, r cho làm bệy ta có rồi lo việc về thờ phượng đức Chúa blời, và lo việc về linh hồn ta, hết lòng, hết sức. f Vì bệy thánh Eccleſia: hay là kể cả tlaõ Eccleſia, t mà coi sóc cho ta, đã có định ngày lễ lay ấy, u nhứt là ngày Dominh, thạt là ngày đức Chúa blời: x vì chưng ta có cho sáu ngày lo sự xác, và làm việc nọ, việc kia, về xác y dầu tlaõ sáu ngày cữ phải lấy một chút, mà làm việc đức Chúa blời, z lo sự linh hồn, ít là

sớm mai sớm, khi chưa có ra làm việc xác, và ban-

tequam

tequam ad opera exeamus,
& veſperi cum ab illis re-
dimus: [a] *meritò vnum*
diem quem Dominicum
vocamus, Deo ſpecialiter
tribuimus, [b] *vt in eo Diui-*
nam Maieſtatem ſpecia-
lius colamus, [c] *& benefi-*
cia ab eius Bonitate no-
bis collata, cum grati
animi ſignificatione recola-
mus; [d] *hoc enim eſt iuſtiſſi-*
mum. Et [e] *quemadmodum*
ſupremus rerum Conditor
Deus, ſex diebus vniuer-
ſam condidit creaturam,
[f] *& requieuit ſeptimo die*
ab vniuerſo opere: [g] *ſic &*
nos ſex diebus intendamus
operi; nec patiamur otium,
quod omnium malorum
origo eſt, nobis dominari;
[h] *ſeptimo tamen die vel po-*
tius primo [i] *(quia mutatus*
eſt dies ſeptimus, qui olim
erat feſtiuus, [k] *in primum,*
qui nunc obſeruatur à Chri-
ſtianis, tanquam feſtiuus,
[l] *quandoquidem is eſt dies*

tối khi bỏi làm việc ấy
[a] mà về, [a] lại phải mlễ lấy
một ngày, ta gọi là ngày
đức Chúa blời, thật là
ta cho đức Chúa blời
[b] riêng, [b] mà ngày ấy ta
thờ đức Chúa blời,
[c] hơn ngày khác, [c] mà ta
dớ cám ơn đức Chúa
blời, và ngươi khen
đấy, vì ta đã chịu ơn
nhều, bỏi lão lành đức
[d] Chúa blời, [d] mà việc cám
ơn làm bậy thì thậm
[e] phải, [e] như thế đức
Chúa blời hóá ra mọi
sự, có sáu ngày, mà làm
[f] nên mọi lỏài, [f] đến ngày
thứ bảy thì có nghỉ, mà
chẳng có làm việc mới:
[g] [g] ta cứ như bậy, sáu
ngày thì ta làm việc vàn,
mà chớ chịu ở dưng
phũ lu, la cân nguon
[h] mọi sự dữ: [h] sao le đến
ngày thứ bảy, mà nói
hơn, thì đến ngày thứ
[i] nhít [i] (vì chưng ngày
thứ bảy đời xưa lễ
[k] lạy, thì đã đổi, [k] mà
lấy ngày thứ nhít, kẻ có đạo, bây giờ thì có
giữ làm lễ lạy, [l] vì chưng ngày thứ nhít đức

Dominicus, in quo Dominus Ieſus reſurrexit) [m] *relictis operibus ad corpus pertinentibus, Diuino cultui, & animarum noſtrarum ſaluti impenſiùs vacemus.* [n] *idemque intelligendum de alijs diebus feſtis, quæ in calendario iuxtà præceptum Eccleſiæ continentur.*

[o] *Secunda Diuinæ legis tabula, quæ nos informat,* [p] *qua ratione nos erga proximum ideſt, erga omnes homines gerere debeamus;* [q] *ſeptem præcepta continet, quæ vnico hoc præcepto comprehenduntur,* [r] *charitatis erga proximum, diliges proximum tuum ſicut teipſum,* [ſ] *ideſt vt quæ volumus vt faciant nobis homines, & nos faciamus eis:* [t] *& quod tibi fieri non vis alteri ne feceris.* [u] *debemus enim proximo velle bonum, illumque diligere,* [x] *non verbo tantum, ſed opere, & veritate,* [y] *& nullo modo nocere illi, nec in propria perſona,* [z] *nec in*

Ngày thứ tám

Chúa Ieſu đã ſống lại,) [m] ta đừng việc về xác, mà làm việc thờ đức Chúa blời, và việc về linh dồn ta cho lành, hết [n] lão hết ſức. [n] Mà ngày khác cũ là lễ lạy tlão lịch, vì có mlời răn thánh Eccleſia, cũ phải giữ như bệy.

[o] La đá thứ hai đạo thánh đức Chúa blời, [p] dẽạy ta, [p] cách nào ở cũ các anh em, là các [q] nguời ta, [q] có bảy mlời răn, mà gộp lại tlão một [r] đều răn, [r] khién ta yêu [ſ] nguời ta như bệy: [ſ] cho nên ſự gì ta muàn nguời tà làm cho ta, lại ta làm [t] cho nguời ta bệy: [t] cũ mầy chẳng khứng ai làm đều gì cho mầy, lại mầy chớ làm đều ẽy cho ai. [u] [u] vì chưng ta phải muấn lành cho nguời, mà yêu [x] nguời, [x] chẳng những là có mlời nói, lại có việc [y] làm, mà thạt thà. [y] Và chẳng khá làm hại nguời thể naò, dầu về mềnh nguời, [z] dầu về danh,

hono-

bonore, nec in fortunæ bonis, [a] *illudque nec facto, nec verbo, nec etiam voluntate interna,* [b] *quamuis non exeat ad actum; quæ omnia septem illis præceptis secundæ tabulæ continentur.*

[c] *Quartum itaque præceptum, quod in sacra pagina primum in promissione vocatur,* [d] *docet nos honorem parentibus debitum exhibere,* [e] *nomine autem parentum omnes superiores intelliguntur:* [f] *honoris autem nomine quatuor potissimum intelligenda:* [g] *amor, reuerentia, obedientia, subsidium.* [h] *Amor vt non illis malum,* [i] *sed bona omnia cupiamus, & à Deo precemur.* [k] *Reuerentia, vt nos illis subijciamus, eosque nec opere, nec verbo offendamus.* [l] *Obedientia, vt quæ licitè præcipiunt opere impleamus,* [m] *& multo magis si ea sint ad æternam salutem vtilia:* [n] *sub-*

dầu về của cải người,
a [a] ma sự ẽy hay là mình
làm, hay là miệng nói, hay
b là tlaõ lào muấn, [b] dầu
chẳng ra bề ngoài, mà
mọi sự có răn tlaõ bảy
mlòi răn ở la đá thứ
hai:
c [c] ẽy bẹy mà mlòi răn
thứ bốn, tlaõ kính đức
Chúa blòi, gọi la răn
thứ nhít, tlaõ mlòi hứa,
d [d] thì dẽạy ta thaó kính
c cha mẹ cho nên, [c] mà
hễ là kẻ bề tlên, cũ gọi
f là cha mẹ: [f] lại sự thảo
kính thì hâng có bốn
g phần, [g] là yêu mến, kính
dái, chịu lụy, giúp cho
h mọi sự. [h] yêu mến, là
chớ ghét, chớ muấn sự
i dữ cho người, [i] lại ước
mọi sự lành cho, mà câu
bẹy cũ đức Chúa blòi.
k [k] Kính dái là ở khiem
nhường cũ, mà chớ mất
lãõ người, dầu mình làm,
l dầu miệng nói. [l] Chịu
lụy là dưng phép người, mọi việc khiến ta,
m [m] mà phải mlễ, [m] huấng lọ
khi khiến ta sự, về ích cho ta lành đò̱i đò̱i: [n] mà giúp

ſidium in omnibus quibus indigent impendendum eſt,
° præcipuè ſi ſenio aut ægritudine laborant. P *ſi verò ſpirituali etiam ſubſidio egent,* q *(quod Deum nondum agnoſcant, vel ab æternæ ſalutis tramite deuient)* r *id tantò ſtudioſius impendendum, quantò animæ ſalus, quam corporis, maioris eſt momenti.*
s *Ad hoc etiam præceptum pertinet honor, reuerentia, & obedientia quæ debetur Regibus,* t *Principibus, moderatoribus, magiſtris, & maioribus omnibus, pro ſuo cuique gradu.* u *Quibus perſonis non parere in ijs quæ præcipiunt iuxtà rectam rationem* x *vel eas offendere, peccatum eſt, contra Diuinam legem:* y *grauiſſimum verò crimen contra eamdem eſt, à proprio Domino rebellare,* z *Ratio autem cur Superioribus tenemur obedire,* a *non ſolum eſt vt eorum beneficijs, & curæ quam de nobis gerunt, nos gratos exhibeamus*

Ngày thứ tám

cho mọi sự người ở có đủ
thế nào, thì phải giúp,
° nhứt là khi đã già cả,
hay là phải đau náng.
P ví bằng người còn thiếu sự về linh hồn cho
q lành, q (như thể khi cha
mẹ chưa biết đức Chúa
r bời, hay là có lạc đàng
về, cho được lành đời
đời) r khi ấy càng phải
giúp hết sức, càng việc
về linh hồn, cho lành,
thì trọng hơn việc về xác.
s Giái nầy cũ khiến sự
t thảo kính, và chịu lụy
cùa Chúa, t quan cuyền,
u thày, cũ các người bề
trên, bằng chức ai nấy
x đòi. x Mà chẳng đặng
phép bấy nhêu chức ấy,
khi khiến việc gì phải
y mlễ, x hay là lỗy nghĩa
đấy, thì có tội, phạm
đạo đức Chúa bời: y sảo
le bỏ lảo làm nguy cũ
đua Chúa mình, thạt là
có tội kức trọng, lỗy đạo
z thánh lám. z Mà mlễ
khiến ta đặng phép kể
a bề trên, a chẳng những
vì phải blả ơn người,

b *ſed*

b *Sed etiam vt in eorum*
perſona obſequamur Deo,
c *à quo, tanquam ab omnis*
dominatus fonte, poteſtas
omnis deriuatur. d *Quare*
obedire debemus ex animo,
propter Deum, e *à quo hu-*
ius obedientiæ præmium
expectamus, f *& inobe-*
dientiæ ſupplicium time-
mus.

g *Sciendum autem eſt pa-*
rentibus & alijs ſuperiori-
bus obediendum quidem
eſſe in omnibus alijs: h *ſed*
non in illis quæ Diuinis
præceptis aduerſantur: i
obediendum enim magis eſt
Deo, quam hominibus. k
Primo quia Diuina Maie-
ſtas longiſſimè maior eſt,
& venerabilior. l *Secundo*
quia Dei vindicta timen-
da eſt magis quam homi-
num, m *qui nos tantum pu-*
nire poſſunt, vel ſpoliatio-
ne bonorum, vel priuatione
vitæ: n *Deus autem præter*
iſta, æternis etiam poteſt

Ngày thứ tám 295

khi có lo coi sóc cho ta,
b lành: b mà lại cho ta,
khi nghe mlời người,
thì bưng phép đức
c Chúa blời, c là côi rễ
mọi quản trị, mọi phép
bề tlên blời đầy mà ra.
d d Vì bậy thì phải bưng
phép ấy hết lão; vì đức
e Chúa blời, e mà blời
đầy ta tloũ chịu phúc sự
f chịu lụy, f lại dái, khi
chẳng có bưng phép bề
tlên, đức Chúa blời có
bắt tội.
g g Ấy bậy mà ta phải
hay, ta nên bưng mlời
cha mẹ, và phép các kẻ
h bề tlên, sự phải mlễ; h
são le sự gì lỗy đạo đức
Chúa blời thạt là chẳng
i phải mlễ: i vì chưng
tlước thì ta phải bưng
lệnh đức Chúa blời sau
k thì bưng phép người
k ta: k nhứt là vì đức Chúa
blời tứt bề tlên, và rứt
l traõ: l hai là vì ta phải
dái phạt bởi đức Chúa
blời, hơn phạt bởi ngu-
ời ta: m vì chưng người ta phạt đước cất của, m
và phạt chết; n são le đức Chúa blời, và phạt được n

man-

mancipare ſupplicijs . • °
Tertio quia licet parentibus & Dominis plurimum debeamus , P *longè tamen plus debemus ſummo omnium parenti, ac Domino-*
rum Domino , q *ſine quo iſti nihil nobis conferre poſſunt*
r *Dei vero beneficia ſunt , & numero infinita , & magnitudine immenſa:* r *præcipuè cum Diuina illa Maieſtas* , t *pro nobis (quod nullus hominum fecit) tot probra, tot cruciatus tulerit* , u *& inæſtimabilis pretij pro nobis ſanguinem vitamque profuderit* . x *Præterea notandum eſt , ſicut hoc præcepto filij , & ſubditi iubentur obedire parentibus, & Dominis ;* y *ita iſtis viciſſim præcipi, vt filijs & ſubditis pro ſuo quique gradu conſulant* , z *eorumque curam gerant , vitia reſecent : vt Domini*

bây nhêu sự ếy, mà lại phạt đươc bắt chịu hình • đòi đòi chết vô cũ. ° Ba là vì dậu ta chịu ơn nhêu bố-i cha mẹ, cũ P bố-i ké bề tlên: P ſaõ le ơn ta đã chịu bố-i đức Chúa blò-i là Cha cả, cũ Chúa cả, tlên hết mọi q chúa, thì khác xa, q vì chưng, hễ là ơn nào ta chịu bố-i ké khác, that là bố-i đức Chúa blò-i ra hết, mà đức Chúa blò-i chẳng cho, thì ai nếy cho đí gì chẳng đư- r ợc. r Mà lại ơn đức Chúa blò-i cho ta nhêu kể chẳng xiết, cũ rứt f mlố-n vô cũ; f nhít là khi đức Chúa blò-i rứt cả t rứt trạõ, t vì chúng tôi (chẳng có ngươ-i nào làm sự ếy) có chịu xi vả, chịu nạn chùng ếy, u u cho nên đờ hết máu thánh mình ra, có giá vô cũ, mà chịu chết vì chúng tôi. x Lại phải hay, như giái nấy khiến con cái, và ké bề dươ-i, chưng mlò-i cha mẹ, và ké bề tlên: y lại cũ khiến cha mẹ, và ké bề tlên, lo mà giữ con cái, và ké bề dươ-i, ai nếy bằng chức mình, z coi sóc mà cấm sự lỗy:

commu-

communem omnium pacem, & iura tueantur; [a] *vt parentes filios bonis moribus, & præcipuè ijs, quæ ad æternam pertinent ſalutem, inſtituant.* [b] *Denique hoc præcepto includuntur omnes proximi,* [c] *vt nimirum omnibus benefaciamus, & ſubueniamus,* [d] *in eorum neceſſitatibus, ſiue ſpiritualibus, ſiue corporalibus, ſicuti nobis ſubueniri volumus,* [e] *& in extremi iudicij die, ſpeciatim de ijs exigetur à nobis ratio;* [f] *quia quod proximis benefaciamus, tanquam ſibi factum Dominus Ieſus remuneraturus eſt;* [g] *& quod illis in eorum neceſſitatibus negamus,* [h] *tanquam ſibi negatum Dominus vlturus eſt.* [i] *Quinto præcepto, Non occides, prohibetur homicidium: non autem occiſio aliorum animalium.* [k] *Quia Dominus Deus reliqua viuentia, & alias res*

kẻ làm quan thì lo cho
dên hỏà thỏận, mà ố cho
[a] ngay cũ nhau: [a] cha mẹ
thì coi sóc cho con cái
haọc sự lành, nhứt là sự
[b] về cho được lành đờ̀i
đờ̀i. [b] sau nữa giái nấy
gọp lại các người ta,
[c] [c] khíen ta làm lành cũ
[d] hết, và giúp hết, [d] khi
có thiếu gì, hay là về
linh hồn, hay là về xác
người, như thể ta mu-
[e] ấn cho người giúp ta,
[e] mà đến ngấy đức Chúa
Ieſu phán xét chung, sẽ
hỏi ta rieng sự ấy mlẽ
[f] naò: [f] vì chưng ta làm
sự gì lành cho anh em
tlaõ đạo, đức Chúa Ieſu
[g] sẽ blả coũ ấy cho, như
thể làm cho đức Chúa
[g] Ieſu: [g] mà sự gì ta chẳng
khứng giúp, khi anh em
[h] ấy phải thiếu, [h] đức Chúa
Ieſu thì phạt, như chỏi
làm cho đức Chúa Ieſu.
[i] [i] Giái thứ nam, chớ giết,
thì cấm giết người, mà
chẳng có cấm giết mu-
[k] âng chim, [k] vì chưng
đức Chua blờ̀i hỏá ra lỏài khác sóũ, cử sự khác

corporales creauit propter hominem, [l] *eique dedit facultatem animantia in suum vsum conuertendi;* [m] *ideò ista occidere non est peccatum* [n] *(nisi fortè habeant dominum: tunc enim eo inuito,* [o] *illa occidere esset contra septimum præceptum, de quo mox dicemus)* [p] *contra verò quia Dominus Deus non fecit hominem propter hominem,* [q] *sed propter seipsum, & ad suam imaginem, ac similitudinem:* [r] *ideò homicidium peccatum est grauissimum, contra ipsum Deum:* [r] *sicut si quis Principis famulum interimeret, Principem ipsum grauiter offendere censeretur;* [t] *hoc eodem præcepto prohibetur etiam mutilatio,* [u] *verberatio, & quæuis læsio corporis proximi.* [x] *Sicut enim hominem, quod Dei famulus sit, occidere non licet,* [y] *ita eamdem ob cau-*

Ngày thứ tám

[l] có xác vì người ta, [l] mà cho người ta dữ lỏai muâng chim khi có việc: [m] [m] vì bệy giết lỏài ấy [n] chẳng có tội gì, ([n] ví bàng gióũ ấy có chúa, mà chúa [o] nó chẳng cho giết, [o] khi ấy giết nó, thì lỗy giái thứ bảy, ít nửa sẽ giảng [p] giái ấy) [p] mà lại đức Chúa blời chẳng phải sinh người vì người, [q] [q] thạt sinh người vì đức Chúa blời, mà cho người làm hình tượng thieng đức Chua blời, [r] vì [r] bệy giết người là tội kực trạõ, lỗy nghĩa cũ đức Chúa blời: [r] như thể ví bàng có ai giết đầy tớ quan, thì lỗy [t] nghĩa quan ấy lám. [t] Lại giái nầy răn chớ có chạt [u] tay người, [u] chớ có đánh đòn người, cũ chớ làm hại thể nào [x] mình xác người. [x] vì chưng bởi người làm tôi đức Chúa blời, thì chẳng khá giết người, [y] cũ vì sự ấy có cấm, chớ làm hại mình người | [y]

sam

ſam, quodcunque illi malum inferre prohibemur.
z hæc tamen non obſtant, z
quin Principes, moderatores, & iudices, a *in delinquentes animaduertere,* a
iuſtoque eos afficere poſſint ſupplicio. b *Quia enim* b
omnis poteſtas à Deo eſt; c *ab eodem poteſtatem iuſtam habentibus, data cenſetur facultas malos iuſtè* c
puniendi vſque ad internecionem eorum; d *tum ne* d
eorum longiùs progrediatur iniquitas, e *tum vt illorum* e
ſupplicio, alij à criminibus patrandis abſterreantur.
f *Sextum præceptum pro-* f
hibet omnem actum venereum extra legitimum coniugium. g *Cùm enim huiuſ-* g
modi actus inſtituti ſint propter prolem, eamque legitimè educandam; h *licitus non eſt niſi actus, is* h
vnde legitima proles poſſit ſequi, i *& multò minus licebit actus, vnde proles* i
ſequi nullo modo queat.
k *legitimum verò coniu-* k
gium eſt vnius cum vna,

z thể nào. z Sáo le giái
nầy chảng có cấm đua
a Chúa, quan cuyèn, a có
phép ſuả kẻ có lỗy, mà
b phạt bàng tội nó. b Vì
chưng khi mọi phép phạt
bó-i đức Chúa blò-i mà
c ra, c ai có phép ngay
ấy bó-i đức Chúa blò-i,
cữ có phép mà ſửa ngay
kẻ có lỗy, cho đến giết
d nó, d và cho keố tội nó
e càng lâu càng nhều, e và
khi phạt nó, kẻ khác thì
dái phạm tội, mà khó-n
chệy.
f f Giái thứ ſáu thì cấm
mọi việc tà dâm, khi
chẳng phải việc ngay,
g tlaõ một bọ một chàõ: g
vì chưng khi đức Chúa
blò-i định việc ấy, cho
người ta đươ-c con cái,
mà nuei nấng cho nên,
h h việc ấy thì khá, khi có
dữ cho đươ-c con cái
i chính, mà thôi: i việc
naò tà dâm làm ra con
cái naò chẳng đươ-c, thì
k càng lỗy. k mà ſự giao
cảm cho ngay, thì phải
có một bọ một chàõ,

l *ita vt viuente coniuge, nullus possit aliam ducere:* m *quare tàm praeligamia, quàm repudium, lege Diuina sunt prohibita,* n *ab initio enim non fuit sic, vt Diuino suo nos docuit ore Dominus Iesus.* o *nam ab initio vnicam vxorem Dominus Euam dedit Adamo,* p *& is cum illa permansit vsque ad mortem, nongentis scilicet & triginta annis.*

q *Septimo praecepto prohibetur quaeuis rerum alienarum vsurpatio inuito Domino,* r *vt sunt furtum quod fit Domino inscio; rapina, quae fit per vim,* s *fraus quae fit in mercimonijs & contractibus:* t *denique quaecumque illatio damni,* u *vt si quis alienum bouem, equumue occidat,* x *vel domum alienam incendat, & similia, sunt contra hoc praeceptum.*

y *Illud etiam sciendum, non solum peccari, cum*

l l cho nên khi bạn còn sống, ai là ai chẳng nên lấy
m bạn khác: m vì bởi đạo thánh đức Chúa bời cấm, dầu lấy nhiều bợ, dầu rảy
n bợ mình, n vì chưng đầu hết chẳng có thói ấy, như miệng thánh đức Chúa Iesu đã dạy chúng
o tôi: o vì chưng đức Chúa bời đầu hết tlao cho cũ Adam, có một
p bà Eua, làm bạn, p mà cũ Adam ở cữ bà ấy, cho đến chết, là chín
tlam ba mươi năm.

q q Giái thứ bảy thì cấm lấy của gì người, khi chúa nó chẳng cho lấy,
r r như thể lấy tlộm của người, khi người chẳng hay: hay là lấy thước
f mạt, khi ép người: f hay là khi buôn bán, cữ khi
t giao đi gì mà gian; t sau nữa, hễ là làm hại của
u người thể nào, u như thể giết bò, hay là ngựa
x người, x hay là đốt nhà người, cữ làm hại sự khác, thì lỗy giái nầy
bệy. y Cữ phải hay có phạm giái nầy, chẳng lọ khi

res aliena ; aliquo ex dictis
modis aufertur, [z] *ſed etiam*
quamdiù iniuſtè retinetur
inuito Domino, vel eo in-
ſcio [a] *(quod detentio illa*
ſit eiuſdem furti continua-
tio) [b] *ita vt eiuſmodi pec-*
cata, quandiù illatum
damnum non pro viribus
reſarcitur, minimè delean-
tur.

[c] *Octauo præcepto, Non*
loqueris contra proximum
tuum falſum teſtimonium:
[d] *alienæ famæ, & bonæ exi-*
ſtimationis detractio pro-
hibetur. [e] *Alienæ autem*
famæ detrahi triplici ferè
modo contingit. [f] *Primò*
cum in iudicio contra pro-
ximum falſum profertur
teſtimonium quod eſt pec-
catum grauiſſimum, [g] *quip-*
pe quod iuſtitiæ, charitati,
& Reipublicæ bono aduer-
ſatur. [h] *Secundò cum fal-*
ſum crimen extra iudicium
imponitur, [i] *quod etiam*
graue peccatum eſt, pro cri-
minis, quod imponitur gra-
uitate, & perſonæ cui im-

lẽy cửa người thế ấy,
[z] mà lại khi gian, để
của gì ở nơi mình, mà
người chẳng khứng, hay
là chẳng hay, ([a] vì chưng
cầm lại của người làm
chậy, cũ như lẽy lien-
cũa người,) [b] cho nên
khi được, mà chưa có
sửa lại sự làm hại của
người, cũ chẳng có khỏi
tội ấy.

[c] Giái thứ tám chớ nói
chứng dối báng người:
[d] thì cấm nói hành ngư-
ời, khi làm hại tiếng
[e] người. [e] Sảo le sự nói
hành người, bủôn thì có
[f] ba gióũ. [f] thứ nhít khi
thưởc mạt quan có nói
chứng dối báng người,
[g] mà có tội kực tráõ, [g] vì
chưng có báng sự ngay,
và lẽy nghĩa cũ người,
lại lẽy phép chung ngư-
[h] ời ta. [h] Thứ hai khi bố
vạ cho người, dầu chẳng
phải thưởc mạt quan-
[i] mà tội ấy cũ trạõ hèn
bằng vạ bỏ là sự trạõ,
hèn, hay là người chịu

poni

ponitur qualitate. [k] *Tertiò cùm crimen occultum detegitur; nemo enim est qui suaveli probra diuulgari.* [l] *Præterea huius præcepti virtute prohibetur, ne qua contumelia verbo, aut alio modo proximis inferatur.* [m] *Denique sciendum est, eum qui alienæ famæ detraxit,* [n] *resarcire teneri, sicut qui alienas abstulit facultates,* [o] *solent enim homines, præcipuè nobiles, iniquiùs ferre famæ iacturam, quam opum.* [p] *Quod si quis in iudicio contra proximum falsum dixit testimonium, vnde illi secutum sit damnum,* [q] *præter famæ restitutionem, debet damnum etiam illud resarcire.*

[r] *De vltimis duobus præceptis (Non concupisces vxorem proximi tui, Non desiderabis rem alienam) aliquid dicturi,* [s] *illud prius aduertimus; Quoties Diuina lege opus aliquod prohibetur,* [t] *prohiberi etiã eiusdem operis voluntatẽ:* [u] *vt*

Ngày thứ tám

bỏ vạ ấy là người trạo hèn hệy. [k] thứ ba khi tỏ ra tội còn kín, vì chẳng có ai khứng sự mình lỗy còn kín, tỏ ra. [l] Lại giái nầy cấm chưới rủa người, hay là lỗy phép kính người, dầu miệng nói, dầu mình làm. [m] Sau nữa thi phải hay, ai đã làm hai tiếng người, [n] thì phải sửa lại cho lành, như bàng khi ai đã lấy của người, [o] vì chưng thói người ta, phít là kẻ trạo, thì lo mất tiếng hơn mất của. [p] Ví bàng có ai bỏ vạ cho người, thước mạt quan, cho nên người phải thiệt của, [q] chẳng lọ là phải sửa tiếng, mà lại phải đền của thiệt bối.

[r] Cho ta giảng hai giái sau (chớ muốn bọ người, chớ tham của người) [s] thước thì ta bảo: hễ là khi đạo thánh đức Chúa blời có cấm việc gì, [t] thì cũ cấm lão mu[u] ấn việc ey; [u] như thế

quia

quia peierare non licet, nec animo ſtatuere ſe peieraturum licebit. x *Nam radix peccati eſt in voluntate,* y *ita vt ſi libera voluntas operi, alioqui Dei lege prohibito, nullo modo conſentiat, peccatum non admittatur;* z *vt patet in amente, qui quia libera voluntate non vtitur,* a *etiamſi quid contra Dei præcepta faciat, minimè peccat.* b *Contra verò qui iudicio pollens alium, exempli gratia, occidere ſtatuit,* c *etiamſi actu non occidat, iam violauit præceptum Dei,* d *qui intimas etiam cordis cogitationes videt, & peccandi etiam voluntatem prohibet.*

e *His poſitis, licet voluntas contra quodcunque præceptum faciendi ſit peccatum;* f *præcipuè tamen cupiditas alienæ, tum coniugis, tum rei,* g *ſpeciali præcepto prohibetur;* h *quia ad hæc duo, vitiata hominis natura propendet magis, quam ad alia peccata.*

vì chẳng nên thề dối, cũ chẳng nên dẽọuc làõ thề dối. x Vì chưng cội rễ mọi tội ở tlaõ làõ, y cho nên khi ai làm việc gì, dầu cấm tlaõ mlòi đức Chúa blòi răn, mà khi làm việc ấy chẳng có chúa í, cũ chẳng có tội: z sự nầy khi ai dại thì tỏ, vì chưng khi nó làm a sự gì, a dầu phạm đạo đức Chúa blòi, cũ chẳng có tội, vì nó chẳng có b chúa í mình, b mà lại khi ai có Chúa í, ví bàng có dẽọuc làõ giết người, c dầu mà chẳng có phải giết, đã có tội, lỗy đạo d đức Chúa blòi, d coi thấy làõ đọũ thế nào, mà cấm hết blọũ làõ phạm tội.

e Sự thạt làm dậy, dầu làõ muốn làm sự gì lỗy mlòi naò răn, thì có tội: f Saõ le nhít là muốn ḍọ, hay la của người, g thì có giái riêng mà h cấm: h vì chưng lỏài người ta, đã quen sự lỗy, thì lến mê hai tội

i *Nul-*

[i] *Nullus enim, aut rarus*
eſt, qui amore homicidij
quemquam occidat, aut
amore periurij perieret. [k]
Contra verò quia homines
ab ipſa alienæ rei, vel con-
iugis cupiditate, [l] *ad fur-*
tum, vel adulterium inci-
tantur, [m] *ideò ſpeciali præ-*
cepto vtraque iſta cupidi-
tas fuit prohibenda. [n] *Quã-*
uis autẽ nono præcepto cu-
piditas quæcunque venerea
prohibita cenſeatur; [o] *ap-*
poſita præcipuè eſt cupiditas
alienæ coniugis, [p] *quod per*
adulterium, præter libidi-
nis peccatum, alteri coniu-
gi grauis inferatur iniuria.
[q] *Decimo præcepto prohi-*
betur concupiſcentia alie-
narum facultatum, [r] *quas*
duplici modo concupiſcere
contingit. [ſ] *Primò cùm*
quis eas cupit auferre.
[t] *Secundò cum quis ſimplici*
tantum voluntate illas,
vel ſimiles cupit habere.
[u] *Prior cupiditas eſt quæ*
propriè hoc præcepto pro-
hibetur; [x] *ſed poſterio-*
rem etiam fugere debemus;

[i] ếy hơn tội khác. [l] Vì
chưng có ai giết người,
bởi yêu sự giết là hỏa.
thể dối, vì yêu sự thể
[k] dối cũ là hỏa. [k] Sảo le
vì bởn người ta bởi mu-
ấn của người, hay là chọ
[l] người, [l] thì lên mê ăn
[m] tlọm, hay là tà dâm, [m]
vì chệy thì phải cấm là ỏ
muấn hai sự lỗy ếy, mà
[n] có giái riêng chệy. [n] Lại
dầu giái thứ chín thì
cấm các làỏ ước sự tà
[o] dâm, [o] sảo le nhít có
cấm sự muấn chọ ngư-
[p] ời, [p] vì chưng ai phạm
lếy chọ người, chẳng
lọ là có sự tà dâm, mà
lại có lỗy nghĩa cũ bạn
khác chối.
[q] [q] Giái thứ mười thì
cấm sự tham của ngư-
[r] ời, [r] mà sự tham nầy
[ſ] có hai gióũ. [ſ] Một là khi
ai muấn cất lếy của ngư-
[t] ời. [t] Hai là khi ai những
muấn khoũ, hay là của
ếy, hay là của khác, bàng
[u] của ếy. [u] Giái nầy nhít
thì cấm gióũ thạm tlước
[x] ếy: [x] sảo le ta cũ phải

[y] *quod*

y *quod ex nimia facultates possidendi cupiditate, mala plurima oriantur.*

z *Hæc sunt decem præcepta Diuinæ legis,* a *siue decem gradus, quibus ad æternam cælorum beatitudinem infallibiliter ascenditur:* b *quod si quis vel vnum ex his gradibus fregerit,* c *in æternam procul dubio perniciem corruet, nisi maturè resipiscat.* d *hæc autem decem præcepta omnia duobus comprehenduntur.* e *Primum est, Diliges Dominum Deum tuum ex toto corde suo, & ex tota anima tua, & ex omnibus viribus tuis.* f *Secundum, Diliges proximum tuum sicut teipsum:* g *in his duobus mandatis tota lex Diuina comprehenditur;* h *qui hanc custodierit, viuet in æternum;* i *qui neglexerit æterna morte plectetur.*

k *Qui totum hùc vsque catechismum audiuit,* l *& aliquid habet dubij, po-*

y tlánh sự tham sau nữa, y vì chưng bởi người ta hãm cho được của nhều, thì ra nhều sự lỗy.

z Nầy là mười sự răn a đạo đức Chúa blời, a hay là mười bực thang mà lên thạt tlên thiên đàng, cho được chui b bé đời đời; b ví bằng ai phạm dầu một bực c tlaõ mười ấy, c mà chẳng chừa cho kịp, thạt thì phải sa xuống khốn nạn d vô cùng. d Mà mười giái nầy hết tróm về hai ấy e mà chớ: e nhứt là kính mến đức Chúa blời, là Chúa chúng tôi, hết làõ, hết linh bổn, f hết sực. f Hai là yêu g người, như ta chệy: g hai giái nầy thì bao lại blọn đạo thánh đức h Chúa blời: h ai giữ đẩy, thì được hàng sóũ chệy: i i ai tlế nái mà chê đẩy thì phải phạt chết vô cùng. k k Ai nẩy đã nghe blót mlời giảng từ đầu hết cho đến bây giờ, l mà

est illud proponere, [m] *vel publicè, vel priuatim, prout magis ipsi placuerit:* [n] *si tamen dubium fuerit circa vxorem, vel vxores,* [o] *satiùs est vt priuatim audiatur, & statuatur cum ipso quid agendum,* [p] *differaturque baptismus, donec quod statutum est de facto compleuerit:* [q] *experientia enim docuit promissionibus istis,* [r] *nisi ante Baptismũ executioni mandentur,* [s] *post Baptismum magnam inesse difficultatem, vt vincula ista diaboli disrumpantur.*

[t] *Postquam sua vnusquisque dubia proposuerit,* [u] *ad Baptismum suscipiendum per sequentes actus disponendi sunt,* [x] *qui quoniam debent esse supernaturales,* [y] *à Diuina bonitate petendi sunt flexis genibus per Orationem Dominicam;* [z] *& per salutationem Angelicam, intercessio Beatissimæ Virginis*

Ngày thứ tám

còn có đều gì hồ nghi, thì
[m] nên hỏi, [m] hay là chung,
thưởc mặt người ta, hay
[n] là riêng, mặc người: [n] ví
bằng có hồ nghi sự một
[o] đợ, hay là đều đợ, [o] hỏi
riêng thì hơn, mà toàn
[p] cũ, làm thế nào, [p] sự
phép rửa tội thì phải
dượm đã, cho người
[q] làm rồi sự đã toàn: [q] vì
chưng đã quen thấy,
[r] mlời hứa làm chẳy, [r] nếu
chẳng làm khi ai chửa có
[s] chịu phép rửa tội, [s] đến
khi đã rửa tội rồi, mỏi
đòi tới ẽy, bỏi ma qui
đã đảo lại, thì khó lám.
[t] đến khi ai nẽy đã hỏi
đều mình hồ nghi rồi,
[u] thì phải dẽọn mình
chịu phép rửa tội, mà
làm việc nhin đức về
[x] sau: [x] sảo le vì bấy nhêu
việc ẽy khỏi sức mình,
[y] thì phải cầu cũ đức
Chúa blời nhin lành, mà
qùi gối nguyền một kinh
[z] Chúa. [z] Lại nguyền một
kinh, Aue, xin cũ rứt
thánh đòũ thấn Maria,

là đức Mẹ đức Chúa blời, cầu cho chúng tôi

Mariæ

Mariæ Dei Genitricis eſt petenda, vt ritè exerceantur; [a] ad hoc vt Catecumeni ad Baptiſmi gratiam recipiendam diſponantur.

làm việc ấy cho nên, [a] mà hễy kẻ muốn chịu đạo, dẽọn mình cho được chịu gratia, là nghĩa cũ đức Chúa blờ̀i tlaõ

[b] Singuli autem reſpondeant ad interrogata, tum ore, tum corde: [c] ſignumque dent, præter modeſtam oris reſponſionem, decuſſatis ante pectus brachijs, ſe ita habere in corde.

[b] phép rửa tội. [b] Khi hỏi mỗi một người thì thưa, và ngõài miệng, và tlaõ [c] làõ: [c] mà lại khi miệng thưa, cho có phép, cử quàng hai cánh tay tlước ngực, làm dẽấu tlaõ làõ có như hễy.

[d] Primus, eſt actus fidei, quo credant infallibili Dei veritati, [e] quæ nec falli, nec fallere poteſt, hæc reuelanti, & per Eccleſiam proponenti: [f] primò quod Deus eſt res ſpiritualis, infinita, æterna, [g] immenſa, ſapientiſſima, potentiſſima, optima, qua nihil melius cogitari poteſt; [h] vt pote primum rerum omnium principium, atque vltimus finis, [i] eſtque vnus Deus in eſſentia, & trinus in perſonis, [k] Pater, & Filius, & Spiritus ſanctus:

[d] Thứ nhít là việc tin, vì phải tin đức Chúa blờ̀i là nhít thạt, [e] chẳng có ai dối được mình, cử chẳng có dối được ai, truyền bay nhêu mlờ̀i, mà tlao cho Eccleſia, [f] dẽại ta; [f] tlước sự đức Chúa blờ̀i, là tính thiêng liêng vô cử, hàng có hễy, [g] mọi nơi mọi có, hay biết vô cử, có phép vô cử, làõ lành vô cử, chẳng có lo đến được sự gì lành hơn; [h] vì chưng là cội rễ đầu mọi sự, mà lại như bia mọi sự nữa, [i] mà có một tính đức Chúa blờ̀i, saõ le có ba ngôi, [k] là đức Cha, và đức Con, và đức Spirito Santo:

ſtus, [l] *ita vt Pater ſit verus Deus, & Filius ſit verus Deus, & Spiritus ſanctus ſit verus Deus,* [m] *non tamen ſunt tres Dij, ſed omnes tres perſonæ ſunt vnus verus Deus,* [n] *Omnipotens, Creator cæli & terræ, rerumque omnium Creatarum, tam viſibilium, quam inuiſibilium.* [o] *Pater autem à nullo procedens eſt verus Deus, & eſt verus Pater,* [p] *quia ab æterno ipſe ſolus, ſine alterius conſortio, generat filium,* [q] *cui totam ſuam Diuinam eſſentiam, per veram, & ineffabilem generationem communicat:* [r] *Filius etiam eſt verus Deus, & verus filius,* [ſ] *à Patre æterno per veram generationem, ſine matre genitus,* [t] *conſubſtantialis, coæqualis, & coæternus Patri.* [u] *Spiritus quoque Sanctus eſt verus Deus, & verus amor æternus, à Pa-*

Ngày thứ tám

[l] mà đức Cha thạt là đức Chúa blời, đức Con cũ thạt là đức Chúa blời, đức Spirito Santo cũ là đức Chúa blời, bệy; [m] sãõ le chảnh phải ba đức Chúa blời, thạt cả và ba ngôi, cũ một đức [n] Chúa blời thạt, [n] có phép vô cũ, hỡá nên blời đẻt cũ mọi sự sinh ra, dầu ta thấy đượ̣c, dầu [o] thấy chẳng đượ̣c. [o] Mà đức Cha chẳng phải bởi ai, thạt là đức Chúa blời, [p] cũ thạt là đức Cha, [p] vì chưng đời tlượ̣c vô cũ, một mính, chẳng có bạn nào, mà sinh đức Con, [q] [q] tlao blót tính đức Chúa blời cho, vì thạt có sinh đức Con, mà thể naò, mlời nói chẳng đến. [r] [r] đức Con cũ thạt là đức Chúa blời, và thạt [ſ] đức Con, [ſ] vì bởi đức Cha thạt sinh đẻ ra, mà [t] chẳng có mẹ; [t] cũ một tính cũ đức Cha, cũ mọi sự bàng đức Cha, hàng [u] có bệy cũ đức Cha. [u] Lại đức Spirito Santo thạt là đức Chúa blời, cũ thạt là yêu vộ cũ, bởi đức Cha,

tre

ere: filioque procedens, x
quo nimirum Pater & Filius se inuicem ab æterno ineffabiliter amant, y *totamque suam Diuinam essentiam Spiritui sancto ab æterno communicant:* z *tres igitur sunt Diuinæ Personæ realiter distinctæ,* a *sed hæ tres personæ non sunt tres Dij, sed vnus verus Deus;* b *quod etsi captum intellectus nostri superet, id tamen firmiter credere debemus,* c *quia Deus sic nobis de se reuelauit.* d *Creditis ne ex toto corde? Vnusquisque debet respondere verè, ac dicere.* e *Ego verè ita Credo.*

f *Itẽ credere debemus hunc vnum verum Deũ in essentia, & trinum in personis,* g *esse primum principium, & vltimum finem nostrũ,* h *qui sicuti præmia æterna largitur bonis,* i *sic æterna supplicia decernit malis. Creditis nè?*

và bởi đức Con mà ra, x là yêu, vì đức Cha, và đức Con có yêu nhau, từ đời thước vô cùng, mà đời nói chẳng đến, y mà đức Cha, và đức Con thoát ra bót tính mình, là tính đức Chúa Blời, từ đời thước vô cùng, cho đức Spirito Santo: z vì bởi đức Chúa Blời là ba ngôi, thạt ngôi khác nhau, a song le ba ngôi nầy, chẳng phải ba Chúa Blời, thạt là một đức Chúa Blời mà chớ. b Sự nầy dầu khỏi sức hay biết ta, song le ta phải tin thạt bởi, c vì đức Chúa Blời đã truyền sự mình cho ta làm bởi. d Bay có tin hết lòng chang? Ai nấy thì phải thưa thạt mà nói đi. e Tôi tin thạt như bởi.

f Lại ta phải tin thạt đức Chúa Blời có một tính, g mà có ba ngôi, h là cội rễ đầu, cùng là như bia lòng chúng tôi, i mà như thế có thưởng kẻ lành, cho chịu phúc vô cùng, i Lại cùng phạt kẻ dữ, bắt chịu hình vô cùng. Có tin thạt chang?

k By. Cre-

k ℟. *Credo verè ita esse.*
l *Præterea credere debemus unicum & verum Dei Filium,* m *Dominum Nostrum Iesum Christum,* n *propter nostram salutem æternam, humanam assumpsisse naturam,* o *& factum fuisse verum hominem, per virtutem Spiritus sancti,* p *& verè conceptum, & natum ex Beatissima Virgine Maria,* q *quæ Virgo fuit ante partum, Virgo in partu, & Virgo post partum:* r *ita ut Dominus Iesus sit verus Deus, ex Deo Patre natus ante sæcula sine matre:* s *& verus homo, in tempore natus ex Maria Virgine, sine patre.* t *Creditis ne sic verè esse?*
u ℟. *Ego sic firmiter credo.*
x *Deinde credere debemus eundem Dominum Nostrũ Iesum Christum,* y *verum Deum, & verum hominẽ, qui peccatum non fecit,*

k k Thưa ràng. Tôi tin thạt như ḋêy.
l l Ta lại phải tin một Con thạt đức Chúa blời, m là đức Chúa Iesu Christo Chúa chúng toi n cho chúng tội được lành chẳng cứ, lẽy xác, lẽy o linh hồn người, o mà làm người thạt, bởi phép P Spirito Santo, p có thạt xuống thai, mà sinh bởi rứt thánh Maria đòũ q thân, q người khi chưa có để thì đòũ thân, khi đang để cứ đòũ thân, mà khi để đoạn cứ còn r đòũ thân. r Cho nên đức Chúa Iesu thạt là đức Chúa blời sinh bởi đức Chúa blời là đức Cha đời trước vô cứ; f mà vô mãu: f lại là người thạt, có sinh ở thế bởi Maria đòũ thân, mà t vô phụ. t Có tin thạt làm ḋêy chang?
u u Thưa ràng. Tôi tin thạt như ḋêy.
x Sau ta phải tin, cứ một đức Chúa Iesu, là Chúa chúng tôi, y thạt là đức Chúa blời, cũ là người thạt, mà chẳng có tội gì được sốt,

z pro-

z *propter peccata noſtra fuiſſe Crucifixum, & mortuum in Cruce,* a *vt nos à peccatis, & à morte æterna liberaret;* b *quamuis enim in forma Dei eſſet impaſſibilis, & immortalis;* c *in forma hominis verè paſſus, & mortuus eſt pro nobis.* d *Creditis ne verè ita eſſe?*

e *℟. Credo firmiter ita eſſe.*

f *Inſuper credere debemus, eundem Dominum Noſtrũ Ieſum Chriſtum,* g *ſicuti propria voluntate animam ſuam poſuerat, & verè mortuus erat:* h *ſic tertia die propria virtute reſurrexiſſe à mortuis,* i *& poſt varias apparitiones diſcipulis factas,* k *quadrageſimo die à reſurrectione admirabiliter in cælum aſcendiſſe, in oculis diſcipulorum ſuorum,* l *& iam regnare viuum in cælis, ac omnem habere poteſtatem in cælo & in terra:* m *& in fine*

z vì tội chúng tôi, đã chịu đáo đanh, mà chết
a tlên cây Crux, a ꝺệy kó-u chúng tôi, cho đư-
ợc khối tội, khối chết
b vô cữ: b vì chưng dầu đức Chúa Ieſu, ta lüân
có tính đức Chúa blờ-i, chẳng chịu đí gì khôn-
đư-ợc, cữ chẳng có chết
c đư-ợc; c mà ta lüân tính
ngư-ợ-i, thạt là đã chịu
nạn, và chịu chết vì chúng
d tôi. d Có tin thạt làm-
ꝺệy chang?
e e Thưa ràng: tôi tin thạt
như ꝺệy.
f f Sau nữa ta phải tin, cữ
một đức Chúa Ieſu; là
g Chúa chúng tôi, g như
mạc í mình, đã cho linh
hồn mình ra khối xác,
mà thạt mình đã chịu
h chết, h cữ đến ngáy thứ
ba, dữ ſức mình, đã lại
ſóü lại, bở-i tlaõ kẻ chết,
i i mà hiện ra nhều lần cữ
k đải tớ đở-ạn, k từ ſóü
lại đến bốn mư-ơ-i ngày,
tlư-ớ-c mạt đải tớ, ſự lạ,
l thì lên blờ-i, l chịu chức làm ꝺua Chúa tlên blờ-i tay
m mình có mọi phép, dầu tlên blờ-i, dầu dư-ớ-i đết: m đến

mun-

mundi venturum esse tum gloria iudicare viuos, & mortuos: n *tunc enim daturus est præmia æterna bonis,* o *corpus, & animam illorum in æternum beando;* p *& malis similiter irrogaturus est supplicia æterna,* q *corpora simul, & animas eorum æternis inferni ignibus addicendo.* r *Creditis ne verè ita esse?* s *Rſ. Credo firmiter ita esse.* t *Denique credendum quicquid credit Sancta Catholica & Apostolica Ecclesia,* u *quæ est congregatio fidelium omnium Christianorum;* x *sub vno Summo Pontifice Romano, Iesu Christi Domini Nostri supremi pastoris Vicario, & Beati Petri successore, toto orbe diffusa.* y *Creditis ne verè ita esse?* z *Rſ. Credo verè ita esse.* a *Secundus est actus timoris Dei, & Domini Nostri Iesu Christi;* b *quem timere debe-*

Ngày thứ tám

khi hết thế lại xuống sáng láng, phán xét kẻ sóu, và kẻ chết; n vì chưng khi ấy có thưởng kẻ lành o chịu phúc vô cũ, o cho và xác, và linh hồn kẻ lành ấy đời đời: p mà lại phạt kẻ dữ chịu q hình vô cũ, q bắt và xác, và linh hồn nó ở tlaõ lửa địa ngục đời đời ấy. r Có tin thạt làm ấy chang? s Thưa ràng: tôi tin thạt như ấy. t Sau hết thì phải tin mọi mlời truyền ra bởi thánh Ecclesia Catholica Apostolica, u là các bốn đạo đức Chúa blời, x ở kháp thien hạ, x hộp làm một dưới ọũ thánh Papa ở nước Roma, làm thày cả tlên, thay vì đức Chúa Iesu, theo đòi oũ thánh Pedro như ấy. y Có tin thạt làm ấy chang? z Thưa ràng: tôi tin thạt như ấy.

a Việc thứ hai, là kính dái đức Chúa blời, cũ đức Chúa Iesu là Chúa chúng tôi, b mà ta phải dái đẽy

debe-

debemus ſuper omnia ,
[c] *qui non ſolum habet po-* [c]
teſtatem vitæ & mortis
huius ſæculi , [d] *ſed etiam* [d]
poſtquam occiderit, poteſt
animam, & corpus perde-
re in gehennam, [e] *æternis* [e]
inferni ignibus rebelles, &
inobedientes addicendo, [f] [f]
& combuſtioni, ac crucia-
tibus æternis. [g] *Timetis ne* [g]
ſic Dominum Ieſum ſuper
omnia.
[h] *℟. Timeo ſic ſuper omnia.* [h]
[i] *Tertius eſt actus ſpei, quo* [i]
per merita Domini & Sal-
uatoris Noſtri Ieſu Chriſti,
[k] *ſperamus à Diuina miſe-* [k]
ricordia, nobis promitten-
te, remiſſionem peccato-
rum omnium, [l] *ſi ea me-* [l]
dia, quæ ipſe nobis ex gra-
tia ſua miſericorditer lar-
gitur, adhibuerimus, [m] [m]
nempe veram pœniten-
tiam, & receptionem ſa-
cramentorum, [n] *quæ Do-* [n]
minus Ieſus præcipit, &
ſunt in poteſtate noſtra,
maturè recipere. [o] *Spera-* [o]
tis ne hoc modo à Deo re-

[c] hơn mọi sự, [c] vì chưng
chẳng lọ là sống chết đời
[d] nầy ở tay người: [d] mà
lại khi đã giết rồi, thì
bắt được ở tlaõ tù rạc
địa ngục và xác, và linh
[e] hồn, [e] bẻy khiến kẻ
nghịch ở tlaõ lửa am-
[f] phủ, [f] mà chịu đốt, và
hình khác nữa đời đời
[g] bẻy; [g] Có kính dái làm
bẻy đức Chúa Ieſu tlên
hết mọi sự chang?
[h] [h] Thưa ràng: tôi kính
dái đức Chúa Ieſu làm
bẻy, tlên hết mọi sự.
[i] [i] Việc thứ ba là tloũ cậy:
vì có coũ đức Chúa Ieſu,
là Chúa kớu chúng tôi,
[k] [k] thì phải cậy đức Chúa
blời nhìn lành, có khiến
tha mọi tội vạ chúng
[l] tôi, [l] nếu chúng tôi có
dữ việc đức Chúa blời
thưởng, và giúp sức cho
[m] chúng tôi dữ, [m] là việc
chính ăn năn tội, mà chịu
[n] phép Sacramento, [n] là
phép đức Chúa Ieſu phán
chịu, và ở ta chịu được,
[o] mà chịu cho lọp. [o] Có

missionem peccatorum?

P R/. *Spero hoc modo.*

q *Præterea sperare debemus à Diuina misericordia vitam æternam in cælis,* r *per merita Iesu Christi Saluatoris Nostri,* s *& nobis dandam, ex gratia & promissione Dei, si tamen nos Diuinæ gratiæ cooperauerimus.* t *Speratis ne vitam æternam eo modo à Diuina misericordia vobis dandam?*

u R/. *Spero vitam æternam eo modo dandam.*

x *Denique sperare debemus omnia temporalia nobis necessaria ad vitam hanc transigendam,* y *vt deinde vitam consequamur æternam, à Diuina etiam Bonitate, quia sic promisit:* z *sed præcipuè auxilia Diuinæ gratiæ per merita Christi, vt Diuinam legem custodire possimus vsque ad finem vitæ, sunt nobis à misericordia Dei sperandа.* a *Speratisne*

Ngày thứ tám

tlou cậy tha tội, bởi đức Chúa blời chệy chang?

P P Thưa ràng: Tội tlou cậy như chệy.

q q Lại ta phải cậy đức Chúa blời nhin lành, cho chúng tôi hàng sóu chệy

r tlên blời, r vì có cou đức Chúa Iesu, đã kóu chúng

s tôi, s mà lại có mlời đức Chúa blời cho ta chịu ơn giúp sức cho chúng

t toi, nếu ta có dữ sức mình chói. t Có hàng sóu chệy, bởi đức Chúa blời cho chúng tôi làm chệy; Có tlou cậy thế ấy chang?

u u Thưa ràng: Tôi tlou cậy háng sóu làm chệy.

x x Sau hết thì phải tlou cậy mọi sự thế nầy ta

y dữ khi hãy còn sóu, y cho thế sau ta đến hàng sóu chệy, bởi lão lành đức Chúa blời, vì khiến cho

z chệy: z nhứt là tlou cậy đức Chúa blời nhin lành, cho gratia, là sức cho chúng tôi được giữ đạo thánh đức Chúa blời, cho đến blọn đời,

vì có cou đức Chúa Iesu. a Có tlou cậy bây nhêu sự

a *hæc*

hæc omnia à Diuina miſericordia?

[b] ℟. *Spero & confido eo modo.*

[c] *Quartus actus eſt amoris Dei ſuper omnia:* [d] *Quia ſcilicet Deus eſt infinitè perfectius,* [e] *& bonus, omnem bonitatem in ſe uno perfectiſſimè continens, atque ideò omni amore digniſſimus.* [g] *Amatis ne Deum ſummè bonum, ſuper omnia amabilia?*

[h] ℟. *Amo Deum eo modo.*

[i] *Quia tamen verus amor non in verbis, ſed in operibus conſiſtit;* [k] *& ipſe Dominus Ieſus aſſerit; ſi quis diligit me mandata mea ſeruabit;* [l] *ideò probatio dilectionis, exhibitio eſt operis,* [m] *debemus ergo ſi Deum verè diligimus, firmum habere animum ſeruandi omnia mandata Dei cum eius gratia uſque ad finem vitæ.* [n] *Habetis*

nầy bởi lão lành đức Chúa blời chang?

[b] Thưa ràng: Toi tloũ cậy như ḅệy.

[c] Việc thứ bốn, là lão kính mến đức Chúa blời tlên hết mọi sự, [d] vì chưng đức Chúa blời blọn vô cữ, và lành vô củ, [e] tlaõ một mình gồm hết sự lành, rứt blọn: [f] vì ḅệy đức Chúa blời đang chịu mọi lão hết sức kính mến đức Chúa blời. [g] Có kính mến đức Chúa blời rứt lành tlên hết mọi sự lành chang?

[h] Thưa ràng: Tôi kính mến đức Chúa blời như ḅệy.

[i] Saõ le vì mến thạt chẳng phải là mlời nói, thạt là việc làm mà chớ: [k] lại có mlời đức Chúa Ieſu phán ràng: ai mến tao, thì giữ mlời tao răn: [l] vì ḅệy cho ra thạt lão mến thì phải có việc làm.

[m] Nhin vì sự ấy, nếu tạ kính mến đức Chúa blời cho thạt, thì phải dẹ̆ọuc lão giữ hết mlời răn, đức Chúa blời giúp sức, cho đến chết. [n] Có dẹ̆ọuc lão

ne huiuſmodi animum?

° *Ry. Habeo huiuſmodi animum.*

P *Quintus denique actus eſt dolor intimus de peccatis, & deteſtatio ſuper omnia deteſtabilia,* q *quia ſunt offenſa Dei ſuper omnia dilecti,* r *quem tot titulis ſuper omnia diligere debueramus,* ſ *à quo tot, & tanta beneficia ſine numero accepimus:* t *præcipuè quia ipſe Deus pro nobis homo factus, tam dira tulit in Cruce uſque ad mortem, propter peccata noſtra.*

u *Igitur ex toto corde conteri & dolore debemus,* x *quia tam atrociter peccatis noſtris Diuinam læſimus bonitatem, quam colere debueramus.* y *hic iterum exhibenda eſt imago Ieſu Chriſti Saluatoris noſtri è Cruce pendentis,* z *vt vnuſquiſque intimum quem de peccatis ſuis dolorem concepit, intimis ſenſibus aperiat,* a *proferens quæcunque*

Ngày thứ tám

làm ḅệy chang?

° ° Thưa ràng: Có dẽọuc làõ làm ḅệy.

P P Việc thứ nam ſau hết là lo buần tlaõ làõ vì đã phạm tội, mà ghét nó, tlên hết mọi ſự phải ghét,

q q vì tôi là lỗy nghĩa cũ đức Chúa blời, ta kính mến tlên hết mọi ſự,

r r mà có nhều mlễ ép ta

ſ kính mến làm ḅệy, ſ như thế ta là kẻ đã chịu ơn nhều bởi đức Chúa blời

t kể chẳng xiét: t nhứt là vì đức Chúa blời ra đời làm Con người, mà đã chịu nạn chùng ếy, tlên cây Crux, cho đến chết, vì tội chúng tôi.

u u Vì ḅệy ta phải ăn năn

x x ſầu não hết làõ, x vì ta đã phạm lỗy gia giét cũ làõ lành đức Chúa blời, thay vì phải thờ phượng

y đức Chúa cả. y đây thì phải lếy ra lại ảnh đức Chúa Ieſu chữa chúng toi, đáo đanh tlên cây

z Crux, z mà ai nấy ăn năn tội tlaõ làõ thế naò, thì tỏ ra hết ſức, a mà có ſầu não ăn năn tlaõ làõ thế naò,

a

ſugge-

ſuggeret mens, & affectus.

[b] *Interrogandi poſtea ſunt omnes, an verè ita doleant ſuper omnia, quod Diuinam Bonitatem infinitam offenderint?*

[c] Rſ. *Doleo illo modo.*

[d] *Sed quia vera pœnitentia, non ſolum præterita peccata plangit;* [e] *ſed etiam plangenda non reiterat:* [f] *ideò ſtatuere debemus, grauia quæuis, & aduerſa potius pati, etiam ipſam mortem,* [g] *quam amplius Diuinam Bonitatem infinitam offendere.* [h] *habetis ne firmum huiuſmodi animum?*

[i] Rſ. *Habeo firmum huiuſmodi propoſitum.*

[k] *Dimittendi tunc ſunt omnes, vt priuatim vnuſquiſque ſua peccata plangat, ſaltem per vnam noctem,* [l] *veniamque ſuorum peccatorum à Diuina Bonitate humiliter petat* [m] *per merita Paſſionis & mortis*

cũ nguyện bề ngoài như ḍệy. [b] Sau thì phải hỏi hết, thạt có lo buồn ăn năn tlên hết mọi sự lo, vì đa lỗy nghĩa cũ đức Chúa blời lảo lành vô cũ, thạt có lo làm ḍệy chang?

[c] Thưa ràng: Tôi lo buồn ăn năn như ḍệy.

[d] Saõ le vì ăn năn thạt chẳng những là lo buồn khaóc laóc vì tội đã phạm thưóc, [e] mà lại chẳng có phạm nữa đều nên khaóc laóc thề ếy: [f] vì ḍệy ta phải dẽọuc một lảõ, chịu đí gì đí gì khốn nạn, dầu đến chết, [g] mà chẳng chịu nữa lỗy nghĩa cũ đức Chúa blời, lảõ lành vô cũ. [h] Có dẽọuc thạt lảõ làm ḍệy chang?

[i] Thưa ràng: Tôi dẽọuc thạt lảõ như ḍệy.

[k] đỡạn mọi việc ếy, thì cho về hết, mà ai nếy thì khaóc laóc, ăn năn tội mình riêng, ít là một đem, [l] mà khiem nhường cầu cũ đức Chúa blời nhin lành tha tội cho, [m] vì có coũ đức Chúa Ieſu, đã chịu

ſacra-

ſacratiſſimæ Saluatoris Noſtri Ieſu Chriſti, [n] *& per Interceſſionem Beatiſſimæ Virginis Mariæ Dei Genitricis, & omnium Sanctorum,* [o] *ieiunantes, & orantes, vt ſequenti die paratiores,* [p] *ad ſacrum Baptiſmi lauacrum accedant, qui nullo detinentur impedimento;* [q] *ideſt qui iam idola omnia non ſolum à corde, ſed etiam domo abiecerunt, qui domus ſunt Domini.* [r] *Qui nullum proximis malum volunt, nec rixas in corde fouent,* [s] *ſed potius inimicis omnibus & pepercerunt, & ſatisfecerunt iniurijs iniuſtè illatis.* [t] *Qui vnam tantum vxorem habent, quæ verè ſit legitima vxor: vel ſi ſunt mulieres coniugatæ, an ſint veræ vxores, alioquin ante Baptiſmum petere debent libellum repudij.* [u] *Denique ſi non tenentur ære alieno, quod ſtatim*

Ngày thứ tám

[n] nạn, chịu chết, kớu chúng tôi: [n] lại xin cứ rứt thánh đòũ thân đức Chúa bà Maria, là đức Mẹ đức Chúa blòi, và lại xin cũ các thành cầu [o] cho; [o] cũ ăn chay, và nguyền, cho mai ſau đã dẽọn mình nên hơn, [p] [p] mà chịu phép thánh rửa tội, là kẹ chẳng có đều gì trở việc thánh [q] ếy: [q] vì đã bỏ hết bụt đi, chẳng lọ bỏi làõ, mà lại kể làm chúa nhà, cũ đã phá đi bỏi nhà [r] mình bôi: [r] cũ chẳng còn có ước sự gì dữ cho ai, và chẳng còn có tlaõ [s] làõ gẹn giủy gì ai, [s] mà lại đã tha cho hết ŏan gia, và có làm sự gì lỗy nghĩa cũ ai, đã đền bàng, [t] mà đã làm lành cũ; [t] lại có một bợ chính mà thôi: ví bàng là đần bà có chàõ, cho nên bợ thạt chàõ ếy, nếu chẳng phải bợ thạt, thì phải xin chữ để tlước, khi [u] chưa có chịu phép rửa tội. [u] Sau hết cũ chẳng có mạc

perſol-

perſoluere poſſint . x hæc enim quatuor hominum genera regulariter non ſunt ad Baptiſmum admittenda , donec impleant quæ pollicentur : y experientia enim me docuit in illis Ethnicorum terris, Cathecumenos ex Baptiſmi deſiderio multa polliceri, z quæ niſi ante Baptiſmum fiant , poſt Baptiſmum receptum , executioni minimè mandant ; præſertim quod ad concubinas ſpectat . a hæc ante Baptiſmum ordinariè docenda videntur , ad maiorem Dei gloriam .

nơ gì ai, mà blả đươc bẽy giờ . x Vì chưng bổn gióũ nầy , buản chẳng khá cho chiụ phép rửa tôi , cho đẽn khi đã làm rồi mlờ-i ẽy nói hứa : y vì chựng ta thấy , nước chưa có đạo ẽy , kẻ đã nghe giảng, mà dẽọn chiụ đạo, có nói hứa nhẽu sự , khi muẩn chiụ phép rửa tội , z ví báng chẳng làm khi chưa có chiụ phép ẽy , đẽn khi đã chiụ rửa tội rồi, chẳng có làm viẹc ẽy , nhít là a kẻ mạc ḍợ mọn . a bây nhêu sự nầy bủân thì phải giảng cho ngươ-i ta , khi chưa có chiụ phép rứa tội , cho danh đức Chúa blờ-i cả sáng hơn .

FINIS.

Errata

Errata corrige.

In principio ma, corrige mà. pag. 5. lin. 2. ſưc, cor. ſức: lin. 12. kièm, kiém: ſoú, ſóú. l. 13. vie, việc. p. 6. 27. uó, nó. 10. 27. kốn, khốn: 28. khói, khới. 11. 29. bựt, bụt: 31. rang, ràng. 13. 19. tù, tự. 14. 18. lay, lạy: 21. éi, ếy. 15. 4. cách, các. 25. 10. phat, phạt: 15. thành, thánh. 26. 15. chiu, chịu. 27. 20. thit, thịt. 28. 12. ngót, ngọt. 29. 1. bơi, bới. 32. 20. blá, blá. 33. 14. cức, cực: 16. cức, cực. 34. 21. dẽam, dẽám. 35. 31. nhêu, nhều. 37. 5. bỏi, bới: 17. lêy, lếy: 26. chứng, chưng. 38. 3. đầu, đâu. 39. 11. mính, mình: 24. la, là. 40. 6. eòn, còn: 20. chảnh, chảng: 23. đêu, đều: 26. bêy, bệy. 41. 20. vá, và. 42. 8. viee, việc. 43. 7. thính, tính: 24. rựt, rứt. 44. 6. nhữug, nhưng. 45. 18. buấn, buân. 46. 6. ſinh, tính: 18. côn, còn: 19. ỉ, í. 47. 32. khôn, khốn. 48. 33. ſư, ſự. 49. 5. nhêu, nhều. 50. 7. thùang, thứâng: 19. nhều, nhêu: 28. mênh, mềnh. 51. 3. thính, tính: 7. lêy, lếy: 19. nơi, nơi. 52. 30. đần, đầu. 55. 31. dẽon, dẽọn. 57. 8. ké, kế. 10. lõi, lỗi. 60. 14. thín, tính: 33. thành, thánh. 61. 6. kế, kế. 62. 16. idem 64. 2. ſực, ſức: 3. chiu, chịu. 67. 20. gọi, gọi. 68. 2. bới, bởi. 71. 13. rau, rau. 72. 6. mlới, mlời. 73. 23. thành, thánh: 31. phếp, phép: 32. tù, tư. 74. 3. oủ, oũ: 27. blài, blái: 30. phu, phú. 75. 3. chảug, chảng: 7. thât, thạt: 8. phàm, phạm: 23. cứ, cữ. 24. idem. 76. 19. ban, bạn. 80. 25. ſự, ſư: 27. tù, tự. 82. 30. ngich, nghịch. 83. 26. đên, đến. 84. 32. đừc, đức. 85. 2. o, ổ: 15. gường, gương. 86. 23. blà, blá. 88. 8. muân, muấn. 89. 17. cây vả, ficus. 90. 9. ấn, ẩn: 21. ngịch, nghịch. 92. 3. idem: 6. idem: 29. truyẹn, truyền: 31. đẽ, dể. 95. 4. ngịch, nghịch: 9. đần, đàn. 98. 11. thầng, thàng. 99. 8. thoi thòi. 100. 31. đò̀i, đợi. 101. 24. hồn, hồn. 103. 1. còn, con. 104. 25. đầng, đàng: 32. Như, Nhu. 105. 20. lệy, lếy. 106. 32. mềnh, mềnh. 111. 1. dạ, dại. 112. 13. ngôền, nguôn. 113. 2. ninh, nhin. 114. 18. lam, làm. 116. 9. tù, tự. 119. 21. naó, naò. 122. 14. me, mẹ. 125. 23. dối, dối. 126. 11. tlai, tlái. 128. 12. hợn, hơn. 129. 1. hồn, hồn.

hồn 130. 1. còn, con. 133. 7. rữa, rửa: 10. tlaõ, tlao. 134. 3. lai, lại. 138. 20. guêng, guơng: 29. anh, ánh. 139. 24. đuc, đức: 32. nguền, nguồn. 140. 17. thội, tội. 141. 14. lŏện, lüân: 18. thầnh, thần. 142. 20. lŏên, lüân. 143. 26. tôi, tội. 152. 10. dưt, đứt: 30. hŏa, hŏá. 153. 4. thân, thần: 25. dể, để. 155. 9. che, chế. 158. 10. hớ, hở: 25. thành, thánh. 159. 21. tlểy, tlểy. 162. 7. đầu, đần. 193. 2. nhưâng, nhưỏng 171. 27. idem. 173. 1. khien, khién: 30. Simeao, Simeon. 175. 21. che, chê: 29. idem. 176. 4. hên, hèn: 7. hồn, hồn: 16. dết, đứt: 19. tử, ểy, corrige tử ểy. 177. 4. kip, kịp: 28. cữ, cũ. 178. 11. ấn, ấn: mít, mịt. 179. 5. đên, đến. 182. 3. kế, kể: 17. dỏ, dễõ: 22. đem, đêm. 184. 16. hait hóũ, hai thóũ. 185. 17. chửa, chữa. 186. 7. ở, hở: 20 idem. 187. 7. idem: 8. khi, chi: 11. ở, hở: 17. lám, làm. 189. 26. idem. 190. 20. dễỏ, dễõ. 193. 6. blạt, blẹt. 195. 23. rồi, tồi. 196. 7. đả, đã. 198. 13. là, lạ. 201. 30. sư, sự. 203. 7. bón, bồn: 10. chửa, chữa. 208. 17. bỏ, bỏ: 19. giửa, giữa. 211. 8. dĕam, dĕám: 32. bòũ, bóũ. 212. 21. xể, xổ. 216. 22. chửa, chữa. 221. 2. trở, trõ. 222. 3. đánh, đanh: 18. chui, chùi. 223. 24. làm, lăm. 224. 13. chang, cháng: 17. thầy, thấy. 227. 3. chìa, chia. 228. 31. che, chê: 32. idem. 229. 18. là, lạ. 230. 21. lọ, lo: 23. che, chê ở. 25. đưòi, đưới. 231. 9. đên, đến: 24. blâi, blái. 232. 1. càm, cầm. 233. 10. đánh, đanh. 235. 15. che, chê: 24. côi, coi. 236. 8, lậ, lạ: 8. xòt, xót. 238. 12. chảnh, chảng. 239. 17. chứa, chửa: 29. lam, làm. 240. 7. chết, chết. 241. 21. lía, lìa. 242. 1. thi, thì: 5. chưa, chửa: 8. ngững, những: 12. blả, blá. 243. 3. bói, bồi: 29. thoi, thôi. 245. 2. nối, nói: 23. 24. đoặn, đŏạn. 246. 22. đánh, ấn, đánh ấn: bua, bùa. 249. 1. đền, đến: 14. đen, đến. 251. 23 lợp, lớp. 255. 17. laõ, làõ: 28. ngọái, ngŏài. 256. 4 khì, khi: 11. va, vạ. 257. 31. quể, qué. 259. 1. truyền, truyẹn: 11. ngầy, ngày: 14. bêào, bĕao: 28. giác, giạc. 260. 26. che, chê: 261. 22. rao, cao. 263. 13. thể, thể. 265. 7. hét, hết. 266. 12. phan, phán: 25. phàn, phán. 269. 5. nhìt, nhít. 271. 23. ngôi, ngồi. 274. 26. đia, địa. 292. 18. ta như, như ta. 297. 32. khác sóũ, các sóũ. 304. 10. là õ, làõ. 316. 29. đáo, đáõ. 317. 31. đem, đêm.

10347734

10347734

10347734